

TẠNG LUẬT

TẬP YẾU

TẬP HAI

TẠNG LUẬT

TẬP YẾU

TẬP HAI

Kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán,
đáng Chánh Biến Tri!

CÁC CÂU HỎI VỀ BỘ HỢP PHẦN¹

1. Tôi sẽ hỏi về sự tu lên bậc trên với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội (được đề cập) ở những câu văn cao quý? – Tôi sẽ trả lời về sự tu lên bậc

¹ *Khandakapucchā*: có ý nghĩa là ‘các câu hỏi về bộ *Khandhaka*,’ tức là các câu hỏi về bộ *Hợp Phần* gồm có *Đại Phẩm* và *Tiểu Phẩm*.

trên với phần mở đầu và phần trình bày. Có hai loại tội ¹ (được đề cập) ở những câu văn cao quý.

2. Tôi sẽ hỏi về chương *Uposatha* với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội (được đề cập) ở những câu văn cao quý? – Tôi sẽ trả lời về chương *Uposatha* với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội ² (được đề cập) ở những câu văn cao quý.

3. Tôi sẽ hỏi về chương Vào Mùa Mưa với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội (được đề cập) ở những câu văn cao quý? – Tôi sẽ trả lời về chương Vào Mùa Mưa với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội ³ được đề cập) ở những câu văn cao quý.

4. Tôi sẽ hỏi về chương *Pavāraṇā* với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội (được đề cập) ở những câu văn cao quý? – Tôi sẽ trả lời về chương

¹ Hai loại tội: Ngài Buddhaghosa giải thích là tội *pācittiya* 65 về việc cho tu lên bậc trên người chưa đủ 20 tuổi, thầy tế độ phạm tội *pācittiya*, các vị còn lại phạm tội *dukkaṭa* (VinA. vii, 1318).

² Ba loại tội: là tội *thullaccaya* cho các vị có dự tính chia rẽ rồi tiến hành lễ *Uposatha*, tội *pācittiya* trong việc thực hiện lễ *Uposatha* với vị bị án treo, và tội *dukkaṭa* trong nhiều trường hợp khác (*Sdd.*).

³ Tức là tội *dukkaṭa* (*Sdd.*).

Pavāraṇā với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội¹ được đề cập) ở những câu văn cao quý.

5. Tôi sẽ hỏi về điều liên quan đến chương Da Thú với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội (được đề cập) ở những câu văn cao quý? – Tôi sẽ trả lời về điều liên quan đến chương Da Thú với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội²(được đề cập) ở những câu văn cao quý.

6. Tôi sẽ hỏi về chương Dược Phẩm với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội (được đề cập) ở những câu văn cao quý? – Tôi sẽ trả lời về chương Dược Phẩm với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội³ (được đề cập) ở những câu văn cao quý.

7. Tôi sẽ hỏi về chương *Kaṭṭhina* với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội (được đề cập) ở những câu văn cao quý? – Tôi sẽ trả lời về chương

¹ Ba loại tội: là tội *thullaccaya* đến các vị có dự tính chia rẽ rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā*, tội *pācittiya* trong việc thực hiện lễ *Pavāraṇā* với vị bị án treo, và tội *dukkaṭa* a trong nhiều trường hợp khác (*Sdd.*).

² Ba loại tội: là tội *thullaccaya* về việc sờ mó bộ phận sinh dục bò cái tơ do tâm khởi dục, tội *pācittiya* 61 trong việc dìm nước các con bò cái tơ và giết chết, và tội *dukkaṭa* a trong nhiều trường hợp khác (*Sdd.*).

³ Ba loại tội: là tội *thullaccaya* về việc mổ xẻ ở xung quanh chỗ kín hai lòng tay, tội *pācittiya* 33 về việc thọ dụng cháo đặc của người khác khi đã được thỉnh mời của một nơi khác, và tội *dukkaṭa* a trong nhiều trường hợp khác (*Sdd.*).

Kaṭṭhina với phần mở đầu và phần trình bày. Ở đó không có loại tội nào (được đề cập) ở những câu văn cao quý.

8. Tôi sẽ hỏi về điều liên quan đến chương Y Phục với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội (được đề cập) ở những câu văn cao quý? – Tôi sẽ trả lời về điều liên quan đến chương Y Phục với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội¹ (được đề cập) ở những câu văn cao quý.

9. Tôi sẽ hỏi về chương Campā với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội (được đề cập) ở những câu văn cao quý? – Tôi sẽ trả lời về chương Campā với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội² (được đề cập) ở những câu văn cao quý.

10. Tôi sẽ hỏi về chương Kosambi với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội (được đề cập) ở những câu văn cao quý? – Tôi sẽ trả lời về chương Kosambi với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội (được đề cập) ở những câu văn cao quý.

11. Tôi sẽ hỏi về chương Hành Sự với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội (được đề cập) ở những câu văn cao quý? – Tôi sẽ trả lời về chương Hành

¹ Tội *thullaccaya* về việc mặc biểu tượng của ngoại đạo là (che thân bằng) da linh dương, tội *nissaggiya pācittiya* thứ nhất trong việc sử dụng y phụ trội, và tội *dukkaṭa* a trong nhiều trường hợp khác (*Sdd.*).

² Một loại tội là tội *dukkaṭa* a (*Sdd.*).

Sự với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội (được đề cập) ở những câu văn cao quý.

12. Tôi sẽ hỏi về chương của vị hành *Parivāsa* với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội (được đề cập) ở những câu văn cao quý? – Tôi sẽ trả lời về chương của vị hành *Parivāsa* với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội (được đề cập) ở những câu văn cao quý.

13. Tôi sẽ hỏi về chương Tích Lũy Tội với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội (được đề cập) ở những câu văn cao quý? – Tôi sẽ trả lời về chương Tích Lũy Tội với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội (được đề cập) ở những câu văn cao quý.

14. Tôi sẽ hỏi về chương Dàn Xếp với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội (được đề cập) ở những câu văn cao quý? – Tôi sẽ trả lời về chương Dàn Xếp với phần mở đầu và phần trình bày. Có hai loại tội¹ (được đề cập) ở những câu văn cao quý.

15. Tôi sẽ hỏi về chương Các Tiểu Sự với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội (được đề cập) ở những câu văn cao quý? – Tôi sẽ trả lời về chương

¹ Hai loại tội: là tội *pācittiya* 79 về vị đã trao sự thỏa thuận rồi lại phê phán hành sự đúng pháp, và tội *dukkaṭa* 1 ở những chỗ khác (*Sdd.*).

Các Tiểu Sự với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội¹ (được đề cập) ở những câu văn cao quý.

16. Tôi sẽ hỏi về chương Sàng Tọa với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội (được đề cập) ở những câu văn cao quý? – Tôi sẽ trả lời về chương Sàng Tọa với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội² (được đề cập) ở những câu văn cao quý.

17. Tôi sẽ hỏi về chương Chia Rẽ Hội Chúng với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội (được đề cập) ở những câu văn cao quý? – Tôi sẽ trả lời về chương Chia Rẽ Hội Chúng với phần mở đầu và phần trình bày. Có hai loại tội³ (được đề cập) ở những câu văn cao quý.

18. Tôi sẽ hỏi về chương Thực Hành⁴ với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội (được đề cập) ở những câu văn cao quý? – Tôi sẽ trả lời về chương

¹ Ba loại tội: là tội *thullaccaya* đối với vị cắt đi dương vật của bản thân, tội *pācittiya* 37 về việc nhai lại, và tội *dukkaṭa* a ở nhiều trường hợp khác (*Sdd.*).

² Ba loại tội: là tội *thullaccaya* về việc phân tán các trọng vật của hội chúng, tội *pācittiya* 17 về việc lôi kéo ra khỏi trú xá của hội chúng, và tội *dukkaṭa* a ở nhiều trường hợp khác (*Sdd.*).

³ Hai loại tội: là tội *thullaccaya* đối với các vị xu hướng theo kẻ chia rẽ hội chúng, và tội *pācittiya* 32 về vật thực dâng chung nhóm (*Sdd.*).

⁴ Tức là *Vattakkhandhakaṃ* - chương Phận Sự, số VIII của *Cullavagga* - Tiểu Phẩm tập 2, TTPV tập 06 và TTVN tập 06 (ND).

Thực Hành với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội (được đề cập) ở những câu văn cao quý.

19. Tôi sẽ hỏi về chương Đình Chỉ với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội (được đề cập) ở những câu văn cao quý? – Tôi sẽ trả lời về chương Đình Chỉ với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội (được đề cập) ở những câu văn cao quý.

20. Tôi sẽ hỏi về chương Tỳ Khuru Ni với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội (được đề cập) ở những câu văn cao quý? – Tôi sẽ trả lời về chương Tỳ Khuru Ni với phần mở đầu và phần trình bày. Có hai loại tội¹ (được đề cập) ở những câu văn cao quý.

21. Tôi sẽ hỏi về chương Liên Quan Năm Trăm Vị với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội (được đề cập) ở những câu văn cao quý? – Tôi sẽ trả lời về chương Liên Quan Năm Trăm Vị với phần mở đầu và phần trình bày. Ở đó không có loại tội nào (được đề cập) ở những câu văn cao quý.

22. Tôi sẽ hỏi về chương Liên Quan Bảy Trăm Vị với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội (được đề cập) ở những câu văn cao quý? – Tôi sẽ trả lời về chương Liên Quan Bảy Trăm Vị với phần mở đầu và

¹ Hai loại tội: là tội *pācittiya* 57 của tỳ khuru ni do không hành lễ *Pavāraṇā* và tội *dukkatā* ở những trường hợp khác (*VinA. vii*, 1318).

phần trình bày. Ở đó không có loại tội nào (được đề cập) ở những câu văn cao quý.

Dứt Các Câu Hỏi về Bộ Hợp Phần là thứ nhất.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Việc tu lên bậc trên, lễ Uposatha, vào mùa (an cư) mưa, lễ Pavāraṇā, da thú, được phẩm, các điều về Kaṭ hīna, y phục, và với việc liên quan đến Campā.

2. Chương Kosambi, hành sự, hình phạt parivāsa, việc tích lũy (tội), cách dần xếp, các tiểu sự, sàng tọa, việc chia rẽ hội chúng, việc thực hành, sự đình chỉ, chương tỳ khưu ni, với năm (trăm vị), và với bảy trăm vị.

--ooOoo--

TĂNG THEO TỪNG BẬC

NHÓM MỘT

Các pháp tạo tội cần phải biết.¹ Các pháp không tạo tội cần phải biết.²

Phạm tội cần phải biết. Không phạm tội cần phải biết.

Tội nhẹ cần phải biết. Tội nặng cần phải biết.³

Tội còn dư sót cần phải biết. Tội không còn dư sót cần phải biết.⁴

Tội xấu xa cần phải biết. Tội không xấu xa cần phải biết.⁵

Tội có sự sửa chữa được cần phải biết. Tội không có sự sửa chữa được cần phải biết.

¹ Các pháp tạo nên tội: là sáu nguồn sanh tội theo ba cửa thân, khẩu, và ý (*VinA. vii*, 1319).

² Các Pháp không tạo nên tội: là bảy pháp dàn xếp sự tranh tụng (*Sdd.*).

³ Tội nặng: Nếu không tính đến tội *pārājika* thì tội *saṅ ghādisesa* là tội nặng, và năm tội còn lại là tội nhẹ (*Sdd.*).

⁴ Tội không còn dư sót: là nhóm tội *pārājika*. Tội còn dư sót: là sáu nhóm tội còn lại (*Sdd.*).

⁵ Tội xấu xa: là nhóm tội *pārājika* và *saṅ ghādisesa*. Tội không xấu xa: là năm nhóm tội còn lại (*Sdd.*).

Tội đưa đến sự sám hối cần phải biết. Tội không đưa đến sự sám hối cần phải biết.

Tội có sự chướng ngại cần phải biết. Tội không có sự chướng ngại cần phải biết.¹

Tội là điều quy định do sự chê trách cần phải biết.²
Tội là điều quy định không do sự chê trách cần phải biết.

Tội được sanh lên do làm cần phải biết. Tội được sanh lên do không làm cần phải biết. Tội được sanh lên do làm và không làm cần phải biết.³

Tội vi phạm đầu tiên cần phải biết. Tội vi phạm đến sau cần phải biết.

Tội kế tiếp của các tội vi phạm đầu tiên cần phải biết. Tội kế tiếp của các tội vi phạm đến sau cần phải biết.⁴

¹ Vi phạm bất cứ tội nào với sự cố ý là chướng ngại cho cõi trời và là chướng ngại cho sự giải thoát. Còn vi phạm tội vì không biết cũng đáng chê trách nhưng không là chướng ngại cho cõi trời và sự giải thoát (*Sdd.*).

² Điều quy định do sự chê trách: Từ *sāvajjapaññatti* được ngài Buddhaghosa giải thích là *lokavajja*, tức là sự chê trách của thế gian (*Sdd.*); vì thế từ *sāvajjapaññatti* được ghi nghĩa Việt như thế.

³ Tội được sanh lên do làm: nghĩa là trong khi làm thì phạm tội, ví dụ tội *pārājika*. Tội được sanh lên do không làm: ví dụ như tội không chú nguyện y mới. Tội được sanh lên do làm và không làm: ví dụ như tội bảo xây dựng cốc liêu (*Sdd.*).

⁴ Ngài Buddhaghosa trích dẫn lời giải thích của bộ chú giải Kurundī rằng: Tội vi phạm đầu tiên (*pubbāpatti*) là tội phạm trước hết. Tội vi

Tội đã sám hối được tính đến cần phải biết.¹ Tội đã sám hối không được tính đến cần phải biết.²

Sự quy định cần phải biết. Sự quy định thêm cần phải biết. Sự quy định khi (sự việc) chưa xảy ra cần phải biết.

Sự quy định (áp dụng) cho tất cả mọi nơi cần phải biết. Sự quy định (áp dụng) cho khu vực cần phải biết.

Sự quy định chung cần phải biết. Sự quy định riêng cần phải biết.

Sự quy định cho một (hội chúng) cần phải biết. Sự quy định cho cả hai (hội chúng) cần phải biết.

Tội là lỗi trầm trọng cần phải biết. Tội là lỗi không trầm trọng cần phải biết.¹

phạm đến sau (*aparāpatti*) là tội phạm thêm trong thời kỳ xứng đáng hình phạt *mānatta*. Tội kế tiếp của các tội vi phạm đầu tiên (*pubbātīnaṃ antarāpatti*) là tội phạm thêm trong thời kỳ đang thực hành hình phạt *parivāsa*. Tội kế tiếp của các tội vi phạm đến sau (*aparāpattīnaṃ antarāpatti*) là tội phạm thêm trong thời kỳ đang thực hành hình phạt *mānatta* (*Sdd.* 1319-1320).

¹ Tội đã sám hối được tính đến: nghĩa là tội nào đã được sám hối với ý định: ‘Sau khi buông bỏ gánh nặng, ta sẽ không vi phạm nữa,’ (*Sdd.* 1320).

² Tội đã sám hối không được tính đến: nghĩa là tội nào đã được sám hối vẫn không buông bỏ gánh nặng bởi vì tâm không trong sạch, vẫn còn có sự gằng sức. Chính tội này đầu đã được sám hối nhưng không được tính là đã sám hối. Là tội *pārājika* của tỳ khưu ni ở vào sự việc thứ tám (*Sdd.*).

Tội có liên quan đến người tại gia cần phải biết. Tội không có liên quan đến người tại gia cần phải biết.

Tội (có nghiệp) xác định cần phải biết.² Tội (có nghiệp) không xác định cần phải biết.

Người là vị vi phạm đầu tiên cần phải biết. Người không là vị vi phạm đầu tiên cần phải biết.

Người là vị vi phạm không thường xuyên cần phải biết. Người là vị vi phạm thường xuyên cần phải biết.

Người là vị cáo tội cần phải biết. Người là vị bị buộc tội cần phải biết.

Người là vị cáo tội sai pháp cần phải biết. Người là vị bị buộc tội sai pháp cần phải biết.

Người là vị cáo tội đúng pháp cần phải biết. Người là vị bị buộc tội đúng pháp cần phải biết.

Người đã được xác định cần phải biết. Người chưa được xác định cần phải biết.

Người là vị có thể phạm tội cần phải biết. Người là vị không thể vi phạm tội cần phải biết.¹

¹ Tội là lỗi trầm trọng và tội là lỗi không trầm trọng được ngài Buddhaghosa giải thích là tội nặng và tội nhẹ như phần ở trên (*Sdd.*).

² Tội (có nghiệp) xác định là năm nghiệp vô gián như giết cha, giết mẹ, v.v... (*Sdd.* 1320).

Người là vị bị án treo cần phải biết. Người là vị không bị án treo cần phải biết.

Người là vị đã bị trục xuất cần phải biết. Người là vị không bị trục xuất cần phải biết.

Người là vị đồng cộng trú cần phải biết. Người là vị không đồng cộng trú cần phải biết.

Sự đình chỉ cần phải biết.²

Dứt Nhóm Một.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Các pháp tạo tội, tội vi phạm, các tội nhẹ, còn dư sót, và xấu xa, sự sửa chữa, và luôn cả sự sám hối, có chương ngại, chê trách, và do làm.

2. Do làm và không làm, (tội vi phạm) đầu tiên, tội kế tiếp, tội đã được tính đến, sự quy định, khi chưa xảy ra, tất cả mọi nơi, cho khu vực, (quy định) chung, và cho một (hội chúng).

3. Tội trầm trọng, liên quan người tại gia, và đã được xác định, vị đầu tiên, không thường xuyên, vị cáo tội, sai pháp và

¹ Người không thể phạm tội là chư Phật Chánh Đẳng Giác và chư Phật Độc Giác (Sđd.).

² Là sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* (Sđd. 1321). Xem *Cullavagga - Tiểu Phẩm* tập 2, TTPV tập 07 và TTVN tập 07, chương IX.

đúng pháp, vị đã được xác định, không thể vi phạm, bị án treo, bị trục xuất, đồng cộng trú, và luôn cả sự đình chỉ, đây là phần tóm lược cho mỗi một điều.

--ooOoo--

NHÓM HAI

1. Có loại tội vi phạm có sự nhận thức, có loại tội vi phạm không có sự nhận thức.

Có loại tội vi phạm của vị đã đạt sự thành tựu, có loại tội vi phạm của vị chưa đạt sự thành tựu.¹

Có loại tội vi phạm liên quan đến Chánh Pháp,² có loại tội vi phạm không liên quan đến Chánh Pháp.

Có loại tội vi phạm liên quan đến vật dụng của bản thân, có loại tội vi phạm liên quan đến vật dụng của người khác.³

Có loại tội vi phạm liên quan đến chính bản thân, có loại tội vi phạm liên quan đến người khác.

Có vị trong khi nói sự thật vi phạm tội nặng, có vị trong khi nói sự thật vi phạm tội nhẹ.¹

¹ Tội vi phạm của vị đã đạt sự thành tựu và tội vi phạm của vị chưa đạt sự thành tựu: Ví dụ như hai tội về việc tuyên bố pháp thượng nhân của vị có thực chứng và của vị không có thực chứng (*Sđđ.* 1321).

² Tội vi phạm liên quan đến Chánh Pháp: Như tội dạy đọc Pháp theo từng câu, v.v... (*Sđđ.*).

³ Tội vi phạm liên quan đến vật dụng của người khác: Ví dụ như tội vi phạm do việc trái ra giường ghế của hội chúng ở ngoài trời đến khi ra đi không thu dọn, v.v... (*Sđđ.*).

Có vị trong khi nói lời dối trá vi phạm tội nặng, có vị trong khi nói lời dối trá vi phạm tội nhẹ.²

Có loại tội vi phạm khi ở trên mặt đất (nhưng) không (vi phạm) ở trên khoảng không, có loại tội vi phạm khi ở trên khoảng không (nhưng) không (vi phạm) ở trên mặt đất.

Có loại tội vi phạm trong khi đi ra ngoài không (vi phạm) trong khi đi vào, có loại tội vi phạm trong khi đi vào không (vi phạm) trong khi đi ra ngoài.³

Có loại tội vi phạm trong khi áp dụng, có loại tội vi phạm trong khi không áp dụng.⁴

Có loại tội vi phạm trong khi thọ trì, có loại tội vi phạm trong khi không thọ trì.⁵

¹ Nói lời dâm dật với người nữ dẫu là sự thật bị vi phạm tội nặng, nói về pháp thượng nhân có chứng đắc đến người chưa tu lên bậc trên là nói sự thật vi phạm tội nhẹ (*Sđđ.*).

² Khoác lác về pháp thượng nhân không chứng đắc là nói láo vi phạm tội nặng, nói dối cố tình là nói láo vi phạm tội nhẹ (*Sđđ.*).

³ Liên quan đến phận sự của vị tỳ khưu xuất hành và vắng lai lúc ra đi hoặc lúc đi đến tu viện (*Sđđ.*).

⁴ Tội vi phạm trong khi áp dụng: Ví dụ như vị tỳ khưu ni áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước sâu quá hai lòng tay. Tội vi phạm trong khi không áp dụng: Ví dụ như vị tỳ khưu không áp dụng cách làm dầu y mới (*Sđđ.*).

⁵ Tội vi phạm trong khi thọ trì: Ví dụ như thọ trì pháp cầm nín của ngoại đạo. Còn tội vi phạm trong khi không thọ trì: Ví dụ như vị bị hình phạt lại không thực hành các phận sự (*Sđđ.* 1322).

Có loại tội vi phạm trong khi làm, có loại tội vi phạm trong khi không làm.

Có loại tội vi phạm trong khi cho, có loại tội vi phạm trong khi không cho.

Có loại tội vi phạm trong khi thuyết giảng, có loại tội vi phạm trong khi không thuyết giảng.

Có loại tội vi phạm trong khi thọ lãnh, có loại tội vi phạm trong khi không thọ lãnh.

Có loại tội vi phạm do sự thọ dụng, có loại tội vi phạm do sự không thọ dụng.

Có loại tội vi phạm ban đêm không (vi phạm) ban ngày, có loại tội vi phạm ban ngày không (vi phạm) ban đêm.

Có loại tội vi phạm vào lúc hừng sáng, có loại tội vi phạm không phải vào lúc hừng sáng.

Có loại tội vi phạm trong khi cắt đứt, có loại tội vi phạm trong khi không cắt đứt.¹

Có loại tội vi phạm trong khi che đậy, có loại tội vi phạm trong khi không che đậy.¹

¹ Tội vi phạm trong khi cắt đứt: Ví dụ như việc vị tỳ khưu cắt đứt dương vật. Còn tội vi phạm trong khi không cắt đứt: Ví dụ như không cắt tóc và móng tay chân (*Sđđ.*).

Có loại tội vi phạm trong khi sử dụng, có loại tội vi phạm trong khi không sử dụng.

2. Hai lễ *Uposatha*: Lễ ngày mười bốn và lễ ngày mười lăm.

Hai lễ *Pavāraṇā*: Lễ ngày mười bốn và lễ ngày mười lăm.

Hai loại hành sự: Hành sự với lời công bố và hành sự với lời đề nghị. Hai loại hành sự khác nữa: Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì và hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư.

Hai sự việc của hành sự: Sự việc của hành sự với lời công bố và sự việc của hành sự với lời đề nghị. Hai sự việc của hành sự khác nữa: Sự việc của hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì và sự việc của hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư.

Hai sự sai trái của hành sự: Sự sai trái của hành sự với lời công bố và sự sai trái của hành sự với lời đề nghị. Hai sự sai trái của hành sự khác nữa: Sự sai trái của hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì và sự sai trái của hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư.

¹ Tội vi phạm trong khi che đậy: Ví dụ như che đậy tội lỗi. Còn tội vi phạm trong khi không che đậy: Ví dụ như vị tỳ khuru bị mất y không dùng cỏ hoặc lá cây che lại rồi đi (*Sdd.*).

Hai sự thành tựu của hành sự: Sự thành tựu của hành sự với lời công bố và sự thành tựu của hành sự với lời đề nghị. Hai sự thành tựu của hành sự khác nữa: Sự thành tựu của hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì và sự thành tựu của hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư.

Hai nền tảng của việc không đồng cộng trú: Tự bản thân thực hiện việc không đồng cộng trú cho bản thân, hoặc là hội chúng hợp nhất phạt án treo vị ấy trong việc không nhìn nhận (tội), hoặc trong việc không sửa chữa (lỗi), hoặc trong việc không từ bỏ (tà kiến ác).¹

Hai nền tảng của sự đồng cộng trú chung: Tự bản thân thực hiện việc đồng cộng trú chung cho bản thân, hoặc là hội chúng hợp nhất phục hồi cho vị ấy đã bị án treo trong việc nhìn nhận (tội), hoặc trong việc sửa chữa (lỗi), hoặc trong việc từ bỏ (tà kiến ác).

Hai loại tội *pārājika*: của các tỳ khuru và của các tỳ khuru ni. Hai loại tội *saṅghādisesa*: —nt— Hai loại tội *thullaccaya*: —nt— Hai loại tội *pācittiya*: —nt— Hai loại tội *pāṭidesanīya*: —nt— Hai loại tội *dukkaṭa*: —nt— Hai loại tội *dubbhāsita*: của các tỳ khuru và của các tỳ khuru ni.

Bảy loại tội, bảy nhóm tội.

Hội chúng bị chia rẽ với hai biểu hiện: bằng hành sự hoặc do sự phân phát thể.

¹ Xem *Mahāvagga* - *Đại Phẩm* tập 02, TTPV tập 05, chương X, trang 335; TTVN tập 05, chương X, trang 304.

3. Hai hạng người không nên cho tu lên bậc trên: người chưa đủ hai mươi tuổi, người có bàn tay, v.v... bị cắt đứt.¹ Hai hạng người khác nữa không nên cho tu lên bậc trên: người không thành tựu về thân thể, người đã làm sai trái trong hành động.² Hai hạng người khác nữa không nên cho tu lên bậc trên: người không có đầy đủ (y bát), người có đầy đủ (y bát) nhưng không cầu xin.

Không nên sống với sự nương nhờ vào hai hạng người: không liêm sỉ và ngu dốt.

Sự nương nhờ không nên ban cho đến hai hạng người: kẻ không liêm sỉ và người có liêm sỉ nhưng không cầu xin.

Sự nương nhờ nên ban cho đến hai hạng người: kẻ ngu dốt và người có liêm sỉ có cầu xin.

Hai hạng người không thể vi phạm tội: Chư Phật và chư Phật Độc Giác.

Hai hạng người có thể vi phạm tội: các tỳ khưu và các tỳ khưu ni.

¹ *addhānāhīno añṇaḥīno* được ghi nghĩa theo Chú Giải (*VinA. vii, 1323*).

² Người không thành tựu về thân thể: như là người vô căn, người lưỡng căn, loài thú. Còn người đã làm sai trái trong hành động: như là kẻ trộm tướng mạo sa-môn, kẻ giết cha, kẻ giết mẹ, v.v... (*Sđđ. 1323*).

Hai hạng người không thể vi phạm tội với sự cố ý: các tỳ khuru và các tỳ khuru ni là các thánh nhân.

Hai hạng người có thể phạm tội với sự cố ý: các tỳ khuru và các tỳ khuru ni là các phàm nhân.

Hai hạng người không thể cố ý vi phạm sự việc có sự vượt quá chức năng: các tỳ khuru và các tỳ khuru ni là các thánh nhân.

Hai hạng người có thể cố ý vi phạm sự việc có sự vượt quá chức năng: các tỳ khuru và các tỳ khuru ni là các phàm nhân.

Hai sự phản đối: vị phản đối bằng thân hoặc vị phản đối bằng khẩu.

Hai sự mời ra: có vị không đáng để chịu sự mời ra nhưng nếu hội chúng mời vị ấy ra, một vị đã được mời ra đúng, một vị đã bị mời ra sai.¹

Hai sự nhận vào: có vị không đáng để được sự nhận vào nhưng nếu hội chúng nhận vị ấy vào, một vị đã được nhận vào đúng, một vị đã được nhận vào sai.

Hai sự nhận biết: vị nhận biết bằng thân hoặc vị nhận biết bằng khẩu.

¹ Hai sự mời ra và hai sự nhận vào: xem *Mahāvagga* - Đại Phẩm 2, TTPV tập 05, chương IX, trang 263; TTVN tập 05, trang 236.

Hai sự nhận lãnh: vị nhận lãnh bằng thân hoặc vị nhận lãnh bằng vật được gắn liền với thân.

Hai sự từ khước: vị từ khước bằng thân hoặc vị từ khước bằng khẩu.

Hai sự gây tổn hại: sự gây tổn hại về việc học tập và sự gây tổn hại về vật sở hữu.

Hai sự cáo tội: vị cáo tội bằng thân hoặc là vị cáo tội bằng khẩu.

4. Hai điều vươngong bận của *Kat hina*: điều vươngong bận về trú xứ và điều vươngong bận về y.

Hai điều không vươngong bận của *Kat hina*: điều không vươngong bận về trú xứ và điều không vươngong bận về y.

Hai loại y: có liên quan đến gia chủ và có liên quan đến vải quăng bỏ.

Hai loại bình bát: bình bát bằng sắt, bình bát bằng đất.

Hai loại vòng (kê bình bát): loại làm bằng kẽm, loại làm bằng chì.

Hai sự chú nguyện bình bát: vị chú nguyện bằng thân hoặc vị chú nguyện bằng khẩu.

Hai sự chú nguyện y để dùng riêng: vị chú nguyện bằng thân hoặc vị chú nguyện bằng khẩu.

Hai sự chú nguyện để dùng chung: sự chú nguyện để dùng chung có mặt và sự chú nguyện để dùng chung vắng mặt.

5. Hai bộ Luật: của các tỳ khuru và của các tỳ khuru ni.

Hai điều liên quan đến Luật: việc đã được quy định và điều phù hợp với việc đã được quy định.

Hai sự từ khước của Luật: cắt đứt sự nối liền với điều không được phép, thực hành có chừng mực trong điều được phép.

Vi phạm tội với hai biểu hiện: vi phạm bằng thân hoặc vi phạm bằng khẩu.

Thoát khỏi tội với hai biểu hiện: thoát khỏi bằng thân hoặc thoát khỏi bằng khẩu.

Hai hình phạt *parivāsa*: hình phạt *parivāsa* có che giấu, hình phạt *parivāsa* không có che giấu. Hai hình phạt *parivāsa* khác nữa: hình phạt *parivāsa* từ mồi trong sạch, hình phạt *parivāsa* kết hợp.

Hai hình phạt *mānatta*: hình phạt *mānatta* có che giấu, hình phạt *mānatta* không có che giấu. Hai hình phạt

mānatta khác nữa: hình phạt *mānatta* nửa tháng, hình phạt *mānatta* kết hợp.

Sự đứt đêm của hai hạng người: của vị hành *parivāsa* và của vị hành *mānatta*.

Hai sự không tôn trọng: sự không tôn trọng người và sự không tôn trọng Pháp.

6. Hai loại muối: muối tự nhiên và muối tự tạo. Hai loại muối khác nữa: muối biển, muối đen. Hai loại muối khác nữa: muối ở đá, muối nấu ăn. Hai loại muối khác nữa: muối *romakaṃ*, muối *pakkālakaṃ*.

Hai sự thọ dụng: sự thọ dụng bên trong và sự thọ dụng bên ngoài.¹

Hai sự mắng nhiếc: sự mắng nhiếc thấp kém và sự mắng nhiếc cao quý.²

Sự đâm thọc với hai biểu hiện: của vị ao ước được thương hoặc là của vị có ý định chia rẽ.

Vật thực dâng chung nhóm được sanh lên với hai biểu hiện: do sự thỉnh mời hoặc do sự yêu cầu.

¹ Sự thọ dụng bên trong là sự thọ thực và sự thọ dụng bên ngoài là việc thoa xúc dầu ở đầu, tay, chân, v.v... (*VinA. vii*, 1324).

² Điều này và hai điều kế xin xem các điều *pācittiya* tương ứng 2, 3, 32 (ND).

7. Hai thời kỳ vào mùa (an cư) mưa: thời kỳ trước và thời kỳ sau.¹

Hai sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai pháp.

Hai sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng pháp.²

8. Hai hạng người ngu dốt: vị hành xử trách nhiệm không được yêu cầu và vị không hành xử trách nhiệm được yêu cầu. Hai hạng người thông thái: vị không hành xử trách nhiệm không được yêu cầu và vị hành xử trách nhiệm được yêu cầu.

Hai hạng người ngu dốt khác nữa: hạng lầm tưởng là được phép đối với việc không được phép và hạng lầm tưởng là không được phép đối với việc được phép. Hai hạng người thông thái khác nữa: hạng nhận biết là không được phép đối với việc không được phép và hạng nhận biết là được phép đối với việc được phép.

Hai hạng người ngu dốt khác nữa: hạng lầm tưởng là phạm tội trong việc không phạm tội và hạng lầm tưởng là không phạm tội trong việc phạm tội. Hai hạng người thông thái khác nữa: hạng nhận biết là phạm tội trong việc phạm tội và hạng nhận biết là không phạm tội trong việc không phạm tội.

¹ Xem *Mahāvagga* - *Đại Phẩm* tập 1, TTPV tập 04, chương III, trang 347; TTVN tập 04, trang 277.

² Xem TTPV tập 07 và TTVN tập 07, chương IX.

Hai hạng người ngu dốt khác nữa: hạng lầm tưởng là đúng Pháp đối với việc sai Pháp và hạng lầm tưởng là sai Pháp đối với việc đúng Pháp. Hai hạng người thông thái khác nữa: hạng nhận biết là sai Pháp đối với việc sai Pháp và hạng nhận biết là đúng Pháp đối với việc đúng Pháp.

Hai hạng người ngu dốt khác nữa: hạng lầm tưởng là đúng Luật đối với việc sai Luật và hạng lầm tưởng là sai Luật đối với việc đúng Luật. Hai hạng người thông thái khác nữa: hạng nhận biết là sai Luật đối với việc sai Luật và hạng nhận biết là đúng Luật đối với việc đúng Luật.

9. Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người: hạng hối hận về việc không đáng hối hận và hạng không hối hận về việc đáng hối hận. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người: hạng không hối hận về việc không đáng hối hận và hạng hối hận về việc đáng hối hận.

Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: hạng lầm tưởng là được phép đối với việc không được phép và hạng lầm tưởng là không được phép đối với việc được phép. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: hạng nhận biết là không được phép đối với việc không được phép và hạng nhận biết là được phép đối với việc được phép.

Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: hạng lầm tưởng là phạm tội trong việc không phạm tội và hạng lầm tưởng là không phạm tội trong việc phạm tội. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: hạng nhận biết là không phạm tội trong việc không phạm tội và hạng nhận biết là phạm tội trong việc phạm tội.

Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: hạng lầm tưởng là đúng Pháp đối với việc sai Pháp và hạng lầm tưởng là sai Pháp đối với việc đúng Pháp. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: hạng nhận biết là sai Pháp đối với việc sai Pháp và hạng nhận biết là đúng Pháp đối với việc đúng Pháp.

Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: hạng lầm tưởng là đúng Luật đối với việc sai Luật và hạng lầm tưởng là sai Luật đối với việc đúng Luật. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: hạng nhận biết là sai Luật đối với việc sai Luật và hạng nhận biết là đúng Luật đối với việc đúng Luật.

Dứt Nhóm Hai.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Có sự nhận thức, đã đạt được, và (liên quan) Chánh Pháp, vật dụng, và con người, sự thật, mặt đất, trong khi đi ra ngoài, trong khi áp dụng, trong khi thọ trì.

2. Trong khi làm, trong khi cho, trong khi thọ lãnh, do thọ dụng, và ban đêm, lúc hừng sáng, trong khi cắt đứt, trong khi che đậy, trong khi sử dụng, và lễ Uposatha.

3. Lễ Pavāraṇā, hành sự, và (hai) loại khác nữa, sự việc, (hai) loại khác nữa, và sự sai trái, hai điều khác nữa, và sự thành tựu, việc không và đông cộng trú.

4. Tội pārājika, tội saṅghādisesa, tội thullaccaya, tội pācittiya, tội pātidesanīya, tội dukkaṭa, và luôn cả tội dubbhāsita, và bảy nhóm tội.

5. (Hội chúng) bị chia rẽ, việc tu lên bậc trên, tương tự y như thế là các cặp đôi khác nữa, không nên sống, không nên cho, có thể, và không có thể.

6. Cố ý, và có sự vượt quá chức năng, (hai) sự phản đối, và sự mời ra, sự nhận vào, và (hai) sự nhận biết, sự nhận lãnh, sự khước từ.

7. Vị gây tổn hại, và các sự cáo tội, và hai điều Kaṭhina là tương tự, (hai loại) y, bình bát, và vòng đế, hai điều chú nguyện là tương tự y như thế.

8. Sự chú nguyện để dùng chung, và (hai) bộ Luật, các điều liên quan Luật, và (hai) sự từ khước, vị vị phạm, và thoát tội, hình phạt pārivāsa, thêm hai loại khác nữa.

9. Hai hình phạt mānatta, và các việc khác, sự dứt đêm, sự không tôn trọng, hai loại muỗi, ba cặp khác nữa, sự thọ dụng, và sự mắng nhiếc.

10. Sự đâm thọc, và (dâng) chung nhóm, mùa (an cư) mưa, sự đình chỉ, trách nhiệm, được cho phép, sự không phạm tội, sai Pháp, và đúng Pháp, tương tự như thế về Luật, và lậu hoặc.

--ooOoo--

NHÓM BA

1. Có loại tội vi phạm khi đức Thế Tôn còn hiện tiền, không (vi phạm) khi Ngài đã Vô Dư Niết Bàn, có loại tội vi phạm khi đức Thế Tôn đã Vô Dư Niết Bàn, không (vi phạm) khi Ngài còn hiện tiền, có loại tội vi phạm ngay khi đức Thế Tôn còn hiện tiền luôn cả khi Ngài đã Vô Dư Niết Bàn.¹

Có loại tội vi phạm vào lúc đúng thời không (vi phạm) vào lúc sai thời, có loại tội vi phạm vào lúc sai thời không (vi phạm) vào lúc đúng thời, có loại tội vi phạm vào lúc đúng thời luôn cả lúc sai thời.²

Có loại tội vi phạm vào ban đêm không (vi phạm) vào ban ngày, có loại tội vi phạm vào ban ngày không (vi phạm) vào ban đêm, có loại tội vi phạm vào ban đêm luôn cả vào ban ngày.³

Có loại tội vi phạm mười năm (thâm niên) vi phạm vi kém mười năm không (vi phạm), có loại tội vi phạm vi kém mười năm (thâm niên) vi phạm vi mười năm không (vi phạm), có

¹ Ví dụ như tội làm đức Phật chảy máu là loại thứ nhất, vấn đề xung hô vi thâm niên hơn là ‘āvuso’ và ‘āyasmā’ là loại thứ hai, các tội còn lại là loại thứ ba (VinA. vii, 1324).

² Ví dụ như tội ăn thêm thức ăn không phải là còn thừa là loại thứ nhất, ăn sai giờ là loại thứ hai, các tội còn lại là loại thứ ba (Sdd.).

³ Ví dụ như tội ngủ chung nhà là loại thứ nhất, nghỉ ban ngày không đóng cửa lớn là loại thứ hai, các tội còn lại là loại thứ ba (Sdd.).

loại tội vị mười năm (thâm niên) luôn cả vị kém mười năm đều vi phạm.¹

Có loại tội vị năm năm (thâm niên) vi phạm vị kém năm năm không (vi phạm), có loại tội vị kém năm năm (thâm niên) vi phạm vị năm năm không (vi phạm), có loại tội vị năm năm (thâm niên) luôn cả vị kém năm năm đều vi phạm.²

Có loại tội vị vi phạm có tâm thiện, có loại tội vị vi phạm có tâm bất thiện, có loại tội vị vi phạm có tâm vô ký.³

¹ Ví dụ như trường hợp vị tỳ khuru ngu dốt thiếu kinh nghiệm (nghĩ rằng): ‘Ta được mười năm’ hoặc ‘Ta hơn mười năm,’ rồi bảo tập thể phục vụ, vị được mười năm (thâm niên) phạm tội, vị kém mười năm (thâm niên) không phạm; đây là loại thứ nhất. Trường hợp vị tỳ khuru mới tu hoặc trung niên (nghĩ rằng): ‘Ta là thông thái có kinh nghiệm’ rồi bảo tập thể phục vụ, vị kém mười năm (thâm niên) phạm tội, vị mười năm (thâm niên) không phạm; đây là loại thứ nhì. Còn các tội khác thì vị mười năm (thâm niên) hoặc kém mười năm (thâm niên) đều phạm, là loại thứ ba (*VinA. vii*, 1325).

² Giải nghĩa tương tự như trên với trường hợp sống nương nhờ (*Sđđ.*).

³ Trường hợp có tâm thiện ví dụ như vị tỳ khuru dạy người chưa tu lên bậc trên đọc Pháp theo từng câu hoặc thuyết Pháp đến người nữ quá năm sáu câu. Trường hợp có tâm bất thiện như là tội cố gắng làm xuất ra tinh dịch, tội xúc chạm với người nữ. Trường hợp có tâm vô ký là nói về việc phạm tội của các bậc Thánh A-la-hán, ví dụ như việc ngài Anuruddha ngụ chung nhà với người nữ (*Sđđ.*).

Có loại tội vị vi phạm có thọ lạc, có loại tội vị vi phạm có thọ khổ, có loại tội vị vi phạm có thọ không khổ không lạc.¹

2. Ba nền tảng của sự cáo tội: do được thấy, do được nghe, do sự nghi ngờ.

Ba cách phân phát thẻ: lối kín đáo, với sự nói nhỏ vào tai, lối công khai.²

Ba sự khước từ: sự ham muốn nhiều, sự không tự biết đủ, sự không từ khước.

Ba sự chấp nhận: sự ham muốn ít, sự tự biết đủ, sự từ khước.

Ba sự khước từ khác nữa: sự ham muốn nhiều, sự không tự biết đủ, sự không biết chừng mực.

Ba sự chấp nhận: sự ham muốn ít, sự tự biết đủ, sự biết chừng mực.

Ba sự quy định: sự quy định (lần đầu), sự quy định thêm, sự quy định khi (sự việc) chưa xảy ra.¹

¹ Có thọ lạc như là trường hợp vị tỳ khuru thực hiện việc đôi lứa. Có thọ khổ như trường hợp vị tỳ khuru sân hận bất bình rồi bôi nhọ vị tỳ khuru khác với tội *pārājika*. Có thọ không khổ không lạc là khi phạm tội với tâm quân bình (*Sāḍa*).

² Ba cách phân phát thẻ: Xem *Cullavagga – Tiểu Phẩm* tập 1, TTPV Tập 06, chương IV, các trang 413-415; TTVN tập 06, từ trang 359.

Ba sự quy định khác nữa: sự quy định (áp dụng) cho tất cả mọi nơi, sự quy định (áp dụng) cho khu vực, sự quy định chung (cho tỳ khuru và tỳ khuru ni).

Ba sự quy định khác nữa: sự quy định riêng, sự quy định cho một (hội chúng), sự quy định cho cả hai (hội chúng tỳ khuru và tỳ khuru ni).

3. Có loại tội vi phạm ngu dốt vi phạm vi thông thái không (vi phạm), có loại tội vi phạm thông thái vi phạm vi ngu dốt không (vi phạm), có loại tội vi phạm ngu dốt luôn cả vi phạm thông thái đều vi phạm.

Có loại tội vi phạm vào hạ huyền không (vi phạm) vào thượng huyền, có loại tội vi phạm vào thượng huyền không (vi phạm) vào hạ huyền, có loại tội vi phạm vào hạ huyền luôn cả vào thượng huyền.²

Có việc được phép vào hạ huyền không (được phép) vào thượng huyền, có việc được phép vào thượng huyền

¹ Chỉ có tám Kinh Pháp của tỳ khuru ni là sự quy định khi (sự việc) chưa xảy ra (*VinA. vii*, 1302).

² Tội vi phạm vào hạ huyền không vi phạm vào thượng huyền: Ví dụ như không vào mùa (an cư) mưa, thì phạm tội vào ngày 16 thuộc hạ huyền. Tội vi phạm vào thượng huyền không vi phạm vào hạ huyền: Như là không thực hiện lễ *Pavāraṇā* vào ngày cuối của mùa (an cư) thời kỳ đầu là phạm tội vào ngày 15, thuộc thượng huyền. Tội vi phạm vào hạ huyền luôn cả vào thượng huyền: là đề cập đến các tội khác. Phần được phép và không được phép kế tiếp được giải thích tương tự (*Sđd.* 1325).

không (được phép) vào hạ huyền, có việc được phép vào hạ huyền luôn cả vào thượng huyền.

Có loại tội vi phạm vào mùa lạnh không (vi phạm) vào mùa nóng và mùa mưa, có loại tội vi phạm vào mùa nóng không (vi phạm) vào mùa lạnh và mùa mưa, có loại tội vi phạm vào mùa mưa không (vi phạm) vào mùa nóng và mùa lạnh.¹

Có loại tội hội chúng vi phạm, nhóm và cá nhân không (vi phạm); có loại tội nhóm vi phạm, hội chúng và cá nhân không (vi phạm); có loại tội cá nhân vi phạm, hội chúng và nhóm không (vi phạm).²

Có việc được phép đối với hội chúng, không (được phép) đối với nhóm và cá nhân; có việc được phép đối với nhóm, không (được phép) đối với hội chúng và cá nhân; có việc được phép đối với cá nhân, không (được phép) đối với hội chúng và nhóm.

Ba sự che giấu: vị che giấu sự việc (nhưng) không (che giấu) tội vi phạm, vị che giấu tội vi phạm (nhưng)

¹ Việc không chú nguyện để dùng chung y tắm mưa sau bốn tháng mùa mưa là loại tội vi phạm trong mùa lạnh. Tìm kiếm y tắm mưa trong mùa nắng lúc chưa đến thời kỳ là tội vi phạm trong mùa nóng. Có y tắm mưa vẫn tắm lửa thể là loại tội vi phạm trong mùa mưa (*Sđđ.* 1325-1326).

² Vấn đề này và vấn đề kế tiếp được ngài Buddhaghosa giải thích có liên quan đến việc hành lễ *Uposatha* và *Pavāraṇā* của hội chúng, của nhóm, và của cá nhân (*Sđđ.* 1326).

không (che giấu) sự việc, vị che giấu sự việc luôn cả tội vi phạm.

Ba sự che kín: sự che kín ở trong nhà tắm hơi, sự che kín ở trong nước, sự che kín bằng vải vóc.

Ba việc được vận hành giấu kín không bộc lộ: người nữ hành xử giấu kín không bộc lộ, chú thuật của Bà-la-môn được vận hành giấu kín không bộc lộ, tà kiến được vận hành giấu kín không bộc lộ.

Ba việc được chiếu sáng bộc lộ không che giấu: Vầng trăng tròn được rọi sáng bộc lộ không che giấu, vầng mặt trời được rọi sáng bộc lộ không che giấu, Pháp và Luật đã được công bố bởi đức Như Lai được rọi sáng bộc lộ không che giấu.

Ba thời điểm phân phối chỗ trú ngụ: thời điểm trước, thời điểm sau, thời điểm trung gian.¹

¹ Ba thời điểm phân phối chỗ trú ngụ: Ngày kế ngày rằm của tháng *Āsā! hā* (tương đương ngày 16 tháng sáu âm lịch, tức là ngày đầu tiên của mùa an cư mùa mưa đợt đầu) là thời điểm trước nên phân phối, một tháng kế sau ngày rằm của tháng *Āsā! hā* là thời điểm sau nên phân phối, một ngày sau lễ *Pavāraṇā* cho đến lần an cư mùa mưa kế là thời điểm trung gian nên phân phối (*Cullavagga – Tiểu Phẩm* tập 2, TTPV tập 07, chương VI, trang 195; TTVN tập 07, trang 139).

Có loại tội vị bị bệnh vi phạm vị không bệnh không vi phạm, có loại tội vị không bệnh vi phạm vị bị bệnh không vi phạm, có loại tội vị bị bệnh luôn cả vị không bệnh vi phạm.¹

4. Ba sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp. Ba sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp.²

Ba hình phạt *parivāsa*: hình phạt *parivāsa* có che giấu, hình phạt *parivāsa* không có che giấu, hình phạt *parivāsa* từ mốc trong sạch.³

Ba hình phạt *mānatta*: hình phạt *mānatta* có che giấu, hình phạt *mānatta* không có che giấu, hình phạt *mānatta* nửa tháng.

Ba sự dứt đêm của vị tỳ khuru hành *parivāsa*: sự cư ngụ chung, sự cư ngụ tách rời, sự không trình báo.¹

¹ Loại tội vị bị bệnh vi phạm vị không bệnh không vi phạm: Ví dụ như trường hợp vị tỳ khuru bị bệnh cần loại dược phẩm này lại yêu cầu loại khác. Loại tội vị không bệnh vi phạm vị bị bệnh không vi phạm: là trường hợp vị không bị bệnh yêu cầu dược phẩm. Loại tội vị bị bệnh luôn cả vị không bệnh vi phạm: là các tội còn lại (*VinA. vii*, 1326).

² Xem *Cullavagga – Tiểu Phẩm* tập 2, TTPV tập 07, chương IX, các trang 437-453; TTVN tập 07, các trang 315-329.

³ Ba hình phạt *parivāsa* và ba hình phạt *mānatta* xem ở *Sđđ.*, chương III. Hình phạt *mānatta* nửa tháng là dành riêng cho tỳ khuru ni. Xem *Bhikkhunīvibhaṅga - Phân Tích Giới Tỳ Khuru Ni*, TTPV tập 03, chương II, trang 91; TTVN tập 03, trang 75.

Có loại tội vi phạm ở bên trong không (vi phạm) ở bên ngoài, có loại tội vi phạm ở bên ngoài không (vi phạm) ở bên trong, có loại tội vi phạm ở bên trong luôn cả ở bên ngoài.²

Có loại tội vi phạm ở bên trong ranh giới không (vi phạm) ở bên ngoài ranh giới, có loại tội vi phạm ở bên ngoài ranh giới không (vi phạm) ở bên trong ranh giới, có loại tội vi phạm ở bên trong ranh giới luôn cả ở bên ngoài ranh giới.³

Vị vi phạm tội với ba biểu hiện: vị vi phạm do thân, vị vi phạm do khẩu, vị vi phạm do thân do khẩu. Vị vi phạm tội với ba biểu hiện khác nữa: vị vi phạm tội ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, trong sự hiện diện của cá nhân.

¹ Xem *Cullavagga – Tiểu Phẩm* tập 1, TTPV tập 06, chương II, trang 167; TTVN tập 06, trang 137.

² Tội vi phạm ở bên trong không (vi phạm) ở bên ngoài: Ví dụ như tội chen vào chỗ ngủ có vị tỳ khưu khác đã đến trước rồi nằm xuống. Tội vi phạm ở bên ngoài không (vi phạm) ở bên trong: ví dụ như việc trải ra giường ghế của hội chúng ở ngoài trời rồi ra đi không thu dọn. Tội vi phạm ở bên trong luôn cả ở bên ngoài: là các tội còn lại (*VinA. vii*, 1326).

³ Theo ngài Buddhaghosa, ba vấn đề này có liên quan đến các phạm sự của vị vãng lai là loại thứ nhất, vị xuất hành là loại thứ nhì, và các phạm sự còn lại là loại thứ ba (*Sđđ.* 1326-1327). Xem các phạm sự ở *Cullavagga – Tiểu Phẩm* tập 2, TTPV và TTVN tập 07, chương VIII.

Vị thoát khỏi tội với ba biểu hiện: vị thoát khỏi (tội) do thân, vị thoát khỏi (tội) do khẩu, vị thoát khỏi (tội) do thân do khẩu. Vị thoát khỏi tội với ba biểu hiện khác nữa: vị thoát khỏi tội ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, trong sự hiện diện của cá nhân.

Ba sự ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng sai Pháp. Ba sự ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đúng Pháp.¹

5. Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự khiển trách đối với vị tỳ khưu có ba yếu tố: là vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội); là vị sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia.²

Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vị tỳ khưu có ba yếu tố: là vị thường gây nên sự xung đột, —nt— thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội); là vị sống thân cận với các

¹ *Cullavagga – Tiểu Phẩm* tập 1, TTPV tập 06, chương IV, các trang 355-357; TTVN tập 06, các trang 314-316.

² Xem *Cullavagga – Tiểu Phẩm* tập 1, TTPV tập 06, chương I, trang 15; TTVN tập 06, trang 13.

gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia.

Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khưu có ba yếu tố: là vị thường gây nên sự xung đột, —nt— thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội); là vị làm hư hỏng các gia đình và có hành động sai trái, những hành động sai trái không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa.

Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với vị tỳ khưu có ba yếu tố: là vị thường gây nên sự xung đột, —nt— thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội); là vị mắng nhiếc gièm pha người tại gia.

Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với vị tỳ khưu có ba yếu tố: là vị thường gây nên sự xung đột, —nt— thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội); là vị sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội.

Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với vị tỳ khưu có ba yếu tố: là vị thường gây nên sự xung đột, —nt—

thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội); là vị sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi.

Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tỳ khưu có ba yếu tố: là vị thường gây nên sự xung đột, —nt— thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội); là vị không muốn từ bỏ tà kiến ác.

Hội chúng nếu muốn có thể nghĩ đến (hình phạt) cứng rắn đối với vị tỳ khưu có ba yếu tố: là vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội); là vị sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia.

6. Hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khưu có ba yếu tố: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch.

Hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khưu có ba yếu tố khác nữa: là vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, bị hư hỏng về quan điểm thuộc quan điểm cực đoan.

Hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khưu có ba yếu tố khác nữa: là vị có sự đùa giỡn bằng thân, có sự đùa giỡn bằng khẩu, có sự đùa giỡn bằng thân và khẩu.

Hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khưu có ba yếu tố khác nữa: là vị có hành vi sai trái bằng thân, có hành vi sai trái bằng khẩu, có hành vi sai trái bằng thân và khẩu.

Hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khưu có ba yếu tố khác nữa: là vị có sự gây tổn hại bằng thân, có sự gây tổn hại bằng khẩu, có sự gây tổn hại bằng thân và khẩu.

Hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khưu có ba yếu tố khác nữa: là vị có sự nuôi mạng sai trái bằng thân, có sự nuôi mạng sai trái bằng khẩu, có sự nuôi mạng sai trái bằng thân và khẩu.

Hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khưu có ba yếu tố khác nữa: là vị vi phạm tội đã được thực hiện hành sự vẫn ban phép tu lên bậc trên, vẫn ban cho phép nương nhờ, vẫn để cho sa di phục vụ.

Hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khưu có ba yếu tố khác nữa: là vị tái phạm tội đã được hội chúng

thực hiện hành sự, hoặc tội khác tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy.

Hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố khác nữa: là vị chê bai đức Phật, là vị chê bai Giáo Pháp, là vị chê bai Hội Chúng.

7. Đối với vị tỳ khuru đang đình chỉ lễ *Uposatha* ở giữa hội chúng là vị có ba yếu tố: vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch, hội chúng nên áp chế rằng: ‘Này tỳ khuru, thôi đi. Chớ có (gây nên) sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cãi’ rồi nên tiến hành lễ *Uposatha*.

Đối với vị tỳ khuru đang đình chỉ lễ *Pavāraṇā* ở giữa hội chúng là vị có ba yếu tố: vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch, hội chúng nên áp chế rằng: ‘Này tỳ khuru, thôi đi. Chớ có (gây nên) sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cãi’ rồi nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

8. Không nên ban cho bất cứ sự đồng ý nào của hội chúng đến vị tỳ khuru có ba yếu tố: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch.

Vị tỳ khuru có ba yếu tố: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch không nên phát biểu đến hội chúng.

Không nên sắp xếp cho vị tỳ khuru có ba yếu tố: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch ở bất cứ chỗ nào riêng biệt.

Không nên sống nương nhờ vào vị tỳ khuru có ba yếu tố: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch.

Phép nương nhờ không nên ban cho đến vị tỳ khuru có ba yếu tố: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch.

Việc thỉnh ý là không cần thiết trong khi thỉnh ý (để buộc tội) vị tỳ khuru có ba yếu tố: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch.

Không nên nghe theo lời khuyên bảo của vị tỳ khuru có ba yếu tố: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch.

Không nên hỏi về Luật (ở) vị tỳ khuru có ba yếu tố: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch.

Vị tỳ khuru có ba yếu tố: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch không nên hỏi về Luật.

Không nên trả lời về Luật đến vị tỳ khuru có ba yếu tố: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch.

Vị tỳ khuru có ba yếu tố: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch không nên trả lời về Luật.

Không nên ban cho sự thâm vấn (về Luật) đến vị tỳ khưu có ba yếu tố: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch.

Không nên thảo luận về Luật với vị tỳ khưu có ba yếu tố: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch.

Vị tỳ khưu có ba yếu tố: là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, và không trong sạch không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

9. Ba lễ *Uposatha*: lễ ngày mười bốn, lễ ngày mười lăm, lễ *Uposatha* hợp nhất. Ba lễ *Uposatha* khác nữa: lễ *Uposatha* ở hội chúng, lễ *Uposatha* ở nhóm, lễ *Uposatha* ở cá nhân. Ba lễ *Uposatha* khác nữa: lễ *Uposatha* với sự đọc tụng, lễ *Uposatha* với lời bày tỏ sự trong sạch, lễ *Uposatha* với sự chú nguyện.

Ba lễ *Pavāraṇā*: lễ ngày mười bốn, lễ ngày mười lăm, lễ *Pavāraṇā* hợp nhất. Ba lễ *Pavāraṇā* khác nữa: lễ *Pavāraṇā* ở hội chúng, lễ *Pavāraṇā* ở nhóm, lễ *Pavāraṇā* ở cá nhân. Ba lễ *Pavāraṇā* khác nữa: lễ *Pavāraṇā* với ba lần đọc, lễ *Pavāraṇā* với hai lần đọc, lễ *Pavāraṇā* với (các vị) đồng năm tu (đọc một lượt).

10. Ba kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, không thể thoát khỏi điều này: là kẻ nào không có Phạm hạnh tỏ vẻ là người hành Phạm hạnh; là kẻ nào bôi nhọ

vị có Phạm hạnh trong sạch đang thực hành Phạm hạnh hoàn toàn trong sạch với việc phi Phạm hạnh không nguyên có; và là kẻ nào nói như vậy có quan điểm như vậy về điều này: ‘Không có sai quấy trong các dục’ rồi kẻ ấy lao vào say đắm trong các dục.

11. Ba nguồn gốc bất thiện: tham là nguồn gốc bất thiện, sân là nguồn gốc bất thiện, si là nguồn gốc bất thiện. Ba nguồn gốc thiện: vô tham là nguồn gốc thiện, vô sân là nguồn gốc thiện, vô si là nguồn gốc thiện.

Ba ác hạnh: thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh. Ba thiện hạnh: thân thiện hạnh, khẩu thiện hạnh, ý thiện hạnh.

12. Đức Thế Tôn quy định bữa ăn của nhóm ba (tỳ khưu) ở các gia đình vì ba điều lợi ích: nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các tỳ khưu hiền thiện, và vì lòng thương tưởng các gia đình rằng: ‘Chớ để những kẻ có ước muốn xấu xa nương tựa vào phe nhóm để chia rẽ hội chúng.’¹

Devadatta có tâm bị xâm chiếm, bị ngự trị bởi ba điều không đúng chánh Pháp là: ước muốn xấu xa, bạn hữu xấu xa, đã dừng lại ở giữa pháp thiện và pháp siêu

¹ Liên quan đến tội *pācittiya* 32 về vật thực dâng chung nhóm.

thế (nên trở thành) kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

13. Ba sự đồng ý: sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy, sự đồng ý về (việc sử dụng) dây, sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy và dây.¹

Ba loại giày đặt ở chỗ nhất định, không thể mang đi (nơi khác) là: giày ở nhà tiểu, giày ở nhà tiêu, giày ở chỗ súc miệng.²

Ba vật chà chân: cát, sỏi, và đá bọt biển.³

Dứt Nhóm Ba.

¹ *Cullavagga – Tiểu Phẩm* tập 2, TTPV tập 07, chương V, các trang 79-83; TTVN tập 07, các trang 56-59.

² *Mahāvagga – Đại Phẩm* tập 1, TTPV tập 04, chương V, trang 499; TTVN tập 04, trang 410.

³ *Cullavagga – Tiểu Phẩm* tập 2, TTPV tập 07, chương V, trang 75; TTVN tập 07, trang 52.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Trong khi còn hiện tiền, hợp thời, và ban đêm, mười (năm), năm (năm), với (tâm) thiện, (ba) cảm thọ, (ba) nền tảng của sự cáo tội, (ba) loại thẻ, hai sự khước từ.

2. Sự quy định, và hai nhóm khác nữa, vị ngu dốt, lúc hạ huyền, và được phép, vào mùa lạnh, hội chúng, thuộc hội chúng, việc che giấu, và che kín.

3. Được giấu kín, và không bộc lộ, chỗ ngụ, việc bị bệnh, giới bốn Pātimokkha, hình phạt parivāsa, hình phạt mānatta, các vị hành parivāsa.

4. Bên trong, và ở trong ranh giới, vị vi phạm, các cách khác nữa, vị thoát tội, và luôn cả các cách khác, hai cách hành xử Luật khi không điên cuồng.

5. (Hành sự) khiển trách, và chỉ dạy, xua đuổi, và hòa giải, về (án treo) không nhìn nhận tội, không sửa chữa, và không từ bỏ tà kiến.

6. (Hình phạt) cứng rắn, hành sự, về tăng thượng giới, đùa giỡn, (có hành vi) sai trái, gây tổn hại, nuôi mạng, tái phạm tội tương tự, chê bai, và với lễ Uposatha.

7. Lễ Pavāraṇā, và sự đồng ý, sự phát biểu, và với chỗ riêng biệt, không nên sống, không nên cho, không nên thỉnh ý là tương tự.

8. Không nên ban lời khuyên bảo, không nên thăm vấn có hai, và luôn cả không nên trả lời có hai, cũng không nên cho thăm vấn.

9. Các sự thảo luận, việc tu lên bậc trên, sự nương nhờ, và với vị sa di, nhóm ba về lễ Uposatha, nhóm ba về lễ Pavāraṇā.

10. (Ba) kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, (các nguồn gốc) bất thiện, (các nguồn gốc) thiện, hai nhóm về các hành vi, bữa ăn của nhóm ba, không phải Chánh Pháp, sự đồng ý, và với giày, và luôn cả vật chà chân, đây là sự tóm tắt về nhóm ba.

--ooOoo--

NHÓM BỐN

1. Có loại tội vi phạm do lời nói của bản thân, thoát khỏi (tội) do lời nói của người khác; có loại tội vi phạm do lời nói của người khác, thoát khỏi (tội) do lời nói của bản thân; có loại tội vi phạm do lời nói của bản thân, thoát khỏi (tội) do lời nói của bản thân; có loại tội vi phạm do lời nói của người khác, thoát khỏi (tội) do lời nói của người khác.¹

Có loại tội vi phạm do thân thoát khỏi (tội) do khẩu, có loại tội vi phạm do khẩu thoát khỏi (tội) do thân,² có loại tội vi phạm do thân thoát khỏi (tội) do thân, có loại tội vi phạm do khẩu thoát khỏi (tội) do khẩu.

Có loại tội vi phạm khi ngủ thoát khỏi (tội) khi thức, có loại tội vi phạm khi thức thoát khỏi (tội) khi ngủ, có loại tội vi phạm khi ngủ thoát khỏi (tội) khi ngủ, có loại tội vi phạm khi thức thoát khỏi (tội) khi thức.

Có loại tội vi phạm vô ý thức thoát khỏi (tội) có ý thức, có loại tội vi phạm có ý thức thoát khỏi (tội) vô ý

¹ Có tội vi phạm do lời nói của bản thân là phạm tội do khẩu, thoát tội do lời nói của bản thân là do việc sám hối, có tội vi phạm do lời nói của người khác là tội có tuyên ngôn nhắc nhở, thoát tội do lời nói của người khác là thoát tội do tuyên ngôn hành sự trong việc giải tội *saṅ ghādisesa* (VinA. vii, 1328-1329).

² Thoát khỏi tội do thân là cách dùng cỏ che lấp của pháp đàn xếp tranh tụng (*Sdd.* 1329).

thức, có loại tội vi phạm vô ý thức thoát khỏi (tội) vô ý thức, có loại tội vi phạm có ý thức thoát khỏi (tội) có ý thức.¹

Có loại tội trong lúc vi phạm thì sám hối, trong lúc sám hối thì vi phạm, có loại tội trong lúc vi phạm thì thoát khỏi (tội), trong lúc thoát khỏi (tội) thì vi phạm.²

Có loại tội vi phạm do hành sự (của hội chúng) thoát khỏi (tội) không do hành sự (của hội chúng), có loại tội vi phạm không do hành sự thoát khỏi (tội) do hành sự, có loại tội vi phạm do hành sự thoát khỏi (tội) do hành sự, có loại tội vi phạm không do hành sự thoát khỏi (tội) không do hành sự.³

¹ Có tội vi phạm vô ý thức là vi phạm tội không có sự liên quan của tâm, thoát tội có ý thức là vi phạm tội có sự liên quan của tâm, có tội vi phạm có ý thức là vi phạm tội có sự liên quan của tâm, thoát tội vô ý thức là cách dùng cò che lấp (*Sđđ.*).

² Tội trong lúc sám hối thì vi phạm: Liên quan việc các tỳ khưu phạm tội giống nhau, ví dụ tội *pācittiya*, như vậy trong lúc sám hối tội *pācittiya* thì vi phạm tội *dukkaṭa a*, trong lúc vi phạm tội *dukkaṭa a* thì thoát khỏi tội *pācittiya*, trong lúc thoát khỏi tội *pācittiya* thì vi phạm tội *dukkaṭa a* (*Sđđ.*).

³ Có tội vi phạm do hành sự: ví dụ như việc không chịu từ bỏ tà kiến ác với sự nhắc nhở của hội chúng, thoát tội không do hành sự: như trong lúc sám hối. Có tội vi phạm không do hành sự: như việc làm xuất ra tinh dịch, thoát tội do hành sự như việc thực hành hình phạt *parivāsa*, v.v... (*Sđđ.*). Phần còn lại nên được giải thích tương tự.

2. Bốn sự phát biểu không thánh thiện:¹ không thấy nói đã thấy, không nghe nói đã nghe, không cảm giác nói đã cảm giác, không nhận thức nói đã nhận thức.

Bốn sự phát biểu thánh thiện: không thấy nói không thấy, không nghe nói không nghe, không cảm giác nói không cảm giác, không nhận thức nói không nhận thức.

Bốn sự phát biểu không thánh thiện khác nữa: đã thấy nói không thấy, đã nghe nói không nghe, đã cảm giác nói không cảm giác, đã nhận thức nói không nhận thức.

Bốn sự phát biểu thánh thiện khác nữa: đã thấy nói đã thấy, đã nghe nói đã nghe, đã cảm giác nói đã cảm giác, đã nhận thức nói đã nhận thức.

3. Bốn điều *pārājika* của các tỳ khuru là chung với (có liên quan đến) các tỳ khuru ni. Bốn điều *pārājika* của các tỳ khuru ni là không chung với (không có liên quan đến) các tỳ khuru.

Bốn loại vật dụng: có loại vật dụng nên được bảo quản, nên được gìn giữ, nên xem là của mình, nên được sử dụng; có loại vật dụng nên được bảo quản, nên được gìn giữ, nên xem là của mình, không nên được sử dụng; có loại vật dụng nên được bảo quản, nên được gìn giữ,

¹ Xem điều học *pācittiya* thứ nhất về việc cố tình nói dối (*Pācittiyaṇṇaṃ* i *Bhikkhuvibhaṇṇa* ga - Phân Tích Giới Tỳ Khuru tập 2, TTPV tập 02, trang 5; TTVN tập 02, trang 4).

không nên xem là của mình, không nên được sử dụng; có loại vật dụng không nên được bảo quản, không nên được gìn giữ, không nên xem là của mình, không nên được sử dụng.¹

Có loại tội vi phạm với sự hiện diện, thoát khỏi (tội) với sự vắng mặt; có loại tội vi phạm với sự vắng mặt, thoát khỏi (tội) với sự hiện diện; có loại tội vi phạm với sự hiện diện, thoát khỏi (tội) với sự hiện diện; có loại tội vi phạm với sự vắng mặt, thoát khỏi (tội) với sự vắng mặt.²

Có loại tội vi phạm trong khi không biết, thoát khỏi (tội) trong khi biết; có loại tội vi phạm trong khi biết, thoát khỏi (tội) trong khi không biết; có loại tội vi phạm trong khi không biết, thoát khỏi (tội) trong khi không biết; có loại tội vi phạm trong khi biết, thoát khỏi (tội) trong khi biết.³

4. Vị vi phạm tội với bốn cách biểu hiện: vi phạm do thân, vi phạm do khẩu, vi phạm do thân do khẩu, vi phạm do tuyên ngôn hành sự. Vị vi phạm tội với bốn cách biểu hiện khác nữa: ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm,

¹ Bốn loại vật dụng: Vật dụng của bản thân là loại thứ nhất, vật dụng của hội chúng là loại thứ nhì, vật dụng dùng ở bảo tháp là loại thứ ba, vật dụng của hàng tại gia là loại thứ tư (*VinA. vii*, 1329-1330).

² Ở đây là với sự hiện diện hoặc với sự vắng mặt của hội chúng. Được giải thích tương tự phần cước chú 2 ở trên (*Sdd.* 1330).

³ Được giải thích tương tự phần 3 của trang 42 về tội vi phạm vô ý thức và có ý thức (*Sdd.*).

trong sự hiện diện của cá nhân, do sự xuất hiện của phái tính.¹

Vị thoát khỏi tội với bốn cách biểu hiện: thoát khỏi (tội) do thân, thoát khỏi (tội) do khẩu, thoát khỏi (tội) do thân do khẩu, thoát khỏi (tội) do tuyên ngôn hành sự.

Vị thoát khỏi tội với bốn cách biểu hiện khác nữa: ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, trong sự hiện diện của cá nhân, do sự xuất hiện của phái tính.² Với sự đạt được, vị (ấy) từ bỏ (giới tính) trước đây, được xác định trong (giới tính) sau này, các sự yêu cầu được thấu hời, các điều quy định được hủy bỏ. Với sự đạt được, vị (ấy) từ bỏ (giới tính) sau này, được xác định trong (giới tính) trước đây, các sự yêu cầu được thấu hời, các điều quy định được hủy bỏ.

5. Bốn sự cáo tội: vị cáo tội với sự hư hỏng về giới, vị cáo tội với sự hư hỏng về hạnh kiểm, vị cáo tội với sự hư hỏng về quan điểm, vị cáo tội với sự hư hỏng về nuôi mạng.

Bốn hình phạt *parivāsa*: hình phạt *parivāsa* có che giấu, hình phạt *parivāsa* không có che giấu, hình phạt *parivāsa* từ mốc trong sạch, hình phạt *parivāsa* kết hợp.

¹ Là sự thay đổi giới tính của vị tỳ khuru hoặc vị tỳ khuru ni. Ngủ chung chỗ trú ngụ là tội được đề cập đến (*Sđd.*).

² Thoát khỏi tội do sự xuất hiện của phái tính: Khi thay đổi giới tính, những tội thuộc loại quy định riêng đã vi phạm thì được thoát tội (*Sđd.*).

Bốn hình phạt *mānatta*: hình phạt *mānatta* có che giấu, hình phạt *mānatta* không có che giấu, hình phạt *mānatta* nửa tháng, hình phạt *mānatta* kết hợp.

Bốn sự đứt đêm của vị tỳ khưu hành *mānatta*: sự cư ngụ chung, sự cư ngụ tách rời, sự không trình báo, vị thực hành ở nhóm không đủ (tỳ khưu).¹

Bốn pháp dung hòa.²

6. Bốn vật dụng được thọ lãnh: vật dùng đến hết ngo, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng đến suốt đời.

Bốn vật dơ có tính quan trọng là: phân, nước tiểu, tro, và đất sét.³

Bốn loại hành sự: hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư.

¹ Xem *Cullavagga – Tiểu Phẩm* tập 1, TTPV tập 06, chương II, trang 189; TTVN tập 06, trang 157.

² Được ghi lại nghĩa Việt theo Chú Giải: '*cattāro sāmukkaṃsāti cattāro mahāpadesā*' (VinA. vii, 1330). Xem chi tiết về bốn pháp dung hòa ở *Mahāvagga – Đại Phẩm* tập 2, TTPV tập 05, chương VI, trang 107; TTVN tập 05, trang 96.

³ Xem thêm điều học *pācittiya* 40 về tắm xia răng (TTPV tập 02, trang 251; TTVN tập 02, trang 201); và bốn loại vật dơ có tính quan trọng (*Mahāvagga – Đại Phẩm* tập 2, TTPV tập 05, chương VI, trang 17; TTVN tập 05, trang 14).

Bốn loại hành sự khác nữa: hành sự theo nhóm sai pháp, hành sự hợp nhất sai pháp, hành sự theo nhóm sai pháp, hành sự hợp nhất đúng pháp.¹

Bốn sự hư hỏng: sự hư hỏng về giới, sự hư hỏng về hạnh kiểm, sự hư hỏng về quan điểm, sự hư hỏng về sự nuôi mạng.

Bốn sự tranh tụng: sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.²

Bốn điều làm ô uế tập thể: vị tỳ khuru giới hạnh tồi có ác pháp là điều làm ô uế tập thể, vị tỳ khuru ni giới hạnh tồi có ác pháp là điều làm ô uế tập thể, vị nam cư sĩ giới hạnh tồi có ác pháp là điều làm ô uế tập thể, vị nữ cư sĩ giới hạnh tồi có ác pháp là điều làm ô uế tập thể.

Bốn điều làm rạng rỡ tập thể: vị tỳ khuru có giới có thiện pháp là điều làm rạng rỡ tập thể, vị tỳ khuru ni có giới có thiện pháp là điều làm rạng rỡ tập thể, vị nam cư sĩ có giới có thiện pháp là điều làm rạng rỡ tập thể, vị nữ cư sĩ có giới có thiện pháp là điều làm rạng rỡ tập thể.

¹ Xem *Mahāvagga* – *Đại Phẩm* tập 2, TTPV tập 05, chương IX, trang 247; TTVN tập 05, trang 220.

² Xem *Cullavagga* – *Tiểu Phẩm* tập 1, TTPV tập 06, chương IV, trang 377; TTVN tập 06, trang 331.

7. Có loại tội vị vãng lai vi phạm vị thường trú không (vi phạm), có loại tội vị thường trú vi phạm vị vãng lai không (vi phạm), có loại tội vị vãng lai luôn cả vị thường trú đều vi phạm, có loại tội vị vãng lai luôn cả vị thường trú đều không vi phạm.¹

Có loại tội vị xuất hành vi phạm vị thường trú không (vi phạm), có loại tội vị thường trú vi phạm vị xuất hành không (vi phạm), có loại tội vị xuất hành luôn cả vị thường trú đều vi phạm, có loại tội vị xuất hành luôn cả vị thường trú đều không vi phạm.

Có sự khác biệt về sự việc không có sự khác biệt về tội vi phạm, có sự khác biệt về tội vi phạm không có sự khác biệt về sự việc, có sự khác biệt về sự việc và có sự khác biệt về tội vi phạm, không có sự khác biệt về sự việc và không có sự khác biệt về tội vi phạm.²

¹ Các tội do không thực hành phận sự của vị vãng lai là phần thứ nhất, các tội do không thực hành phận sự của vị thường trú là phần thứ nhì, các tội do không thực hành các phận sự khác, các tội được quy định riêng cho một hội chúng thì vị vãng lai luôn cả vị thường trú đều không vi phạm (*VinA. vii*, 1331). Nhóm bốn kế tiếp được giải thích tương tự.

² Có sự khác biệt về sự việc không có sự khác biệt về tội vi phạm: Ví dụ như bốn tội *pārājika* có sự khác biệt về sự việc không có sự khác biệt về tội vi phạm. Có sự khác biệt về tội vi phạm không có sự khác biệt về sự việc: Ví dụ như việc xúc chạm cơ thể, tỳ khuru phạm *saṅghādisesa* còn tỳ khuru ni phạm *pārājika*; hoặc việc nhai tỏi, tỳ khuru phạm *dukkaṭa*, còn tỳ khuru ni phạm *pācittiya*. Có sự khác biệt về sự việc và có sự khác biệt về tội vi phạm: là khi so sánh các nhóm

Có sự giống nhau về sự việc không có sự giống nhau về tội vi phạm, có sự giống nhau về tội vi phạm không có sự giống nhau về sự việc, có sự giống nhau về sự việc và có sự giống nhau về tội vi phạm, không có sự giống nhau về sự việc và không có sự giống nhau về tội vi phạm.

Có loại tội thầy tế độ vi phạm đệ tử không (vi phạm), có loại tội đệ tử vi phạm thầy tế độ không (vi phạm), có loại tội thầy tế độ luôn cả đệ tử đều vi phạm, có loại tội thầy tế độ và đệ tử đều không vi phạm.¹

Có loại tội thầy dạy học vi phạm học trò không (vi phạm), có loại tội học trò vi phạm thầy dạy học không (vi phạm), có loại tội thầy dạy học luôn cả học trò đều vi phạm, có loại tội thầy dạy học và học trò đều không vi phạm.

tội này với nhóm tội khác. Không có sự khác biệt về sự việc và không có sự khác biệt về tội vi phạm: là các tội quy định chung cho các tỳ khuru và các tỳ khuru ni (*Sdd.*). Nhóm bốn kế tiếp về ‘có sự giống nhau và không có sự giống nhau’ nên được giải thích tương tự.

¹ Có tội thầy tế độ vi phạm đệ tử không (vi phạm): là phạm sự của thầy tế độ. Có tội đệ tử vi phạm thầy tế độ không (vi phạm) là phạm sự của đệ tử. Có tội thầy tế độ luôn cả đệ tử đều vi phạm là các phạm sự còn lại. Có tội thầy tế độ và đệ tử đều không vi phạm là các tội được quy định riêng cho một hội chúng, còn hội chúng kia không vi phạm. Nhóm bốn kế tiếp về thầy dạy học và học trò nên được giải thích tương tự (*Sdd.* 1331-1332).

8. Bốn duyên có của việc dứt mùa (an cư) mưa không phạm tội: hoặc là hội chúng bị chia rẽ, hoặc là có những người có ý định chia rẽ hội chúng, hoặc là có nguy hiểm đến mạng sống, hoặc là có nguy hiểm đến Phạm hạnh.¹

Bốn ác hạnh về khẩu: lời nói dối, lời nói đâm thọc, lời nói dữ tợn, lời nói nhảm nhí.

Bốn thiện hạnh về khẩu: lời nói thật, lời nói không đâm thọc, lời nói nhỏ nhẹ, lời nói có mục đích.

Có (trường hợp) trong khi lấy đi vi phạm tội nặng trong khi ra lệnh vi phạm tội nhẹ,² có (trường hợp) trong khi lấy đi vi phạm tội nhẹ trong khi ra lệnh vi phạm tội nặng, có (trường hợp) trong khi lấy đi lần trong khi ra lệnh vi phạm tội nặng, có (trường hợp) trong khi lấy đi lần trong khi ra lệnh vi phạm tội nhẹ.

9. Có người xứng đáng việc đánh lễ không xứng đáng việc đứng dậy, có người xứng đáng việc đứng dậy không xứng đáng việc đánh lễ, có người xứng đáng việc đánh lễ và xứng đáng việc đứng dậy, có người không

¹ Xem chi tiết ở *Mahāvagga* – *Đại Phẩm* tập 1, TTPV tập 04, chương III, các trang 373-379; TTVN tập 04, từ trang 299.

² Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: “Trong khi tự tay lấy đi (bước đi) một bước hoặc hơn một bước vi phạm tội nặng, trong khi ra lệnh vi khác với lời chỉ thị rằng: ‘Hãy mang đi chưa tới một bước’ vi phạm tội nhẹ. Ba phần còn lại nên được hiểu theo phương thức này” (*VinA. vii*, 1332).

xứng đáng việc đánh lễ cũng không xứng đáng việc đứng dậy.¹

Có người xứng đáng với chỗ ngồi không xứng đáng việc đánh lễ, có người xứng đáng việc đánh lễ không xứng đáng với chỗ ngồi, có người xứng đáng với chỗ ngồi và xứng đáng việc đánh lễ, có người không xứng đáng với chỗ ngồi cũng không xứng đáng việc đánh lễ.

10. Có loại tội vi phạm lúc đúng thời không (vi phạm) lúc sai thời, có loại tội vi phạm lúc sai thời không (vi phạm) lúc đúng thời, có loại tội vi phạm lúc đúng thời luôn cả lúc sai thời, có loại tội không vi phạm lúc đúng thời luôn cả lúc sai thời.²

Có vật thọ lãnh được phép lúc đúng thời không (được phép) lúc sai thời, có vật thọ lãnh được phép lúc sai thời không (được phép) lúc đúng thời, có vật thọ lãnh

¹ Về người xứng đáng và không xứng đáng về việc đánh lễ và việc đứng dậy: Trường hợp vị đang thọ thực trong nhà ăn không thể đứng dậy đối với vị thâm niên hơn là trường hợp thứ nhất, vị mới tu đối với vị thâm niên hơn đang thực hành *parivāsa* là trường hợp thứ nhì, vị mới tu đối với vị thâm niên hơn là trường hợp thứ ba, và ngược lại là trường hợp thứ tư. Nhóm bốn kể được giải thích tương tự (*Sdd.*).

² Tội vi phạm lúc đúng thời không (vi phạm) lúc sai thời: là sau khi đã ngăn vật thực rồi lại thọ dụng thêm. Tội vi phạm lúc sai thời không (vi phạm) lúc đúng thời: là thọ dụng vật thực sai thời. Tội vi phạm lúc đúng thời luôn cả lúc sai thời: là các tội còn lại. Tội không vi phạm lúc đúng thời luôn cả lúc sai thời: là trường hợp thứ tư liên quan đến các điều đã được quy định riêng cho một hội chúng (*Sdd.*).

được phép lúc đúng thời luôn cả lúc sai thời, có vật thọ lãnh không được phép lúc đúng thời luôn cả lúc sai thời.¹

Có loại tội vi phạm trong các quốc độ ở biên địa không (vi phạm) ở trung tâm, có loại tội vi phạm trong các quốc độ ở trung tâm không (vi phạm) ở biên địa, có loại tội vi phạm trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm, có loại tội không vi phạm trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm.²

Có việc được phép trong các quốc độ ở biên địa không (được phép) ở trung tâm, có việc được phép trong các quốc độ ở trung tâm không (được phép) ở biên địa,

¹ Vật thọ lãnh được phép lúc đúng thời không được phép lúc sai thời: như là vật thực thọ lãnh trước bữa ăn. Thức uống là vật được phép thọ lãnh vào lúc sai thời và không được phép lúc đúng thời khi đã để qua ngày hôm sau. Vật thọ lãnh được phép lúc đúng thời luôn cả lúc sai thời như là vật dùng trong bảy ngày hoặc vật dùng đến suốt đời. Vật thọ lãnh không được phép lúc đúng thời luôn cả lúc sai thời ví dụ như loại thịt không được phép (*Sdd.*).

² Tội vi phạm trong các quốc độ ở biên địa không (vi phạm) ở trung tâm: như việc kết ranh giới ở trên biển. Tội vi phạm trong các quốc độ ở trung tâm không (vi phạm) ở biên địa: ví dụ như cho tu lên bậc trên với nhóm năm vị, tắm rửa thường xuyên, đồ trải lót bằng da thú, dép có nhiều lớp, v.v... (Xem *Mahāvagga* – *Đại Phẩm* tập 1, TTPV tập 04, chương V, các trang 513-515; TTVN tập 04, trang 423). Tội vi phạm trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm: là các tội còn lại. Tội không vi phạm trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm là các tội quy định riêng cho một hội chúng, hội chúng kia dầu có thực hiện cũng không vi phạm (*VinA. vii*, 1332-1333). Nhóm bốn kế tiếp được giải thích tương tự.

có việc được phép trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm, có việc không được phép trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm.

Có loại tội vi phạm ở bên trong không (vi phạm) ở bên ngoài, có loại tội vi phạm ở bên ngoài không (vi phạm) ở bên trong, có loại tội vi phạm ở bên trong luôn cả ở bên ngoài, có loại tội không vi phạm ở bên trong luôn cả ở bên ngoài.

Có loại tội vi phạm ở bên trong ranh giới không (vi phạm) ở bên ngoài ranh giới, có loại tội vi phạm ở bên ngoài ranh giới không (vi phạm) ở bên trong ranh giới, có loại tội vi phạm ở bên trong ranh giới luôn cả ở bên ngoài ranh giới, có loại tội không vi phạm ở bên trong ranh giới luôn cả ở bên ngoài ranh giới.

Có loại tội vi phạm ở làng không (vi phạm) ở rừng, có loại tội vi phạm ở rừng không (vi phạm) ở làng, có loại tội vi phạm ở làng luôn cả ở rừng, có loại tội không vi phạm ở làng luôn cả ở rừng.¹

11. Bốn sự cáo tội: do thấy rõ sự việc, do thấy rõ tội vi phạm, khước từ việc đồng cộng trú, khước từ phận sự đúng đắn.

¹ Tội vi phạm ở làng không phạm ở rừng: là các điều học *sekhiya*. Tội vi phạm ở rừng không phạm ở làng: như vị tỳ khuru ni đang chờ đợi trời sáng. Tội vi phạm ở làng luôn cả ở rừng: như tội nói dối, v.v... Tội không vi phạm ở làng luôn cả ở rừng: là các tội quy định riêng cho một hội chúng, hội chúng kia không phạm (*Sđđ*. 1333).

Bốn nhiệm vụ đầu tiên.¹ Bốn thời điểm thích hợp.² Bốn tội *pācittiya* không vì nguyên nhân khác.³ Bốn sự đồng ý của các tỳ khuru.⁴

Bốn sự thiên vị: thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi.

Bốn sự không thiên vị: không thiên vị vì thương, không thiên vị vì ghét, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi.

12. Vị tỳ khuru vô liêm sỉ chia rẽ hội chúng có bốn yếu tố: trong khi thiên vị vì thương, trong khi thiên vị vì ghét, trong khi thiên vị vì si mê, trong khi thiên vị vì sợ hãi.

¹ Bốn nhiệm vụ đầu tiên là đề cập đến các nhiệm vụ trong ngày *Uposatha* hoặc *Pavāraṇā* như quét dọn, đèn, nước, chỗ ngồi; hoặc bốn nhiệm vụ đầu tiên khác là việc đem lại sự tùy thuận và bày tỏ sự trong sạch, tính đếm mùa tiết, tính đếm số lượng tỳ khuru, và việc giáo giới (*Sdd.*).

² Bốn thời điểm thích hợp là: vào ngày lễ *Uposatha*, các vị tỳ khuru với số lượng cần thiết cho hành sự đã đến, các vị không phạm đồng tội, các nhân vật phạm tội không hiện diện (*Sdd.*).

³ Là các tội *pācittiya* 16, 42, 77, 78 vì có câu '*etadeva paccayaṃ karitvā anaññaṃ pācittiyaṃ*' nghĩa là: 'Sau khi thực hiện chỉ nguyên nhân ấy không điều nào khác thì phạm tội *pācittiya*' (*Sdd.*).

⁴ Bốn sự đồng ý của các tỳ khuru: là đề cập đến việc không phạm các tội *nissaggiya pācittiya* 2, 14, 29 và tội *pācittiya* 9 do đã có được sự đồng ý của hội chúng tỳ khuru (*Sdd.*).

Vị tỳ khuru hiền thiện làm hợp nhất hội chúng đã bị chia rẽ có bốn yếu tố: trong khi không thiên vị vì thương, trong khi không thiên vị vì ghét, trong khi không thiên vị vì si mê, trong khi không thiên vị vì sợ hãi.

Không nên hỏi về Luật (ở) vị tỳ khuru có bốn yếu tố: thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi.

Vị tỳ khuru có bốn yếu tố: thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi không nên hỏi về Luật.

Không nên trả lời về Luật cho vị tỳ khuru có bốn yếu tố: thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi.

Vị tỳ khuru có bốn yếu tố: thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi không nên trả lời về Luật.

Không nên ban cho sự thăm vấn (về Luật) đến vị tỳ khuru có bốn yếu tố: thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi.

Không nên thảo luận về Luật với vị tỳ khuru có bốn yếu tố: thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi.

13. Có loại tội vị bị bệnh vi phạm vi không bị bệnh không (vi phạm), có loại tội vị không bị bệnh vi phạm vi bị bệnh không (vi phạm), có loại tội vị bị bệnh luôn cả vi không bị bệnh đều vi phạm, có loại tội vị bị bệnh và cả vi không bị bệnh đều không vi phạm.¹

14. Bốn sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai pháp. Bốn sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng pháp.²

Dứt Nhóm Bốn.

¹ - Có tội vị bị bệnh vi phạm: là trường hợp vị bị bệnh cần loại được phẩm này lại yêu cầu loại khác. Có tội vị không bị bệnh vi phạm: là trường hợp vị không bị bệnh yêu cầu được phẩm. Có tội vị bị bệnh luôn cả vi không bị bệnh đều vi phạm: ví dụ như tội nói dối, v.v... Có tội vị bị bệnh và cả vi không bị bệnh đều không vi phạm: là các tội quy định riêng cho một hội chúng (*Sdd.*).

² Xem *Cullavagga – Tiểu Phẩm* tập 2, TTPV tập 07, chương IX, các trang 437-453; TTVN tập 07, các trang 315-329.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Do lời nói của bản thân, do thân, khi ngủ, và vô ý thức, trong khi vi phạm, và do hành sự, bốn sự phát biểu là tương tự.

2. Của các tỳ khuru và của các tỳ khuru ni, vật dụng, và có sự hiện diện, vào thời điểm không biết, và ở giữa (hội chúng), vị thoát tội, có hai cách tương tự.

3. Sự đạt được, và sự cáo tội, và các hình phạt parivāsa được đề cập đến, vị hành mātta, (bốn) pháp dung hòa, (bốn) sự thọ lãnh.

4. (Bốn) vật dơ quan trọng, các hành sự, lại thêm các hành sự, và các sự hư hỏng, các sự tranh tụng, và các hạng có giới hạnh tối, các điều làm rạn vỡ, và với vị vãng lai.

5. Vị (tỳ khuru) xuất hành, có sự khác biệt về sự việc, và có sự giống nhau, với vị thầy tế độ, thầy dạy học, và duyên có, ác hạnh, thiện hạnh.

6. Trong khi lấy, và nhân vật, và các vị xứng đáng với chỗ ngồi, và lúc đúng thời, luôn cả điều được phép, được phép ở các xứ ở biên địa.

7. Ở bên trong, và ở trong ranh giới, ở làng, và về việc cáo tội, nhiệm vụ đầu tiên, thời điểm được thích hợp, không vì nguyên nhân khác, và với các sự đồng ý.

8. Thiên vị, và luôn cả không thiên vị, vị vô liêm sỉ, và với vị hiền thiện, cả hai phần nên vấn, hai phần nên đáp là tương tự, việc thẩm vấn, và thảo luận, vị bị bệnh và với sự đình chỉ.

--ooOoo--

NHÓM NĂM

1. Năm loại tội. Năm nhóm tội. Năm sự việc đã được rèn luyện.¹ Năm nghiệp vô gián.² Năm hạng người được xác định.³ Năm tội vi phạm liên quan đến sự cắt bớt.⁴ Vị vi phạm tội với năm biểu hiện.⁵ Năm loại tội vi phạm do duyên nói dối.⁶

¹ Năm sự việc đã được rèn luyện: Sự hạn chế, sự khống chế, sự kềm chế, sự tránh xa, sự không làm, sự không hành động, sự không vi phạm, sự không vượt qua lần ranh, sự cắt đứt mối liên hệ với năm nhóm tội (*Parivārapāḷi* - Tập Yếu tập 1, TTPV tập 08, trang 317; TTVN tập 08, trang 279).

² Năm nghiệp vô gián: là giết cha, giết mẹ, giết vị A-la-hán, làm (đức Phật) chảy máu, và chia rẽ hội chúng (ND).

³ Năm hạng người được xác định: là năm hạng người đã thực hiện năm nghiệp vô gián ở trên (*Sdd.* 1334).

⁴ Năm tội vi phạm liên quan đến sự cắt bớt: là năm tội *pācittiya* 87, 89, 90, 91, 92 liên quan đến việc cắt bớt vật làm quá kích thước là chân giường, tọa cụ, y đắp ghế, y tắm mưa, và y có kích thước y của đức Thiện Thệ (*Sdd.*).

⁵ Vị vi phạm tội với năm biểu hiện: là vị vô liêm sỉ, không có trí tuệ, bản chất xấu xa, lầm tưởng là được phép trong điều không được phép, lầm tưởng là không được phép trong điều được phép (*Sdd.*).

⁶ Năm loại tội vi phạm do duyên nói dối: là tội *pārājika*, *thullaccaya*, *dukkaṭa*, *saṅghādisesa*, và *pācittiya* (*Sdd.*).

2. Vị không thuận theo hành sự với năm biểu hiện: hoặc là không tự mình thực hiện hành sự, hoặc là không thỉnh mời vị khác, hoặc không trao ra sự tùy thuận hay (bày tỏ) sự trong sạch, hoặc là phản đối trong khi hành sự đang được thực hiện, hoặc là có quan điểm là không đúng pháp về hành sự đã được thực hiện.

Vị thuận theo hành sự với năm biểu hiện: hoặc là tự mình thực hiện hành sự, hoặc là thỉnh mời vị khác, hoặc là trao ra sự tùy thuận hay (bày tỏ) sự trong sạch, hoặc là không phản đối trong khi hành sự đang được thực hiện, hoặc là có quan điểm là đúng pháp về hành sự đã được thực hiện.

3. Năm việc được phép đối với vị tỳ khuru hành pháp khất thực: đi không phải xin phép, vật thực dâng chung nhóm, vật thực thỉnh sau, không phải xác định, không phải chuyển nhượng bữa ăn.¹

4. Vị tỳ khuru, dầu là ác tỳ khuru luôn cả vị có pháp bền vững, không được tin tưởng và bị nghi ngờ khi có

¹ Năm việc được phép đối với vị tỳ khuru hành pháp (đầu đà) khất thực: ‘Đi không phải xin phép’ là không phải báo cho vị tỳ khuru hiện diện khi đi đến các gia đình trước hay sau bữa ăn, hai điều ‘vật thực dâng chung nhóm’ và ‘vật thực thỉnh sau’ là không phải phạm tội đối với hai điều học *pācittiya* 32 và 33 của tỳ khuru, về ‘không phải xác định’ là không phải bận tâm xác định trường hợp được phép trong trường hợp vật thực dâng chung nhóm, ‘không phải chuyển nhượng bữa ăn’ là không phải thực hiện việc ấy khi nhận phần vật thực thỉnh sau (*Sđđ.*).

năm yếu tố: hoặc là có sự lai vãng với đĩ điếm, hoặc là có sự lai vãng với góa phụ, hoặc là có sự lai vãng với gái lỡ thời, hoặc là có sự lai vãng với người vô căn, hoặc là có sự lai vãng với tỳ khuru ni.

5. Năm loại dầu ăn: là dầu mè, dầu hạt mù tạt, dầu có chứa mật ong, dầu cây *eraṇḍa*, dầu từ mỡ thú.¹

Năm loại mỡ thú: mỡ gấu, mỡ cá, mỡ cá sấu, mỡ heo rừng, mỡ lừa.²

6. Năm sự suy sụp: suy sụp về thân quyến, suy sụp về của cải, suy sụp vì bệnh hoạn, suy sụp về giới, suy sụp về kiến thức.

Năm sự thành tựu: thành tựu về thân quyến, thành tựu về của cải, thành tựu về vô bệnh, thành tựu về giới, thành tựu về kiến thức.

7. Năm trường hợp đình chỉ việc nương nhờ ở thầy tế độ: thầy tế độ rời đi, hoặc hoàn tục, hoặc từ trần, hoặc

¹ Năm loại dầu ăn được thấy ở điều học *pācittiya* 39 (*Pācittiyaṇāṇi* i *Bhikkhuvibhaṅga* - Phân Tích Giới Tỳ Khuru tập 2, TTPV tập 02, trang 247; TTVN tập 02, trang 196).

² Năm loại mỡ thú: Xem *Mahāvagga* – Đại Phẩm tập 2, TTPV tập 05, chương VI, trang 7; TTVN tập 05, trang 4.

chuyển qua nhóm khác, hoặc sự ra lệnh (đuổi đi) là thứ năm.¹

Năm hạng người không nên cho tu lên bậc trên: người chưa đủ hai mươi tuổi, người có phần cơ thể (bàn tay, v.v...) bị cắt đứt, người không thành tựu về thân thể, người đã làm sai trái trong hành động, người không có đầy đủ (y bát).

8. Năm loại vải quăng bỏ: loại ở bãi tha ma, bỏ ở ngoài cửa tiệm, bị chuột gặm, bị mối nhấm, bị lửa cháy.

Năm loại vải quăng bỏ khác nữa: loại bị bò nhai, bị dê nhai, y nơi bảo tháp, loại thuộc về lễ đăng quang (của đức vua), vải dành cho tôi tớ.

9. Năm sự lấy trộm: lấy đi theo cách trộm cắp, lấy đi bằng bạo lực, lấy đi có tính toán, lấy đi bằng cách che giấu, lấy đi theo lối (tráo) thăm.²

10. Năm hạng cướp lớn hiện hữu được biết đến ở thế gian.³

Năm vật không được phân tán.¹

¹ Năm trường hợp đình chỉ nương nhờ ở thầy tế độ: Xem TTPV tập 04, chương I, trang 157; TTVN tập 04, trang 124.

² Câu chuyện lấy trộm theo lối tráo thăm được thấy ở điều *pārājika* thứ nhì ở phần các câu chuyện dẫn giải (TTPV tập 01, trang 131; TTVN tập 01, trang 115).

³ Năm hạng cướp lớn: Xem điều *pārājika* thứ tư về khoe khoang pháp thượng nhân (*Sđđ.* 197-199; 178-180).

Năm vật không được phân chia.²

Năm loại tội sanh khởi do thân không do khẩu không do ý.

Năm loại tội sanh khởi do thân và do khẩu không do ý.

Năm loại tội đưa đến việc sám hối.

Năm loại hội chúng.³

Năm cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*.⁴

Trong các quốc độ vùng biên giới có thể cho tu lên bậc trên với nhóm có vị thứ năm là vị nắm vững về Luật.⁵

Năm sự thuận lợi trong việc thành tựu *Kaṭ hīna*.¹

¹ Năm vật không được phân tán: Xem TTPV tập 07, chương VI, các trang 203-205; TTVN tập 07, các trang 144-146.

² Năm vật không được phân chia: (*Sdd.* 207-209; 147-149).

³ Năm loại hội chúng: Hội chúng tỳ khuru với nhóm bốn vị, hội chúng tỳ khuru với nhóm năm vị, hội chúng tỳ khuru với nhóm mười vị, hội chúng tỳ khuru với nhóm hai mươi vị, hội chúng tỳ khuru với nhóm trên hai mươi vị (*Mahāvagga* – *Đại Phẩm* tập 2, TTPV tập 05, chương IX, trang 255; TTVN tập 05, trang 229).

⁴ Năm cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*: Gồm bốn cách đọc tóm tắt và cách đọc tụng chi tiết là cách thứ năm (*Mahāvagga* – *Đại Phẩm* tập 1, TTPV tập 04, trang 271; TTVN tập 04, trang 216).

⁵ Việc tu lên bậc trên ở các xứ vùng biên giới: (TTPV tập 04, chương V, trang 513; TTVN tập 04, trang 423).

Năm loại hành sự.²

Năm loại tội vi phạm (khi được nhắc nhở) đến lần thứ ba.³

Vị lấy vật không được cho phạm tội *pārājika* với năm biểu hiện.⁴

Vị lấy vật không được cho phạm tội *thullaccaya* với năm biểu hiện.

Vị lấy vật không được cho phạm tội *dukkaṭa* với năm biểu hiện.

11. Năm vật không đúng phép không nên thọ dụng: vật chưa được cho, vật không được biết rõ, vật chưa làm thành được phép, vật chưa được thọ lãnh, và vật chưa được làm thành đồ thừa.

¹ Năm sự thuận lợi trong việc thành tựu *Kaṭhina*: Xem TTPV tập 05, chương VII, trang 111; TTVN tập 05, trang 100.

² Năm loại hành sự: là hành sự khiển trách, hành sự chỉ dạy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải, và hành sự án treo gồm có ba được tính gộp chung thành một (*VinA. vii*, 1334).

³ Năm loại tội vi phạm khi được nhắc nhở đến lần thứ ba: gồm có giới *pārājika* thứ 3 của tỳ khuru ni để cập 3 loại tội là *pārājika*, *thullaccaya*, *dukkaṭa* và tội *saṅghādisesa* của tỳ khuru về việc chia rẽ hội chúng và *pācittiya* về tội không chịu từ bỏ tà kiến ác (*Sdd.*).

⁴ Vấn đề này và hai vấn đề kế tiếp liên quan đến tội *pārājika* thứ nhì về trộm cắp (ND).

Năm vật đúng phép nên thọ dụng: vật đã được cho, vật đã được biết rõ, vật đã được làm thành được phép, vật đã được thọ lãnh, và vật đã được làm thành đồ thừa.

Năm sự bố thí không có phước báu được xem là có phước báu thuộc về thế gian: bố thí chất say, bố thí đến hội hè (nhảy múa), bố thí người nữ, bố thí bò đực (vào giữa đàn bò), bố thí tranh ảnh (gọi cảm).

Năm điều đã được sanh lên khó trừ diệt: tham ái đã được sanh lên khó trừ diệt, sân đã được sanh lên khó trừ diệt, si đã được sanh lên khó trừ diệt, sự nói huyền thuyên đã được sanh lên khó trừ diệt, tâm vẩn vơ đã được sanh lên khó trừ diệt.

Năm điều lợi ích trong việc quét chối: làm lắng dịu tâm của bản thân, làm lắng dịu tâm của người khác, chư thiên được hoan hỷ, tích lũy nghiệp đưa đến chốn an vui, khi thân hoại chết đi được sanh về nơi tốt đẹp, cõi trời, trần thế.

Năm điều lợi ích khác nữa trong việc quét chối: làm lắng dịu tâm của bản thân, làm lắng dịu tâm của người khác, chư thiên được hoan hỷ, lời giáo huấn của bậc Đạo Sư đã được thực hành, người đời sau thực hành xu hướng theo quan điểm đúng đắn.

12. Vị nắm vững về Luật bị xem là ‘ngu dốt’ khi có năm yếu tố: vị không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, vị không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người

khác, sau khi không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, sau khi không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, vị bảo thực hiện (hành sự) sai pháp với sự không khẳng định.

Vị nắm vững về Luật được xem là ‘thông thái’ khi có năm yếu tố: vị đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, vị đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, sau khi đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, sau khi đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, vị bảo thực hiện (hành sự) đúng pháp với sự khẳng định.

Vị nắm vững về Luật bị xem là ‘ngu dốt’ khi có năm yếu tố khác nữa: vị không biết về tội, vị không biết về nền tảng của tội, vị không biết về nguồn sanh tội, vị không biết về sự đoạn diệt của tội, vị không biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tội.¹

Vị nắm vững về Luật được xem là ‘thông thái’ khi có năm yếu tố: vị biết về tội, vị biết về nền tảng của tội, vị biết về nguồn sanh tội, vị biết về sự đoạn diệt của tội, vị biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tội.

Vị nắm vững về Luật bị xem là ‘ngu dốt’ khi có năm yếu tố khác nữa: vị không biết về sự tranh tụng, vị

¹ Vị không biết về tội (như *pārājika*, *saṅghādisesa*, v.v...), vị không biết gốc của tội (là thân và khẩu), vị không biết nguồn sanh tội (do thân không do khẩu không do ý, v.v...), vị không biết sự đoạn diệt của tội (là sự sám hối), vị không biết sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tội là bảy cách dần xếp (*VinA. vii*, 1337-1338).

không biết về nền tảng của tranh tụng, vị không biết về nhân sanh của tranh tụng, vị không biết về sự đoạn diệt của tranh tụng, vị không biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tranh tụng.¹

Vị nắm vững về Luật được xem là ‘thông thái’ khi có năm yếu tố: vị biết về sự tranh tụng, vị biết về nền tảng của tranh tụng, vị biết về nhân sanh của tranh tụng, vị biết về sự đoạn diệt của tranh tụng, vị biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tranh tụng.

Vị nắm vững về Luật bị xem là ‘ngu dốt’ khi có năm yếu tố khác nữa: vị không biết về sự việc, vị không biết về duyên khởi, vị không biết về điều quy định, vị không

¹ Nhóm năm về sự tranh tụng: Sự tranh tụng tức là bốn sự tranh tụng. Nguồn sanh khởi của sự tranh tụng có 33: sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có 12, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có 14, sự tranh tụng liên quan đến tội có 6, và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có 1. Nhân sanh sự tranh tụng là nguồn sanh khởi sự tranh tụng: sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi sanh lên nương vào 18 sự việc làm chia rẽ hội chúng, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách sanh lên do bốn điều hư hỏng, sự tranh tụng liên quan đến tội sanh lên do bảy nhóm tội, và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ sanh lên với bốn hành sự của hội chúng. Không biết sự đoạn diệt của sự tranh tụng: là không xác định được quan điểm theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo Sư. Không biết sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của sự tranh tụng là không biết các sự tranh tụng được giải quyết bằng các cách dàn xếp nào (*VinA. vii*, 1338).

biết về điều quy định thêm, vị không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc.¹

Vị nắm vững về Luật được xem là ‘thông thái’ khi có năm yếu tố: vị biết về sự việc, vị biết về duyên khởi, vị biết về điều quy định, vị biết về điều quy định thêm, vị biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc.

Vị nắm vững về Luật bị xem là ‘ngu dốt’ khi có năm yếu tố khác nữa: vị không biết về lời đề nghị, vị không biết cách thực hiện với lời đề nghị, vị không thiện xảo về phần (cần trình bày) trước tiên, vị không thiện xảo về các phần kế tiếp, và vị không biết về thời điểm.

Vị nắm vững về Luật được xem là ‘thông thái’ khi có năm yếu tố: vị biết về lời đề nghị, vị biết cách thực hiện với lời đề nghị, vị thiện xảo về phần (cần trình bày) trước tiên, vị thiện xảo về các phần kế tiếp, và vị biết về thời điểm.

Vị nắm vững về Luật bị xem là ‘ngu dốt’ khi có năm yếu tố khác nữa: vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội; vị không biết tội nhẹ hay nặng; vị không biết

¹ Không biết về sự việc: là không biết về sự việc của tội *pārājika*, của tội *saṅghādisesa*, ... của bảy nhóm tội. Không biết về duyên khởi: là không biết các tội đã được quy định ở đâu. Không biết về sự quy định: là không biết sự quy định ban đầu của mỗi điều học. Không biết về sự quy định thêm: là không biết sự quy định thêm về sau. Không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc: là không biết sự việc theo phương thức liên hệ đến lời nói và liên hệ đến sự xác định (*Sdd.*).

tội còn dư sót hay không còn dư sót; vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa; vị không khéo được kế thừa theo tuần tự từ các vị thấy, không khéo chú ý, và không khéo suy xét.

Vị nắm vững về Luật được xem là ‘thông thái’ khi có năm yếu tố: vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội; vị biết tội nhẹ hay nặng; vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; vị biết tội xấu xa hay không xấu xa; vị khéo được kế thừa theo tuần tự từ các vị thấy, khéo chú ý, và khéo suy xét.

Vị nắm vững về Luật bị xem là ‘ngu dốt’ khi có năm yếu tố khác nữa: vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội; vị không biết tội nhẹ hay nặng; vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa; đối với vị này hai bộ giới bốn *Pātimokkha* không khéo được truyền thừa với chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo được ứng dụng, không khéo được xác định theo từng điều học theo từng từ ngữ.

Vị nắm vững về Luật được xem là ‘thông thái’ khi có năm yếu tố: vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội; vị biết tội nhẹ hay nặng; vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; vị biết tội xấu xa hay không xấu xa; đối với vị này hai bộ giới bốn *Pātimokkha* khéo được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều theo từng từ ngữ.

Vị nắm vững về Luật bị xem là ‘ngu dốt’ khi có năm yếu tố khác nữa: vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị không biết tội nhẹ hay nặng, vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa, và vị không khéo léo về sự phán quyết trong tranh tụng.

Vị nắm vững về Luật được xem là ‘thông thái’ khi có năm yếu tố: vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị biết tội nhẹ hay nặng, vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị biết tội xấu xa hay không xấu xa, và vị khéo léo về sự phán quyết trong tranh tụng.

13. Năm hạng (hành pháp) sống ở rừng: là vị sống ở rừng do bản tánh ngu khờ do bản tánh si mê; là vị sống ở rừng có ước muốn xấu xa bị thúc giục bởi ước muốn; là vị sống ở rừng do điên khùng do mất trí; là vị sống ở rừng (nghĩ rằng): ‘Được chư Phật và chư Thánh Văn của đức Phật ngợi khen;’ và cũng có vị sống ở rừng chính vì ham muốn ít, chính vì tự biết đủ, chính vì sự từ khước, chính vì sự tách ly, chính vì lợi ích của điều này.

Năm hạng (hành pháp) đi khát thực: —nt— Năm hạng (hành pháp) mặc y *paṃsukūla*: —nt— Năm hạng (hành pháp) ngụ ở gốc cây: —nt— Năm hạng (hành pháp) ngụ ở mộ địa: —nt— Năm hạng (hành pháp) ngụ ở ngoài trời: —nt— Năm hạng (hành pháp) chỉ sử dụng ba y: —nt— Năm hạng (hành pháp) đi khát thực theo từng nhà: —nt— Năm hạng (hành pháp) về oai nghi ngồi (không nằm): —nt— Năm hạng (hành pháp) ngụ

chỗ ở theo chỉ định: —nt— Năm hạng (hành pháp) một chỗ ngồi (khi thọ thực): —nt— Năm hạng (hành pháp) không ăn vật thực dâng sau: —nt— Năm hạng (hành pháp) thọ thực trong bình bát: là vị thọ thực trong bình bát do bản tánh ngu khờ do bản tánh si mê; là vị thọ thực trong bình bát có ước muốn xấu xa bị thúc giục bởi ước muốn; là vị thọ thực trong bình bát do điên khùng do mất trí; là vị thọ thực trong bình bát (nghĩ rằng): ‘Được chư Phật và chư Thánh Văn của đức Phật ngợi khen;’ và cũng có vị thọ thực trong bình bát chính vì ham muốn ít, chính vì tự biết đủ, chính vì sự từ khước, chính vì sự tách ly, chính vì lợi ích của điều này.

14. Vị tỳ khưu có năm yếu tố không nên sống không nương nhờ: vị không biết về lễ *Uposatha*, vị không biết về hành sự của lễ *Uposatha*, vị không biết về giới bốn *Pātimokkha*, vị không biết về cách đọc tụng của giới bốn *Pātimokkha*, vị chưa đủ năm năm.

Vị tỳ khưu có năm yếu tố được sống không nương nhờ: vị biết về lễ *Uposatha*, vị biết về hành sự của lễ *Uposatha*, vị biết về giới bốn *Pātimokkha*, vị biết về cách đọc tụng của giới bốn *Pātimokkha*, vị năm năm hoặc hơn năm năm.

Vị tỳ khưu có năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: vị không biết về lễ *Pavāraṇā*, vị không biết về hành sự của lễ *Pavāraṇā*, vị không biết về giới bốn *Pātimokkha*, vị không biết về cách đọc tụng của giới bốn *Pātimokkha*, vị chưa đủ năm năm.

Vị tỳ khuru có năm yếu tố được sống không nương nhờ: vị biết về lễ *Pavāraṇā*, vị biết về hành sự của lễ *Pavāraṇā*, vị biết về giới bốn *Pātimokkha*, vị biết về cách đọc tụng của giới bốn *Pātimokkha*, vị năm năm hoặc hơn năm năm.

Vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị không biết tội nhẹ hay nặng, vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa, vị chưa đủ năm năm.

Vị tỳ khuru có năm yếu tố được sống không nương nhờ: vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị biết tội nhẹ hay nặng, vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị biết tội xấu xa hay không xấu xa, vị năm năm hoặc hơn năm năm.

15. Vị tỳ khuru ni có năm yếu tố không nên sống không nương nhờ: vị không biết về lễ *Upasatha*, vị không biết về hành sự của lễ *Upasatha*, vị không biết về giới bốn *Pātimokkha*, vị không biết về cách đọc tụng của giới bốn *Pātimokkha*, vị chưa đủ năm năm.

Vị tỳ khuru ni có năm yếu tố được sống không nương nhờ: vị biết về lễ *Upasatha*, vị biết về hành sự của lễ *Upasatha*, vị biết về giới bốn *Pātimokkha*, vị biết về cách đọc tụng của giới bốn *Pātimokkha*, vị năm năm hoặc hơn năm năm.

Vị tỳ khuru ni có năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: vị không biết về lễ *Pavāraṇā*, vị không biết về hành sự của lễ *Pavāraṇā*, vị không biết về giới bốn *Pātimokkha*, vị không biết về cách đọc tụng của giới bốn *Pātimokkha*, vị chưa đủ năm năm.

Vị tỳ khuru ni có năm yếu tố được sống không nương nhờ: vị biết về lễ *Pavāraṇā*, vị biết về hành sự của lễ *Pavāraṇā*, vị biết về giới bốn *Pātimokkha*, vị biết về cách đọc tụng của giới bốn *Pātimokkha*, vị năm năm hoặc hơn năm năm.

Vị tỳ khuru ni có năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị không biết tội nhẹ hay nặng, vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa, vị chưa đủ năm năm.

Vị tỳ khuru ni có năm yếu tố được sống không nương nhờ: vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị biết tội nhẹ hay nặng, vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị biết tội xấu xa hay không xấu xa, vị năm năm hoặc hơn năm năm.

16. Năm điều bất lợi ở vị không được hoan hỷ (do đã tạo nghiệp bất thiện): ngay cả bản thân cũng khiển trách lấy bản thân, các bậc trí quả trách sau khi đã xem xét, tiếng đồn xấu xa lan rộng, bị mê mờ khi từ trần, khi thân hoại chết đi bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục.

Năm điều lợi ích ở vị được hoan hỷ (do đã tạo nghiệp thiện): chính bản thân không khiển trách bản thân, các bậc trí ngời khen sau khi đã xem xét, tiếng đồn tốt đẹp lan rộng, không bị mê mờ khi từ trần, khi thân hoại chết đi được sanh về nơi tốt đẹp, cõi trời, trần thế.

Năm điều bất lợi khác nữa ở vị không được hoan hỷ (do đã tạo nghiệp bất thiện): những người chưa có đức tin không an trú vào đức tin, làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin, lời giáo huấn của bậc Đạo Sư đã không được thực hành, người đời sau không thực hành xu hướng theo quan điểm đúng đắn, tâm của vị ấy không được an trú.

Năm điều lợi ích ở vị được hoan hỷ (do đã tạo nghiệp thiện): những người chưa có đức tin an trú vào đức tin, làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, lời giáo huấn của bậc Đạo Sư đã được thực hành, người đời sau thực hành xu hướng theo quan điểm đúng đắn, tâm của vị ấy được an trú.

17. Năm điều bất lợi cho vị thường tới lui các gia đình: vị vi phạm trong việc đi không xin phép, vi phạm việc ngồi ở chỗ kín đáo, vi phạm việc ngồi ở chỗ được che khuất, vi phạm trong khi giảng Pháp quá năm sáu câu cho người nữ, và sống có nhiều tầm cầu về ái dục.

Năm điều bất lợi của vị tỳ khuru thường tới lui các gia đình: vị trong khi sống quá nhiều thời gian thân cận các gia đình có sự nhìn thấy người nữ thường xuyên, trong

khi có sự nhìn thấy có sự xúc chạm, trong khi có sự xúc chạm có sự thân mật, trong khi có sự thân mật có sự ô nhiễm, điều này được dự đoán cho vị tỳ khuru có tâm bị khởi dục: hoặc là sẽ hành Phạm hạnh không được hoan hỷ, hoặc là sẽ vi phạm tội có ô nhiễm nào đó, hoặc là sẽ từ bỏ sự học tập và sống đời tâm thường.

18. Năm loại mầm giống: mầm giống từ rễ, mầm giống từ thân, mầm giống từ mắt chồi, mầm giống từ phần ngọn, mầm giống từ hạt là loại thứ năm.¹

Trái cây nên được thọ dụng với năm cách làm thành được phép đối với Sa-môn: đã được hoại bởi lửa, đã được hoại bởi dao, đã được hoại bởi móng tay, không có hột, và hột đã được lấy ra là cách thứ năm.²

19. Năm cách làm cho trong sạch: sau khi đọc tụng phần mở đầu, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ nhất. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *pārājika*, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ nhì. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *pārājika*, sau khi đọc tụng mười ba điều *saṅ ghādisesa*, nên

¹ Năm loại mầm giống: Đã được thấy ở điều học *pācittiya* 11 của tỳ khuru (*Pācittiya-pāṇi* i *Bhikkhuvibhaṅga* - Phân Tích Giới Tỳ Khuru tập 2, TTPV tập 02, trang 109; TTVN tập 02, trang 84).

² Năm cách làm thành được phép đối với Sa-môn: Xem *Cullavagga* – Tiểu Phẩm tập 2, TTPV tập 07, chương V, trang 15; TTVN tập 07, trang 11.

thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ ba. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *pārājika*, sau khi đọc tụng mười ba điều *saṅghādisesa*, sau khi đọc tụng hai điều *anīyata*, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ tư. (Đọc tụng) một cách đầy đủ là cách thứ năm.¹

Năm cách làm cho trong sạch khác nữa: sự đọc tụng giới bốn, lễ *Uposatha* với lời bày tỏ sự trong sạch, lễ *Uposatha* với sự chú nguyện, lễ *Pavāraṇā*, luôn cả lễ *Uposatha* hợp nhất là thứ năm.

20. Năm điều lợi ích cho vị nắm vững về Luật: Giới uẩn của bản thân khéo được gìn giữ khéo được hộ trì, là nơi nương tựa của các vị thường hay có sự ăn năn, là vị phát biểu ở giữa hội chúng với sự tự tin, là vị khuất phục những kẻ đối nghịch một cách khéo léo đúng theo Pháp, là vị thực hành vì sự tồn tại của Chánh Pháp.

21. Năm sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp.

Năm sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp.

Dứt Nhóm Năm.

¹ Năm cách làm cho trong sạch: tương tự với năm cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* (*Mahāvagga* – *Đại Phẩm* tập 1, TTPV tập 04, chương II, trang 271; TTVN tập 04, trang 216).

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Tội vi phạm, các nhóm tội, đã được rèn luyện, và (nghiệp) vô gián, các hạng người, và luôn cả việc cắt bớt, vị vi phạm, và các nguyên do.

2. Vị không thuận, và thuận, các việc được phép, không tin tưởng, và dẫu ăn, mỡ thú, sự suy sụp và thành tựu, các trường hợp đình chỉ (sự nương nhờ), và với hạng người.

3. Mộ địa, và đã bị (bò) nhai, sự trộm cắp, được gọi là kẻ cướp, đã không phân tán, đã không phân chia, do thân, do thân và khẩu.

4. Sự sám hối, ở nơi hội chúng, việc đọc tụng, vùng biên địa, và với Kaṭṭhina, các loại hành sự, cho đến lần thứ ba, các tội pārājika, tội thullaccaya, và tội dukkaṭṭa.

5. Không được phép, và được phép, không phước báu, khó trừ diệt, chối quét, và các điều khác, lời nói, và luôn cả tội nữa.

6. Sự tranh tụng, sự việc, lời đề nghị, tội vi phạm, và cả hai phần, các tội nhẹ nặng này, các vị hãy biết rõ tội và sáng.

7. Vị ở rừng, và khất thực, mặc y paṃsukūla, ở cội cây, và mộ địa, ở ngoài trời, và (chỉ ba) y, (khất thực) theo tuần tự, vị (thọ oai nghi) ngồi.

8. Chỗ ở theo chỉ định, với vị ngăn vật thực dâng sau, và luôn cả vị chỉ thọ trong bát, lễ Uposatha, lễ Pavāraṇā, phạm

tội và không tội, những điều này là tội và sáng, các điều ấy của các tỳ khưu ni là tương tự.

9. Hoan hỷ, không hoan hỷ, tương tự như thế là hai điều khác nữa, về vị thường tới lui các gia đình, mất quá nhiều thời gian, mẫm giống, và được phép cho Sa-môn.

10. Sự làm cho trong sạch, và luôn cả các điều khác, theo Luật, và sai Pháp, và đúng Pháp đã được đề cập đến tương tự, được chấm dứt là năm cách làm cho trong sạch.

--ooOoo--

NHÓM SÁU

1. Sáu sự không kính trọng. Sáu sự kính trọng. Sáu sự việc đã được rèn luyện.¹ Sáu sự thực hành đúng đắn.² Sáu nguồn sanh tội. Sáu tội vi phạm liên quan đến cắt bớt.³ Vi phạm tội do sáu biểu hiện.⁴ Sáu điều lợi ích cho vị nắm vững về Luật.⁵ Sáu điều tối đa.⁶ Có thể xa lìa

¹ Ba nhóm sáu này đã được trình bày chi tiết ở *Parivāra* - Tập Yếu tập 1, TTPV tập 08, trang 317; TTVN tập 08, trang 280.

² Sáu sự thực hành đúng đắn: Ngài Buddhaghosa đề cập đến sáu điều học có câu '*ayaṃ tattha sāmīci*' với ý nghĩa là: 'Đây là điều đúng đắn trong trường hợp ấy,' tức là nói đến các điều học *saṅghādisesa* 13, *nissaggiya pācittiya* 10, 22, *pācittiya* 34, 71, 84 (*VinA. vii*, 1339).

³ Gồm năm điều học *pācittiya* của tỳ khuru đã được trình bày ở phần Nhóm Năm liên quan đến việc cắt bớt vật làm quá kích thước là chân giường, tọa cụ, y đắp ghê, y tắm mưa, y có kích thước y của đức Thiện Thệ, thêm vào điều học *pācittiya* của tỳ khuru ni về việc may y choàng tắm quá kích thước là sáu (*Sđd.*).

⁴ Sáu biểu hiện là: vô liêm sỉ, không có trí tuệ, bản chất xấu xa, lầm tưởng là được phép trong điều không được phép, lầm tưởng là không được phép trong điều được phép, lầm lẫn về sự ghi nhớ (*Sđd.* 1339-1340)

⁵ Sáu điều lợi ích cho vị rành rẽ về Luật: gồm năm điều đã được giải thích trước đây ở trang 63 thêm vào điều thứ sáu là 'Lễ *Uposatha* là phần trách nhiệm của vị ấy' (*Sđd.* 1340).

⁶ Sáu điều tối đa: Ngài Buddhaghosa nói về các điều học có từ '*paramaṃ*' (tối đa) như là *dasāhaparamaṃ*, *māsaparamaṃ*, *santaruttaraparamaṃ*, v.v... và nêu rõ trong hai bộ giới bốn có tất cả là 14 giới. Sáu giới đầu lập thành một nhóm sáu, sáu giới kế tiếp là nhóm sáu thứ nhì, còn hai điều học thì sau khi bớt đi một điều học của mỗi một nhóm rồi thêm vào một điều học để lập thành hai nhóm sáu khác nữa (*Sđd.*).

(một trong) ba y sáu đêm.¹ Sáu loại y.² Sáu loại thuốc nhuộm (y).³ Sáu loại tội vi phạm sanh lên do thân và do ý không do khẩu. Sáu loại tội vi phạm sanh lên do khẩu và do ý không do thân. Sáu loại tội vi phạm sanh lên do thân do khẩu và do ý. Sáu loại hành sự.⁴ Sáu nguyên nhân tranh cãi.⁵ Sáu nguyên nhân khiển trách.⁶ Sáu pháp pháp cần ghi nhớ. Chiều dài sáu gang tay theo gang tay

¹ Có thể xa lìa (một trong) ba y sáu đêm: Câu này được trích dẫn từ điều *nissaggiya pācittiya* 29 về vị tỳ khưu có thể để y ở trong làng tối đa là sáu đêm khi ngụ ở trong khu rừng được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng (ND).

² Sáu loại y được đức Phật cho phép: loại bằng sợi lanh, loại bằng bông vải, loại bằng tơ lụa, loại bằng sợi len, loại bằng gai thô, loại bằng chỉ bố (*Mahāvagga – Đại Phẩm* tập 2, TTPV tập 05, chương VIII, trang 181; TTVN tập 05, trang 161).

³ Sáu loại thuốc nhuộm được đức Phật cho phép: thuốc nhuộm làm từ rễ cây, thuốc nhuộm từ thân cây, thuốc nhuộm từ vỏ cây, thuốc nhuộm từ lá cây, thuốc nhuộm từ bông hoa, thuốc nhuộm từ trái cây (*Sdd.* 189; 167).

⁴ Sáu loại hành sự: gồm có hành sự khiển trách, hành sự chỉ dạy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải, thứ năm là hành sự án treo vì không nhìn nhận tội và hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi được gom thành một, và thứ sáu là hành sự án treo vì không chịu từ bỏ tà kiến ác (*VinA. vii*, 1340).

⁵ Sáu nguyên nhân tranh cãi: đã được trình bày chi tiết ở *Parivāra - Tập Yếu* tập 1, TTPV tập 08, trang 319; TTVN tập 08, trang 281.

⁶ Sáu nguyên nhân khiển trách: đã được trình bày chi tiết ở *Parivāra - Tập Yếu* tập 1, TTPV tập 08, trang 321; TTVN tập 08, trang 282.

của đức Thiện Thệ.¹ Chiều rộng sáu gang tay.² Sáu trường hợp đình chỉ việc nương nhờ ở thầy dạy học.³ Sáu điều quy định thêm trong việc tắm.⁴ Vị ra đi sau khi cầm lấy y chưa làm xong.⁵ Vị ra đi sau khi mang theo y chưa làm xong.

2. Vị tỳ khuru có sáu yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để sa di phục vụ: là vị thành tựu vô học giới uẩn, là vị thành tựu vô học định uẩn, là vị thành tựu vô học tuệ uẩn, là vị thành tựu vô học giải thoát uẩn, là vị thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn, là vị mười năm hoặc hơn mười năm.⁶

¹ Chiều dài sáu gang tay theo gang tay của đức Thiện Thệ: đã được trích dẫn từ điều học *pācittiya* 91 về chiều dài y tắm mưa của các tỳ khuru (ND).

² Chiều rộng sáu gang tay: đã được trích dẫn từ điều học *pācittiya* 92 về chiều rộng của y đức Thiện Thệ (ND).

³ Sáu trường hợp đình chỉ nương nhờ ở thầy dạy học: Xem TTPV tập 04, chương I, trang 157; TTVN tập 04, trang 124.

⁴ Sáu điều quy định thêm trong việc tắm được ghi lại ở điều học *pācittiya* 57 của tỳ khuru: “‘Một tháng ruỗi còn lại của mùa nóng’ và tháng đầu tiên của mùa mưa như vậy là hai tháng ruỗi là lúc trời nóng nực, là lúc trời oi bức, trường hợp bị bệnh, trường hợp có công việc, trường hợp đi đường xa, trường hợp mưa gió” (VinA. vii, 1340).

⁵ Sáu trường hợp cầm lấy và sáu trường hợp mang theo: Hai nhóm sáu này được đề cập chi tiết ở TTPV tập 05, chương VII, hai trang 119 và 121; TTVN tập 05, hai trang 108 và 109.

⁶ Các nhóm sáu thuộc mục 2 này được đề cập ở TTPV tập 04, chương I, các trang 165-171; TTVN tập 04, từ trang 130.

Vị tỳ khưu có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để sa di phục vụ: là vị tự mình thành tựu vô học giới uẩn và giúp cho vị khác đạt được vô học giới uẩn, là vị tự mình thành tựu vô học định uẩn và giúp cho vị khác đạt được vô học định uẩn, là vị tự mình thành tựu vô học tuệ uẩn và giúp cho vị khác đạt được vô học tuệ uẩn, là vị tự mình thành tựu vô học giải thoát uẩn và giúp cho vị khác đạt được vô học giải thoát uẩn, là vị tự mình thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn và giúp cho vị khác đạt được vô học giải thoát tri kiến uẩn, là vị mười năm hoặc hơn mười năm.

Vị tỳ khưu có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để sa di phục vụ: là vị có đức tin, là vị có sự hổ thẹn (tội lỗi), là vị có sự ghê sợ (tội lỗi), là vị có sự tinh tấn đã được phát khởi, là vị có niệm đã được thiết lập, là vị mười năm hoặc hơn mười năm.

Vị tỳ khưu có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để sa di phục vụ: là vị không bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, không bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, không bị hư hỏng về quan điểm ở quan điểm cực đoan, là vị nghe nhiều, là vị có trí tuệ, là vị mười năm hoặc hơn mười năm.

Vị tỳ khưu có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để sa di

phục vụ: là vị có khả năng chăm sóc hoặc kiểm người chăm sóc cho đệ tử hoặc học trò bị bệnh, (có khả năng) khuyên giải hoặc nhờ người khuyên giải (khi đệ tử hay học trò) có sự không hoan hỷ, (có khả năng) giải tỏa hoặc nhờ vị khác giải tỏa đúng theo Pháp (khi đệ tử hay học trò) có mối nghi ngờ sanh khởi, là vị biết về sự phạm tội, là vị biết cách thoát khỏi tội, là vị mười năm hoặc hơn mười năm.

Vị tỳ khuru có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để sa di phục vụ: là vị có khả năng để huấn luyện các điều học thuộc về phần sự căn bản, (có khả năng) để hướng dẫn các điều học thuộc về phần đầu của Phạm hạnh, (có khả năng) để hướng dẫn về Thắng Pháp, để hướng dẫn về Thắng Luật, (có khả năng) để phân tách đúng theo Pháp xu hướng tà kiến đã được sanh khởi cho đệ tử hay học trò, là vị mười năm hoặc hơn mười năm.

Vị tỳ khuru có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để sa di phục vụ: là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; đối với vị này hai bộ giới bốn *Pātimokkha* khéo được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo xác định theo từng điều hoặc từng từ ngữ; là vị mười năm hoặc hơn mười năm.

3. Sáu sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp.

Sáu sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp.¹

Dứt Nhóm Sáu.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Không kính trọng, và kính trọng, đã được rèn luyện, và cả sự đúng đắn, các nguồn sanh khởi, và luôn cả các sự cắt bớt, các biểu hiện, với sự lợi ích.

2. Sáu trường hợp tội đa, sáu đêm, y, và các thuốc nhuộm, do thân, và do cả ý, do khẩu và do cả ý.

3. Do thân khẩu và ý, hành sự, và luôn cả sự tranh cãi, sự khiển trách, và chiều dài, chiều rộng, và với việc nương nhờ.

4. Sự chế định thêm, sau khi cầm lấy, sau khi mang đi là tương tự y như thế, về các pháp của bậc vô học, vị giúp cho đạt được, đức tin, và với tăng thượng giới, các vị bị bệnh, vị đã hành phạm sự căn bản, các tội vi phạm, liên quan đến sai pháp và đúng pháp.

--ooOoo--

¹ Hai nhóm sáu này được đề cập ở *Cullavagga* – *Tiểu Phẩm* tập 2, TTPV tập 07, chương IX, trang 441; TTVN tập 07, trang 318.

NHÓM BẢY

1. Bảy loại tội. Bảy nhóm tội. Bảy sự việc đã được rèn luyện. Bảy sự thực hành đúng đắn.¹ Bảy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không đúng Pháp. Bảy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận đúng Pháp.² Không phạm tội để đi với việc cần phải làm trong bảy ngày liên quan đến bảy hạng người.³ Bảy điều lợi ích cho vị nắm vững về Luật.⁴ Bảy điều tối đa. Khi rạng đông vào ngày thứ bảy bị phạm vào *nissaggiya*.⁵ Bảy cách dàn xếp. Bảy hành sự.⁶ Bảy loại hạt chưa xay.¹ Chiều rộng là bảy

¹ Bảy sự thực hành đúng đắn: gồm nhóm sáu đã được trình bày ở trên và thêm vào câu '*ayaṃ tattha sāmīci*' thứ bảy được thấy ở phần tổng kết giới *saṅghādisesa* của tỳ khuru ni (VinA. vii, 1340).

² Bảy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không đúng Pháp và đúng Pháp: Xem *Cullavagga* – *Tiểu Phẩm* tập 1, TTPV tập 06, chương IV, các trang 359-361; TTVN tập 06, các trang 317-319.

³ Không phạm tội để đi với việc cần phải làm trong bảy ngày liên quan đến bảy hạng người: là tỳ khuru, tỳ khuru ni, cô ni tu tập sự, sa di, sa di ni, mẹ, và cha. Xem *Mahāvagga* – *Đại Phẩm* tập 1, TTPV tập 04, chương III, trang 369; TTVN tập 04, trang 295.

⁴ Bảy điều lợi ích cho vị rành rẽ về Luật: gồm năm điều đã được giải thích trước đây ở trang 63 thêm vào hai chi tiết: 'lễ *Uposatha* và lễ *Pavāraṇā* là phần trách nhiệm của vị ấy' (VinA. vii, 1341).

⁵ Xem điều học *nissaggiya pācittiya* 29 (ND).

⁶ Bảy loại hành sự: là hành sự khiển trách, hành sự chỉ dạy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải, hành sự án treo vì không nhìn nhận tội, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi, và thứ bảy là hành sự án treo vì không chịu từ bỏ tà kiến ác (ND).

(gang) ở bên trong.² Bảy điều quy định thêm về bữa ăn dâng theo nhóm.³ Sau khi thọ lãnh các loại dược phẩm, nên được thọ dụng với sự cất giữ tối đa là bảy ngày.⁴ Vị ra đi cầm lấy y đã làm xong. Vị ra đi mang theo y đã làm xong.⁵ Tội của vị tỳ khuru không cần phải được nhìn nhận.⁶ Tội của vị tỳ khuru cần phải được nhìn nhận. Tội của vị tỳ khuru cần phải được sửa chữa. Bảy sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp. Bảy sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp.

2. Vị tỳ khuru nắm vững về Luật có bảy yếu tố: là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; có giới sống thu thúc trong sự thu thúc của giới bốn *Pātimokkha*, thành tựu về hạnh kiểm và hành xử, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhất,

¹ Bảy loại hạt chưa xay: là lúa gạo *sāli*, lúa gạo, lúa mạch, lúa mì, kê, đậu, hạt *kudrūsaka* (bắp?) được đề cập ở điều *pācittiya* 7 của tỳ khuru ni (ND).

² Chiều rộng là bảy (gang) ở bên trong: Được trích dẫn từ điều học *saṅ ghādisesa* 6 về việc xây dựng cốc liêu của tỳ khuru (ND).

³ Bảy điều quy định thêm về bữa ăn dâng theo nhóm: Xem điều học *pācittiya* 32 của tỳ khuru (ND).

⁴ Sau khi thọ lãnh các loại dược phẩm, nên được thọ dụng với sự cất giữ tối đa là bảy ngày: Xem điều *nissaggiya pācittiya* 23 của tỳ khuru.

⁵ Bảy trường hợp cầm lấy và bảy trường hợp mang theo: Hai nhóm bảy này được đề cập chi tiết ở *Mahāvagga* – *Đại Phẩm* tập 2, TTPV tập 05, chương VII, các trang 115-119; TTVN tập 05, từ trang 104.

⁶ Tội của vị tỳ khuru không cần phải được nhìn nhận: Nhóm bảy này và hai nhóm bảy kế được đề cập chi tiết ở TTPV tập 05, chương IX, các trang 267-271; TTVN tập 05, từ trang 239.

thọ trì và thực hành trong các điều học; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc các sự trú vào lạc trong hiện tại có liên hệ đến các thắng tâm của bốn thiền; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị (ấy) nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại chứng ngộ sự giải thoát của tâm sự giải thoát của tuệ sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

3. Vị tỳ khuru nắm vững về Luật có bảy yếu tố khác nữa: là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; nghe nhiều, ghi nhớ điều đã nghe, tích lũy điều đã nghe, các pháp nào có sự tốt đẹp phần đầu, tốt đẹp phần giữa, tốt đẹp phần cuối, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, tuyên thuyết về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, các Pháp có hình thức tương tự như thế được nghe nhiều, ghi nhớ, ôn đọc ra lời, quán xét bằng ý, thâm nhập bằng kiến thức; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc các sự trú vào lạc trong hiện tại có liên hệ đến các thắng tâm của bốn thiền; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị (ấy) nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại chứng ngộ sự giải thoát của tâm sự giải thoát của tuệ sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

4. Vị tỳ khuru nắm vững về Luật có bảy yếu tố khác nữa: là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; đối với vị này hai bộ giới

bốn *Pātimokkha* khéo được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều theo từng từ ngữ; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc các sự trú vào lạc trong hiện tại có liên hệ đến các thắng tâm của bốn thiên; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị (ấy) nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại chứng ngộ sự giải thoát của tâm sự giải thoát của tuệ sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

5. Vị tỳ khuru nắm vững về Luật có bảy yếu tố khác nữa: là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; vị (ấy) nhớ lại nhiều kiếp sống trước như là một lần sanh, hai lần sanh, ba lần sanh, bốn lần sanh, năm lần sanh, mười lần sanh, hai mươi lần sanh, ba mươi lần sanh, bốn mươi lần sanh, năm mươi lần sanh, một trăm lần sanh, một ngàn lần sanh, một trăm ngàn lần sanh, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp: ‘Vào kiếp sống ấy, ta đã có tên như vậy, dòng họ như vậy, giai cấp như vậy, thức ăn như vậy, kinh nghiệm khổ và lạc như vậy, có tuổi thọ như vậy. Từ chỗ ấy, ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại chỗ kia. Ở nơi kia, ta đã có tên như vậy, dòng họ như vậy, giai cấp như vậy, thức ăn như vậy, kinh nghiệm khổ và lạc như vậy, có tuổi thọ như vậy. Từ nơi kia, ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại nơi này,’ như thế vị (ấy) nhớ lại nhiều kiếp sống trước với các nét cá biệt và đại cương.

Với thiên nhân thuần tịnh vượt trội loài người, vị (ấy) nhìn thấy chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại (trở thành) hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, đến chốn an vui, (hay) đọa vào cõi khổ, vị (ấy) biết được rằng chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng: ‘Quả đúng như vậy, những chúng sanh đang hiện hữu này có hành động xấu xa bằng thân, có hành động xấu xa bằng lời nói, có suy nghĩ xấu xa bằng ý, vu khống các bậc Thánh, theo tà kiến, tán thành các hành động do tà kiến, khi tan rã thân xác và chết đi, họ bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. Trái lại, những chúng sanh đang hiện hữu này có hành động tốt đẹp bằng thân, có hành động tốt đẹp bằng lời nói, có suy nghĩ tốt đẹp bằng ý, không vu khống các bậc Thánh, theo chánh kiến, tán thành các hành động do chánh kiến, khi tan rã thân xác và chết đi, họ được sanh vào chốn an vui, cõi trời, trần thế,’ như thế với thiên nhân thuần tịnh vượt trội loài người, vị (ấy) nhìn thấy chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại (trở thành) hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, đến chốn an vui, (hay) đọa vào cõi khổ, vị (ấy) biết được rằng chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng.

Và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị (ấy) nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại chứng ngộ sự giải thoát của tâm sự giải thoát của tuệ sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

6. Vị nắm vững về Luật được sáng chói có bảy yếu tố: là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết

về tội nhẹ; biết về tội nặng; có giới —nt— thọ trì và thực hành trong các điều học; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc các sự trú vào lạc trong hiện tại có liên hệ đến các thắng tâm của bốn thiền; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị (ấy) nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại chứng ngộ sự giải thoát của tâm sự giải thoát của tuệ sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

7. Vị nắm vững về Luật được sáng chói có bảy yếu tố khác nữa: là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; nghe nhiều, —nt—, được khéo phân tích bằng sự hiểu biết; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc các sự trú vào lạc trong hiện tại có liên hệ đến các thắng tâm của bốn thiền; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị (ấy) nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại chứng ngộ sự giải thoát của tâm sự giải thoát của tuệ sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

8. Vị nắm vững về Luật được sáng chói có bảy yếu tố khác nữa: là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; đối với vị này hai bộ giới bốn *Pātimokkha* khéo được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều theo từng từ ngữ; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc các sự trú vào lạc trong hiện tại có

liên hệ đến các thắng tâm của bốn thiên; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị (ấy) nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại chứng ngộ sự giải thoát của tâm sự giải thoát của tuệ sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

9. Vị nắm vững về Luật được sáng chói có bảy yếu tố khác nữa: là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; vị (ấy) nhớ lại nhiều kiếp sống trước như là một lần sanh, hai lần sanh, —nt— như thế vị (ấy) nhớ lại nhiều kiếp sống trước với các nét cá biệt và đại cương. Với thiên nhân thuần tịnh vượt trội loài người, vị (ấy) nhìn thấy chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại (trở thành) hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, đến chốn an vui, (hay) đọa vào cõi khổ, vị (ấy) biết được rằng chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng —nt—; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị (ấy) nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại chứng ngộ sự giải thoát của tâm sự giải thoát của tuệ sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

10. Bảy pháp không tốt đẹp: là không có đức tin, không hổ thẹn (tội lỗi), không ghê sợ (tội lỗi), ít nghe, biếng nhác, có niệm bị quên lãng, có tuệ kém.

11. Bảy pháp tốt đẹp: là có đức tin, có sự hổ thẹn (tội lỗi), có sự ghê sợ (tội lỗi), nghe nhiều, có sự tinh tấn đã được phát khởi, có niệm đã được thiết lập, có trí tuệ.

Dứt Nhóm Bảy.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Loại tội, các nhóm tội, đã được rèn luyện, và cả sự đúng đắn, sai pháp, và đúng pháp, sự không phạm tội, và bảy ngày.

2. Lợi ích, và các trường hợp tồi đa, lúc rạng đông, và với cách dàn xếp, các hành sự, và các loại hạt chưa xay, chiều rộng, về việc ăn theo nhóm.

3. Tồi đa là bảy ngày, sau khi cầm lấy, và sau khi mang theo là tương tự y như thế, không nên, nên, và nên, các trường hợp sai pháp, và đúng pháp.

4. Bốn hạng nắm vững về Luật, và bốn hạng tỳ khuu sáng chói, và luôn cả bảy pháp không tốt đẹp, và bảy pháp tốt đẹp đã được giảng giải.

--ooOoo--

NHÓM TÁM

Vị nhận thức được tám điều lợi ích không nên phạt án treo vị tỳ khưu ấy trong việc không nhìn nhận tội.¹ Vị nhận thức được tám điều lợi ích nên sám hối tội ấy vì niềm tin của các vị khác.² Tám tội vi phạm (khi được nhắc nhở) cho đến lần thứ ba.³ Vị làm hư hỏng các gia đình với tám biểu hiện.⁴ Tám tiêu đề về việc phát sanh y.⁵ Tám tiêu đề về việc hết hiệu lực của *Kaṭ hīna*.⁶ Tám

¹ Vị nhận thức được tám điều lợi ích không nên phạt án treo vị tỳ khưu ấy trong việc không nhìn nhận tội: được đề cập ở TTPV tập 05, chương X, các trang 329-331; TTVN tập 05, từ trang 299.

² Nên sám hối tội ấy vì niềm tin của các vị khác: Xem TTPV tập 05, các trang 331-333; TTVN tập 05, trang 301.

³ Tám tội vi phạm khi được nhắc nhở cho đến lần thứ ba: là các tội *saṅ ghādisesa* 10, 11, 12, 13 của tỳ khưu và 7, 8, 9, 10 của tỳ khưu ni (*VinA. vii*, 1341).

⁴ Vị làm hư hỏng các gia đình với tám biểu hiện: là với bông hoa, hoặc với trái cây, hoặc với bột tắm, hoặc với đất sét, hoặc với gỗ chà răng, hoặc với tre, hoặc bằng cách thức chữa bệnh, hoặc bằng cách đi bộ đưa tin (*Sđd.*). Xem điều học *saṅ ghādisesa* 13 của tỳ khưu.

⁵ Tám tiêu đề về việc phát sanh y: (Thí chủ) dâng trong ranh giới, dâng theo sự thỏa thuận, dâng theo sự thông báo về vật thực, dâng đến hội chúng, dâng đến cả hai hội chúng (tỳ khưu và tỳ khưu ni), dâng đến hội chúng đã sống qua mùa (an cư) mưa, dâng sau khi đã thông báo, dâng đến cá nhân (*Mahāvagga – Đại Phẩm* tập 2, TTPV tập 05, chương VIII, trang 233; TTVN tập 05, các trang 207-208).

⁶ Tám tiêu đề về việc hết hiệu lực của *Kaṭ hīna*: Do sự ra đi, do y được hoàn tất, do tự mình dứt khoát, do bị mất, do nghe được tin, do sự tan vỡ của niềm mong mỏi, do sự vượt qua ranh giới, do sự hết hiệu lực cùng một lúc (*Sđd.*, chương VII, trang 115; trang 103).

Tám loại thức uống.¹ Devadatta có tâm bị chế ngự, bị ám ảnh bởi tám điều không đúng Chánh Pháp là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đưng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.² Tám pháp của thế gian. Tám Kính Pháp.³ Tám tội *pāṭidesanīya*. Lời nói dối có tám chi phần.⁴ Tám chi phần của ngày *Uposatha* (Bát quan trai giới). Tám chi phần của người sứ giả.⁵ Tám cách thực hành của ngoại đạo. Tám pháp kỳ diệu phi thường trong biển cả.⁶ Tám pháp kỳ diệu phi thường trong Pháp và Luật này.⁷ Tám vật không phải là đồ thừa. Tám vật là đồ

¹ Tám loại thức uống: nước xoài, nước mật, nước chuối hột, nước chuối không hột, nước mật ong, nước nho, nước ngó sen, nước dâu (*Sdd.*, chương VI, trang 97; trang 87)

² Devadatta bị ám ảnh bởi tám điều không đúng Chánh Pháp: là lợi lộc, không lợi lộc, danh vọng, không danh vọng, sự trọng vọng, sự không trọng vọng, ước muốn xấu xa, bạn bè xấu xa (*Cullavagga – Tiểu Phẩm* tập 2, TTPV tập 07, trang 315; TTVN tập 07, trang 323).

³ Tám Kính Pháp của tỳ khuru ni: Xem chi tiết ở *Sdd.*, chương X, các trang 473-475; 344-345.

⁴ Lời nói dối có tám chi phần: Xem chi tiết ở điều học *pācittiya* thứ nhất của tỳ khuru.

⁵ Tám chi phần của người sứ giả: là người lắng nghe, là người làm cho (kẻ khác) lắng nghe, là người hướng dẫn, là người hiểu rộng, là người có sự nhận thức, là người làm cho (kẻ khác) có sự nhận thức, là người rành rẽ về việc có lợi ích hoặc không có lợi ích, không phải là người gây nên các sự tranh cãi (*Sdd.*, chương VII, trang 313; 220).

⁶ Tám pháp kỳ diệu phi thường về biển cả: Xem chi tiết ở *Sdd.*, chương IX, các trang 427-431; các trang 308-310.

⁷ Tám pháp kỳ diệu phi thường trong Pháp và Luật này: Xem chi tiết ở *Sdd.*, chương IX, các trang 431-435; các trang 310-313.

đồ thừa.¹ Khi rạng đông vào ngày thứ tám thì phạm vào *nissaggiya*.² Tám tội *pārājika*. Vị ni trong khi làm đầy đủ sự việc thứ tám nên bị trục xuất.³ (Tội) đã được trình ra và chưa được trình ra bởi vị ni làm đầy đủ sự việc thứ tám. Sự tu lên bậc trên có tám lời thông báo.⁴ Nên đứng dậy đối với tám (vị ni thâm niên). Chỗ ngồi nên dành cho tám (vị ni thâm niên).⁵ Vị nữ cư sĩ thỉnh cầu tám điều ước muốn.⁶ Vị tỳ khuru có tám yếu tố nên được chỉ

¹ Tám vật không phải là đồ thừa và tám vật là đồ thừa: được đề cập ở điều học *pācittiya* 35 của tỳ khuru, phần định nghĩa từ.

² Khi rạng đông vào ngày thứ tám thì phạm vào *nissaggiya*: liên quan đến điều học *nissaggiya pācittiya* 23 về năm loại dục phẩm.

³ Điều học *pārājika* thứ tám của tỳ khuru ni đề cập đến tám hành động của vị tỳ khuru ni nhiễm dục vọng đối với người nam là sự nắm lấy cánh tay (của người nam), sự nắm lại lấy chéo áo choàng, đứng chung, trò chuyện, đi đến nơi hẹn hò, thích thú sự viếng thăm của người nam, đi vào nơi che khuất, kể sáo cơ thể nhằm mục đích xúc chạm cơ thể. Vị tỳ khuru ni làm đủ tám hành động này phạm *pārājika*, nên bị trục xuất.

⁴ Sự tu lên bậc trên có tám lời thông báo: Đề cập đến sự tu lên bậc trên của tỳ khuru ni ở cả hai hội chúng tỳ khuru ni và tỳ khuru.

⁵ Chỗ ngồi nên dành cho tám (vị ni thâm niên): Được đề cập ở *Sdd.*, chương X, trang 521; trang 378.

⁶ Vị nữ cư sĩ thỉnh cầu tám điều ước muốn: Vị này là nữ cư sĩ Visākha (*VinA. vii*, 1342). Bà đã thỉnh cầu đức Phật để dâng vải choàng (tắm) mưa đến hội chúng, dâng thức ăn dành cho vị đi đến, dâng thức ăn dành cho vị ra đi, dâng thức ăn dành cho vị bị bệnh, dâng thức ăn dành cho vị chăm sóc bệnh, dâng dục phẩm dành cho vị bị bệnh, dâng cháo hàng ngày, dâng vải choàng tắm đến hội chúng tỳ khuru ni đến trọn đời (*Mahāvagga – Đại Phẩm* tập 2, TTPV tập 05, chương VIII, các trang 199-201; TTVN tập 05, từ trang 177).

định là vị giáo giới tỳ khuru ni.¹ Tám điều lợi ích cho vị nắm vững về Luật.² Tám điều tối đa. Vị tỳ khuru đã được thực hiện hành sự theo tội của vị ấy nên thực hành nghiêm chỉnh trong tám pháp.³ Tám sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp. Tám sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp.

DỨT NHÓM TÁM.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Không phải vị tỳ khuru ấy, luôn cả đôi với các vị khác, cho đến lần thứ ba, các sự làm hư hỏng, các tiêu đề (về y), các sự thâm hôi Kaṭṭhina, các thức uống, và với vị bị ngự trị.

2. (Tám) pháp thế gian, (tám) Kính Pháp, (tám) tội *pāṭidesanīya*, (tám) sự nói dối, các ngày trai giới, và (tám)

¹ Tám yếu tố của vị tỳ khuru nên được chỉ định là vị giáo giới tỳ khuru ni: được đề cập chi tiết ở điều học *pācittiya* 21 của tỳ khuru.

² Tám điều lợi ích cho vị rành rẽ về Luật: gồm năm điều đã được giải thích trước đây ở trang 63 thêm vào ba chi tiết là: ‘lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, và hành sự của hội chúng là phân trách nhiệm của vị ấy’ (*VinA. vii*, 1342).

³ Vị tỳ khuru đã được thực hiện hành sự theo tội của vị ấy nên thực hành nghiêm chỉnh trong tám pháp: không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, (hoặc) không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị tỳ khuru trong sạch, không nên sai bảo, không nên cáo tội, không nên bảo tránh lỗi đi, không nên quở trách, không nên nhắc nhở (vị tỳ khuru trong sạch), không nên tạo bè phái với các tỳ khuru (*Sdd.*).

điều của sứ giả, (tám cách thực hành của) ngoại đạo, và (của) biển cả.

3. (Tám điều) phi thường, (tám vật) không phải là đồ thừa, đồ thừa, tội nissaggiya, tội pārājika, (làm) sự việc thứ tám, đã không được trình ra, sự tu lên bậc trên.

4. Sự đứng dậy, và luôn cả chỗ ngồi, điều ước muốn, và với vị giáo giới, các điều lợi ích, (tám) điều tội đa, sự thực hành trong tám pháp, sai pháp, và đúng pháp, và các nhóm tám pháp đã được khéo trình bày.

--ooOoo--

NHÓM CHÍN

Chín sự việc gây nóng giận.¹ Chín cách đối trị sự nóng giận. Chín sự việc đã được rèn luyện.² Chín trường hợp bị phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm.³ Hội chúng bị chia rẽ với chín (vị tỳ khuru).⁴ Chín vật thực hảo hạng.⁵ Tội *dukkaṭa* a với chín loại thịt. Chín cách đọc tụng giới bốn.⁶ Chín điều tối đa. Chín pháp là gốc của tham ái.⁷

¹ Chín sự việc gây nóng giận và chín cách đối trị sự nóng giận được đề cập đến ở *Dīghanikāya - Kinh Trường Bộ III, Saṅgītisuttaṃ* - Kinh Phúng Tụng; và ở *Aṇṇuttaranikāya - Kinh Tăng Chi III, Pháp 9* chi.

² Chín sự việc đã được rèn luyện: sự hạn chế, kèm chế, tự chế, chặt đứt sự tiếp nối với chín sự việc gây nóng giận (*VinA. vii, 1342*).

³ Chín trường hợp bị phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm: là chín tội *saṅghādisesa* từ 1 đến 9 của tỳ khuru.

⁴ Hội chúng bị chia rẽ với chín (vị tỳ khuru): là câu trả lời của đức Phật cho đại đức Upāli về việc chia rẽ hội chúng (*Cullavagga – Tiểu Phẩm* tập 2, TTPV tập 07, trang 321; TTVN tập 07, trang 226)

⁵ Chín vật thực hảo hạng: đã được đề cập đến ở điều học *pācittiya* 39 của tỳ khuru là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía, cá, thịt, sữa tươi, và sữa đông.

⁶ Chín cách đọc tụng giới bốn: tức là năm cách áp dụng cho tỳ khuru và bốn cách áp dụng cho tỳ khuru ni (ND).

⁷ Chín pháp là gốc của tham ái: Ngài Buddhaghosa giải thích như sau: ‘Tâm cầu do duyên tham ái, đạt được do duyên tìm cầu, quyết định do duyên đạt được, tham dục do duyên quyết định, vương mắc do duyên tham dục, nắm giữ do duyên vương mắc, bỏn xén do duyên nắm giữ, bảo vệ do duyên bỏn xén, do duyên bảo vệ có các sự tranh chấp bằng cách cầm gậy, cầm kiếm, cãi cọ, tranh luận, tranh cãi, nói ác độc, nói dối (*VinA. vii, 1342-1343*). Xem *Dīghanikāya - Kinh Trường Bộ II; Mahānidānasuttaṃ* - Kinh Đại Duyên.

Chín cách ngã mạn.¹ Chín loại y được chú nguyện để dùng riêng.² Chín loại y không được chú nguyện để dùng chung.³ Chiều dài chín gang tay theo gang tay của đức Thiện Thệ.⁴ Chín sự bố thí sai pháp.⁵ Chín sự thọ lãnh sai pháp. Chín sự thọ dụng sai pháp. Ba sự bố thí đúng pháp, ba sự thọ lãnh đúng pháp, ba sự thọ dụng đúng pháp. Chín nhận thức sai pháp. Chín nhận thức

¹ Chín cách ngã mạn: là so sánh hơn, bằng, và thua theo chín cách.

² Chín loại y được chú nguyện để dùng riêng: là ba y, và sáu loại y khác nữa là vải choàng tắm mưa, vật lót ngồi, tấm trải nằm, y đắp ghê, khăn lau mặt, miếng vải phụ tùng (*Mahāvagga – Đại Phẩm* tập 2, TTPV tập 05, chương VIII, trang 209; TTVN tập 05, trang 185).

³ Chín loại y không được chú nguyện để dùng chung: Do đã được chú nguyện để dùng riêng vào thời kỳ thích hợp thì không nên chú nguyện để dùng chung (*VinA. vii*, 1343).

⁴ Chiều dài chín gang tay theo gang tay của đức Thiện Thệ: Câu này này được trích dẫn từ điều học *pācittiya* 92 về chiều dài y của đức Thiện Thệ (ND).

⁵ Chín sự bố thí sai pháp: Ngài Buddhaghosa giải thích là: ‘Vật đã được khẳng định là dâng cho hội chúng, lại thuyết phục dâng cho hội chúng khác hoặc bảo tháp, hoặc cá nhân; vật đã được khẳng định là dâng đến bảo tháp, lại thuyết phục dâng đến bảo tháp khác, hoặc hội chúng, hoặc cá nhân; vật đã được khẳng định là dâng cho cá nhân, lại thuyết phục dâng cho cá nhân khác, hoặc hội chúng, hoặc bảo tháp’ (*Sdd.*). Vấn đề này được đề cập ở điều học *pācittiya* 82 của tỳ khưu. Chín sự thọ lãnh sai pháp và chín sự thọ dụng sai pháp là có liên quan đến chín sự bố thí sai pháp này.

- Ba sự bố thí đúng pháp: là dâng đến hội chúng vật được dành cho hội chúng, dâng đến bảo tháp vật được dành cho bảo tháp, dâng đến cá nhân vật được dành cho cá nhân. Về sự thọ lãnh và thọ dụng đúng pháp là sự thọ lãnh và sự thọ dụng của các vật này (*Sdd.*).

đúng pháp.¹ Hai nhóm chín về hành sự sai pháp. Hai nhóm chín về hành sự đúng pháp.² Chín sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp. Chín sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp.

DỨT NHÓM CHÍN.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. (Chín) sự việc gây nóng giận, cách đối trị, đã được rèn luyện, và lúc vừa mới vi phạm, bị chia rẽ, và (vật thực) hảo hạng, thịt, cách đọc tụng, và (chín) điều tối đa.

2. (Chín gốc của) tham ái, ngã mạn, (chín) sự chú nguyện, chú nguyện để dùng chung, (chín) gang tay, sự bố thí, sự thọ lãnh, sự thọ dụng, ba cách, rồi các cách đúng pháp.

3. Sai pháp, và đúng pháp, sự nhận thức có hai nhóm, và có hai nhóm chín, và (chín) sự đình chỉ giới bốn sai pháp.

--ooOoo--

¹ Chín nhận thức sai pháp và chín nhận thức đúng pháp: được đề cập ở *Cullavagga* – *Tiểu Phẩm* tập 1, TTPV tập 06, chương IV, các trang 333-337; TTVN tập 06, các trang 295-299.

² Hai nhóm chín về hành sự sai pháp và hai nhóm chín về hành sự đúng pháp: được đề cập ở điều *pācittiya* 21 của tỳ khưu (*VinA. vii*, 1343).

NHÓM MƯỜI

1. Mười sự việc gây nóng giận. Mười cách đối trị sự nóng giận. Mười sự việc đã được rèn luyện. Mười tà kiến căn bản.¹ Mười chánh kiến căn bản.² Mười hữu biên kiến.³ Mười sự sai trái.⁴ Mười sự chân chánh. Mười đường lối của nghiệp bất thiện.⁵ Mười đường lối của nghiệp thiện. Mười cách phân phát thể sai pháp. Mười

¹ Mười tà kiến căn bản: là không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có loại hóa sanh, ở đời không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri giác ngộ đời này đời khác và truyền dạy lại (*Dīghanikāya* - Kinh Trường Bộ I, *Sāmaññaphalasuttaṃ* - Kinh Sa-môn Quả, lời dịch của H.T. Minh Châu).

² Mười chánh kiến căn bản: được hiểu đối nghịch lại (*VinA. vii*, 1343).

³ Mười hữu biên kiến: (Có phải) thế giới là vĩnh viễn? (Có phải) thế giới là không vĩnh viễn? (Có phải) thế giới là hữu biên? (Có phải) thế giới là vô biên? (Có phải) mạng sống và thân thể là chung? (Có phải) mạng sống và thân thể là khác biệt? Như Lai còn tồn tại sau khi chết? Như Lai không còn tồn tại sau khi chết? Như Lai còn và không còn tồn tại sau chết? Như Lai không phải còn tồn tại và cũng không phải không tồn tại sau khi chết? (*Añ guttaranikāya* - Kinh Tăng Chi, pháp 10 chi, phẩm Upāli).

⁴ Mười sự sai trái: là tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, ... tà trí, tà giải thoát. Mười sự chân chánh có ý nghĩa đối nghịch lại (*VinA. vii*, 1343).

⁵ Mười đường lối của nghiệp bất thiện: Thân có ba nghiệp: sát sanh, trộm cắp, tà dâm, khẩu có bốn, ý có ba. Mười đường lối của nghiệp thiện có ý nghĩa đối nghịch lại.

cách phân phát thẻ đúng pháp.¹ Mười điều học của các sa di.² Vị sa di có mười yếu tố nên bị trục xuất.³

2. Vị nắm vững về Luật bị xem là ‘ngu dốt’ khi có mười điều: vị không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, sau khi không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, sau khi không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác rồi cho thực hiện (hành sự) sai pháp, với sự không khẳng định, không biết về tội, không biết về nền tảng của tội, không biết về nhân sanh tội, không biết về sự đoạn diệt của tội, không biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tội.

Vị nắm vững về Luật được xem là ‘thông thái’ khi có mười điều: vị đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, sau khi đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, sau khi đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác rồi cho thực hiện (hành sự) đúng pháp, với sự khẳng định, biết về tội, biết về nền tảng của tội, biết về nhân sanh tội, biết về sự

¹ Mười cách phân phát thẻ sai pháp và mười cách phân phát thẻ đúng pháp được đề cập ở *Cullavagga – Tiểu Phẩm* tập 1, TTPV tập 06, chương IV, trang 363; TTVN tập 06, các trang 320-321.

² Mười điều học của các sa di: được đề cập ở TTPV tập 04, chương I, trang 209; TTVN tập 04, trang 163.

³ Vị sa di có mười yếu tố nên bị trục xuất: được đề cập ở *Sđđ.*, trang 213; trang 165.

đoạn diệt của tội, biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tội.

3. Vị nắm vững về Luật bị xem là ‘ngu dốt’ khi có mười điều khác nữa: vị không biết về sự tranh tụng, không biết về nền tảng của tranh tụng, không biết về nhân sanh của tranh tụng, không biết về sự đoạn diệt của tranh tụng, không biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tranh tụng, không biết về sự việc, không biết về duyên khởi, không biết về điều quy định, không biết về điều quy định thêm, không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc.

Vị nắm vững về Luật được xem là ‘thông thái’ khi có mười điều: vị biết về sự tranh tụng, biết về nền tảng của tranh tụng, biết về nhân sanh của tranh tụng, biết về sự đoạn diệt của tranh tụng, biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tranh tụng, biết về sự việc, biết về duyên khởi, biết về điều quy định, biết về điều quy định thêm, biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc.

4. Vị nắm vững về Luật bị xem là ‘ngu dốt’ khi có mười điều khác nữa: vị không biết về lời đề nghị, không biết cách thực hiện với lời đề nghị, không thiện xảo về phần (cần trình bày) đầu tiên, không thiện xảo về các phần kế tiếp, không biết về thời điểm, không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, không biết tội nhẹ hay nặng, không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, không biết tội xấu xa hay không xấu xa, không khéo

được kế thừa theo tuần tự từ các vị thầy và không khéo chăm chú không khéo suy xét.

Vị nắm vững về Luật được xem là ‘thông thái’ khi có mười điều: vị biết về lời đề nghị, biết cách thực hiện với lời đề nghị, thiện xảo về phần (cần trình bày) đầu tiên, thiện xảo về các phần kế tiếp, biết về thời điểm, biết về sự phạm tội hay không phạm tội, biết tội nhẹ hay nặng, biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, biết tội xấu xa hay không xấu xa, khéo được kế thừa theo tuần tự từ các vị thầy và khéo chăm chú khéo suy xét.

5. Vị nắm vững về Luật bị xem là ‘ngu dốt’ khi có mười điều khác nữa: vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội; không biết tội nhẹ hay nặng; không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; không biết tội xấu xa hay không xấu xa; đối với vị này hai bộ giới bốn *Pātimokkha* không khéo được truyền thừa với chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo được ứng dụng, không khéo được xác định theo từng điều theo từng từ ngữ; không biết về sự phạm tội hay không phạm tội; không biết tội nhẹ hay nặng; không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; không biết tội xấu xa hay không xấu xa; không khéo léo về sự phán quyết trong tranh tụng.

Vị nắm vững về Luật được xem là ‘thông thái’ khi có mười điều: vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội; biết tội nhẹ hay nặng; biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; biết tội xấu xa hay không xấu xa; đối với vị này

hai bộ giới bốn *Pātimokkha* khéo được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều theo từng từ ngữ; biết về sự phạm tội hay không phạm tội; biết tội nhẹ hay nặng; biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; biết tội xấu xa hay không xấu xa; khéo léo về sự phán quyết trong tranh tụng.

6. Vị tỳ khuru có mười yếu tố nên được chỉ định làm vị đại biểu. Đức Như Lai quy định điều học cho các Thinh văn vì mười điều lợi ích.¹ Mười điều nguy hiểm trong việc đi vào hậu cung của đức vua.² Mười vật bố thí.³ Mười loại báu vật.⁴ Hội chúng tỳ khuru nhóm mười vị. Nên cho tu lên bậc trên với tập thể là nhóm mười vị. Mười loại vải *paṃsukūla*.⁵ Mười loại y và cách sử dụng.¹

¹ Mười điều lợi ích về việc quy định điều học: Xem ở điều học *Pārājika* thứ nhất, *Pārājikapāḷi* - *Phân Tích Giới Tỳ Khuru*, TTPV tập 01, trang 49; TTVN tập 01, trang 39.

² Mười điều nguy hiểm trong việc đi vào hậu cung của đức vua: Xem ở điều học *pācittiya* 83 của tỳ khuru.

³ Mười vật bố thí: cơm, nước, vải, xe cộ, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, chỗ nằm, chỗ trú ngụ, đèn (*VinA. vii*, 1344).

⁴ Mười loại báu vật: là ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc bích, vỏ sò, đá quý, san hô, bạc, vàng, ngọc ru-by, ngọc mắt mèo (*Cullavagga* – *Tiểu Phẩm* tập 2, TTPV tập 07, trang 431; TTVN tập 07, trang 309).

⁵ Mười loại vải *paṃsukūla*: loại ở bãi tha ma, bỏ ở ngoài cửa tiệm, bị chuột gặm, bị mối nhấm, bị lửa cháy, loại bị bò nhai, bị dê nhai, y nơi bảo tháp, loại thuộc về lễ đăng quang (của đức vua), vải dành cho tôi tớ (*VinA. vii*, 1344). Mười loại vải *paṃsukūla* này đã được trình bày cũng trong tập này ở trang 51.

Y phụ trội được cất giữ tối đa mười ngày.² Mười loại tinh dịch.³ Mười hạng người nữ. Mười hạng vợ.⁴ Mười sự việc được công bố ở thành Vesālī.⁵

Mười hạng người không nên đánh lễ.⁶ Mười biểu hiện của sự mắng nhiếc.⁷ Vị tạo ra sự đâm thọc theo mười biểu hiện.⁸ Mười loại sàng tọa.⁹ Họ đã yêu cầu

¹ Mười loại y: gồm có chín loại y đã được kể ở phần nhóm chín thêm vào vài choàng tắm hay áo lót của tỳ khuru ni là mười (*VinA. vii*, 1344).

² Y phụ trội được cất giữ tối đa mười ngày: Xem điều học *nissaggiya pācittiya* thứ nhất của tỳ khuru.

³ Mười loại tinh dịch: Xem điều học *saṅ ghādisesa* thứ nhất của tỳ khuru.

⁴ Mười hạng người nữ và mười hạng vợ: Xem điều học *saṅ ghādisesa* 5 của tỳ khuru.

⁵ Mười sự việc được công bố ở thành Vesālī: Được phép cất giữ muối trong ống sừng, được phép ăn khi bóng mặt trời đã hai ngón tay, được phép đi vào làng rồi ăn thêm lần nữa, được phép hành *Upasatha* riêng rẽ, được phép hành sự không đủ tỳ khuru, được phép thực hành theo tập quán, được phép uống sữa chua lúc quá Ngọ, được phép uống nước trái cây lên men, được phép sử dụng tọa cụ không có viền quanh, được phép tích trữ vàng bạc (*Cullavagga – Tiểu Phẩm* tập 2, TTPV tập 07, TTVN tập 07, chương XII).

⁶ Mười hạng người không nên đánh lễ: Được đề cập ở *Sdd.*, chương VI, trang 179; trang 128.

⁷ Mười sự việc của sự mắng nhiếc: Được đề cập ở điều học *pācittiya* 2 của tỳ khuru.

⁸ Vị tạo ra sự đâm thọc theo mười biểu hiện: Được đề cập ở điều học *pācittiya* 3 của tỳ khuru.

⁹ Mười loại sàng tọa: giường ghế, gối, nệm, tấm lót nền, vải phủ giường ghế, thảm trải nền, tấm da thú, tấm lót ngời, thảm cỏ, thảm lá (*VinA. vii*, 1344).

mười điều ước muốn.¹ Mười sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp. Mười sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp. Mười điều lợi ích của cháo.² Mười loại thịt không được phép.³ Mười điều tối đa. Vị tỳ khuru mười năm, có kinh nghiệm, có năng lực, nên cho xuất gia, nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ. Vị tỳ khuru ni mười năm, có kinh nghiệm, có năng lực, nên cho xuất gia, nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để cho sa di ni phục vụ.⁴ Sự đồng ý về việc tiếp độ nên được chấp thuận cho vị tỳ khuru ni mười năm, có kinh nghiệm, có năng lực. Sự học tập nên được ban cho đến người nữ đã kết hôn khi mười tuổi.

Dứt Nhóm Mười.

¹ Họ đã yêu cầu mười điều ước muốn: là tám điều ước muốn do bà Visākhā thỉnh cầu, một điều do đức vua Suddhodana yêu cầu về việc xuất gia phải có phép của cha mẹ, và một do thầy thuốc Jīvaka xin đức Phật cho phép các tỳ khuru được phép nhận y của gia chủ cúng dường (*Sđđ.*).

² Mười điều lợi ích của cháo: Xem *Mahāvagga* – *Đại Phẩm* tập 2, TTPV tập 05, chương VI, trang 45; TTVN tập 05, trang 40.

³ Mười loại thịt không được phép: là thịt người, thịt voi, thịt ngựa, thịt chó, thịt rắn, thịt sư tử, thịt hổ, thịt beo, thịt gấu, thịt chó sói (*Sđđ.*, các trang 39-43; từ trang 33).

⁴ Ở điều này và điều kế, có sự lầm lẫn vì tỳ khuru ni phải là ‘mười hai năm’ thâm niên mới có thể tiếp độ đệ tử, còn trường hợp ‘mười năm’ là dành cho tỳ khuru (ND).

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. (Mười) sự việc gây nóng giận, cách đối trị, (mười) sự việc (đã được rèn luyện), tà và chánh, (mười) hữu biên (kiến), (mười) sự sai trái, và luôn cả (mười) sự đúng đắn, (mười) nghiệp thiện, và cả bất thiện nữa.

2. (Mười) cách phân phát thể sai pháp, và đúng pháp, sa di, và sự trực xuất, lời nói, và luôn cả (mười) sự tranh tụng, sự quy định và luôn cả (tội) nhẹ nữa.

3. Các tội nhẹ nặng này, các vị hãy biết tôi và sáng, (mười) yếu tố về đại biểu, và (mười) điều học, ở hậu cung, và các sự việc.

4. Báu vật, và nhóm mười, các sự tu lên bậc trên là tương tự y như thế, (mười loại) vải paṃsukūla, và (mười) cách sử dụng y, mười ngày, tinh dịch, và (mười) hạng người nữ.

5. (Mười) hạng vợ, mười sự việc, không đánh lễ, và với sự mắng nhiếc, và luôn cả các sự đâm thọc, các sàng tọa, (mười) điều ước muốn, và các sự sai pháp.

6. Các sự đúng pháp, cháo, và thịt, (mười) điều tôi đa, vị tỳ khưu, vị tỳ khưu ni, các sự tiếp độ, các người nữ đã kết hôn, nhóm mười đã khéo được giảng giải.

--ooOoo--

NHÓM MƯỜI MỘT

1. Mười một hạng người chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã được tu lên bậc trên thì nên trực xuất.¹ Mười một loại giày không được phép.² Mười một loại bình bát không được phép.³ Mười một loại y không được phép.⁴ Mười một tội vi phạm (khi được nhắc nhở) cho đến lần thứ ba.⁵ Mười một pháp

¹ Mười một hạng người trên là: kẻ vô căn, kẻ trộm tướng mạo (tỳ khuru), kẻ bỏ theo ngoại đạo, loài thú, kẻ giết mẹ, kẻ giết cha, kẻ giết A-la-hán, kẻ làm nhơ tỳ khuru ni, kẻ chia rẽ hội chúng, kẻ làm (đức Phật) chảy máu, kẻ lường căn, xem ở *Mahāvagga – Đại Phẩm* tập 1, TTPV tập 04, chương I, từ trang 213; TTVN tập 04, từ trang 165.

² Mười một loại giày không được phép: là mười loại giày làm bằng vật quý giá: làm bằng vàng, bằng bạc, bằng ngọc ma-ni, bằng đá quý, bằng pha-lê, bằng đồng đỏ, bằng thủy tinh, bằng thiếc, bằng chì, bằng đồng thau, và loại giày làm bằng gỗ là mười một (*VinA. vii, 1344*).

³ Mười một loại bình bát không được phép: là loại bình bát bằng đồng đỏ hay bằng gỗ và mười loại bình bát làm bằng vật quý giá (*Sdd.*).

⁴ Mười một loại y không được phép: y toàn màu xanh, y toàn màu vàng, y toàn màu đỏ (máu), y toàn màu tím, y toàn màu đen, y toàn màu đỏ tía, y toàn màu hồng, y không cắt đường viền, y có đường viền rộng, y có đường viền vẽ bông hoa, y có đường viền vẽ hình rắn hổ mang (*Mahāvagga – Đại Phẩm* tập 2, TTPV tập 05, chương VIII, trang 225; TTVN tập 05, trang 201).

⁵ Mười một tội vi phạm (khi được nhắc nhở) cho đến lần thứ ba: là tội *pārājika* 3 của tỳ khuru ni, 8 tội *saṅghādisesa*, tội *pācittiya* 68 về tỳ khuru Ariṭṭha, và tội *pācittiya* 36 của tỳ khuru ni Caṇḍakālī (*VinA. vii, 1344*).

chương ngại của tỳ khuru ni cần được hỏi.¹ Mười một loại y được chú nguyện để dùng riêng.² Mười một loại y không được chú nguyện để dùng chung.³ Khi rạng đông của ngày thứ mười một thì phạm vào *nissaggiya*. Mười một loại khóa thắt lưng được phép. Mười một loại hột nút được phép.⁴ Mười một loại đất không được phép. Mười một loại đất được phép.⁵ Mười một trường hợp

¹ Mười một pháp chương ngại của tỳ khuru ni cần được hỏi: “Cô không phải là người không có hiện tướng (người nữ)? Cô không phải là người khiếm khuyết hiện tướng (người nữ)? Cô không phải là người không có kinh nguyệt? Cô không phải là người bị băng huyết? Cô không phải là người thường xuyên mang vải lót? Cô không phải là người bị rong kinh? Cô không phải là người bị dị căn? Cô không phải là người nữ vô căn? Cô không phải là người lại đực? Cô không phải là người tiêu tiểu chung một khiếu? Cô không phải là người nữ lưỡng căn?” (*Cullavagga – Tiểu Phẩm* tập 2, TTPV tập 07, chương X, trang 513; TTVN tập 07, các trang 371-372).

² Mười một loại y được chú nguyện để dùng riêng là: ba y, y tắm mưa, tọa cụ, ngọa cụ, y đắp ghè, khăn lau mặt, y phụ thuộc, vải choàng tắm và áo lót của tỳ khuru ni (*VinA. vii*, 1345).

³ Mười một loại y không được chú nguyện để dùng chung: Do đã được chú nguyện để dùng riêng trong thời kỳ thích hợp thì không nên chú nguyện để dùng chung (*Sdd.*).

⁴ Mười một loại hột nút được phép: là các hột nút được làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bằng nhựa cây, làm bằng trái cây, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò, làm bằng chỉ sợi (*Cullavagga – Tiểu Phẩm* tập 2, TTPV tập 07, chương V, trang 95; TTVN tập 07, trang 67).

⁵ Mười một loại đất không được phép và mười một loại đất được phép: Ngài Buddhaghosa giải thích là được đề cập ở điều học *pācittiya* 10 (*VinA. vii*, 1345); tuy nhiên ở đây chỉ có hai loại đất được nêu ra là: đất màu mỡ và đất không màu mỡ.

đình chỉ việc nương nhờ.¹ Mười một hạng người không nên đánh lễ.² Mười một điều tối đa. Họ đã yêu cầu mười một điều ước muốn.³ Mười một sự sai trái của ranh giới.⁴ Mười một tai họa là điều hiển nhiên cho người mắng nhiếc và người gièm pha.

2. Khi tâm từ là sự giải thoát của ý được tập luyện, được phát triển, được thực hành đều đặn, được làm thành phương tiện, được làm thành nền tảng, được duy trì, được tích lũy, khéo được thành tựu viên mãn, mười một điều lợi ích là điều hiển nhiên: ngủ an lạc, thức dậy an lạc, không nhìn thấy ác mộng, được mọi người thương mến, được các phi nhân thương mến, chư thiên hộ trì, lửa hoặc chất độc hoặc vũ khí không xâm phạm vị ấy, tâm được nhập định nhanh chóng, sắc mặt được an tịnh, không mê mờ khi từ trần, trong khi không thể nhập

¹ Mười một trường hợp đình chỉ việc nương nhờ: là năm đối với thầy tế độ, sáu đối với thầy dạy học (*Sdd.*).

² Mười một hạng người không nên đánh lễ: Thêm vị lỏa thể là mười một. Mười hạng đã được trình bày ở nhóm mười (*Sdd.*).

³ Họ đã yêu cầu mười một điều ước muốn: Ngài Buddhaghosa giảng rằng điều ước muốn thứ mười một là của bà Mahāpajāpati Gotamī yêu cầu việc các tỳ khưu và tỳ khưu ni thực hành phạm sự thích hợp là sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, (và) hành động thích hợp tính theo thâm niên (*Cullavagga – Tiểu Phẩm* tập 2, TTPV tập 07, chương X, trang 479; TTVN tập 07, các trang 349, 350); nhưng điều này đã bị đức Phật từ chối (*VinA. vii*, 1345).

⁴ Mười một sự sai trái của ranh giới: Được trình bày không liên tục ở phần thực hiện ranh giới bắt đầu với việc ấn định ranh giới quá nhỏ, v.v... (*Mahāvagga – Đại Phẩm* tập 1, TTPV tập 04, chương II, trang 263; TTVN tập 04, trang 207).

được trạng thái cao thượng (phẩm vị A-la-hán) thì đi đến thế giới Phạm thiên; khi tâm từ là sự giải thoát của ý được tập luyện, được phát triển, được thực hành đều đặn, được làm thành phương tiện, được làm thành nền tảng, được duy trì, được tích lũy, khéo được thành tựu viên mãn, mười một điều lợi ích này là điều hiển nhiên.

Dứt Nhóm Mười Một.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Các hạng nên trực xuất, và các loại giày, các bình bát, và các y, lân thứ ba, và các điều nên hỏi, các sự chú nguyện dùng riêng, và dùng chung.

2. Lúc rạng đông, các khóa thất lưng, các hột nút, các điều không được phép, và được phép, việc nương nhờ, và luôn cả các hạng không nên đánh lễ, các điều tối đa, và các điều ước muốn, các sự sai trái của ranh giới, và các sự mắng nhiếc, với tâm từ là nhóm mười một đã được hoàn tất.

Dứt Tăng Theo Từng Bậc.

TÓM LƯỢC CÁC CHƯƠNG NÀY:

1. Nhóm một, và nhóm hai, và luôn cả nhóm ba, bốn, và nhóm năm, sáu, bảy, tám, và nhóm chín, mười, và nhóm mười một.

2. Vì lợi ích cho tất cả chúng sanh, các điều tăng theo từng bậc không ô nhiễm đã được thuyết giảng bởi đấng Đại Hùng, bậc hiểu Pháp như thế ấy.

--ooOoo--

CÁC CÂU VẤN ĐÁP

VỀ LỄ *UPOSATHA*, v.v...

CÁC CÂU HỎI

1. Đối với hành sự *Uposatha*, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đối với hành sự *Pavāraṇā*, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đối với hành sự khiển trách, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đối với hành sự chỉ dạy, —nt— Đối với hành sự xua đuổi, —nt— Đối với hành sự hòa giải, —nt— Đối với hành sự án treo, —nt— Đối với việc ban cho hình phạt *parivāsa*, —nt— Đối với việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu, —nt— Đối với việc ban cho hình phạt *mānatta*, —nt— Đối với việc giải tội, —nt— Đối với hành sự tu lên bậc trên, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc?

2. Đối với việc thu hồi hành sự khiển trách, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đối với việc thu hồi hành sự chỉ dạy, —nt— Đối với việc thu hồi hành sự xua đuổi, —nt— Đối với việc thu hồi hành sự hòa giải, —nt— Đối với việc thu hồi hành sự án treo, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc?

3. Đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đối với hành xử Luật khi không điền công, —nt— Đối với (hành xử Luật) theo tội của vị ấy, —nt— Đối với cách dùng cỏ che lấp, —nt— Đối với việc chỉ định vị giáo giới tỳ khru ni, —nt— Đối với việc đồng ý về sự không vi phạm tội vì xa lìa ba y, —nt— Đối với việc đồng ý về ngọa cụ, —nt— Đối với việc chỉ định vị quăng bỏ vàng bạc, —nt— Đối với việc chỉ định vị tiếp nhận y khoác ngoài, —nt— Đối với việc chỉ định vị tiếp nhận bình bát, —nt— Đối với việc đồng ý về gậy, —nt— Đối với việc đồng ý về dây, —nt— Đối với việc đồng ý về gậy và dây, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc?

Dứt các câu hỏi.

CÁC CÂU TRẢ LỜI

1. Đối với hành sự *Uposatha*, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? – Đối với hành sự *Uposatha*, sự hợp nhất là đầu tiên, sự thực hiện là ở giữa, sự hoàn tất là kết cuộc.

2. Đối với hành sự *Pavāraṇā*, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? – Đối với hành sự *Pavāraṇā*, sự hợp nhất là đầu tiên, sự thực hiện là ở giữa, sự hoàn tất là kết cuộc.

3. Đối với hành sự khiển trách, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? – Đối với hành sự khiển trách, sự việc và nhân vật là đầu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc.

4. Đối với hành sự chỉ dạy, —nt— Đối với hành sự xua đuổi, —nt— Đối với hành sự hòa giải, —nt— Đối với hành sự án treo, —nt— Đối với việc ban cho hình phạt *parivāsa*, —nt— Đối với việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu, —nt— Đối với việc ban cho hình phạt *mānatta*, —nt— Đối với việc giải tội, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc?

5. Đối với hành sự tu lên bậc trên, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? – Đối với hành sự tu lên bậc trên, sự việc và nhân vật là đầu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc.

6. Đối với việc thu hồi hành sự khiển trách, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? – Đối với việc thu hồi hành sự khiển trách, sự thực hành phạt sự đúng đắn là đầu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc.

7. Đối với việc thu hồi hành sự chỉ dạy, —nt— Đối với việc thu hồi hành sự xua đuổi, —nt— Đối với việc thu hồi hành sự hòa giải, —nt— Đối với việc thu hồi hành sự án treo, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? – Đối với việc thu hồi hành sự án treo, việc thực hành phạt sự đúng đắn là đầu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc.

8. Đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? – Đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, sự việc và nhân vật là đầu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc.

9. Đối với hành xử Luật khi không điền công, —nt— Đối với (hành xử Luật) theo tội của vị ấy, —nt— Đối với cách dùng cò che lấp, —nt— Đối với việc chỉ định vị giáo giới tỳ khưu ni, —nt— Đối với việc đồng ý về sự không vi phạm tội vì xa lìa ba y, —nt— Đối với việc đồng ý về ngoại cụ, —nt— Đối với việc chỉ định vị quảng bỏ vàng bạc, —nt— Đối với việc chỉ định vị tiếp nhận y khoác ngoài, —nt— Đối với việc chỉ định vị tiếp nhận bình bát, —nt— Đối với việc đồng ý về gậy, —nt— Đối với việc đồng ý về dây, —nt— Đối với việc đồng ý

về gậy và dây, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? – Đối với việc đồng ý về gậy và dây, sự việc và nhân vật là đầu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc.

Dứt các câu trả lời.

Dứt các câu vấn đáp về lễ Uposatha, v.v...

--ooOoo--

LỜI GIẢI THÍCH VỀ ĐIỀU LỢI ÍCH

1. Đức Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì mười điều lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các tỳ khuru hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp, (và) nhằm sự hỗ trợ Luật.

2. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy là sự an lạc cho hội chúng. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu. Điều nào nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, điều ấy nhằm sự lạc trú của các tỳ khuru hiền thiện. Điều nào nhằm sự lạc trú của các tỳ khuru hiền thiện, điều ấy nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại. Điều nào nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, điều ấy nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai. Điều nào nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, điều ấy nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin. Điều nào nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, điều ấy nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Điều nào nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, điều ấy nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp. Điều nào nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp, điều ấy nhằm sự hỗ trợ Luật.

3. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy là sự an lạc cho hội chúng. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm sự lạc trú của các tỳ khưu hiền thiện. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm sự hỗ trợ Luật.

4. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm sự lạc trú của các tỳ khưu hiền thiện. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm sự hỗ trợ Luật. Điều nào là

sự an lạc cho hội chúng, điều ấy là sự tốt đẹp cho hội chúng.

5. Điều nào nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, —nt— Điều nào nhằm sự lạc trú của các tỳ khuru hiền thiện, —nt— Điều nào nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, —nt— Điều nào nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, —nt— Điều nào nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Điều nào nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, —nt— Điều nào nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp, —nt—

6. Điều nào nhằm sự hỗ trợ Luật, điều ấy là sự tốt đẹp cho hội chúng. Điều nào nhằm sự hỗ trợ Luật, điều ấy là sự an lạc cho hội chúng. Điều nào nhằm sự hỗ trợ Luật, điều ấy nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu. Điều nào nhằm sự hỗ trợ Luật, điều ấy nhằm sự lạc trú của các tỳ khuru hiền thiện. Điều nào nhằm sự hỗ trợ Luật, điều ấy nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại. Điều nào nhằm sự hỗ trợ Luật, điều ấy nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai. Điều nào nhằm sự hỗ trợ Luật, điều ấy nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin. Điều nào nhằm sự hỗ trợ Luật, điều ấy nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Điều nào nhằm sự hỗ trợ Luật, điều ấy nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp.

Một trăm ý nghĩa, một trăm pháp, và hai trăm điều diễn đạt, là bốn trăm trí trong lời giải thích về các điều lợi ích.

Dứt Lời Giải Thích về Điều Lợi Ích.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Trước tiên là về tám câu hỏi, và thêm nữa là tám về các nhân duyên, mười sáu điều này là của các vị tỳ khưu, và cũng là mười sáu điều của các tỳ khưu ni.

2. Sự trùng lặp liên tục, các phần phân tích, và luôn cả phân tăng theo từng bậc một, lễ Pavāraṇā, các phần liên quan đến điều lợi ích là phân tổng hợp thuộc về Luật Đại Phẩm.

DỨT ĐẠI PHẨM.

--ooOoo--

SUU TẬP VỀ CÁC BÀI KỆ

1. Sau khi đã đắp y một bên vai, sau khi đã chấp tay lại, lại còn có vẻ đang mong mỏi, vì sao người đi đến nơi đây?

2. Các điều đã được quy định trong hai bộ Luật được đưa ra đọc tụng trong các lễ Uposatha, các điều học ấy là có bao nhiêu, đã được quy định ở bao nhiêu thành phố?

3. Câu hỏi của người hay, người đã hỏi chí lý, quả vậy ta sẽ giảng cho người, như thế người sẽ được tận tường.

4. Các điều đã được quy định trong hai bộ Luật được đưa ra đọc tụng trong các lễ Uposatha, chúng gồm có ba trăm năm mươi điều, đã được quy định ở bảy thành phố.

5. Chúng đã được quy định ở bảy thành phố nào? Ngài ơi, xin Ngài hãy nói cho con. Sau khi đã lắng nghe lời nói chỉ dạy ấy, chúng con sẽ thực hành vì lợi ích cho chúng con.

6. Chúng đã được quy định ở thành Vesālī, thành Rājagaha, rồi thành Sāvatthi, và thành Āḷavī, ở thành Kosambi, trong xứ sở Sakka, và luôn cả ở Bhagga nữa.

7. Bao nhiêu đã được quy định ở thành Vesālī? Bao nhiêu đã được thực hiện ở thành Rājagaha? Bao nhiêu là ở thành Sāvatthi? Bao nhiêu đã được thực hiện ở thành Āḷavī?

8. Bao nhiêu đã được quy định ở thành Kosambi? Bao nhiêu được đề cập ở xứ Sakka? Bao nhiêu đã được quy định ở xứ Bhagga? Đã được con hỏi, xin Ngài hãy nói về điều ấy.

9. Mười điều đã được quy định ở thành Vesāli, hai mươi một điều đã được thực hiện ở Rājagaha, tất cả hai trăm chín mươi bốn điều đã được thực hiện ở thành Sāvatti.

10. Sáu điều đã được quy định ở thành Āḷavī, tám điều đã được quy định ở thành Kosambi, tám điều được đề cập ở xứ Sakka, ba điều đã được quy định ở xứ Bhagga.

11. Các điều đã được quy định ở thành Vesāli, người hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: Chuyện đôi lứa, mạng người, pháp thượng nhân, và phụ trội, màu đen.

12. Sự thực chứng, bữa ăn được thỉnh sau, tắm rửa răng và nước, vị đạo sĩ lỏa thể, và mắng nhiếc ở các tỳ khưu ni, mười điều này đã được thực hiện ở thành Vesāli.

13. Các điều nào đã được quy định ở Rājagaha, người hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: Ở Rājagaha, lấy vật không được cho, và luôn cả hai chuyện bôi nhọ.

14. Và còn hai việc chia rẽ, y nội, vàng bạc, chỉ sợi, và với vị phàn nàn, đồ khất thực môi giới, vật thực chung nhóm, lúc sái giờ, và việc đi thăm viếng, việc tắm, chưa đủ hai mươi (tuổi).

15. Sau khi đã cho y, đang hướng dẫn sự phục vụ, các điều này đã được thực hiện ở Rājagaha, trên đỉnh núi, sự du hành, là chính ở nơi ấy, với sự trao thỏa thuận, là hai mươi một.

16. Các điều nào đã được quy định ở thành Sāvatti, người hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: bốn pārājika, các điều saṅghādisesa là mười sáu.

17. Và có hai điều aniyata, ba mươi bốn điều nissaggiya, và luôn cả một trăm năm mươi sáu điều nhỏ nhất được nói đến.

18. Và luôn cả mười tội đáng chê trách, và bảy mươi hai điều sekhiya, tất cả hai trăm chín mươi bốn điều là đã được thực hiện ở thành Sāvatti.

19. Các điều nào đã được quy định ở thành Āḷavi, người hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: Cốc liêu, tờ tầm, và chỗ nằm, về việc đào, 'Thiên nhân, hãy đi đi,' và các vị tưới nước có sinh vật, sáu điều này đã được thực hiện ở thành Āḷavi.

20. Các điều nào đã được quy định ở thành Kosambi, người hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: Trú xá lớn, khó dạy, (tránh né bằng) điều khác, cánh cửa lớn, và men say, không tôn trọng, theo Pháp, với việc uống sữa là thứ tám.

21. Các điều nào đã được quy định ở xứ Sakka, người hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: Các lông cừu, và bình bát, luôn cả việc giáo giới, được phẩm.

22. Kim, và luôn cả ở trong rừng, sáu điều này ở thành Kapilavatthu, làm sạch sẽ với nước, việc giáo giới được nói lên ở các tỳ khuru ni.

23. Các điều nào đã được quy định ở xứ Bhagga, người hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: Sau khi đốt lửa các vị sưởi ấm, dính thức ăn, cơm cặn.

24. Bốn điều pārajika, saṅghādisesa là có bảy, tám điều nissaggiya, và các điều nhỏ nhất là ba mươi hai.

25. Hai điều đáng chê trách, ba điều sekhiya, năm mươi sáu điều học đã được quy định bởi đức Phật, vị thân quyền mặt trời, ở sáu thành phố.

26. Hai trăm chín mươi bốn (điều học), tất cả đã được thực hiện ở thành Sāvātthi bởi đức phật Gotama, có lòng bi mẫn, có danh tiếng.

BỐN SỰ HƯ HỎNG

1. Điều gì chúng tôi hỏi, ngài đã trả lời cho chúng tôi về mỗi một điều ấy được rõ ràng không có sai lệch. Tôi hỏi ngài điều khác. Ngài ơi, xin ngài hãy nói về điều ấy.

2. Tội nặng và cả tội nhẹ, còn dư sót, không còn dư sót, xấu xa, và không xấu xa, và những điều (được nhắc nhở) cho đến lần thứ ba.

3. (Các tội) quy định chung và riêng, các sự hư hỏng, được làm lắng dịu với những dần xếp nào? Xin Ngài hãy nói rõ tất cả các điều này. Ngài ơi, chúng tôi đang lắng nghe lời dạy của Ngài.

4. Những điều nào là nặng gồm có ba mươi một, ở đây có tám điều là không còn dư sót. Những tội nào là nặng, những tội ấy xấu xa; những tội nào xấu xa, chúng là sự hư hỏng về giới.

5. Tội *pārājika*, tội *saṅghādisesa* được đề cập đến là ‘sự hư hỏng về giới.’ Tội *thullaccaya*, tội *pācittiya*, tội *pāṭidesanīya* là tương tự.

6. Tội *dukkata*, tội *dubbhāsita*, và tội vị mắng nhiếc, có ý định đùa giỡn, điều này đây được xác định là sự hư hỏng về hạnh kiểm.

7. Các vị nắm lấy quan điểm đôi nghịch, tôn vinh phi chánh Pháp, có tuệ kém, bị mê mờ che phủ, chệch lạc Toàn Giác, điều này đây được xác định là sự hư hỏng về quan điểm.

8. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn, rồi khoát lác về pháp thượng nhân không có không thực chứng. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị thực hành việc mai mối. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị nói rằng: ‘Vị (tỳ khuru) nào sống trong trú xá của đạo hữu, vị tỳ khuru ấy là bậc A-la-hán.’ Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị tỳ khuru yêu cầu các vật thực hảo hạng vì lợi ích của bản thân rồi thọ thực. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị tỳ khuru không bị bệnh yêu cầu xúp hoặc cơm vì lợi ích của bản thân rồi thọ thực. Điều này đây được xác định là sự hư hỏng về nuôi mạng.

9. Mười một điều (nhắc nhở) cho đến lần thứ ba, người hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: Các vị xu hướng theo kẻ bị án treo, tám điều (được nhắc nhở) cho đến lần ba, vị Ariṭṭha, và vị ni Caṇḍakālī; những điều này đây là (được nhắc nhở) cho đến lần thứ ba.

LIÊN QUAN VIỆC CẮT BÓT, v.v...

1. Bao nhiêu điều liên quan việc cắt bớt? Bao nhiêu điều liên quan việc đập vỡ? Bao nhiêu điều liên quan việc móc ra? Bao nhiêu điều *pācittiya* (chỉ vì nguyên nhân ấy) không điều nào khác?

2. Bao nhiêu sự đồng ý của các tỳ khuru? Bao nhiêu sự đúng đắn (trong trường hợp ấy)? Bao nhiêu điều tội đa? Bao nhiêu điều 'dâu biết' đã được quy định bởi đức Phật, vị thân quyến mặt trời?

3. Sáu điều liên quan việc cắt bớt. Một điều liên quan việc đập vỡ. Một điều liên quan việc móc ra. Bốn điều *pācittiya* (chỉ vì nguyên nhân ấy) không điều nào khác.

4. Bốn sự đồng ý của các tỳ khuru. Bảy sự đúng đắn (trong trường hợp ấy). Mười bốn điều 'tội đa.' Mười sáu điều 'dâu biết' đã được quy định bởi đức Phật, vị thân quyến mặt trời.

ĐIỀU KHÔNG QUY ĐỊNH CHUNG, v.v...

1. Hai trăm hai mươi điều học của các tỳ khuru được đưa ra đọc tụng trong các lễ Uposatha.

2. Ba trăm lẻ bốn điều học của các tỳ khuru ni được đưa ra đọc tụng trong các lễ Uposatha.

3. Của các vị tỳ khuru có bốn mươi sáu điều học là không được quy định chung với các tỳ khuru ni. Của các tỳ khuru ni có một trăm ba mươi điều là không được quy định chung với các vị tỳ khuru.

4. Một trăm bảy mươi sáu là không chung cho cả hai, một trăm bảy mươi bốn được thực hành bình đẳng cho cả hai (hội chúng).

5. Hai trăm hai mươi điều học của các vị tỳ khuru được đưa ra đọc tụng trong các lễ Uposatha, người hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải.

6. Bốn điều pārajika, saṅghādisesa là mười ba, điều aniyata có hai, đúng ba mươi điều nissaggiya, và chín mươi hai điều nhỏ nhất, bốn điều pāṭidesanīya, bảy mươi hai điều sekhiya.

7. Và hai trăm hai mươi điều học này của các tỳ khuru được đưa ra đọc tụng trong các lễ Uposatha.

8. Ba trăm lẻ bốn điều học của các tỳ khuru ni được đưa ra đọc tụng trong các lễ Uposatha, người hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải.

9. Tám điều *pārājika*, *saṅghādisesa* là mười bảy, đúng ba mươi điều *nissaggiya*, và luôn cả một trăm sáu mươi sáu được gọi là điều nhỏ nhất.

10. Tám điều *pāṭidesanīya*, bảy mươi hai điều *sekhiya*, là ba trăm lẻ bốn; các điều học này là của các tỳ khuru ni, được đưa ra đọc tụng trong các lễ Uposatha.

11. Của các tỳ khuru có bốn mươi sáu điều học không được quy định chung với các tỳ khuru ni, người hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải.

12. Sáu điều *saṅghādisesa*, với hai điều *aniya* là tám, thêm mười hai điều *nissaggiya*, chúng với các điều ấy là hai mươi điều.

13. Hai mươi hai điều nhỏ nhất, bốn điều *pāṭidesanīya*, bốn mươi sáu điều này của các tỳ khuru là không được quy định chung với các tỳ khuru ni.

14. Và của các tỳ khuru ni có một trăm ba mươi điều học không được quy định chung với các tỳ khuru, người hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải.

15. Bốn điều *pārājika*, mười điều *lāyika* hội chúng, mười hai điều *nissaggiya*, và chín mươi sáu điều nhỏ nhất, tám điều *pāṭidesanīya*, một trăm ba mươi điều này của các tỳ khuru ni là không được quy định chung với các tỳ khuru.

16. Luôn cả một trăm bảy mươi sáu điều là không chung cho cả hai, người hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải.

17. Bốn điều *pārājika*, *saṅ ghādisesa* là mười sáu điều, và *aniyata* là hai điều, *nissaggiya* hai mươi bốn điều.

18. Và đúng một trăm mười tám điều được gọi là nhỏ nhất, mười hai điều *pāṭ idesaṇīya*, và cả thấy một trăm bảy mươi sáu điều này là không chung cho cả hai.

19. Một trăm bảy mươi bốn điều là được thực hành bình đẳng đôi với cả hai, người hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải.

20. Bốn điều *pārājika*, các điều *saṅ ghādisesa* là bảy, các điều *nissaggiya* là mười tám, đúng bảy mươi điều nhỏ nhất, bảy mươi lăm điều *sekhiya*, cả thấy một trăm bảy mươi bốn điều này là được thực hành bình đẳng cho cả hai.

21. Chính tám điều *pārājika* là các điều vi phạm xấu xa, tương tự như gốc cây thốt nốt, như chiếc lá úa vàng, như tảng đá bằng phẳng, như người đàn ông ấy có đầu đã bị chặt lìa, như cây thốt nốt đã bị chặt ngọn, chúng không còn phát triển.

22. Hai mươi ba điều *saṅ ghādisesa*, hai điều *aniyata*, bốn mươi hai điều *nissaggiya*, một trăm tám mươi tám điều *pācittiya*, mười hai điều *pāṭ idesaṇīya*.

23. Bảy mươi lăm điều sekhiya, chúng được làm lắng dịu với ba cách dàn xếp: với sự hiện diện, như đã được thừa nhận, và việc dùng cỏ che lấp.

24. Bậc Chiến Thắng đã giảng giải về hai lễ Uposatha, hai lễ Pavāraṇā, về bốn loại hành sự, và luôn cả năm cách tụng đọc, bốn cách cũng không khác, và các nhóm tội là bảy.

25. Bốn sự tranh tụng được làm lắng dịu với bảy cách dàn xếp, với hai cách, bốn cách, ba cách, còn nhiệm vụ được làm lắng dịu với một cách.

TỘI PĀRĀJIKĀ, v.v...

1. Điều nào được gọi là ‘tội pārajika,’ người hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Là kẻ đã bị chết, đã bị thua trận, và đã bị té ngã, bởi vì đã bị khước từ ra khỏi Chánh Pháp, ngay cả việc đồng cộng trú ở nơi ấy cũng không còn, vì thế điều này được gọi như vậy.

2. Điều nào đã được gọi là ‘tội saṅghādisesa,’ người hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Chính hội chúng ban cho hình phạt parivāsa, đưa về lại (hình phạt) ban đầu, ban cho hình phạt mānatta, và giải cho khỏi tội, vì thế điều này được gọi như vậy.

3. Điều nào đã được gọi là ‘tội aniyata,’ người hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Aniyata là không chắc chắn, là điều học không được xác định, là một sự kiện nào đó trong ba, nên được gọi là ‘aniyata.’

4. Điều nào đã được gọi là ‘tội thullaccaya,’ người hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Vị nào khai trình tội ở chân của vị khác, và vị nào ghi nhận điều ấy, do đó sự vi phạm được yên lặng, không còn gây hại cho vị ấy, vì thế điều này được gọi như vậy.

5. Điều nào đã được gọi là ‘tội nissaggiya,’ người hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Ở giữa hội chúng, ở giữa

nhóm, đến chỉ mỗi một vị, sau khi xả bỏ rồi sám hối, vì thế điều này được gọi như vậy.

6. Điều nào đã được gọi là ‘tội pācittiya,’ người hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Vị đánh rơi thiện pháp, đối nghịch lại Thánh đạo, có sự mê mờ của tâm, vì thế điều này được gọi như vậy.

7. Điều nào đã được gọi là ‘tội pāṭ idesanīya,’ người hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Vị tỳ khưu trong khi không là thân quyến, đối với vật thực của vị ni khó nhọc mới thành đạt, sau khi tự mình nhận lãnh rồi thọ thực, được gọi ‘đáng chê trách.’

8. Giữa những vị được mời, trong lúc đang thọ thực, nơi ấy có vị tỳ khưu ni hướng dẫn theo ý thích, sau khi không ngăn cản, vị thọ thực ở đó, được gọi ‘đáng chê trách.’

9. Sau khi đi đến gia đình có tâm tín thành, ít của cải, nghèo, vị (tỳ khưu), không bệnh, thọ thực ở nơi ấy, được gọi ‘đáng chê trách.’

10. Nếu là vị đang sống ở khu rừng, có sự kinh hoàng, có sự nguy hiểm, không báo cho biết, rồi thọ thực ở nơi ấy, được gọi ‘đáng chê trách.’

11. Tỳ khuru ni, trong khi không là thân quyến, đôi với vật được người khác ưa thích là bơ lỏng, dầu ăn, mật ong, đường mía, cá thịt, rồi luôn cả sữa tươi, và sữa đông, vị tỳ khuru ni yêu cầu vật ấy phạm tội đáng chê trách trong giáo pháp của đức Thiện Thế.

12. Điều nào đã được gọi là ‘tội dukkaṭ a,’ người hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Sự việc đã bị thua trận, đã bị thất bại, và đã bị lỗi lầm là tội dukkaṭ a.

13. Người làm điều ác ấy công khai hoặc là kín đáo, người ta tuyên bố là ‘dukkat a,’ vì thế điều này được gọi như vậy.

14. Điều nào đã được gọi là ‘tội dubbhāsita,’ người hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Câu nói nào là ác khẩu, được nói lên sai quấy, và hoàn toàn bị ô nhiễm, và điều nào các bậc tri thức chê trách, vì thế điều này được gọi như vậy.

15. Điều nào đã được gọi là ‘tội sekhiya,’ người hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. (Đây) là dành cho vị hữu học, đang còn học tập, đang tiến theo con đường thẳng tắp.

16. Và sự thực hành này là việc trước tiên, đứng đầu, là sự kiểm soát, và thu thúc, sự học tập như vậy là không có, vì thế điều này được gọi như vậy.

17. Nước mưa bị văng lại ở vật đã được che đây, không văng lại ở vật đã được mở ra. Vì thế, hãy mở ra vật đã được che đây, như vậy, ở vật ấy nước mưa không văng lại.

18. Núi rừng là cảnh giới của các loài thú vật, không gian là cảnh giới của các loài có cánh, biển hoại là cảnh giới của các pháp (hữu vi), Niết Bàn là cảnh giới của bậc A-la-hán.

Dứt Sưu Tập về Các Bài Kệ.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

Ở trong bảy thành phố, điều đã được quy định và bốn sự hư hỏng, các điều quy định chung và riêng của các tỳ khưu và của các tỳ khưu ni, chương 'Sưu Tập Các Bài Kệ' này nhằm nâng đỡ giáo pháp.

--ooOoo--

PHÂN TÍCH SỰ TRANH TỤNG

1. Bốn sự tranh tụng: sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Đây là bốn sự tranh tụng.

Bốn sự tranh tụng này có bao nhiêu cách khơi dậy? – Bốn sự tranh tụng này có mười cách khơi dậy: sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có hai cách khơi dậy, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có bốn cách khơi dậy, sự tranh tụng liên quan đến tội có ba cách khơi dậy, và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có một cách khơi dậy. Đây là mười cách khơi dậy của bốn sự tranh tụng này.

2. Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi thì (vị ấy) khơi dậy bao nhiêu cách dàn xếp? Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến khiển trách thì (vị ấy) khơi dậy bao nhiêu cách dàn xếp? Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến tội thì (vị ấy) khơi dậy bao nhiêu cách dàn xếp? Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ thì (vị ấy) khơi dậy bao nhiêu cách dàn xếp?

– Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi thì (vị ấy) khơi dậy hai cách dàn xếp. Trong khi

khởi dậy sự tranh tụng liên quan đến khiển trách thì (vị ấy) khởi dậy bốn cách dàn xếp. Trong khi khởi dậy sự tranh tụng liên quan đến tội thì (vị ấy) khởi dậy ba cách dàn xếp. Trong khi khởi dậy sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ thì (vị ấy) khởi dậy một cách dàn xếp.

3. Có bao nhiêu sự khởi dậy? Vị tạo ra sự khởi dậy với bao nhiêu biểu hiện? Người khởi dậy sự tranh tụng có bao nhiêu yếu tố? Bao nhiêu người vi phạm tội trong khi khởi dậy sự tranh tụng?

– Có mười hai sự khởi dậy. Vị tạo ra sự khởi dậy với mười biểu hiện. Người khởi dậy sự tranh tụng có bốn yếu tố. Bốn hạng người vi phạm tội trong khi khởi dậy sự tranh tụng.

4. Mười hai sự khởi dậy là gì? – Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được thực hiện sai, hành sự cần được thực hiện lại, chưa được hoàn tất, đã được hoàn tất sai, cần được hoàn tất lại, chưa được quyết định, đã được quyết định sai, cần được quyết định lại, chưa được giải quyết, đã được giải quyết sai, cần được giải quyết lại. Đây là mười hai sự khởi dậy.

5. Vị tạo ra sự khởi dậy với mười biểu hiện gì? – Vị khởi dậy sự tranh tụng tại chỗ đã sanh khởi, vị khởi dậy sự tranh tụng đã được giải quyết tại chỗ đã sanh khởi, vị khởi dậy sự tranh tụng (khi đang đi) nửa đoạn đường, vị khởi dậy sự tranh tụng đã được giải quyết (khi đang đi)

nửa đoạn đường, vị khởi dậy sự tranh tụng khi đã đến nơi ấy, vị khởi dậy sự tranh tụng đã được giải quyết khi đã đến nơi ấy, vị khởi dậy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, vị khởi dậy hành xử Luật khi không điên cuồng, vị khởi dậy (hành xử Luật) theo tội của vị ấy, vị khởi dậy cách dùng cỏ che lấp. Vị tạo ra sự khởi dậy với mười biểu hiện này.

6. Vị khởi dậy sự tranh tụng có bốn yếu tố gì? – Vị khởi dậy sự tranh tụng trong khi thiên vị vì ưa thích, —nt— vì sân hận, —nt— vì si mê, vị khởi dậy sự tranh tụng trong khi thiên vị vì sợ hãi. Vị khởi dậy sự tranh tụng có bốn yếu tố này.

7. Bốn hạng người nào vi phạm tội trong khi khởi dậy sự tranh tụng? – Vị đã được tu lên bậc trên vào chính ngày ấy khởi dậy (sự tranh tụng) vi phạm tội *pācittiya* có liên quan đến việc khởi dậy; vị vãng lai khởi dậy vi phạm tội *pācittiya* có liên quan đến việc khởi dậy; vị là người chủ động khởi dậy vi phạm tội *pācittiya* có liên quan đến việc khởi dậy; vị trao ra sự tùy thuận khởi dậy vi phạm tội *pācittiya* có liên quan đến việc khởi dậy. Bốn hạng người này vi phạm tội trong khi khởi dậy sự tranh tụng.

SỰ MỞ ĐẦU, v.v... CỦA TRANH TỤNG

1. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có điều gì là sự mở đầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có điều gì là sự mở đầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tranh tụng liên quan đến tội có điều gì là sự mở đầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có điều gì là sự mở đầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có tranh cãi là sự mở đầu, có tranh cãi là sự phát sanh, có tranh cãi là sự sanh lên, có tranh cãi là sự hiện khởi, có tranh cãi là sự cốt yếu, có tranh cãi là nguồn sanh khởi. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có khiển trách là sự mở đầu, có khiển trách là sự phát sanh, có khiển trách là sự sanh lên, có khiển trách là sự hiện khởi, có khiển trách là sự cốt yếu, có khiển trách là nguồn sanh khởi. Sự tranh tụng liên quan đến tội có tội vi phạm là sự mở đầu, có tội vi phạm là sự phát sanh, có tội vi phạm là sự sanh

lên, có tội vi phạm là sự hiện khởi, có tội vi phạm là sự cốt yếu, có tội vi phạm là nguồn sanh khởi. Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có nhiệm vụ là sự mở đầu, có nhiệm vụ là sự phát sanh, có nhiệm vụ là sự sanh lên, có nhiệm vụ là sự hiện khởi, có nhiệm vụ là sự cốt yếu, có nhiệm vụ là nguồn sanh khởi.

2. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có điều gì là sự mở đầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách —nt— Sự tranh tụng liên quan đến tội —nt— Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có điều gì là sự mở đầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi?

— Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có nhân là sự mở đầu, có nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách —nt— Sự tranh tụng liên quan đến tội —nt— Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có nhân là sự mở đầu, có nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi.

3. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có điều gì là sự mở đầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt

yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách —nt— Sự tranh tụng liên quan đến tội —nt— Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có điều gì là sự mở đầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có duyên là sự mở đầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cốt yếu, có duyên là nguồn sanh khởi. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách —nt— Sự tranh tụng liên quan đến tội —nt— Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có duyên là sự mở đầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cốt yếu, có duyên là nguồn sanh khởi.

ĐIỀU CĂN BẢN, v.v... CỦA TRANH TỤNG

1. Bốn sự tranh tụng có bao nhiêu điều căn bản, có bao nhiêu nguồn sanh khởi? – Bốn sự tranh tụng có ba mươi ba điều căn bản, có ba mươi ba nguồn sanh khởi.

2. Bốn sự tranh tụng có ba mươi ba điều căn bản gì? – Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có mười hai điều căn bản, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có mười bốn điều căn bản, sự tranh tụng liên quan đến tội có sáu điều căn bản, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có một điều căn bản là hội chúng. Bốn sự tranh tụng có ba mươi ba điều căn bản này.

3. Bốn sự tranh tụng có ba mươi ba nguồn sanh khởi gì? – Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có mười tám sự việc gây ra chia rẽ là nguồn sanh khởi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có bốn sự hư hỏng là nguồn sanh khởi, sự tranh tụng liên quan đến tội có bảy nhóm tội là nguồn sanh khởi, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có bốn hành sự là nguồn sanh khởi. Bốn sự tranh tụng có ba mươi ba nguồn sanh khởi này.

TỘI VI PHẠM LÀ DUYÊN CỦA TRANH TỤNG

1. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là tội vi phạm hay không là tội vi phạm? – Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi không là tội vi phạm.

Có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi không? – Có, có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

Do duyên sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi vi phạm bao nhiêu tội? – Do duyên sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi vi phạm hai tội: Xúc phạm vị đã tu lên bậc trên phạm tội *pācittiya*, xúc phạm người chưa tu lên bậc trên phạm tội *dukkatā*. Do duyên sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi vi phạm hai tội này.

2. Các tội ấy được phân chia theo bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng, vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Được làm lắng dịu bằng bao nhiêu sự tranh tụng, ở bao nhiêu nơi, với bao nhiêu cách dàn xếp?

– Các tội ấy được phân chia theo một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được

tổng hợp vào sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng, vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *pācittiya*, có thể là nhóm tội *dukkaṭa*. Được sanh lên do ba nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội. Được làm lắng dịu bằng một sự tranh tụng là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; ở ba nơi: ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, hoặc trong sự hiện diện của một vị; với ba cách dàn xếp: có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

3. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là tội hay không là tội vi phạm? – Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không là tội vi phạm.

Có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không? – Có, có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến khiển trách.

Do duyên sự tranh tụng liên quan đến khiển trách vi phạm bao nhiêu tội? – Do duyên sự tranh tụng liên quan đến khiển trách vi phạm ba tội: Bội nhọ vị tỳ khuru về tội *pārājika* không có nguyên có phạm tội *saṅghādisesa*, bội nhọ về tội *saṅghādisesa* không có nguyên có phạm tội *pācittiya*, bội nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm phạm tội *dukkaṭa*. Do duyên sự tranh tụng liên quan đến khiển trách vi phạm ba tội này.

4. Các tội ấy được phân chia theo bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng, vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Được làm lắng dịu bằng bao nhiêu sự tranh tụng, ở bao nhiêu nơi, với bao nhiêu cách dàn xếp?

– Các tội ấy được phân chia theo hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng, vào ba nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *saṅghādisesa*, có thể là nhóm tội *pācittiya*, có thể là nhóm tội *dukkaṭa*. Được sanh lên do ba nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội. Các tội nào là nặng, các tội ấy được làm lắng dịu bằng một sự tranh tụng là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, ở một nơi là ở giữa hội chúng, với hai cách dàn xếp là bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Các tội nào là nhẹ, các tội ấy được làm lắng dịu bằng một sự tranh tụng là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; ở ba nơi là ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, hoặc trong sự hiện diện của một vị; với ba cách dàn xếp: có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

5. Sự tranh tụng liên quan đến tội là tội vi phạm hay không là tội vi phạm? – Sự tranh tụng liên quan đến tội là tội vi phạm.

Có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến tội không? – Có, có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến tội.

Do duyên sự tranh tụng liên quan đến tội thì vi phạm bao nhiêu tội? – Do duyên sự tranh tụng liên quan đến tội thì vi phạm bốn tội: Vị tỳ khuru ni trong khi biết tội *pārājika* vẫn che giấu bị phạm tội *pārājika*, có sự hoài nghi rồi che giấu phạm tội *thullaccaya*, vị tỳ khuru che giấu tội *saṅghādisesa* phạm tội *pācittiya*, che giấu sự hư hỏng về hạnh kiểm phạm tội *dukkaṭa* a. Do duyên sự tranh tụng liên quan đến tội thì vi phạm bốn tội này.

6. Các tội ấy được phân chia theo bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng, vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Được làm lắng dịu bằng bao nhiêu sự tranh tụng, ở bao nhiêu nơi, với bao nhiêu cách dàn xếp?

– Các tội ấy được phân chia theo hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: có thể là sự hư hỏng về giới, có

thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng, vào bốn nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *pārājika*, có thể là nhóm tội *thullaccaya*, có thể là nhóm tội *pācittiya*, có thể là nhóm tội *dukkat a*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân do khẩu và do ý. Tội nào là không còn dư sót, tội ấy không được làm lắng dịu bằng sự tranh tụng nào, không ở nơi nào, không với cách dàn xếp nào. Các tội nào là nhẹ, các tội ấy được làm lắng dịu bằng một sự tranh tụng là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; ở ba nơi là ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, hoặc trong sự hiện diện của một vị; với ba cách dàn xếp: có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

7. Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là tội vi phạm hay không là tội vi phạm? – Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ không là tội vi phạm.

Có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ không? – Có, có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Do duyên sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ vi phạm bao nhiêu tội? – Do duyên sự tranh tụng liên quan

đến nhiệm vụ vi phạm năm tội: Vị tỳ khuru ni xu hướng theo vị bị phạt án treo vẫn không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba: do lời đề nghị phạm tội *dukkaṭa*, do hai lời tuyên ngôn hành sự phạm các tội *thullaccaya*, vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự phạm tội *pārājika*; các vị tỳ khuru ủng hộ kẻ chia rẽ (hội chúng) vẫn không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba phạm tội *saṅghādisesa*; các vị vẫn không dứt bỏ tà kiến ác với sự nhắc nhở đến lần thứ ba phạm tội *pācittiya*. Do duyên sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ vi phạm năm tội này.

8. Các tội ấy được phân chia theo bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng, vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Được làm lắng dịu bằng bao nhiêu sự tranh tụng, ở bao nhiêu nơi, với bao nhiêu cách dàn xếp?

– Các tội ấy được phân chia theo hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: có thể là hư hỏng về giới, có thể là hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng, vào năm nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *pārājika*, có thể là nhóm tội *saṅghādisesa*, có thể là nhóm tội *thullaccaya*, có thể là nhóm tội *pācittiya*, có thể là nhóm tội *dukkaṭa*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân do khẩu và do ý. Tội nào là không còn dư sót, tội ấy không được làm lắng dịu

với sự tranh tụng nào, không ở nơi nào, không bằng cách dàn xếp nào; tội nào là nặng, tội ấy được làm lắng dịu bằng một sự tranh tụng là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, ở một nơi là ở giữa hội chúng, với hai cách dàn xếp là bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Các tội nào là nhẹ, các tội ấy được làm lắng dịu bằng một sự tranh tụng là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; ở ba nơi là ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, hoặc trong sự hiện diện của một vị; với ba cách dàn xếp: có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

CHỦ Ý CỦA SỰ TRANH TỤNG

1. Có phải sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, là sự tranh tụng liên quan đến tội, là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi không là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không là sự tranh tụng liên quan đến tội, không là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Tuy nhiên, do duyên tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có tranh tụng liên quan đến khiển trách, có tranh tụng liên quan đến tội, có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Như vậy là thế nào? – Ở đây, các tỳ khuru tranh cãi rằng: *‘Đây là Pháp,’* hoặc *‘Đây không phải là Pháp,’* —nt— hoặc *‘Tội xấu xa,’* hoặc *‘Tội không xấu xa.’* Ở đây, việc nào là sự xung đột, gây gổ, tranh luận, tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, sự nói lời khiêu khích, sự cãi vã, việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, hội chúng tranh cãi; là có tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vị khiển trách; là có tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị vi phạm tội; là có tranh tụng liên quan đến tội. Do tội ấy, hội chúng thực hiện hành sự; là có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Do duyên tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có tranh tụng liên quan đến khiển

trách, có tranh tụng liên quan đến tội, có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là như thế.

2. Có phải sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là sự tranh tụng liên quan đến tội, là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi?

– Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không là sự tranh tụng liên quan đến tội, không là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, không là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Tuy nhiên, do duyên tranh tụng liên quan đến khiển trách, có tranh tụng liên quan đến tội, có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Như vậy là thế nào?

– Ở đây, các tỳ khuru khiển trách vị tỳ khuru với sự hư hỏng vì giới, hoặc với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về quan điểm, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Ở đây, việc nào là sự khiển trách, xoi mói, buộc tội, chỉ trích, moi móc, xúi giục, khích động, việc ấy được gọi là tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong tranh tụng liên quan đến khiển trách, hội chúng tranh cãi; là có tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vị khiển trách; là có tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị vi phạm tội; là có tranh tụng liên quan đến tội. Do tội ấy, hội chúng thực hiện hành sự; là có tranh tụng liên quan đến nhiệm

vụ. Do duyên tranh tụng liên quan đến khiển trách, có tranh tụng liên quan đến tội, có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có tranh tụng liên quan đến tranh cãi là như thế.

3. Có phải sự tranh tụng liên quan đến tội là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách?

– Sự tranh tụng liên quan đến tội không là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, không là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Tuy nhiên, do duyên tranh tụng liên quan đến tội, có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có tranh tụng liên quan đến khiển trách. Như vậy là thế nào? – Năm nhóm tội là tranh tụng liên quan đến tội, bảy nhóm tội là tranh tụng liên quan đến tội; việc ấy được gọi là tranh tụng liên quan đến tội. Trong tranh tụng liên quan đến tội, hội chúng tranh cãi; là có tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vị khiển trách; là có tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị phạm tội; là có tranh tụng liên quan đến tội. Do tội ấy, hội chúng thực hiện hành sự; là có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Do duyên tranh tụng liên quan đến tội, có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có tranh tụng liên

quan đến tranh cãi, có tranh tụng liên quan đến khiển trách là như thế.

4. Có phải sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, là sự tranh tụng liên quan đến tội?

– Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ không là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không là sự tranh tụng liên quan đến tội. Tuy nhiên, do duyên tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có tranh tụng liên quan đến khiển trách, có tranh tụng liên quan đến tội. Như vậy là thế nào? – Việc gì cần phải hoàn thành, cần phải thực thi, là hành sự với lời công bố, là hành sự với lời đề nghị, là hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, là hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư của hội chúng; việc ấy được gọi là tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Trong tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, hội chúng tranh cãi; là có tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vị khiển trách; là có tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị phạm tội; là có tranh tụng liên quan đến tội. Do tội ấy, hội chúng thực hiện hành sự; là có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Do duyên tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có tranh tụng liên quan đến khiển trách, có tranh tụng liên quan đến tội là như thế.

PHẦN VẤN ĐÁP

1. Ở đâu có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện? Ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đó có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ? Ở đâu có hành xử Luật khi không điên cuồng, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện? Ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đó có hành xử Luật khi không điên cuồng? Ở đâu có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện? Ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đó có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận? Ở đâu có thuận theo số đông, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện. Ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đó có thuận theo số đông? Ở đâu có (hành xử Luật) theo tội của vị ấy, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện? Ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đó có (hành xử Luật) theo tội của vị ấy? Ở đâu có cách dùng cỏ che lấp, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện? Ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đó có cách dùng cỏ che lấp?

2. – Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyết bằng hành xử Luật với sự hiện diện và hành xử Luật bằng sự ghi nhớ: Ở đâu có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện. Ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, (nếu) ở đó có hành xử

Luật bằng sự ghi nhớ, (thì) ở đó không có hành xử Luật khi không điên cuồng, ở đó không có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, ở đó không có thuận theo số đông, ở đó không có (hành xử Luật) theo tội của vị ấy, ở đó không có cách dùng cỏ che lấp.

3. Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyết bằng hành xử Luật với sự hiện diện và hành xử Luật khi không điên cuồng —nt— bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận —nt— bằng hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông —nt— bằng hành xử Luật với sự hiện diện và theo tội của vị ấy —nt— bằng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp: Ở đâu có cách dùng cỏ che lấp, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện. Ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, (nếu) ở đó có cách dùng cỏ che lấp, (thì) ở đó không có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ở đó không có hành xử Luật khi không điên cuồng, ở đó không có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, ở đó không có thuận theo số đông, ở đó không có (hành xử Luật) theo tội của vị ấy.

PHẦN ĐƯỢC LIÊN KẾT

1. ‘Hành xử Luật với sự hiện diện’ hay là ‘hành xử Luật bằng sự ghi nhớ,’ các pháp này liên kết hay không liên kết? Có thể tách rời để chỉ rõ sự khác biệt của các pháp này? ‘Hành xử Luật với sự hiện diện’ hay là ‘hành xử Luật khi không điên cuồng’ —nt— ‘Hành xử Luật với sự hiện diện’ hay là ‘việc phán xử theo tội đã được thừa nhận’ —nt— ‘Hành xử Luật với sự hiện diện’ hay là ‘thuận theo số đông’ —nt— ‘Hành xử Luật với sự hiện diện’ hay là ‘theo tội của vị ấy’ —nt— ‘Hành xử Luật với sự hiện diện’ hay là ‘cách dùng cỏ che lấp,’ các pháp này liên kết hay không liên kết? Có thể tách rời để chỉ rõ sự khác biệt của các pháp này?

2. – ‘Hành xử Luật với sự hiện diện’ hay là ‘hành xử Luật bằng sự ghi nhớ,’ các pháp này là liên kết, không phải là không liên kết. Không có thể tách rời để chỉ rõ sự khác biệt của các pháp này. ‘Hành xử Luật với sự hiện diện’ hay là ‘hành xử Luật khi không điên cuồng’ —nt— ‘Hành xử Luật với sự hiện diện’ hay là ‘việc phán xử theo tội đã được thừa nhận’ —nt— ‘Hành xử Luật với sự hiện diện’ hay là ‘thuận theo số đông’ —nt— ‘Hành xử Luật với sự hiện diện’ hay là ‘theo tội của vị ấy’ —nt— ‘Hành xử Luật với sự hiện diện’ hay là ‘cách dùng cỏ che lấp,’ các pháp này là liên kết, không phải là không liên

kết. Không có thể tách rời để chỉ rõ sự khác biệt của các pháp này.

SỰ MỎ ĐẦU, v.v... CỦA CÁCH DÀN XẾP

1. Hành xử Luật với sự hiện diện có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ ... Hành xử Luật khi không điên cuồng ... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ... Thuận theo số đông ... Theo tội của vị ấy ... Cách dùng cỏ che lấp có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi?

– Hành xử Luật với sự hiện diện có duyên khởi là sự mở đầu, có duyên khởi là sự phát sanh, có duyên khởi là sự sanh lên, có duyên khởi là sự hiện khởi, có duyên khởi là sự cốt yếu, có duyên khởi là nguồn sanh khởi. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ ... Hành xử Luật khi không điên cuồng ... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ... Thuận theo số đông ... Theo tội của vị ấy ... Cách dùng cỏ che lấp có duyên khởi là sự mở đầu, có duyên khởi là sự phát sanh, có duyên khởi là sự sanh lên, có duyên khởi là sự hiện khởi, có duyên khởi là sự cốt yếu, có duyên khởi là nguồn sanh khởi.

2. Hành xử Luật với sự hiện diện có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ ... Hành xử

Luật khi không điên cuồng ... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ... Thuận theo số đông ... Theo tội của vị ấy ... Cách dùng cỏ che lấp có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi?

– Hành xử Luật với sự hiện diện có nhân là sự mở đầu, có nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ ... Hành xử Luật khi không điên cuồng ... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ... Thuận theo số đông ... Theo tội của vị ấy ... Cách dùng cỏ che lấp có nhân là sự mở đầu, có nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi.

3. Hành xử Luật với sự hiện diện có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ ... Hành xử Luật khi không điên cuồng ... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ... Thuận theo số đông ... Theo tội của vị ấy ... Cách dùng cỏ che lấp có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi?

– Hành xử Luật với sự hiện diện có duyên là sự mở đầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cốt yếu, có duyên là nguồn sanh khởi. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ —nt— Hành xử Luật khi không điên cuồng —nt— Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận —nt— Thuận theo số đông —nt— Theo tội của vị ấy —nt— Cách dùng cò che lấp có duyên là sự mở đầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cốt yếu, có duyên là nguồn sanh khởi.

4. Bảy cách dàn xếp có bao nhiêu điều căn bản? có bao nhiêu nguồn sanh khởi? – Bảy cách dàn xếp có hai mươi sáu điều căn bản, có ba mươi sáu nguồn sanh khởi.

Bảy cách dàn xếp có hai mươi sáu điều căn bản gì? – Hành xử Luật với sự hiện diện có bốn điều căn bản: sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ có bốn điều căn bản: —nt— Hành xử Luật khi không điên cuồng có bốn điều căn bản: —nt— Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận có hai điều căn bản: vị khai báo (tội) và khai báo đến vị nào. Thuận theo số đông có bốn điều căn bản: —nt— Theo tội của vị ấy có bốn điều căn bản: —nt— Cách dùng cò che lấp có bốn điều căn bản: sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. Bảy cách dàn xếp có hai mươi sáu điều căn bản này.

Bảy cách dàn xếp có ba mươi sáu nguồn sanh khởi gì? – Hành sự với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ có sự thực hiện, có sự hành động, có sự đạt đến, có sự thỏa thuận, có sự chấp nhận, có sự không phản đối. Hành sự với hành xử Luật khi không điên cuồng —nt— Hành sự với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận —nt— Hành sự với thuận theo số đông —nt— Hành sự với (hành xử Luật) theo tội của vị ấy —nt— Hành sự với cách dùng cỏ che lấp có sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối. Bảy cách dàn xếp có ba mươi sáu nguồn sanh khởi này.

SỰ KHÁC BIỆT, v.v... CỦA CÁCH DÀN XẾP

1. ‘Hành xử Luật với sự hiện diện’ hay là ‘hành xử Luật bằng sự ghi nhớ,’ các pháp này khác về nội dung khác về hình thức, hay là có chung nội dung chỉ khác về hình thức tên gọi? ‘Hành xử Luật với sự hiện diện’ hay là ‘hành xử Luật khi không điên cuồng’ —nt— ‘Hành xử Luật với sự hiện diện’ hay là ‘việc phán xử theo tội đã được thừa nhận’ —nt— ‘Hành xử Luật với sự hiện diện’ hay là ‘thuận theo số đông’ —nt— ‘Hành xử Luật với sự hiện diện’ hay là ‘theo tội của vị ấy’ —nt— ‘Hành xử Luật với sự hiện diện’ hay là ‘cách dùng cỏ che lấp,’ các

pháp này khác về nội dung khác về hình thức, hay là có chung nội dung chỉ khác về hình thức tên gọi?

– ‘Hành xử Luật với sự hiện diện’ hay là ‘hành xử Luật bằng sự ghi nhớ,’ các pháp này vừa khác về nội dung vừa khác về hình thức. ‘Hành xử Luật với sự hiện diện’ hay là ‘hành xử Luật khi không điên cuồng’ —nt— ‘Hành xử Luật với sự hiện diện’ hay là ‘việc phán xử theo tội đã được thừa nhận’ —nt— ‘Hành xử Luật với sự hiện diện’ hay là ‘thuận theo số đông’ —nt— ‘Hành xử Luật với sự hiện diện’ hay là ‘theo tội của vị ấy’ —nt— ‘Hành xử Luật với sự hiện diện’ hay là ‘cách dùng cỏ che lấp,’ các pháp này vừa khác về nội dung vừa khác về hình thức.

2. Có phải sự tranh cãi là tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh cãi không là sự tranh tụng, sự tranh tụng không là sự tranh cãi, vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi?

– Có thể sự tranh cãi là tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có thể sự tranh cãi không là sự tranh tụng, có thể sự tranh tụng không là sự tranh cãi, có thể vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi.

Ở đây, sự tranh cãi nào là tranh tụng liên quan đến tranh cãi? – Ở đây, các tỳ khưu tranh cãi rằng: ‘*Đây là Pháp,*’ hoặc ‘*Đây không phải là Pháp,*’ —nt— ‘*Tội xấu xa,*’

hoặc ‘*Tội không xấu xa.*’ Ở đây, việc nào là sự xung đột, gây gổ, tranh luận, tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, sự nói lời thô lỗ, cãi vã; sự tranh cãi ấy là tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

Ở đây, sự tranh cãi nào không là sự tranh tụng? – Mẹ tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với mẹ, cha tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với cha, anh em trai tranh cãi với anh em trai, anh em trai tranh cãi với chị em gái, chị em gái tranh cãi với anh em trai, bạn bè tranh cãi với bạn bè; sự tranh cãi này không là sự tranh tụng.

Ở đây, sự tranh tụng nào không là sự tranh cãi? – Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; sự tranh tụng này không là sự tranh cãi.

Ở đây, cái gì vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi? – Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi.

3. Có phải sự khiển trách là tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự khiển trách không là sự tranh tụng, sự tranh tụng không là sự khiển trách, vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách?

– Có thể sự khiển trách là tranh tụng liên quan đến khiển trách, có thể sự khiển trách không là sự tranh tụng, có thể sự tranh tụng không là sự khiển trách, có thể vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách.

Ở đây, sự khiển trách nào là tranh tụng liên quan đến khiển trách? – Ở đây, các tỳ khuru khiển trách vị tỳ khuru với sự hư hỏng vì giới, hoặc với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về quan điểm, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Ở đây, việc nào là sự khiển trách, xoi mói, buộc tội, chỉ trích, moi móc, xúi giục, khích động; sự khiển trách này là tranh tụng liên quan đến khiển trách.

Ở đây, sự khiển trách nào không là sự tranh tụng? – Mẹ khiển trách con trai, con trai khiển trách mẹ, cha khiển trách con trai, con trai khiển trách cha, anh em trai khiển trách anh em trai, anh em trai khiển trách chị em gái, chị em gái khiển trách anh em trai, bạn bè khiển trách bạn bè; sự khiển trách này không là sự tranh tụng.

Ở đây, sự tranh tụng nào không là sự khiển trách? – Sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi; sự tranh tụng này không là sự khiển trách.

Ở đây, cái gì vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách? – Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách.

4. Có phải sự vi phạm tội là tranh tụng liên quan đến tội, sự vi phạm tội không là sự tranh tụng, sự tranh tụng không là sự vi phạm tội, vừa là sự tranh tụng vừa là sự vi phạm tội?

– Có thể sự vi phạm tội là tranh tụng liên quan đến tội, có thể sự vi phạm tội không là sự tranh tụng, có thể sự tranh tụng không là sự vi phạm tội, có thể vừa là sự tranh tụng vừa là sự vi phạm tội.

Ở đây, sự vi phạm tội nào là tranh tụng liên quan đến tội? – Năm nhóm tội là tranh tụng liên quan đến tội, bảy nhóm tội cũng là tranh tụng liên quan đến tội; sự vi phạm tội này là tranh tụng liên quan đến tội.

Ở đây, sự vi phạm (*āpatti*) nào không là sự tranh tụng? – Sự vi phạm vào dòng Thánh (*sota-āpatti*) và sự tự mình vi phạm (*sam-āpatti*); sự vi phạm (*āpatti*) này không là sự tranh tụng (đây là nghệ thuật chơi chữ).

Ở đây, sự tranh tụng nào không là sự vi phạm tội? – Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, sự tranh tụng

liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách; sự tranh tụng ấy không là sự vi phạm tội.

Ở đây, cái gì vừa là sự tranh tụng vừa là sự vi phạm tội? – Sự tranh tụng liên quan đến tội vừa là sự tranh tụng vừa là sự vi phạm tội.

5. Có phải nhiệm vụ là tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, nhiệm vụ không là sự tranh tụng, sự tranh tụng không là nhiệm vụ, vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ?

– Có thể nhiệm vụ là tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có thể nhiệm vụ không là sự tranh tụng, có thể sự tranh tụng không là nhiệm vụ, có thể vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ.

Ở đây, nhiệm vụ nào là tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ? – Ở đây, đối với hội chúng việc nào cần phải hoàn thành, cần phải thực thi, là hành sự với lời công bố, là hành sự với lời đề nghị, là hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, là hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư; nhiệm vụ này là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Ở đây, nhiệm vụ nào không là sự tranh tụng? – Nhiệm vụ của thầy dạy học, nhiệm vụ của thầy tế độ, nhiệm vụ của các vị có chung thầy tế độ, nhiệm vụ của các vị có chung thầy dạy học; nhiệm vụ này không là sự tranh tụng.

Ở đây, sự tranh tụng nào không là nhiệm vụ? – Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội; sự tranh tụng này không là nhiệm vụ.

Ở đây, cái gì vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ? – Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ.

Dứt Phân Tích Sự Tranh Tụng.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. *Tranh tụng, các sự khởi dậy, các biểu hiện, và với cá nhân, sự mở đầu, nhân, duyên, điều căn bản, và với nguồn sanh khởi, là có tội, và nơi nào, được liên kết, duyên khởi, sự hiện khởi.*

2. *Nhân, duyên, điều căn bản, với nguồn sanh khởi, hình thức, ‘có phải sự tranh cãi là sự tranh tụng,’ điều này là ở phần phân tích sự tranh tụng.*

--ooOoo--

SUU TẬP KHÁC VỀ CÁC BÀI KỆ

1. Việc cáo tội nhằm mục đích gì? Nhớ lại là nguyên nhân của điều gì? Hội chúng nhằm mục đích gì? Hơn nữa, hoạt động của trí óc là nguyên nhân của điều gì?

2. – Việc cáo tội nhằm mục đích làm nhớ lại (tội). Nhớ lại (tội) nhằm mục đích kiểm chế. Hội chúng nhằm mục đích phân xử. Hơn nữa, hoạt động của trí óc là cá biệt (từng vị).

3. Nếu ngài là vị xét xử, ngài chớ có nói nhanh quá, chớ có nói thô lỗ, chớ làm nảy sanh cơn giận dữ.

4. Ngài chớ nói một cách gấp gáp, lời nói gây cãi vã không liên hệ đến ý nghĩa về giới bốn, về Luật, về bộ Tập Yếu, về các điều quy định, về bốn pháp dung hòa.

5. Hãy suy xét về trách nhiệm và phận sự đã được bậc giác ngộ thiết lập một cách khéo léo, đã được quy định rõ ràng phù hợp theo các điều học, trong khi chớ có làm hủy hoại cảnh giới ngài vị lai.

6. Người tầm cầu sự lợi ích hãy thực hành đúng thời, có liên quan đến mục đích. Chớ vội vã tin theo lời phát biểu của vị bị buộc tội và của vị cáo tội.

7. Vị cáo tội đã nói ‘phạm tội,’ vị bị buộc tội đã nói ‘không phạm.’ Trong khi bỏ qua cả hai, ngài nên tiến hành phù hợp với điều được nhận biết.

8. Sự hiểu biết được thực hiện ở những người khiêm tốn, ở những kẻ vô liêm sỉ không được biết đến như thế. Kẻ vô liêm sỉ cũng có thể nói nhiều, có thể làm phù hợp với điều đã nói.

9. Hạng người vô liêm sỉ là hạng người thế nào mà đối với hạng người ấy sự hiểu biết không tiến triển. Và tôi hỏi ngài như vậy: Hạng như thế nào được gọi là người vô liêm sỉ?

10. Kẻ cố ý vi phạm tội, kẻ giấu diếm tội vi phạm, và kẻ đi đường sai trái, hạng như thế ấy được gọi là người vô liêm sỉ.

11. Tôi cũng biết sự thật, hạng như thế ấy được gọi là người vô liêm sỉ. Và tôi hỏi ngài điều khác: Hạng như thế nào được gọi là người liêm sỉ?

12. Vị không cố ý phạm tội, không giấu diếm tội vi phạm, kẻ không đi sai đường, hạng như thế ấy được gọi là người liêm sỉ.

13. Tôi cũng biết sự thật, hạng như thế ấy được gọi là người liêm sỉ. Và tôi hỏi ngài điều khác: Vị như thế nào được gọi là vị cáo tội sai pháp?

14. Vị cáo tội không đúng thời, với việc không thật, với lời thô lỗ, không liên hệ mục đích, có nội tâm sân hận, cáo tội thiếu tâm từ, vị như thế ấy được gọi là vị cáo tội sai pháp.

15. Tôi cũng biết sự thật, vị như thế ấy được gọi là vị cáo tội sai pháp. Và tôi hỏi ngài điều khác: Vị như thế nào được gọi là vị cáo tội đúng pháp?

16. Vị cáo tội đúng thời, với việc thật, với lời mềm mỏng, có liên hệ mục đích, có nội tâm không sân hận, cáo tội với tâm từ, vị cáo tội đúng pháp được nói đến như thế.

17. Tôi cũng biết sự thật, vị cáo tội đúng pháp được nói đến như thế. Và tôi hỏi ngài điều khác: Vị như thế nào được gọi là vị cáo tội ngu dốt?

18. Vị không biết trước sau, không rành rẽ sau trước, không biết về phương thức của lỗi trình bày mạch lạc, không rành rẽ về phương thức của lỗi trình bày mạch, vị như thế ấy được gọi là vị cáo tội ngu dốt.

19. Tôi cũng biết sự thật, vị như thế ấy được gọi là vị cáo tội ngu dốt. Và tôi hỏi ngài điều khác: Vị như thế nào được gọi là vị cáo tội thông thái?

20. Vị biết việc trước sau, rành rẽ việc sau trước, hiểu biết về phương thức của lỗi trình bày mạch lạc, rành rẽ về phương thức của lỗi trình bày mạch, vị như thế ấy được gọi là vị cáo tội thông thái.

21. Tôi cũng biết sự thật, vị như thế ấy được gọi là vị cáo tội thông thái. Và tôi hỏi ngài điều khác: Điều gì được gọi là sự cáo tội?

22. Vị cáo tội về sự hư hỏng về giới, rồi về hạnh kiểm, và về quan điểm, vị cáo tội về cả việc nuôi mạng, với điều ấy được gọi là sự cáo tội.

Dứt Sưu Tập Khác về Các Bài Kệ.

--ooOoo--

CHƯƠNG CÁO TỘI

SỰ THẨM VẤN CỦA VỊ XÉT XỬ

1. Vị xét xử nên hỏi vị cáo tội rằng: ‘Này đại đức, việc mà ngài cáo tội vị tỳ khuru này, ngài cáo tội vị này về điều gì? Có phải ngài cáo tội với sự hư hỏng về giới, cáo tội với sự hư hỏng về hạnh kiểm, cáo tội với sự hư hỏng về quan điểm?’

2. Nếu vị ấy nói như vậy: ‘Hoặc là tôi cáo tội với sự hư hỏng về giới, hoặc là cáo tội với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc là cáo tội với sự hư hỏng về quan điểm.’ Vị ấy nên được nói như sau: ‘Vậy đại đức có biết sự hư hỏng về giới, có biết sự hư hỏng về hạnh kiểm, có biết sự hư hỏng về quan điểm không?’

3. Nếu vị ấy nói như vậy: ‘Này đại đức, tôi biết sự hư hỏng về giới, tôi biết sự hư hỏng về hạnh kiểm, tôi biết sự hư hỏng về quan điểm.’ Vị ấy nên được nói như sau: ‘Này đại đức, vậy điều gì là sự hư hỏng về giới, điều gì là sự hư hỏng về hạnh kiểm, điều gì là sự hư hỏng về quan điểm?’

4. Nếu vị ấy nói như vậy: ‘Bốn tội *pārājika*, mười ba tội *saṅghādisesa*, đó là sự hư hỏng về giới. Tội *thullaccaya*, tội *pācittiya*, tội *pāṭidesanīya*, tội *dukkaṭa*, tội *dubbhāsita*, đó là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Tà kiến, hữu biên kiến, đó là sự hư hỏng về quan điểm.’ Vị ấy nên được nói như

sau: ‘Này đại đức, việc mà ngài cáo tội vị tỳ khuru này, có phải ngài cáo tội do đã được thấy, cáo tội do đã được nghe, cáo tội do sự nghi ngờ?’

5. Nếu vị ấy nói như vậy: ‘Hoặc là tôi cáo tội do đã được thấy, hoặc là cáo tội do đã được nghe, hoặc là cáo tội do sự nghi ngờ.’ Vị ấy nên được nói như sau: ‘Này đại đức, việc mà ngài cáo tội vị tỳ khuru này do đã được thấy, ngài đã thấy gì, ngài đã thấy thế nào, ngài đã thấy khi nào, ngài đã thấy ở đâu? Có phải ngài đã thấy vị (ấy) đang phạm tội *pārājika*, đã thấy vị (ấy) đang phạm tội *saṅghādisesa*? —nt— tội *thullaccaya*? —nt— tội *pācittiya*? —nt— tội *pāṭidesanīya*? —nt— tội *dukkaṭa* a? Có phải đã thấy vị (ấy) đang phạm tội *dubbhāsita*? Và ngài đã ở đâu? Và vị tỳ khuru này đã ở đâu? Và ngài đã làm gì? Và vị tỳ khuru này đã làm gì?’

6. Nếu vị ấy nói như vậy: ‘Này đại đức, tôi quả không cáo tội vị tỳ khuru này do đã được thấy, tuy nhiên tôi cáo tội do đã được nghe.’ Vị ấy nên được nói như sau: ‘Này đại đức, việc mà ngài cáo tội vị tỳ khuru này do đã được nghe, ngài đã nghe gì, ngài đã nghe thế nào, ngài đã nghe khi nào, ngài đã nghe ở đâu? Có phải đã nghe rằng: ‘Vị (ấy) đã phạm tội *pārājika*?’ —nt— tội *saṅghādisesa*?’ —nt— tội *thullaccaya*?’ —nt— tội *pācittiya*?’ —nt— tội *pāṭidesanīya*?’ —nt— tội *dukkaṭa* a? Có phải đã nghe rằng: ‘Vị (ấy) đã phạm tội *dubbhāsita*?’ Có phải đã nghe từ vị tỳ khuru, đã nghe từ vị tỳ khuru ni, đã nghe từ cô ni tu tập sự, đã nghe từ vị sa di, đã nghe

từ vị sa di ni, đã nghe từ nam cư sĩ, đã nghe từ nữ cư sĩ, đã nghe từ các đức vua, đã nghe từ các quan đại thần của đức vua, đã nghe từ các ngoại đạo, đã nghe từ các đệ tử của ngoại đạo?’

7. Nếu vị ấy nói như vậy: ‘Này đại đức, tôi quả không cáo tội vị tỳ khuru này do đã được nghe, tuy nhiên tôi cáo tội do sự nghi ngờ.’ Vị ấy nên được nói như sau: ‘Này đại đức, việc mà ngài cáo tội vị tỳ khuru này do sự nghi ngờ, ngài nghi ngờ gì, nghi ngờ như thế nào, nghi ngờ khi nào, nghi ngờ ở đâu? Có phải ngài nghi ngờ rằng: ‘Vị (ấy) đã phạm tội *pārājika*’? —nt— tội *saṅghādisesa*’? —nt— tội *thullaccaya*’? —nt— tội *pācittiya*’? —nt— tội *pāṭidesanīya*’? —nt— tội *dukkatā*’? Có phải ngài nghi ngờ rằng: ‘Vị (ấy) đã phạm tội *dubbhāsita*’? Có phải ngài nghi ngờ sau khi nghe từ vị tỳ khuru, —nt— từ vị tỳ khuru ni? —nt— từ cô ni tu tập sự? —nt— từ vị sa di? —nt— từ vị sa di ni? —nt— từ nam cư sĩ? —nt— từ nữ cư sĩ? —nt— từ các đức vua? —nt— từ các quan đại thần của đức vua? —nt— từ các ngoại đạo? Có phải ngài nghi ngờ sau khi nghe từ các đệ tử của ngoại đạo?’

8. Điều được thấy tương tự với điều đã được thấy, điều được thấy phù hợp với điều đã được thấy, căn cứ vào điều đã được thấy mà không thừa nhận thì bị nghi ngờ là không thanh tịnh; vị ấy do sự thừa nhận thì nên hành lễ Uposatha với vị ấy.

9. Điều được nghe tương tự với điều đã được nghe, điều được nghe phù hợp với điều đã được nghe, căn cứ vào điều đã được nghe mà không thừa nhận thì bị nghi ngờ là không thanh tịnh; vị ấy do sự thừa nhận thì nên hành lễ Uposatha với vị ấy.

10. Điều được cảm nhận tương tự với điều đã được cảm nhận, điều được cảm nhận phù hợp với điều đã được cảm nhận, căn cứ vào điều đã được cảm nhận mà không thừa nhận thì bị nghi ngờ là không thanh tịnh; vị ấy do sự thừa nhận thì nên hành lễ Uposatha với vị ấy.

11. Đối với sự cáo tội, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? – Đối với sự cáo tội, hành động thỉnh ý là đầu tiên, sự tiến hành là ở giữa, sự dàn xếp là kết cuộc.

12. Có bao nhiêu căn nguyên, có bao nhiêu sự việc, có bao nhiêu nền tảng của sự cáo tội? Vị cáo tội với bao nhiêu biểu hiện? – Có hai căn nguyên, có ba sự việc, có năm nền tảng của sự cáo tội. Vị cáo tội với hai biểu hiện.

13. Hai căn nguyên của sự cáo tội là gì? – Có nguyên có hoặc không có nguyên có. Đây là hai căn nguyên của sự cáo tội.

14. Ba sự việc của sự cáo tội là gì? – Do đã được thấy, do đã được nghe, do sự nghi ngờ. Đây là ba sự việc của sự cáo tội.

15. Năm nền tảng của sự cáo tội là gì? – ‘Tôi sẽ nói đúng thời không phải không đúng thời; tôi sẽ nói với sự thật không phải với sự không thật; tôi sẽ nói mềm mỏng không thô lỗ; tôi sẽ nói có liên hệ đến mục đích không phải không liên hệ đến mục đích; tôi sẽ nói với tâm từ không phải với nội tâm có sân hận.’ Đây là năm nền tảng của sự cáo tội.

16. Vị cáo tội với hai biểu hiện gì? – Vị cáo tội bằng thân hoặc là cáo tội bằng khẩu. Vị cáo tội với hai biểu hiện này.

SỰ THỰC HÀNH CỦA VỊ CÁO TỘI, v.v...

1. Vị cáo tội nên thực hành thế nào? Vị bị buộc tội nên thực hành thế nào? Hội chúng nên thực hành thế nào? Vị xét xử nên thực hành thế nào?

Vị cáo tội nên thực hành thế nào? – Vị cáo tội nên cáo tội vị khác sau khi đã trú vào năm pháp: ‘Tôi sẽ nói đúng thời không phải không đúng thời; tôi sẽ nói với sự thật không phải với sự không thật; tôi sẽ nói mềm mỏng không thô lỗ; tôi sẽ nói có liên hệ đến mục đích không phải không liên hệ đến mục đích; tôi sẽ nói với tâm từ không phải với nội tâm có sân hận.’ Vị cáo tội nên thực hành như thế.

Vị bị buộc tội nên thực hành thế nào? – Vị bị buộc tội nên thực hành ở hai pháp: ở sự chân thật và ở sự không nổi giận. Vị bị buộc tội nên thực hành như thế.

Hội chúng nên thực hành thế nào? – Hội chúng nên biết điều gì đã được nói ra và chưa được nói ra. Hội chúng nên thực hành như thế.

Vị xét xử nên thực hành thế nào? – Sự tranh tụng ấy được giải quyết với Pháp nào, với Luật nào, với lời dạy nào của bậc Đạo Sư, vị xét xử nên giải quyết sự tranh tụng ấy theo như thế. Vị xét xử nên thực hành như thế.

2. Lễ Uposatha vì mục đích gì? Lễ Pavāraṇā có nguyên nhân là gì? Phạt parivāsa vì mục đích gì? Việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu có nguyên nhân là gì? Hình phạt mānatta vì mục đích gì? Việc giải tội có nguyên nhân là gì?

3. – Lễ Uposatha nhằm mục đích hợp nhất. Lễ Pavāraṇā nhằm mục đích thanh tịnh. Hình phạt parivāsa nhằm mục đích hình phạt mānatta. Việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu nhằm mục đích kềm chế. Hình phạt mānatta nhằm mục đích giải tội. Việc giải tội nhằm mục đích thanh tịnh.

4. Vì ưa thích, vì sân hận, vì sợ hãi, vì si mê, và gièm pha các vị trưởng lão, khi tan rã xác thân, kẻ trí tồi tự chôn lấy mình, có các giác quan bị hư hoại, đi địa ngục, là kẻ khờ, và không tôn kính học tập.

5. Không nương tựa ngay cả vật chất và không nương tựa người, sau khi đã buông bỏ cả hai điều này, nên thực hành đúng theo Pháp.

SỰ THIÊU ĐỐT CHÍNH MÌNH CỦA VỊ CÁO TỘI

1. Cáo kinh, và có sự thù hằn, và ác độc, vị gièm pha vu cáo là: ‘Có tội’ với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chính mình.

2. Nói thì thâm bên tai, soi mói điều hư hỏng, bỏ qua sự xét đoán, thực hành theo đường lối sai trái, vu cáo là: ‘Có tội’ với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chính mình.

3. Vị cáo tội không đúng thời, với sự không thật, với lời thô lỗ, không liên hệ mục đích, với nội tâm sân hận, vị cáo tội không có tâm từ, vu cáo là: ‘Có tội’ với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chính mình.

4. Vị không biết đúng Pháp và sai Pháp, không rành rẽ về đúng Pháp và sai Pháp, vu cáo là: ‘Có tội’ với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chính mình.

5. Vị không biết đúng Luật và sai Luật, không rành rẽ về đúng Luật và sai Luật, vu cáo là: ‘Có tội’ với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chính mình.

6. Vị không biết điều đã nói và chưa nói, không rành rẽ về điều đã nói và chưa nói, vu cáo là: ‘Có tội’ với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chính mình.

7. Vị không biết về tập quán và không phải tập quán, không rành rẽ về tập quán và không phải tập quán, vu cáo là:

‘Có tội’ với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chính mình.

8. Vị không biết điều đã được quy định và không được quy định, là không rành rẽ về điều đã được quy định và không được quy định, vu cáo là: ‘Có tội’ với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chính mình.

9. Vị không biết điều phạm tội và không phạm tội, không rành rẽ về phạm tội và không phạm tội, vu cáo là: ‘Có tội’ với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chính mình.

10. Vị không biết về tội nhẹ hay tội nặng, không rành rẽ về tội nhẹ hay tội nặng, vu cáo là: ‘Có tội’ với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chính mình.

11. Vị không biết về tội còn dư sót hay không còn dư sót, không rành rẽ về tội còn dư sót hay không còn dư sót, vu cáo là: ‘Có tội’ với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chính mình.

12. Vị không biết về tội xấu xa hay không xấu xa, không rành rẽ về tội xấu xa hay không xấu xa, vu cáo là: ‘Có tội’ với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chính mình.

13. Vị không biết việc trước hoặc việc sau, không rành rẽ về việc trước hoặc việc sau, vu cáo là: ‘Có tội’ với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chính mình.

14. Vị không biết cách phát biểu mạch lạc, không rành rẽ về cách phát biểu mạch lạc, vu cáo là: ‘Có tội’ với việc không phạm tội, kể cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chính mình.

Dứt Chương Cáo Tội.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

Việc cáo tội và xét xử, việc đầu tiên, với căn nguyên, lễ Uposatha, đường lối ở chương Cáo Tội là sự duy trì Giáo Pháp.

--ooOoo--

XUNG ĐỘT (PHẦN PHỤ)

SỰ THỰC HÀNH CỦA VỊ XÉT XỬ

1. Trong khi đi đến hội chúng, vị tỳ khuru theo đuổi sự xung đột nên đi đến hội chúng với tâm nhún nhường, với tâm như là không bị cấu uế, nên khéo léo về chỗ ngồi và khéo léo khi ngồi xuống, nên ngồi xuống ở chỗ ngồi thích hợp không chiếm chỗ của các tỳ khuru trưởng lão, không buộc các tỳ khuru mới tu phải nhường chỗ ngồi, không nên là người nói linh tinh, không nên là người nói chuyện nhảm nhí, hoặc là nên tự mình nói Pháp hoặc là nên thỉnh cầu vị khác (nói Pháp), hoặc là không nên xem thường trạng thái im lặng thánh thiện.

2. Vị được hội chúng thừa nhận, vị xét xử, vị có ý định xét xử không nên hỏi về thầy tế độ, không nên hỏi về thầy dạy học, không nên hỏi về người đệ tử, không nên hỏi về người học trò, không nên hỏi về vị đồng thầy tế độ, không nên hỏi về vị đồng thầy dạy học, không nên hỏi về sự xuất thân, không nên hỏi về tên, không nên hỏi về dòng họ, không nên hỏi về sự truyền thừa, không nên hỏi về trú quán của gia đình, không nên hỏi về nơi sanh ra. Việc ấy là vì lý do gì? – Trường hợp ấy có thể có sự thương hoặc là sự ghét. Khi có sự thương hoặc có sự ghét, thì có thể thiên vị vì ưa thích, có thể thiên vị vì sân hận, có thể thiên vị vì si mê, có thể thiên vị vì sợ hãi.

3. Vị được hội chúng thừa nhận, vị xét xử, vị có ý định xét xử nên xem trọng hội chúng không nên xem

trọng cá nhân, nên xem trọng Chánh Pháp không nên xem trọng tài vật, nên liên hệ đến mục đích, không nên thỏa hiệp với đám đông, nên xét xử đúng thời không phải sai thời, nên xét xử với sự thật không phải với sự không thật, nên xét xử với sự mềm mỏng không phải với sự thô lỗ, nên xét xử có liên hệ đến mục đích không phải không liên hệ mục đích, nên xét xử với tâm từ không phải với nội tâm có sân hận, không nên có sự nói thì thắm vào tai, không nên nhìn đảo quanh, mắt không nên nhìn soi mói, không nên nhướn mày, không nên ngửa đầu lên, không nên làm cử động bàn tay, không nên làm hiệu bằng bàn tay.

4. Nên khéo léo về chỗ ngồi, nên khéo léo khi ngồi xuống. Vị đang theo đuổi mục đích nên ngồi xuống ở chỗ ngồi của mình trong khi nhìn (phía trước) khoảng cách của cây cày, và không nên từ chỗ ngồi đứng dậy, không nên bỏ qua xét đoán, không nên theo đuổi đường lối sai trái, không nên nói với sự quấy rối bằng cánh tay, không nên vội vã không hấp tấp, không nên tỏ vẻ nóng giận bằng sự trầm tĩnh trong lời nói, nên có tâm từ với lòng thương tưởng đến lợi ích, có nên có tâm bi chăm chú đến lợi ích, nên tránh nói điều phù phiếm với lời nói có giới hạn, nên là vị trú vào không oan trái không lòng oán giận.

Nên suy xét về bản thân, nên suy xét về người khác, nên suy xét về vị cáo tội, nên suy xét về vị bị buộc tội, nên suy xét về vị cáo tội sai pháp, nên suy xét về vị bị

buộc tội sai pháp, nên suy xét về vị cáo tội đúng pháp, nên suy xét về vị bị buộc tội đúng pháp, không bỏ qua điều đã được nói, không gọi lên điều không được nói, nên khéo léo suy xét những chữ và câu được nói ra, sau khi hỏi lại vị kia rồi nên hành xử theo điều đã được biết. Vị uế oải nên được khích lệ, vị sợ hãi nên được trấn tĩnh, vị giận dữ nên được răn đe, vị không trong sạch nên được làm minh bạch với sự thẳng thắn và mềm mỏng, không nên thiên vị vì ưa thích, không nên thiên vị vì sân hận, không nên thiên vị vì si mê, không nên thiên vị vì sợ hãi, nên duy trì sự công chính đối với các pháp và các hạng người. Và như vậy, vị xét xử trong khi xét xử vừa là vị thầy vừa là vị thực hành giáo pháp, là người được thương yêu, được quý mến, được kính trọng, và có uy tín đối với các bậc có sự hiểu biết và các vị đồng Phạm hạnh.

5. Điều học nhằm mục đích là sự khẳng định, ví dụ nhằm mục đích là sự minh họa, ý nghĩa nhằm mục đích là sự giảng giải, câu hỏi nhằm mục đích là sự xác định, việc thỉnh ý nhằm mục đích là sự cáo tội, sự cáo tội nhằm mục đích là làm cho nhớ lại, sự làm cho nhớ lại nhằm mục đích là sự bảo ban, sự bảo ban nhằm mục đích là sự ngăn cản, sự ngăn cản nhằm mục đích là sự phán quyết, sự phán quyết nhằm mục đích là sự điều tra, sự điều tra nhằm mục đích là sự đạt đến việc có bằng có hay không có bằng có, việc có bằng có hay không có bằng có nhằm mục đích là sự kiểm chế những nhân vật ác xấu, nhằm mục đích là sự ủng hộ các tỳ

khuru hiền thiện, hội chúng nhằm mục đích là sự đồng ý, sự đồng ý nhằm mục đích là sự tán thành, sự tán thành nhằm mục đích là sự không chán nản, các nhân vật được hội chúng thừa nhận là (những vị) có sự kiên trì, không có sự dối trá.

6. Luật nhằm mục đích là sự thu thúc, sự thu thúc nhằm mục đích là sự không vi phạm, không vi phạm nhằm mục đích là sự khoan khoái, sự khoan khoái nhằm mục đích là hỷ, hỷ nhằm mục đích là tịnh, tịnh nhằm mục đích là lạc, lạc nhằm mục đích là định, định nhằm mục đích là sự thấy biết đúng theo bản thể, sự thấy biết đúng theo bản thể nhằm mục đích là sự nhòem góm, sự nhòem góm nhằm mục đích là sự ly tham, sự ly tham nhằm mục đích là sự giải thoát, sự giải thoát nhằm mục đích là sự thấy biết của giải thoát, sự thấy biết của giải thoát nhằm mục đích là Niết Bàn không còn chấp thủ. Lòi giảng (về Luật) là mục đích của việc này, bàn bạc (về Luật) là mục đích của việc này, sự tuần tự diễn tiến là mục đích của việc này, sự lắng tai nghe là mục đích của việc này, tức là sự giải thoát của tâm do không còn chấp thủ.

1. *Hãy suy xét về trách nhiệm và phận sự đã được bậc giác ngộ thiết lập một cách khéo léo, đã được quy định rõ ràng phù hợp theo các điều học, trong khi chớ có làm hủy hoại cảnh giới ngày vị lai.*

2. Là người không rành rẽ về sự việc, về sự hư hỏng, về tội vi phạm, về duyên khởi, về sự biểu hiện, vị không biết việc trước rồi việc sau, và cũng thế về việc đã làm hoặc chưa làm.

3. Và cũng là người không rành rẽ về hành sự, về sự tranh tụng, và luôn cả các sự dàn xếp, là vị bị ái nhiễm, xấu xa, và ngu dốt, và thiên vị vì sợ hãi, vì si mê.

4. Và là người không khéo léo về việc thông tin, không rành rẽ về việc dập tắt, đạt được bề phải, không hổ thẹn, có việc làm đen tối, không có tôn trọng, hiển nhiên vị tỳ khuru như thế ấy gọi là ‘không đáng trọng.’

5. Là người rành rẽ về sự việc, về điều hư hỏng, về tội vi phạm, về duyên khởi, về sự biểu hiện, vị thông hiểu việc trước rồi việc sau, và tương tự về việc đã làm hoặc chưa làm.

6. Và còn là vị rành rẽ về hành sự, và sự tranh tụng, luôn cả các sự dàn xếp, không ái nhiễm, chẳng xấu xa, không mê mờ, không thiên vị vì sợ hãi, vì si mê.

7. Là người khéo léo về việc thông tin, rành rẽ về việc dập tắt, đạt được phe nhóm, biết hổ thẹn, có việc làm trong sáng, có sự tôn kính, hiển nhiên vị tỳ khuru như thế ấy gọi là ‘đáng kính trọng.’”

Dứt Chương Xung Đột (Phần Phụ).

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

Với tâm nhún nhường nên hỏi, là người với hội chúng có sự kính trọng, điều học nhằm mục đích là sự khẳng định và nhằm nâng đỡ Luật, phần tóm lược ở chương Xung Đột (Phần Phụ) đã được làm thành phần đọc tụng này.

--ooOoo--

XUNG ĐỘT (PHẦN CHÍNH)

1. Vị tỳ khuru theo đuổi sự xung đột trong khi phát biểu nơi hội chúng nên biết về sự việc, nên biết về sự hư hỏng, nên biết về tội vi phạm, nên biết về duyên khởi, nên biết về sự biểu hiện, nên biết điều trước và điều sau, nên biết việc đã được thực hiện và chưa được thực hiện, nên biết về hành sự, nên biết về sự tranh tụng, nên biết về sự dàn xếp, không nên thiên vị vì ưa thích, không nên thiên vị vì sân hận, không nên thiên vị vì si mê, không nên thiên vị vì sợ hãi, nên làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ, nên dập tắt điều cần được dập tắt, nên xem xét điều cần được xem xét, nên tin tưởng vào điều đáng được tin tưởng, (nghĩ rằng): ‘Ta đã đạt được đồ chúng’ không nên xem thường đồ chúng người khác, (nghĩ rằng): ‘Ta là người nghe nhiều’ không nên xem thường vị nghe ít, (nghĩ rằng): ‘Ta là vị thâm niên hơn’ không nên xem thường vị mới tu sau, không nên nói về điều chưa được thành tựu, không nên bỏ qua điều đã được thành tựu đúng Pháp đúng Luật, sự tranh tụng ấy được giải quyết theo Pháp nào theo Luật nào theo lời dạy nào của bậc Đạo Sư thì nên giải quyết sự tranh tụng ấy như thế.

2. *Nên biết về sự việc*: là nên biết về sự việc của tám điều *pārājika*, nên biết về sự việc của hai mươi ba điều *saṅghādisesa*, nên biết về sự việc của hai điều *anīyāta*, nên biết về sự việc của bốn mươi hai điều *nissaggiya*, nên biết về sự việc của một trăm tám mươi tám điều *pācittiya*, nên

biết về sự việc của mười hai điều *pāṭ idesanīya*, nên biết về sự việc của các điều *dukkat a*, nên biết về sự việc của các điều *dubbhāsita*.

3. *Nên biết về sự hư hỏng*: là nên biết về sự hư hỏng về giới, nên biết về sự hư hỏng về hạnh kiểm, nên biết về sự hư hỏng về quan điểm, nên biết về sự hư hỏng về nuôi mạng.

4. *Nên biết về tội vi phạm*: là nên biết về tội *pārājika*, nên biết về tội *saṅ ghādisesa*, nên biết về tội *anīyata*, nên biết về tội *nissaggiya*, nên biết về tội *pācittiya*, nên biết về tội *pāṭ idesanīya*, nên biết về tội *dukkat a*, nên biết về tội *dubbhāsita*.

5. *Nên biết về duyên khởi*: là nên biết về duyên khởi của tám điều *pārājika*, nên biết về duyên khởi của hai mươi ba điều *saṅ ghādisesa*, nên biết về duyên khởi của hai điều *anīyata*, nên biết về duyên khởi của bốn mươi hai điều *nissaggiya*, nên biết về duyên khởi của một trăm tám mươi tám điều *pācittiya*, nên biết về duyên khởi của mười hai điều *pāṭ idesanīya*, nên biết về duyên khởi của các điều *dukkat a*, nên biết về duyên khởi của các điều *dubbhāsita*.

6. *Nên biết về sự biểu hiện*: là nên biết về hội chúng từ sự biểu hiện, nên biết về nhóm từ sự biểu hiện, nên biết về cá nhân từ sự biểu hiện, nên biết về vị cáo tội từ sự biểu hiện, nên biết về vị bị buộc tội từ sự biểu hiện.

Nên biết về hội chúng từ sự biểu hiện: là (nghĩ rằng): ‘Hội chúng này có khả năng để giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo Sư hay là không có (khả năng)?’ Nên biết về hội chúng từ sự biểu hiện là như thế.

Nên biết về nhóm từ sự biểu hiện: là (nghĩ rằng): ‘Nhóm này có khả năng để giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo Sư hay là không có (khả năng)?’ Nên biết về nhóm từ sự biểu hiện là như thế.

Nên biết về cá nhân từ sự biểu hiện: là (nghĩ rằng): ‘Cá nhân này có khả năng để giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo Sư hay là không có (khả năng)?’ Nên biết về cá nhân từ sự biểu hiện là như thế.

Nên biết về vị cáo tội từ sự biểu hiện: là (nghĩ rằng): ‘Phải chăng đại đức này cáo tội vị khác sau khi đã an trú vào năm pháp hay là chưa (an trú)?’ Nên biết về vị cáo tội từ sự biểu hiện là như thế.

Nên biết về vị bị buộc tội từ sự biểu hiện: là (nghĩ rằng): ‘Phải chăng đại đức này đã được an trú ở hai pháp là ở sự chân thật và ở sự không nổi giận hay là chưa được (an trú)?’ Nên biết về vị bị buộc tội từ sự biểu hiện là như thế.

7. *Nên biết điều trước và điều sau*: là (nghĩ rằng): ‘Phải chẳng đại đức này tráo trở từ sự việc (này) sang sự việc (khác), hay là tráo trở từ sự hư hỏng (này) sang sự hư hỏng (khác), hay là tráo trở từ tội (này) sang tội (khác), hay là sau khi phủ nhận rồi thừa nhận, hay là sau khi thừa nhận rồi phủ nhận, hay là tránh né điều này bằng điều khác, hay là không có?’ Nên biết điều trước và điều sau là như thế.

8. *Nên biết việc đã được thực hiện và chưa được thực hiện*: là nên biết về việc đôi lứa, nên biết về việc tương xứng đối với việc đôi lứa, nên biết phần việc xảy ra trước của việc đôi lứa.

Nên biết về việc đôi lứa: là nên biết về sự kết hợp chung lại của hai người.

Nên biết về việc tương xứng đối với việc đôi lứa: là vị tỳ khuu dùng miệng của mình ngậm lấy dương vật của vị khác.

Nên biết phần việc xảy ra trước của việc đôi lứa: là màu và không màu (của tinh dịch), sự xúc chạm cơ thể, sự nói lời dâm dật, sự hầu hạ tình dục cho bản thân, việc mai mối.

9. *Nên biết về hành sự*: là nên biết về mười sáu hành sự, nên biết về bốn hành sự với lời công bố, nên biết về bốn hành sự với lời đề nghị, nên biết về bốn hành sự có

lời đề nghị đến lần thứ nhì, nên biết về bốn hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư.

10. *Nên biết về sự tranh tụng*: là nên biết về bốn sự tranh tụng, nên biết về sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, nên biết về sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, nên biết về sự tranh tụng liên quan đến tội, nên biết về sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

11. *Nên biết về sự dàn xếp*: là nên biết về bảy cách dàn xếp, nên biết về hành xử Luật với sự hiện diện, nên biết về hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, nên biết về hành xử Luật khi không điên cuồng, nên biết về việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, nên biết về thuận theo số đông, nên biết về (hành xử Luật) theo tội của vị ấy, nên biết về cách dùng cỏ che lấp.

12. *Không nên thiên vị vì ưa thích*: Trong khi thiên vị vì ưa thích, vị thiên vị vì ưa thích như thế nào? – Ở đây, có vị (nghĩ rằng): ‘Đối với ta đây, (vị này) là thầy tế độ, hoặc là thầy dạy học, hoặc là đệ tử, hoặc là học trò, hoặc là đồng thầy tế độ, hoặc là đồng thầy dạy học, hoặc là đồng quan điểm, hoặc là thân thiết, hoặc là thân quyến đồng huyết thống’ rồi do lòng thương tưởng vị ấy, do sự bảo vệ vị ấy rồi tuyên bố phi Pháp là ‘*Pháp,*’ tuyên bố Pháp là ‘*Phi Pháp,*’ tuyên bố phi Luật là ‘*Luật,*’ tuyên bố Luật là ‘*Phi Luật,*’ tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là ‘*Điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai,*’ tuyên bố điều đã được

giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là: ‘Điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai,’ tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là: ‘Điều đã được thực hành bởi đức Như Lai,’ tuyên bố điều được thực hành bởi đức Như Lai là: ‘Điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai,’ tuyên bố điều không được quy định bởi đức Như Lai là: ‘Điều đã được quy định bởi đức Như Lai,’ tuyên bố điều được quy định bởi đức Như Lai là: ‘Điều đã không được quy định bởi đức Như Lai,’ tuyên bố vô tội là: ‘Phạm tội,’ tuyên bố phạm tội là: ‘Vô tội,’ tuyên bố tội nhẹ là: ‘Tội nặng,’ tuyên bố tội nặng là: ‘Tội nhẹ,’ tuyên bố tội còn dư sót là: ‘Tội không còn dư sót,’ tuyên bố tội không còn dư sót là: ‘Tội còn dư sót,’ tuyên bố tội xấu xa là: ‘Tội không xấu xa,’ tuyên bố tội không xấu xa là: ‘Tội xấu xa.’ Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì ưa thích vị (ấy) đã thực hành không vì lợi ích của nhiều người, không vì an lạc của nhiều người, vì sự không tấn hóa, vì sự không lợi ích, vì sự khổ đau của nhiều người, của chư thiên và nhân loại. Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì ưa thích, vị (ấy) làm cho bản thân bị chôn vùi, bị tổn hại, trở thành có tội, có sự chê trách của những người hiểu biết, và gây nên nhiều điều vô phước. Trong khi thiên vị vì ưa thích, vị thiên vị vì ưa thích là như thế.

13. *Không nên thiên vị vì sân hận*: Trong khi thiên vị vì sân hận, vị thiên vị vì sân hận như thế nào? – Ở đây, có vị (nghĩ rằng): ‘Hắn đã gây cho ta điều không lợi ích’ rồi kết oan trái, ‘Hắn đang gây cho ta điều không lợi ích’ rồi kết oan trái, ‘Hắn sẽ gây cho ta điều không lợi ích’ rồi kết

oan trái. (Nghĩ rằng): ‘Hắn đã gây điều không lợi ích, đang gây điều không lợi ích, sẽ gây điều không lợi ích cho người được ta thương yêu quý mến’ rồi kết oan trái. (Nghĩ rằng): ‘Hắn đã gây điều lợi ích, đang gây điều lợi ích, sẽ gây điều lợi ích cho người không được ta thương yêu quý mến’ rồi kết oan trái; do chín sự việc oan trái này, vị (ấy) trở nên thù hận, ác cảm, giận dữ, bị chế ngự bởi sự cău kinh rồi tuyên bố phi Pháp là ‘*Pháp,*’ tuyên bố Pháp là: ‘*Phi Pháp,*’ —nt— tuyên bố tội xấu xa là: ‘*Tội không xấu xa,*’ tuyên bố tội không xấu xa là: ‘*Tội xấu xa.*’ Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì sân hận vị (ấy) đã thực hành không vì lợi ích của nhiều người, không vì an lạc của nhiều người, vì sự không tấn hóa, vì sự không lợi ích, vì sự khổ đau của nhiều người, của chư thiên và nhân loại. Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì sân hận, vị (ấy) làm cho bản thân bị chôn vùi, bị tổn hại, trở thành có tội, có sự chê trách của những người hiểu biết, và gây nên nhiều điều vô phước. Trong khi thiên vị vì sân hận, vị thiên vị vì sân hận là như thế.

14. *Không nên thiên vị vì si mê:* Trong khi thiên vị vì si mê, vị thiên vị vì si mê như thế nào? – Vị bị ái nhiễm chịu sự sai khiến của ái dục; bị sân hận chịu sự sai khiến của sân hận; bị si mê chịu sự sai khiến của si mê; bị ô nhiễm chịu sự sai khiến của tà kiến, bị si mê, bị si mê hoàn toàn, bị chế ngự bởi si mê rồi tuyên bố phi Pháp là ‘*Pháp,*’ tuyên bố Pháp là: ‘*Phi Pháp,*’ —nt— tuyên bố tội xấu xa là: ‘*Tội không xấu xa,*’ tuyên bố tội không xấu xa là: ‘*Tội xấu xa.*’ Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị

vì si mê vị (ấy) đã thực hành không vì lợi ích của nhiều người, không vì an lạc của nhiều người, vì sự không tinh hóa, vì sự không lợi ích, vì sự khổ đau của nhiều người, của chư thiên và nhân loại. Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì si mê vị (ấy) làm cho bản thân bị chôn vùi, bị tổn hại, trở thành có tội, có sự chê trách của những người hiểu biết, và gây nên nhiều điều vô phước. Trong khi thiên vị vì si mê, vị thiên vị vì si mê là như thế.

15. *Không nên thiên vị vì sợ hãi*: Trong khi thiên vị vì sợ hãi, vị thiên vị vì sợ hãi như thế nào? – Ở đây, có vị (nghĩ rằng): ‘Người này hoặc là cậy vào sự bất công, hoặc là cậy vào sự nắm giữ, hoặc là cậy vào sức mạnh, (là người) tàn bạo, thô lỗ sẽ gây nguy hiểm cho mạng sống hoặc là gây nguy hiểm cho Phạm hạnh,’ do sự sợ hãi của điều ấy vị (ấy) bị hoảng sợ rồi tuyên bố phi Pháp là ‘*Pháp*,’ tuyên bố Pháp là: ‘*Phi Pháp*,’ tuyên bố phi Luật là: ‘*Luật*,’ tuyên bố Luật là: ‘*Phi Luật*,’ tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai*,’ tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai*,’ tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã được thực hành bởi đức Như Lai*,’ tuyên bố điều được thực hành bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai*,’ tuyên bố điều không được quy định bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã được quy định bởi đức Như Lai*,’ tuyên bố điều được quy định bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã*

không được quy định bởi đức Như Lai,’ tuyên bố vô tội là: ‘Phạm tội,’ tuyên bố phạm tội là: ‘Vô tội,’ tuyên bố tội nhẹ là: ‘Tội nặng,’ tuyên bố tội nặng là: ‘Tội nhẹ,’ tuyên bố tội còn dư sót là: ‘Tội không còn dư sót,’ tuyên bố tội không còn dư sót là: ‘Tội còn dư sót,’ tuyên bố tội xấu xa là: ‘Tội không xấu xa,’ tuyên bố tội không xấu xa là: ‘Tội xấu xa.’ Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì sợ hãi vị (ấy) đã thực hành không vì lợi ích của nhiều người, không vì an lạc của nhiều người, vì sự không tấn hóa, vì sự không lợi ích, vì sự khổ đau của nhiều người, của chư thiên và nhân loại. Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì sợ hãi, vị (ấy) làm cho bản thân bị chôn vùi, bị tổn hại, trở thành có tội, có sự chê trách của những người hiểu biết, và gây nên nhiều điều vô phước. Trong khi thiên vị vì sợ hãi, vị thiên vị vì sợ hãi là như thế.

16. Vì ưa thích, vì sân hận, vì sợ hãi, vì si mê, vị nào đối nghịch Chánh Pháp, danh tiếng của vị ấy bị hủy hoại, ví như mặt trăng vào lúc hạ huyền.

17. Thế nào là vị không thiên vị vì ưa thích? – Trong khi tuyên bố phi Pháp là ‘Phi Pháp’ vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố Pháp là: ‘Pháp’ vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố phi Luật là: ‘Phi Luật’ vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố Luật là: ‘Luật’ vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là: ‘Điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai’ vị (ấy) không thiên vị vì

ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là: *‘Điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai’* vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là: *‘Điều không được thực hành bởi đức Như Lai’* vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là: *‘Điều đã được thực hành bởi đức Như Lai’* vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là: *‘Điều đã không được quy định bởi đức Như Lai’* vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là: *‘Điều đã được quy định bởi đức Như Lai’* vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố vô tội là: *‘Vô tội’* vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố phạm tội là: *‘Phạm tội’* vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội nhẹ là: *‘Tội nhẹ’* vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội nặng là: *‘Tội nặng’* vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội còn dư sót là: *‘Tội còn dư sót’* vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội không còn dư sót là: *‘Tội không còn dư sót’* vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội xấu xa là: *‘Tội xấu xa’* vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là: *‘Tội không xấu xa’* vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích. Vị không thiên vị vì ưa thích là như thế.

18. Thế nào là vị không thiên vị vì sân hận? – Trong khi tuyên bố phi Pháp là *‘Phi Pháp’* vị (ấy) không thiên vị

vì sân hận; trong khi tuyên bố Pháp là: ‘*Pháp*’ vị (ấy) không thiên vị vì sân hận; —nt— trong khi tuyên bố tội xấu xa là: ‘*Tội xấu xa*’ vị (ấy) không thiên vị vì sân hận; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là: ‘*Tội không xấu xa*’ vị (ấy) không thiên vị vì sân hận. Vị không thiên vị vì sân hận là như thế.

19. Thế nào là vị không thiên vị vì si mê? – Trong khi tuyên bố phi Pháp là ‘*Phi Pháp*’ vị (ấy) không thiên vị vì si mê; trong khi tuyên bố Pháp là: ‘*Pháp*’ vị (ấy) không thiên vị vì si mê; —nt— trong khi tuyên bố tội xấu xa là: ‘*Tội xấu xa*’ vị (ấy) không thiên vị vì si mê; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là: ‘*Tội không xấu xa*’ vị (ấy) không thiên vị vì si mê. Vị không thiên vị vì si mê là như thế.

20. Thế nào là vị không thiên vị vì sợ hãi? – Trong khi tuyên bố phi Pháp là ‘*Phi Pháp*’ vị (ấy) không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố Pháp là: ‘*Pháp*’ vị (ấy) không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố phi Luật là: ‘*Phi Luật*’ vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố Luật là: ‘*Luật*’ vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai*’ vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai*’ vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là: ‘*Điều không được thực hành bởi đức Như Lai*’ vị (ấy)

không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là: *‘Điều đã được thực hành bởi đức Như Lai’* vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là: *‘Điều đã không được quy định bởi đức Như Lai’* vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là: *‘Điều đã được quy định bởi đức Như Lai’* vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố vô tội là: *‘Vô tội’* vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố phạm tội là: *‘Phạm tội’* vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội nhẹ là: *‘Tội nhẹ’* vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội nặng là: *‘Tội nặng’* vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội còn dư sót là: *‘Tội còn dư sót’* vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội không còn dư sót là: *‘Tội không còn dư sót’* vị (ấy) không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội xấu xa là: *‘Tội xấu xa’* vị (ấy) không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là: *‘Tội không xấu xa’* vị (ấy) không thiên vị vì sợ hãi. Vị không thiên vị vì sợ hãi là như thế.

21. Vì ưa thích, vì sân hận, vì sợ hãi, vì si mê, vị không đôi nghịch Chánh Pháp, danh tiếng của vị ấy được bồi đắp tựa như mặt trăng ở vào thượng huyền (được tròn dần).

22. Thế nào là vị làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ? – Trong khi tuyên bố phi Pháp là *‘Phi Pháp’* vị (ấy)

làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ; trong khi tuyên bố Pháp là: *‘Pháp’* vị (ấy) làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ; —nt— trong khi tuyên bố tội xấu xa là: *‘Tội xấu xa’* vị (ấy) làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là: *‘Tội không xấu xa’* vị (ấy) làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ. Vị làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ là như thế.

23. Thế nào là vị dập tắt điều cần được dập tắt? – Trong khi tuyên bố phi Pháp là *‘Phi Pháp’* vị (ấy) dập tắt điều cần được dập tắt; trong khi tuyên bố Pháp là: *‘Pháp’* vị (ấy) dập tắt điều cần được dập tắt; —nt— trong khi tuyên bố tội không xấu xa là: *‘Tội không xấu xa’* vị (ấy) dập tắt điều cần được dập tắt; trong khi tuyên bố tội xấu xa là: *‘Tội xấu xa’* vị (ấy) dập tắt điều cần được dập tắt. Vị dập tắt điều cần được dập tắt là như thế.

24. Thế nào là vị xem xét điều cần được xem xét? – Trong khi tuyên bố phi Pháp là *‘Phi Pháp’* vị (ấy) xem xét điều cần được xem xét; trong khi tuyên bố Pháp là: *‘Pháp’* —nt—; trong khi tuyên bố tội xấu xa là: *‘Tội xấu xa’* —nt—; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là: *‘Tội không xấu xa’* —nt—. Vị xem xét điều cần được xem xét là như thế.

25. Thế nào là vị tin tưởng vào điều đáng được tin tưởng? – Trong khi tuyên bố phi Pháp là *‘Phi Pháp’* vị (ấy) tin tưởng vào điều đáng được tin tưởng; trong khi tuyên bố Pháp là: *‘Pháp’* —nt—; trong khi tuyên bố tội

xấu xa là: *‘Tội xấu xa’* —nt—; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là: *‘Tội không xấu xa’* —nt—. Vị tin tưởng vào điều đáng được tin tưởng là như thế.

26. Thế nào là vị (nghĩ rằng): ‘Ta đã đạt được đồ chúng’ rồi xem thường đồ chúng người khác? – Ở đây, có vị đã đạt được đồ chúng, đã đạt được tùy tùng, là vị có đồ chúng, có người thân cận (nghĩ rằng): ‘Người này không đạt được đồ chúng, không đạt được tùy tùng, không là vị có đồ chúng, không là vị có người thân cận’ trong khi xem thường người ấy rồi tuyên bố phi Pháp là *‘Pháp,’* tuyên bố Pháp là: *‘Phi Pháp,’* —nt— tuyên bố tội xấu xa là: *‘Tội không xấu xa,’* tuyên bố tội không xấu xa là: *‘Tội xấu xa.’* Vị (nghĩ rằng): ‘Ta đã đạt được đồ chúng’ rồi xem thường đồ chúng người khác là như thế.

27. Thế nào là vị (nghĩ rằng): ‘Ta là người nghe nhiều’ rồi xem thường vị nghe ít? – Ở đây, có vị nghe nhiều, ghi nhớ điều đã nghe, tích lũy điều đã nghe (nghĩ rằng): ‘Người này nghe ít, kế thừa ít, ghi nhớ ít’ trong khi xem thường người ấy rồi tuyên bố phi Pháp là *‘Pháp,’* tuyên bố Pháp là: *‘Phi Pháp,’* —nt— tuyên bố tội xấu xa là: *‘Tội không xấu xa,’* tuyên bố tội không xấu xa là: *‘Tội xấu xa.’* Vị (nghĩ rằng): ‘Ta là người nghe nhiều’ rồi xem thường vị nghe ít là như thế.

28. Thế nào là vị (nghĩ rằng): ‘Ta là vị thâm niên hơn’ rồi xem thường vị mới tu sau? – Ở đây, có vị là trưởng lão, có kinh nghiệm, đã xuất gia lâu dài (nghĩ rằng): ‘Người này mới tu, thiếu trí, ít nghe, ít hiểu biết việc đã

được làm, lời nói của người này sẽ không được thực hiện' trong khi xem thường người ấy rồi tuyên bố phi Pháp là '*Pháp*,' tuyên bố Pháp là: '*Phi Pháp*,' —nt— tuyên bố tội xấu xa là: '*Tội không xấu xa*,' tuyên bố tội không xấu xa là: '*Tội xấu xa*.' Vị (nghĩ rằng): 'Ta là vị thâm niên hơn' rồi xem thường vị mới tu sau là như thế.

29. *Không nên nói về điều chưa được thành tựu*: là không nên đưa ra lời nói chưa được đưa ra.

30. *Không nên bỏ qua điều đã được thành tựu đúng Pháp đúng Luật*: là không nên bỏ qua sự việc đúng Pháp đúng Luật mà hội chúng đã được triệu tập lại vì sự việc ấy.

31. *Theo Pháp nào*: là theo sự việc có thật.

Theo Luật nào: là sau khi đã cáo tội, sau khi đã làm cho nhớ lại.

Theo lời dạy nào của bậc Đạo Sư: là với sự đầy đủ của lời đề nghị, với sự đầy đủ của lời tuyên bố. Sự tranh tụng ấy được giải quyết theo Pháp nào theo Luật nào theo lời dạy nào của bậc Đạo Sư thì nên giải quyết sự tranh tụng ấy như thế.

SỰ THẨM VẤN CỦA VỊ XÉT XỬ

Vị xét xử nên hỏi vị cáo tội rằng: ‘Này đại đức, việc ngài đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị tỳ khưu này, ngài đình chỉ vị ấy vì lý do gì, đình chỉ vì hư hỏng về giới, đình chỉ vì hư hỏng về hạnh kiểm, đình chỉ vì hư hỏng về quan điểm?’

Nếu vị ấy nói như vậy: ‘Hoặc là tôi đình chỉ vì hư hỏng về giới, hoặc là đình chỉ vì hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc là đình chỉ vì hư hỏng về quan điểm.’

Vị ấy nên được nói như sau: ‘Vậy ngài có biết sự hư hỏng về giới không, có biết sự hư hỏng về hạnh kiểm không, có biết sự hư hỏng về quan điểm không?’

Nếu vị ấy nói như vậy: ‘Này đại đức, tôi biết sự hư hỏng về giới, tôi biết sự hư hỏng về hạnh kiểm, tôi biết sự hư hỏng về quan điểm.’

Vị ấy nên được nói như sau: ‘Này đại đức, vậy điều gì là sự hư hỏng về giới, điều gì là sự hư hỏng về hạnh kiểm, điều gì là sự hư hỏng về quan điểm?’

Nếu vị ấy nói như vậy: ‘Bốn tội *pārājika*, mười ba tội *saṅghādisesa*, đó là sự hư hỏng về giới. Tội *thullaccaya*, tội *pācittiya*, tội *pāṭidesanīya*, tội *dukkata*, tội *dubbhāsita*, đó là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Tà kiến, hữu biên kiến, đó là sự hư hỏng về quan điểm.’

Vị ấy nên được nói như sau: ‘Này đại đức, việc mà ngài đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị tỳ khuru này, có phải ngài đình chỉ do đã được thấy, đình chỉ do đã được nghe, đình chỉ do sự nghi ngờ?’

Nếu vị ấy nói như vậy: ‘Hoặc là tôi đình chỉ do đã được thấy, hoặc là đình chỉ do đã được nghe, hoặc là đình chỉ do sự nghi ngờ.’

Vị ấy nên được nói như sau: ‘Này đại đức, việc mà ngài đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị tỳ khuru này do đã được thấy, ngài đã thấy gì, ngài đã thấy thế nào, ngài đã thấy khi nào, ngài đã thấy ở đâu? Có phải đã thấy vị (ấy) đang phạm tội *pārājika*? ... tội *saṅghādisesa*? ... tội *thullaccaya*? ... tội *pācittiya*? ... tội *pāṭidesanīya*? ... tội *dukkaṭa*? Có phải đã thấy vị (ấy) đang phạm tội *dubbhāsita*? Và ngài đã ở đâu? Và vị tỳ khuru này đã ở đâu? Và ngài đã làm gì? Và vị tỳ khuru này đã làm gì?’

Nếu vị ấy nói như vậy: ‘Này đại đức, tôi quả không đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị tỳ khuru này do đã được thấy, tuy nhiên tôi đình chỉ lễ *Pavāraṇā* do đã được nghe.’

Vị ấy nên được nói như sau: ‘Này đại đức, việc mà ngài đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị tỳ khuru này do đã được nghe, ngài đã nghe gì, ngài đã nghe thế nào, ngài đã nghe khi nào, ngài đã nghe ở đâu? Có phải đã nghe rằng: ‘Vị (ấy) đã phạm tội *pārājika*’? Có phải đã nghe rằng: ‘Vị (ấy) đã phạm tội *saṅghādisesa*’? ... tội

thullaccaya'? ... tội *pācittiya'*? ... tội *pāṭ idesanīya'*? ... tội *dukkaṭ a'*? Có phải đã nghe rằng: 'Vị (ấy) đã phạm tội *dubbhāsita'*? Có phải đã nghe từ vị tỳ khuru, đã nghe từ vị tỳ khuru ni, đã nghe từ cô ni tu tập sự, đã nghe từ vị sa di, đã nghe từ vị sa di ni, đã nghe từ nam cư sĩ, đã nghe từ nữ cư sĩ, đã nghe từ các đức vua, đã nghe từ các quan đại thần của đức vua, đã nghe từ các ngoại đạo, đã nghe từ các đệ tử của ngoại đạo?'

Nếu vị ấy nói như vậy: 'Này đại đức, tôi quả không đành chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị tỳ khuru này do đã được nghe, tuy nhiên tôi đành chỉ lễ *Pavāraṇā* do sự nghi ngờ.'

Vị ấy nên được nói như sau: 'Này đại đức, việc mà ngài đành chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị tỳ khuru này do sự nghi ngờ, ngài nghi ngờ gì, nghi ngờ như thế nào, nghi ngờ khi nào, nghi ngờ ở đâu? Có phải ngài nghi ngờ rằng: 'Vị (ấy) đã phạm tội *pārājika'*? ... tội *saṅ ghādisesa'*? ... tội *thullaccaya'*? ... tội *pācittiya'*? ... tội *pāṭ idesanīya'*? ... tội *dukkaṭ a'*? Có phải ngài nghi ngờ rằng: 'Vị (ấy) đã phạm tội *dubbhāsita'*? Có phải ngài nghi ngờ sau khi nghe từ vị tỳ khuru, nghi ngờ sau khi nghe từ vị tỳ khuru ni, nghi ngờ sau khi nghe từ cô ni tu tập sự, nghi ngờ sau khi nghe từ vị sa di, nghi ngờ sau khi nghe từ vị sa di ni, nghi ngờ sau khi nghe từ nam cư sĩ, nghi ngờ sau khi nghe từ nữ cư sĩ, nghi ngờ sau khi nghe từ các đức vua, nghi ngờ sau khi nghe từ các quan đại thần của đức vua, nghi ngờ sau khi nghe từ các ngoại đạo, nghi ngờ sau khi nghe từ các đệ tử của ngoại đạo?'

1. Điều được thấy tương tự với điều đã được thấy, điều được thấy phù hợp với điều đã được thấy, căn cứ vào điều đã được thấy mà không thừa nhận thì bị nghi ngờ là không thanh tịnh; vị ấy do sự thừa nhận thì nên hành lễ Pavāraṇā với vị ấy.

2. Điều được nghe tương tự với điều đã được nghe, điều được nghe phù hợp với điều đã được nghe, căn cứ vào điều đã được nghe mà không thừa nhận thì bị nghi ngờ là không thanh tịnh; vị ấy do sự thừa nhận thì nên hành lễ Pavāraṇā với vị ấy.

3. Điều được cảm nhận tương tự với điều đã được cảm nhận, điều được cảm nhận phù hợp với điều đã được cảm nhận, căn cứ vào điều đã được cảm nhận mà không thừa nhận thì bị nghi ngờ là không thanh tịnh; vị ấy do sự thừa nhận thì nên hành lễ Pavāraṇā với vị ấy.

PHÂN TÍCH VỀ CÂU HỎI

1. ‘Ngài đã thấy gì?’ là câu hỏi về điều gì? ‘Ngài đã thấy thế nào?’ là câu hỏi về điều gì? ‘Ngài đã thấy khi nào?’ là câu hỏi về điều gì? ‘Ngài đã thấy ở đâu?’ là câu hỏi về điều gì?

2. ‘*Ngài đã thấy gì?*’: là câu hỏi về sự việc, là câu hỏi về sự hư hỏng, là câu hỏi về tội vi phạm, là câu hỏi về sự vi phạm.

Câu hỏi về sự việc: là câu hỏi về sự việc của tám điều *pārājika*, là câu hỏi về sự việc của hai mươi ba điều *saṅ ghādisesa*, là câu hỏi về sự việc của hai điều *aniyata*, là câu hỏi về sự việc của bốn mươi hai điều *nissaggiya*, là câu hỏi về sự việc của một trăm tám mươi tám điều *pācittiya*, là câu hỏi về sự việc của mười hai điều *pāṭ idesanīya*, là câu hỏi về sự việc của các điều *dukkaṭ a*, là câu hỏi về sự việc của các điều *dubbhāsita*.

Câu hỏi về sự hư hỏng: là câu hỏi về sự hư hỏng về giới, là câu hỏi về sự hư hỏng về hạnh kiểm, là câu hỏi về sự hư hỏng về quan điểm, là câu hỏi về sự hư hỏng về nuôi mạng.

Câu hỏi về tội vi phạm: là câu hỏi về tội *pārājika*, là câu hỏi về tội *saṅ ghādisesa*, là câu hỏi về tội *thullaccaya*, là câu hỏi về tội *pācittiya*, là câu hỏi về tội *pāṭ idesanīya*, là câu hỏi về tội *dukkaṭ a*, là câu hỏi về tội *dubbhāsita*.

Câu hỏi về sự vi phạm: là câu hỏi về sự kết hợp chung lại của hai người.

3. *‘Ngài đã thấy thế nào?’:* là câu hỏi về đặc điểm, là câu hỏi về tư thế, là câu hỏi về sự biểu hiện, là câu hỏi về sự thay đổi.

Câu hỏi về đặc điểm: là cao, hay là thấp, hay là đen, hay là trắng.

Câu hỏi về tư thế: là đang đi, hay đang đứng, hay đang ngồi, hay đang nằm.

Câu hỏi về sự biểu hiện: là hình tướng tại gia, hay là hình tướng ngoại đạo, hay là hình tướng xuất gia.

Câu hỏi về sự thay đổi: là đang đi, hay đang đứng, hay đang ngồi, hay đang nằm.

4. *‘Ngài đã thấy khi nào?’* là câu hỏi về thời gian, là câu hỏi về thời điểm, là câu hỏi về ngày, là câu hỏi về mùa tiết.

Câu hỏi về thời gian: là vào lúc sáng sớm, hay là lúc nửa ngày, hay là lúc chiều tối.

Câu hỏi về thời điểm: là vào thời điểm sáng sớm, hay là thời điểm nửa ngày, hay là thời điểm chiều tối.

Câu hỏi về ngày: là trước bữa ăn, hay là sau bữa ăn, hay là ban đêm, hay là ban ngày, hay là nửa tháng sau, hay là nửa tháng trước.

Câu hỏi về mùa tiết: là trong mùa lạnh, hay là trong mùa nóng, hay là trong mùa mưa.

5. ‘*Ngài đã thấy ở đâu?*’: là câu hỏi về nơi chốn, là câu hỏi về địa thế, là câu hỏi về không gian, là câu hỏi về khu vực.

Câu hỏi về nơi chốn: là trên nền đất, hay là trong lòng đất, hay là ở bề mặt trái đất, hay là ở trên đất liền.

Câu hỏi về địa thế: là ở trên đất bằng, hay là trong lòng đất, hay là trên sườn núi, hay là trên tảng đá, hay là trong tòa lâu đài.

Câu hỏi về không gian: là không gian phía đông, hay là không gian phía tây, hay là không gian phía bắc, hay là không gian phía nam.

Câu hỏi về khu vực: là khu vực phương đông, hay là khu vực phương tây, hay là khu vực phương bắc, hay là khu vực phương nam.

Dứt Chương Xung Đột (Phần Chính).

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Sự việc, duyên khởi, biểu hiện, việc trước và sau, đã làm hoặc chưa làm, luôn cả hành sự, sự tranh tụng, sự dàn xếp, và thiên vị vì ưa thích.

2. Vì sân hận, vì si mê, và luôn cả vì sợ hãi, sự biết rõ, và với sự dập tắt, sự xem xét, được tin tưởng, 'Ta đã có đồ chúng,' đã nghe (nhiều), và với vị thâm niên hơn.

3. Và chưa được thành tựu, đã thành tựu, theo Pháp, và theo Luật, và cả lời dạy của bậc Đạo Sư, là việc làm cho hiểu rõ về chương Xung Đột (Phần Chính).

--ooOoo--

PHÂN TÍCH *KAṬHINA*

Kaṭ hina không được thành tựu đến ai? *Kaṭ hina* được thành tựu đến ai? Thế nào là *Kaṭ hina* không được thành tựu? Thế nào là *Kaṭ hina* được thành tựu?

Kaṭ hina không được thành tựu đến ai? – *Kaṭ hina* không được thành tựu đến hai hạng người: Vị không làm cho thành tựu và vị không tùy hỷ. *Kaṭ hina* không được thành tựu đến hai hạng người này.

Kaṭ hina được thành tựu đến ai? – *Kaṭ hina* được thành tựu đến hai hạng người: Vị làm cho thành tựu và vị tùy hỷ. *Kaṭ hina* được thành tựu đến hai hạng người này.

Thế nào là *Kaṭ hina* không được thành tựu? – *Kaṭ hina* không được thành tựu bởi hai mươi bốn lý do:¹ *Kaṭ hina* không được thành tựu ở giai đoạn đánh dấu (về chiều dài, chiều rộng). *Kaṭ hina* không được thành tựu ở giai đoạn giặt. *Kaṭ hina* không được thành tựu ở giai đoạn tính toán về y năm điều, hoặc bảy điều, hoặc chín điều, v.v...). *Kaṭ hina* không được thành tựu ở giai đoạn cắt (theo sự đã tính toán). *Kaṭ hina* không được thành tựu ở giai đoạn kết chỉ tạm. *Kaṭ hina* không được thành tựu ở giai đoạn may lại theo đường chỉ lược cho chắc. *Kaṭ hina* không được thành tựu ở giai đoạn gắn miếng vải làm dấu. *Kaṭ hina* không được thành tựu ở giai đoạn may

¹ Xem *Mahāvagga* – *Đại Phẩm* tập 2, TTPV tập 05, chương VII, trang 113; TTVN tập 05, trang 101.

chắc chắn. *Kaṭ hīna* không được thành tựu ở giai đoạn may đường viền. *Kaṭ hīna* không được thành tựu ở giai đoạn kết lại phần giữa. *Kaṭ hīna* không được thành tựu ở giai đoạn đắp thêm một lớp nữa. *Kaṭ hīna* không được thành tựu ở giai đoạn nhuộm. *Kaṭ hīna* không được thành tựu do đã làm dấu hiệu (gợi ý để thí chủ dâng). *Kaṭ hīna* không được thành tựu do đã thực hiện lời nói vòng vo. *Kaṭ hīna* không được thành tựu do đã được làm có tính cách tạm thời. *Kaṭ hīna* không được thành tựu với sự tích trữ. *Kaṭ hīna* không được thành tựu do sự phạm vào *nissaggiya*. *Kaṭ hīna* không được thành tựu với sự không làm thành được phép (tức là không làm dấu hoại y). *Kaṭ hīna* không được thành tựu với y không phải là y hai lớp. *Kaṭ hīna* không được thành tựu với y không phải là thượng y. *Kaṭ hīna* không được thành tựu với y không phải là y nội. *Kaṭ hīna* không được thành tựu với y không phải là năm điều hay nhiều hơn năm điều, không được cắt và kết lại nội trong ngày hôm ấy. *Kaṭ hīna* không được thành tựu trừ phi do sự thành tựu bởi cá nhân. Nếu *Kaṭ hīna* đã được thành tựu đúng đắn nhưng vị tùy hỷ việc ấy đứng ngoài ranh giới. *Kaṭ hīna* không được thành tựu là như thế.

Hành động làm dấu hiệu nghĩa là vị làm dấu hiệu rằng: 'Tôi sẽ làm thành tựu *Kaṭ hīna* với vải này.'

Lời nói vòng vo nghĩa là vị thực hiện lời nói vòng vo (nghĩ rằng): 'Ta sẽ làm phát sanh vải *Kaṭ hīna* với lời nói vòng vo này.'

Đã được làm có tính cách tạm thời nghĩa là đề cập đến vật thí chưa được nhận lấy.

Sự tích trữ nghĩa là có hai sự tích trữ: sự tích trữ do việc làm và sự tích trữ do thu gom.

Sự phạm vào *nissaggiya* nghĩa là trong khi đang thực hiện thì hừng đông xuất hiện. *Kaṭ hīna* không được thành tựu bởi hai mươi bốn lý do này.

Thế nào là *Kaṭ hīna* được thành tựu? – *Kaṭ hīna* được thành tựu bởi mười bảy lý do:¹ *Kaṭ hīna* được thành tựu với vải mới. *Kaṭ hīna* được thành tựu với vải được xem như mới. *Kaṭ hīna* được thành tựu với vải áo choàng cũ. *Kaṭ hīna* được thành tựu với vải dơ bị quăng bỏ. *Kaṭ hīna* được thành tựu với vải được bỏ ở trước cửa tiệm, có người nhặt lấy rồi đem dâng. *Kaṭ hīna* được thành tựu do đã không làm dấu hiệu (gợi ý để thí chủ dâng). *Kaṭ hīna* được thành tựu do đã không thực hiện lời nói vòng vo. *Kaṭ hīna* được thành tựu do đã được làm không có tính cách tạm thời. *Kaṭ hīna* được thành tựu với sự không tích trữ. *Kaṭ hīna* được thành tựu do không để qua đêm. *Kaṭ hīna* được thành tựu với sự làm thành được phép (tức là làm dấu hoại y). *Kaṭ hīna* được thành tựu với y hai lớp. *Kaṭ hīna* được thành tựu với thượng y. *Kaṭ hīna* được thành tựu với y nội. *Kaṭ hīna* được thành

¹ Xem *Mahāvagga* – Đại Phẩm tập 2, TTPV tập 05, chương VII, trang 115; TTVN tập 05, trang 103.

tự với y là năm điều hay nhiều hơn năm điều, được cắt và kết lại nội trong ngày hôm ấy. *Kaṭ hīna* được thành tựu do sự thành tựu của cá nhân. Và *Kaṭ hīna* ấy còn được thành tựu một cách đúng đắn nếu vị tùy hỷ đứng ở trong ranh giới. Như thế là *Kaṭ hīna* được thành tựu. *Kaṭ hīna* được thành tựu bởi mười bảy lý do này.

Bao nhiêu pháp được sanh lên từ sự thành tựu *Kaṭ hīna*? – Từ sự thành tựu *Kaṭ hīna*, mười lăm pháp được sanh lên: tám tiêu đề, hai sự vướng bận, năm điều thuận lợi. Từ sự thành tựu *Kaṭ hīna*, mười lăm pháp này được sanh lên.

VẤN ĐÁP

Đối với sự tiến hành, các pháp nào là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên, là duyên thông qua tiền sanh duyên, là duyên thông qua hậu sanh duyên, là duyên thông qua đồng sanh duyên? Đối với việc làm trước, các pháp nào là duyên thông qua vô gián duyên, —nt— Đối với việc nguyện xả (y), các pháp nào —nt— Đối với việc chú nguyện (y), các pháp nào —nt— Đối với sự thành tựu (*Kaṭ hīna*), các pháp nào —nt— Đối với các tiêu đề và các

điều vương bản, các pháp nào —nt— Đối với sự vật,¹ các pháp nào là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên, là duyên thông qua tiền sanh duyên, là duyên thông qua hậu sanh duyên, là duyên thông qua đồng sanh duyên?

Đối với sự tiến hành, việc làm trước là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên. Đối với việc làm trước, sự tiến hành là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đối với sự tiến hành, việc làm trước là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đồng sanh duyên.

Đối với việc làm trước, sự nguyện xả (y) là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên. Đối với sự nguyện xả (y), việc làm trước là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đối với việc làm trước, sự nguyện xả (y) là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đồng sanh duyên.

Đối với sự nguyện xả (y), sự chú nguyện (y) là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên

¹ Đối với sự vật của *Kaṭṭhina*, nghĩa là y hai lớp, hoặc thượng y, hoặc y nội (*VinA. vii*, 1369).

thông qua cận y duyên. Đối với sự chú nguyện (y), sự nguyện xả (y) là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đối với sự nguyện xả (y), sự chú nguyện (y) là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đồng sanh duyên.

Đối với sự chú nguyện (y), sự thành tựu (*Kaṭ hīna*) là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên. Đối với sự thành tựu (*Kaṭ hīna*), sự chú nguyện (y) là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đối với sự chú nguyện (y), sự thành tựu (*Kaṭ hīna*) là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đồng sanh duyên.

Đối với sự thành tựu (*Kaṭ hīna*), các tiêu đề và các sự vướng bận là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên. Đối với các tiêu đề và các sự vướng bận, sự thành tựu (*Kaṭ hīna*) là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đối với sự thành tựu (*Kaṭ hīna*), các tiêu đề và các sự vướng bận là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đồng sanh duyên.

Đối với sự vật, niềm mong mỏi và không mong mỏi là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên. Đối với niềm mong mỏi

và không mong mỏi, sự vật là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đối với sự vật, niềm mong mỏi và không mong mỏi là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đồng sanh duyên.

Việc làm trước có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Sự nguyện xả (y) có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Sự chú nguyện (y) có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Sự thành tựu (Kaṭṭhina) có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi?

Các tiêu đề và các sự vương bận có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Niềm mong mỏi và không mong mỏi có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi?

– Việc làm trước có sự tiến hành là sự mở đầu, có sự tiến hành là sự phát sanh, có sự tiến hành là sự sanh lên, có sự tiến hành là sự hiện khởi, có sự tiến hành là sự cốt yếu, có sự tiến hành là nguồn sanh khởi.

Sự nguyện xả (y) có việc làm trước là sự mở đầu, có việc làm trước là sự phát sanh, có việc làm trước là sự sanh lên, có việc làm trước là sự hiện khởi, có việc làm trước là sự cốt yếu, có việc làm trước là nguồn sanh khởi.

Sự chú nguyện (y) có sự nguyện xả (y) là sự mở đầu, có sự nguyện xả (y) là sự phát sanh, có sự nguyện xả (y) là sự sanh lên, có sự nguyện xả (y) là sự hiện khởi, có sự nguyện xả (y) là sự cốt yếu, có sự nguyện xả (y) là nguồn sanh khởi.

Sự thành tựu (*Kaṭṭhina*) có sự chú nguyện (y) là sự mở đầu, có sự chú nguyện (y) là sự phát sanh, có sự chú nguyện (y) là sự sanh lên, có sự chú nguyện (y) là sự hiện khởi, có sự chú nguyện (y) là sự cốt yếu, có sự chú nguyện (y) là nguồn sanh khởi.

Các tiêu đề và các sự vương bận có sự thành tựu (*Kaṭṭhina*) là sự mở đầu, có sự thành tựu (*Kaṭṭhina*) là sự phát sanh, có sự thành tựu (*Kaṭṭhina*) là sự sanh lên, có sự thành tựu (*Kaṭṭhina*) là sự hiện khởi, có sự thành tựu (*Kaṭṭhina*) là sự cốt yếu, có sự thành tựu (*Kaṭṭhina*) là nguồn sanh khởi.

Niềm mong mỏi và không mong mỏi có sự vật (y) là sự mở đầu, có sự vật (y) là sự phát sanh, có sự vật (y) là sự sanh lên, có sự vật (y) là sự hiện khởi, có sự vật (y) là sự cốt yếu, có sự vật (y) là nguồn sanh khởi.

Sự tiến hành có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi,

điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Việc làm trước —nt— Sự nguyện xả (y) —nt— Sự chú nguyện (y) —nt— Sự thành tựu (*Kaṭṭhina*) —nt— Các tiêu đề và các sự vương bận —nt— Sự vật (y) —nt— Niềm mong mỏi và không mong mỏi có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi?

– Sự tiến hành có nhân là sự mở đầu, có nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi. Việc làm trước —nt— Sự nguyện xả (y) —nt— Sự chú nguyện (y) —nt— Sự thành tựu (*Kaṭṭhina*) —nt— Các tiêu đề và các sự vương bận —nt— Sự vật (y) —nt— Niềm mong mỏi và không mong mỏi có nhân là sự mở đầu, có nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi.

Sự tiến hành có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Việc làm trước —nt— Sự nguyện xả (y) —nt— Sự chú nguyện (y) —nt— Sự thành tựu (*Kaṭṭhina*) —nt— Các tiêu đề và các sự vương bận —nt— Sự vật (y) —nt— Niềm mong mỏi và không mong mỏi có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi?

– Sự tiến hành có duyên là sự mở đầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cốt yếu, có duyên là nguồn sanh khởi. Việc làm trước —nt— Sự nguyện xả (y) —nt— Sự chú nguyện (y) —nt— Sự thành tựu (*Kaṭṭhina*) —nt— Các tiêu đề và các sự vương bận —nt— Sự vật (y) —nt— Niềm mong mỏi và không mong mỏi có duyên là sự mở đầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cốt yếu, có duyên là nguồn sanh khởi.

PHẦN SỰ TỔNG HỢP

Việc làm trước được tổng hợp với bao nhiêu pháp? – Việc làm trước được tổng hợp với bảy pháp: với việc giặt, với việc tính toán, với việc cắt, với việc kết lại, với việc may, với việc nhuộm, với việc làm thành được phép. Việc làm trước được tổng hợp với bảy pháp này.

Việc nguyện xả (y) được tổng hợp với bao nhiêu pháp? – Việc nguyện xả (y) được tổng hợp với ba pháp: với y hai lớp, với thượng y, với y nội.

Việc chú nguyện (y) được tổng hợp với bao nhiêu pháp? – Việc chú nguyện (y) được tổng hợp với ba pháp: với y hai lớp, với thượng y, với y nội.

Việc thành tựu (*Kaṭ hīna*) được tổng hợp với bao nhiêu pháp? – Việc thành tựu (*Kaṭ hīna*) được tổng hợp với một pháp là với sự phát lên lời nói.

Kaṭ hīna có bao nhiêu căn nguyên? có bao nhiêu sự vật? có bao nhiêu loại vật liệu? – *Kaṭ hīna* có một căn nguyên là hội chúng. Có ba sự vật là y hai lớp, thượng y, y nội. Có sáu loại vật liệu: sợi lanh, bông vải, tơ lụa, sợi len, gai thô, chỉ bố.

Đối với *Kaṭ hīna*, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? – Đối với *Kaṭ hīna*, việc làm trước là đầu tiên, sự thực hiện là ở giữa, sự thành tựu là kết cuộc.

Người có bao nhiêu yếu tố không thể thành tựu *Kaṭ hīna*? Người có bao nhiêu yếu tố có thể thành tựu *Kaṭ hīna*? – Người có tám yếu tố không thể thành tựu *Kaṭ hīna*. Người có tám yếu tố có thể thành tựu *Kaṭ hīna*.

Người có tám yếu tố gì không thể thành tựu *Kaṭ hīna*? – Vị không biết về việc làm trước, không biết về việc nguyện xả (y), không biết về việc chú nguyện (y), không biết về sự thành tựu (*Kaṭ hīna*), không biết về tiêu đề, không biết về sự vương bận, không biết về sự hết hiệu lực, không biết về sự thuận lợi. Người có tám yếu tố này không thể thành tựu *Kaṭ hīna*.

Người có tám yếu tố gì có thể thành tựu *Kaṭ hīna*? – Vị biết về việc làm trước, biết về việc nguyện xả (y), biết

về việc chú nguyện (y), biết về sự thành tựu (*Kaṭ hīna*), biết về tiêu đề, biết về sự vương bần, biết về sự hết hiệu lực, biết về sự thuận lợi. Người có tám yếu tố này có thể thành tựu *Kaṭ hīna*.

Sự thành tựu *Kaṭ hīna* của những hạng người nào không có hiệu quả? Sự thành tựu *Kaṭ hīna* của những hạng người nào có hiệu quả? – Sự thành tựu *Kaṭ hīna* của ba hạng người không có hiệu quả. Sự thành tựu *Kaṭ hīna* của ba hạng người có hiệu quả.

Sự thành tựu *Kaṭ hīna* của ba hạng người nào không có hiệu quả? – Vị đứng ở ngoài ranh giới nói lời tùy hỷ. Trong khi nói lời tùy hỷ, vị không nói lên thành câu. Trong khi nói lên thành câu, vị không làm cho người khác hiểu được. Sự thành tựu *Kaṭ hīna* của ba hạng người này không có hiệu quả.

Sự thành tựu *Kaṭ hīna* của ba hạng người nào có hiệu quả? – Vị đứng ở trong ranh giới nói lời tùy hỷ. Trong khi nói lời tùy hỷ, vị nói lên thành câu. Trong khi nói lên thành câu, vị làm cho người khác hiểu được. Sự thành tựu *Kaṭ hīna* của ba hạng người này có hiệu quả.

Bao nhiêu sự thành tựu *Kaṭ hīna* không có hiệu lực? Bao nhiêu sự thành tựu *Kaṭ hīna* có hiệu lực? – Ba sự thành tựu *Kaṭ hīna* không có hiệu lực. Ba sự thành tựu *Kaṭ hīna* có hiệu lực.

Thế nào là ba sự thành tựu *Kaṭ hīna* không có hiệu lực? – Là hư hỏng về sự vật, hư hỏng về thời gian, và hư hỏng về việc làm.¹ Đây là ba sự thành tựu *Kaṭ hīna* không có hiệu lực.

Thế nào là ba sự thành tựu *Kaṭ hīna* có hiệu lực? – Là hoàn hảo về sự vật, hoàn hảo về thời gian, và hoàn hảo về việc làm. Đây là ba sự thành tựu *Kaṭ hīna* có hiệu lực.

1. Nên biết về *Kaṭ hīna*. Nên biết về sự thành tựu *Kaṭ hīna*. Nên biết về tháng của sự thành tựu *Kaṭ hīna*. Nên biết về điều hư hỏng của sự thành tựu *Kaṭ hīna*. Nên biết về điều hoàn hảo của sự thành tựu *Kaṭ hīna*. Nên biết về hành động làm dấu hiệu. Nên biết về lời nói vòng vo. Nên biết về vật đã được làm có tính cách tạm thời. Nên biết về sự tích trữ. Nên biết về sự phạm vào *nissaggiya*.

2. *Nên biết về Kaṭ hīna*: Sự tổng hợp của chính các việc ấy, sự liên kết lại, tên gọi, hành động đặt tên, hệ thống tên gọi, sự giải nghĩa, đặc tính, sự diễn tả; điều ấy tức là '*Kaṭ hīna*.'

3. *Nên biết về tháng của sự thành tựu Kaṭ hīna*: là nên biết tháng cuối cùng của mùa mưa.

¹ Hư hỏng về sự vật: là y chưa được làm thành được phép (tức là chưa làm dấu y); hư hỏng về thời gian: là các thí chủ dâng y ngày hôm nay và hội chúng để đến ngày hôm sau mới giao cho vị tỳ khưu để làm thành tựu *Kaṭ hīna*; hư hỏng về việc làm: là đã được cắt vào ngày hôm ấy nhưng chưa được làm xong (*VinA. vii*, 1370).

4. *Nên biết về điều hư hỏng của sự thành tựu Kaṭ hīna*: là nên biết về điều hư hỏng của sự thành tựu *Kaṭ hīna* với hai mươi bốn lý do.

5. *Nên biết về điều hoàn hảo của sự thành tựu Kaṭ hīna*: là nên biết về điều hoàn hảo của sự thành tựu *Kaṭ hīna* với mười bảy lý do.

6. *Nên biết về hành động ra dấu hiệu*: là vị làm dấu hiệu rằng: ‘Tôi sẽ làm thành tựu *Kaṭ hīna* với vải này.’

7. *Nên biết về sự giảng giải (rồi kêu gọi)*: là vị thực hiện sự giảng giải rồi kêu gọi: ‘Tôi sẽ làm phát sanh vải *Kaṭ hīna* với bài thuyết giảng này.’

8. *Nên biết về vật đã được làm có tính cách tạm thời*: là nói đến vật thí chưa được nhận lấy.

9. *Nên biết về sự tích trữ*: là nên biết về hai sự tích trữ: sự tích trữ do việc làm và sự tích trữ do thu gom.

10. *Nên biết về sự phạm vào nissaggiya*: là trong khi đang thực hiện thì hừng đông xuất hiện.

11. *Nên biết về sự thành tựu Kaṭ hīna*: Nếu vải *Kaṭ hīna* được phát sanh đến hội chúng, hội chúng nên thực hành như thế nào? Vị làm thành tựu (*Kaṭ hīna*) nên thực hành như thế nào? Vị tùy hỷ nên thực hành như thế nào?

12. – Hội chúng nên trao cho vị tỳ khuru là vị làm thành tựu *Kaṭ hīna* bằng hành sự có lời đề nghị đến lần

thứ nhì. Vị tỳ khuru là vị làm thành tựu *Kaṭ hīna* ấy nên giặt, nên làm cho phẳng, nên tính toán, nên cắt, nên may, nên nhuộm, nên làm thành được phép (làm dấu y), nên làm thành tựu *Kaṭ hīna* nội trong ngày hôm ấy. Nếu có ý định làm thành tựu *Kaṭ hīna* với y hai lớp, nên nguyện xả y hai lớp cũ, nên chú nguyện y hai lớp mới, nên nói lên thành câu: ‘Tôi làm thành tựu *Kaṭ hīna* với y hai lớp này.’ Nếu có ý định làm thành tựu *Kaṭ hīna* với thượng y, nên nguyện xả thượng y cũ, nên chú nguyện thượng y mới, nên nói lên thành câu: ‘Tôi làm thành tựu *Kaṭ hīna* với thượng y này.’ Nếu có ý định làm thành tựu *Kaṭ hīna* với y nội, nên nguyện xả y nội cũ, nên chú nguyện y nội mới, nên nói lên thành câu: ‘Tôi làm thành tựu *Kaṭ hīna* với y nội này.’

13. Vị tỳ khuru là vị làm thành tựu *Kaṭ hīna* ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, chấp tay lên, và nên nói như vậy: ‘Bạch các ngài, *Kaṭ hīna* của hội chúng đã được thành tựu, sự thành tựu *Kaṭ hīna* là đúng pháp, xin các ngài hãy tùy hỷ.’ Các vị tỳ khuru là các vị tùy hỷ ấy nên đắp thượng y một bên vai, chấp tay lên, và nên nói như vậy: ‘Bạch đại đức, *Kaṭ hīna* của hội chúng đã được thành tựu, sự thành tựu *Kaṭ hīna* là đúng pháp, chúng tôi xin tùy hỷ.’

14. Vị tỳ khuru là vị làm thành tựu *Kaṭ hīna* ấy nên đi đến nhiều vị tỳ khuru, đắp thượng y một bên vai, chấp tay lên, và nên nói như vậy: ‘Bạch các ngài, *Kaṭ hīna* của hội chúng đã được thành tựu, sự thành tựu *Kaṭ hīna* là

đúng pháp, xin các ngài hãy tùy hỷ.’ Các vị tỳ khuru là các vị tùy hỷ ấy nên đắp thượng y một bên vai, chấp tay lên, và nên nói như vậy: ‘Bạch đại đức, *Kaṭ hīna* của hội chúng đã được thành tựu, sự thành tựu *Kaṭ hīna* là đúng pháp, chúng tôi xin tùy hỷ.’

15. Vị tỳ khuru là vị làm thành tựu *Kaṭ hīna* ấy nên đi đến một vị tỳ khuru, đắp thượng y một bên vai, chấp tay lên, và nên nói như vậy: ‘Bạch đại đức, *Kaṭ hīna* của hội chúng đã được thành tựu, sự thành tựu *Kaṭ hīna* là đúng pháp, xin đại đức hãy tùy hỷ.’ Vị tỳ khuru là vị tùy hỷ ấy nên đắp thượng y một bên vai, chấp tay lên, và nên nói như vậy: ‘Bạch đại đức, *Kaṭ hīna* của hội chúng đã được thành tựu, sự thành tựu *Kaṭ hīna* là đúng pháp, tôi xin tùy hỷ.’

Có phải hội chúng làm thành tựu *Kaṭ hīna*? Có phải nhóm làm thành tựu *Kaṭ hīna*? Có phải cá nhân làm thành tựu *Kaṭ hīna*? – Hội chúng không làm thành tựu *Kaṭ hīna*. Nhóm không làm thành tựu *Kaṭ hīna*. Cá nhân làm thành tựu *Kaṭ hīna*. Nếu hội chúng không làm thành tựu *Kaṭ hīna*, nhóm không làm thành tựu *Kaṭ hīna*, cá nhân làm thành tựu *Kaṭ hīna*, vậy có phải *Kaṭ hīna* không được thành tựu cho hội chúng, không được thành tựu cho nhóm, được thành tựu cho cá nhân?

Có phải hội chúng đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*? Có phải nhóm đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*? Có phải cá nhân đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*? Hội chúng không đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Nhóm không đọc tụng

giới bốn *Pātimokkha*. Cá nhân đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Nếu hội chúng không đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*, nhóm không đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*, cá nhân đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*, vậy có phải giới bốn *Pātimokkha* không được đọc tụng cho hội chúng, giới bốn *Pātimokkha* không được đọc tụng cho nhóm, giới bốn *Pātimokkha* được đọc tụng cho cá nhân? Do sự đọc tụng của cá nhân ở hội chúng hợp nhất, ở nhóm hợp nhất, giới bốn *Pātimokkha* được đọc tụng cho hội chúng, giới bốn *Pātimokkha* được đọc tụng cho nhóm, giới bốn *Pātimokkha* được đọc tụng cho cá nhân.

Tương tự y như thế, hội chúng không làm thành tựu *Kaṭṭhina*, nhóm không làm thành tựu *Kaṭṭhina*, cá nhân làm thành tựu *Kaṭṭhina*. Do sự thành tựu (*Kaṭṭhina*) của cá nhân, với sự tùy hỷ của hội chúng, với sự tùy hỷ của nhóm, *Kaṭṭhina* được thành tựu cho hội chúng, *Kaṭṭhina* được thành tựu cho nhóm, *Kaṭṭhina* được thành tựu cho cá nhân.

1. *Hiệu lực của Kaṭṭhina liên quan đến vị ra đi đã được nói đến bởi vị thân quyến của mặt trời, và tôi hỏi ngài điều này: Sự vương bận loại nào bị cắt đứt trước tiên?*

2. *Hiệu lực của Kaṭṭhina liên quan đến vị ra đi đã được nói đến bởi vị thân quyến của mặt trời, và tôi đáp ngài điều ấy: Sự vương bận về y bị cắt đứt trước tiên, với việc đi ra bên ngoài ranh giới của vị ấy thì sự vương bận về chô ngụ bị đứt.*

3. Hiệu lực của Kaṭ hīna liên quan đến việc hoàn tất đã được nói đến bởi vị thân quyền của mặt trời, tôi hỏi ngài điều này: Sự vương bạn loại nào bị cắt đứt trước tiên?

4. Hiệu lực của Kaṭ hīna liên quan đến việc hoàn tất đã được nói đến bởi vị thân quyền của mặt trời, và tôi đáp ngài điều ấy: Sự vương bạn chỗ ngụ bị cắt đứt trước tiên, khi y được hoàn tất thì sự vương bạn về y bị đứt.

5. Hiệu lực của Kaṭ hīna do tự mình quyết định đã được nói đến bởi vị thân quyền của mặt trời, tôi hỏi ngài điều này: Sự vương bạn loại nào bị cắt đứt trước tiên?

6. Hiệu lực của Kaṭ hīna do tự mình quyết định đã được nói đến bởi vị thân quyền của mặt trời, và tôi đáp ngài điều ấy: Cả hai điều vương bạn (đồng thời) bị cắt đứt không trước không sau.

7. Hiệu lực của Kaṭ hīna liên quan đến việc bị mất đã được nói đến bởi vị thân quyền của mặt trời, tôi hỏi ngài điều này: Sự vương bạn loại nào bị cắt đứt trước tiên?

8. Hiệu lực của Kaṭ hīna liên quan đến việc bị mất đã được nói đến bởi vị thân quyền của mặt trời, và tôi đáp ngài điều ấy: Sự vương bạn chỗ ngụ bị cắt đứt trước tiên, khi y bị mất trộm thì sự vương bạn về y bị đứt.

9. Hiệu lực của Kaṭ hīna liên quan đến việc nghe tin đã được nói đến bởi vị thân quyền của mặt trời, tôi hỏi ngài điều này: Sự vương bạn loại nào bị cắt đứt trước tiên?

10. Hiệu lực của Kaṭ hīna liên quan đến việc nghe tin đã được nói đến bởi vị thân quyến của mặt trời, và tôi đáp ngài điều ấy: Sự vươngng bạn về y bị cắt đứt trước tiên, với việc nghe tin của vị ấy thì sự vươngng bạn về chỗ ngụ bị đứt.

11. Hiệu lực của Kaṭ hīna liên quan đến việc tan vỡ niềm mong ước đã được nói đến bởi vị thân quyến của mặt trời, tôi hỏi ngài điều này: Sự vươngng bạn loại nào bị cắt đứt trước tiên?

12. Hiệu lực của Kaṭ hīna liên quan đến việc tan vỡ niềm mong ước vì mong ước tan vỡ đã được nói đến bởi vị thân quyến của mặt trời, và tôi đáp ngài điều ấy: Sự vươngng bạn chỗ ngụ bị cắt đứt trước tiên, khi nỗi niềm mong mỏi về y bị đoạn lìa thì sự vươngng bạn về y bị đứt.

13. Hiệu lực của Kaṭ hīna liên quan đến vị vượt qua ranh giới đã được nói đến bởi vị thân quyến của mặt trời, tôi hỏi ngài điều này: Sự vươngng bạn loại nào bị cắt đứt trước tiên?

14. Hiệu lực của Kaṭ hīna liên quan đến vị vượt qua ranh giới đã được nói đến bởi vị thân quyến của mặt trời, và tôi đáp ngài điều ấy: Sự vươngng bạn về y bị cắt đứt trước tiên, đôi với vị đã đi ra bên ngoài vùng ranh giới thì sự vươngng bạn về chỗ ngụ bị đứt.

15. Hiệu lực của Kaṭ hīna đồng thời hết hiệu lực đã được nói đến bởi vị thân quyến của mặt trời, tôi hỏi ngài điều này: Sự vươngng bạn loại nào bị cắt đứt trước tiên?

16. Hiệu lực của *Kaṭ hīna* đồng thời hết hiệu lực đã được nói đến bởi vị thân quyến của mặt trời, và tôi đáp ngài điều ấy: Cả hai điều vướng bận (đồng thời) bị cắt đứt không trước không sau.

17. Bao nhiêu sự hết hiệu lực của *Kaṭ hīna* phụ thuộc vào hội chúng? Bao nhiêu sự hết hiệu lực của *Kaṭ hīna* phụ thuộc vào cá nhân? Bao nhiêu sự hết hiệu lực của *Kaṭ hīna* không phụ thuộc vào hội chúng cũng không phụ thuộc vào cá nhân? – Có một sự hết hiệu lực của *Kaṭ hīna* phụ thuộc vào hội chúng là sự hết hiệu lực giữa chừng.¹ Có bốn sự hết hiệu lực của *Kaṭ hīna* phụ thuộc vào cá nhân: liên quan đến việc ra đi, liên quan đến việc (y) đã được hoàn tất, liên quan đến việc tự mình quyết định, liên quan đến việc vượt qua ranh giới. Có 4 sự hết hiệu lực của *Kaṭ hīna* không phụ thuộc vào hội chúng cũng không phụ thuộc vào cá nhân: liên quan đến việc (y) bị mất, liên quan đến việc nghe tin, liên quan đến sự tan vỡ niềm mong mỏi, sự đồng thời hết hiệu lực.

18. Bao nhiêu sự hết hiệu lực của *Kaṭ hīna* bị hết hiệu lực ở trong ranh giới? Bao nhiêu sự hết hiệu lực của *Kaṭ hīna* bị hết hiệu lực ở ngoài ranh giới? Bao nhiêu sự hết hiệu lực của *Kaṭ hīna* có thể bị hết hiệu lực ở trong ranh giới (hoặc) có thể bị hết hiệu lực ở ngoài ranh giới? – Có hai sự hết hiệu lực của *Kaṭ hīna* bị hết hiệu lực ở trong ranh giới: sự hết hiệu lực giữa chừng, sự hết hiệu

¹ Do tuyên ngôn thâm hồi *Kaṭ hīna*. Xem điều học *pācittiya* 30 của tỳ khuru ni (ND).

lực đồng thời. Có ba sự hết hiệu lực của *Kaṭ hīna* bị hết hiệu lực ở ngoài ranh giới: liên quan đến việc ra đi, liên quan đến việc nghe tin, liên quan đến việc vượt qua ranh giới. Có bốn sự hết hiệu lực của *Kaṭ hīna* có thể bị hết hiệu lực ở trong ranh giới (hoặc) có thể bị hết hiệu lực ở ngoài ranh giới: liên quan đến việc (y) đã được hoàn tất, liên quan đến việc tự mình quyết định, liên quan đến việc (y) bị mất, liên quan đến việc tan vỡ niềm mong mỏi.

19. Bao nhiêu sự hết hiệu lực của *Kaṭ hīna* có sự sanh lên cùng một lúc có sự chấm dứt cùng một lúc? Bao nhiêu sự hết hiệu lực của *Kaṭ hīna* có sự sanh lên cùng một lúc, có sự chấm dứt không cùng lúc? – Có hai sự hết hiệu lực của *Kaṭ hīna* có sự sanh lên cùng một lúc có sự chấm dứt cùng một lúc: sự hết hiệu lực giữa chừng, sự hết hiệu lực đồng thời. Các sự hết hiệu lực của *Kaṭ hīna* còn lại có sự sanh lên cùng một lúc, có sự chấm dứt không cùng lúc.

Dứt Phân Tích *Kaṭ hīna*.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Đến ai, như thế nào, mười lăm, các pháp, và sự mở đầu, nhân, duyên, sự tổng hợp, căn nguyên, sự khởi đầu, và sự làm thành tựu, các hạng người.

2. Sự phân tích, của ba hạng, ba loại (không hiệu lực), nên biết, sự thành tựu, và với việc đọc tụng (giới bốn), sự vương bận, sự phụ thuộc, (trong và ngoài) ranh giới, với sự sanh lên và sự chấm dứt.

--ooOoo--

NHÓM NĂM VỀ UPĀLI

1. PHẨM KHÔNG NƯƠNG NHỜ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Khi ấy, đại đức Upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Upāli đã nói với đức Thế Tôn điều này: – Bạch ngài, vị tỳ khuru có bao nhiêu yếu tố không được sống không nương nhờ cho đến trọn đời?

– Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố không được sống không nương nhờ cho đến trọn đời. Với năm (yếu tố) gì? Vị không biết về lễ *Uposatha*, không biết về hành sự của lễ *Uposatha*, không biết về giới bốn *Pātimokkha*, không biết về cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*, chưa đủ năm năm. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này không được sống không nương nhờ cho đến trọn đời.

Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố được sống không nương nhờ cho đến trọn đời. Với năm (yếu tố) gì? Vị biết về lễ *Uposatha*, biết về hành sự của lễ *Uposatha*, biết về giới bốn *Pātimokkha*, biết về cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*, được năm năm hoặc hơn năm năm. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này được sống không nương nhờ cho đến trọn đời.

2. Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa không được sống không nương nhờ cho đến trọn đời. Với năm (yếu tố) gì? Vị không biết về lễ *Pavāraṇā*, không biết về hành sự của lễ *Pavāraṇā*, không biết về giới bốn *Pātimokkha*, không biết về cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*, chưa đủ năm năm. Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này không được sống không nương nhờ cho đến trọn đời.

Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố được sống không nương nhờ cho đến trọn đời. Với năm (yếu tố) gì? Vị biết về lễ *Pavāraṇā*, biết về hành sự của lễ *Pavāraṇā*, biết về giới bốn *Pātimokkha*, biết về cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*, được năm năm hoặc hơn năm năm. Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này được sống không nương nhờ cho đến trọn đời.

3. Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa không được sống không nương nhờ cho đến trọn đời. Với năm (yếu tố) gì? Vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, không biết tội nhẹ hay nặng, không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, không biết tội xấu xa hay không xấu xa, chưa đủ năm năm. Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này không được sống không nương nhờ cho đến trọn đời.

Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố được sống không nương nhờ cho đến trọn đời. Với năm (yếu tố) gì? Vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, biết tội nhẹ hay nặng, biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, biết

tội xấu xa hay không xấu xa, được năm năm hoặc hơn năm năm. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này được sống không nương nhờ cho đến trọn đời.

4. – Bạch ngài, vị tỳ khuru có bao nhiêu yếu tố không được ban phép tu lên bậc trên, không được ban cho phép nương nhờ, không được để cho sa di phục vụ?

– Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố không được ban phép tu lên bậc trên, không được ban cho phép nương nhờ, không được để cho sa di phục vụ. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không có khả năng chăm sóc hoặc kiểm người chăm sóc cho đệ tử hoặc học trò bị bệnh, (không có khả năng) khuyên giải hoặc nhờ người khuyên giải khi đệ tử hay học trò có sự không hoan hỷ đã sanh khởi, (không có khả năng) phân giải hoặc nhờ vị khác phân giải đúng theo Pháp khi đệ tử hay học trò có mỗi nghi ngờ sanh khởi, (không có khả năng) hướng dẫn Thắng Pháp và Thắng Luật.¹ Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này không được ban phép tu lên bậc trên, không được ban cho phép nương nhờ, không được để cho sa di phục vụ.

Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố được ban phép tu lên bậc trên, được ban cho phép nương nhờ, được để

¹ Theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa: Hướng dẫn về Thắng Pháp là có khả năng hướng dẫn về sự phân biệt Danh Sắc, và hướng dẫn về Thắng Luật là hướng dẫn về toàn bộ Tăng Luật (*VinA. v*, 990).

cho sa di phục vụ. Với năm (yếu tố) gì? Là vị có khả năng chăm sóc hoặc kiểm người chăm sóc cho đệ tử hoặc học trò bị bệnh, (có khả năng) khuyên giải hoặc nhờ người khuyên giải khi đệ tử hay học trò có sự không hoan hỷ đã sanh khởi, (có khả năng) phân giải hoặc nhờ vị khác phân giải đúng theo Pháp khi đệ tử hay học trò có mối nghi ngờ sanh khởi, (có khả năng) hướng dẫn Thắng Pháp và Thắng Luật. Nay Upāli, vị tỳ khưu có năm yếu tố này được ban phép tu lên bậc trên, được ban cho phép nương nhờ, được để cho sa di phục vụ.

5. Nay Upāli, vị tỳ khưu có năm yếu tố khác nữa không được ban phép tu lên bậc trên, không được ban cho phép nương nhờ, không được để cho sa di phục vụ. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không có khả năng để huấn luyện học trò hay đệ tử việc học tập thuộc về phần sự căn bản, (không có khả năng) để hướng dẫn việc học tập thuộc về phần đầu của Phạm hạnh,¹ (không có khả năng) để hướng dẫn về tăng thượng giới, (không có khả năng) để hướng dẫn về tăng thượng tâm, (không có khả năng) để hướng dẫn về tăng thượng tuệ.² Nay Upāli, vị tỳ khưu có năm yếu tố này không được ban phép tu lên bậc

¹ Các điều học thuộc về phần sự căn bản tức là nói đến các phần sự trong bộ Luật *Khandhaka* – *Hợp Phần* gồm có *Đại Phẩm* và *Tiểu Phẩm*, còn các điều học thuộc về phần đầu của Phạm hạnh là các điều học đã được quy định ở hai giới bốn (*Sđđ.*).

² *Adhisila*: Tăng thượng giới là giới bốn *Pātimokkha*. *Adhicitta*: Tăng thượng tâm là sự tu tập các loại định hợp thế. *Adhipaññā*: Tăng thượng tuệ là sự tu tập (các tâm) Đạo Siêu Thế (*Sđđ.*).

trên, không được ban cho phép nương nhờ, không được để cho sa di phục vụ.

Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố được ban phép tu lên bậc trên, được ban cho phép nương nhờ, được để cho sa di phục vụ? Với năm (yếu tố) gì? Là vị có khả năng để huấn luyện học trò hay đệ tử việc học tập thuộc về phần sự căn bản, (có khả năng) để hướng dẫn việc học tập thuộc về phần đầu của Phạm hạnh, (có khả năng) để hướng dẫn về tăng thượng giới, (có khả năng) để hướng dẫn về tăng thượng tâm, (có khả năng) để hướng dẫn về tăng thượng tuệ. Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này được ban phép tu lên bậc trên, được ban cho phép nương nhờ, được để cho sa di phục vụ.

6. – Bạch ngài, hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khuru có bao nhiêu yếu tố?

– Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố. Với năm (yếu tố) gì? Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, không trong sạch, có tà kiến, và bị hư hỏng về nuôi mạng. Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

7. Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa. Với năm (yếu tố) gì? Là vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, bị hư hỏng về quan điểm thuộc quan điểm cực đoan, có tà kiến, và bị

hư hỏng về nuôi mạng. Đây Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khưu có năm yếu tố này.

8. Đây Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm (yếu tố) gì? Là vị có sự đùa giỡn bằng thân, có sự đùa giỡn bằng khẩu, có sự đùa giỡn bằng thân và khẩu, có tà kiến, và bị hư hỏng về nuôi mạng. Đây Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khưu có năm yếu tố này.

9. Đây Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm (yếu tố) gì? Là vị có hành vi sai trái bằng thân, có hành vi sai trái bằng khẩu, có hành vi sai trái bằng thân và khẩu, có tà kiến, và bị hư hỏng về nuôi mạng. Đây Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khưu có năm yếu tố này.

10. Đây Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm (yếu tố) gì? Là vị có sự gây tổn hại bằng thân, có sự gây tổn hại bằng khẩu, có sự gây tổn hại bằng thân và khẩu, có tà kiến, và bị hư hỏng về nuôi mạng. Đây Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khưu có năm yếu tố này.

11. Đây Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm (yếu tố) gì? Là vị có sự nuôi mạng sai trái bằng thân, có sự nuôi mạng sai trái bằng khẩu, có sự nuôi mạng sai trái bằng thân và khẩu, có tà kiến, và bị hư hỏng về nuôi mạng. Đây

Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

12. Nay Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa. Với năm (yếu tố) gì? Là vị phạm tội đã được thực hiện hành sự (vẫn) ban phép tu lên bậc trên, (vẫn) ban cho phép nương nhờ, (vẫn) để cho sa di phục vụ, (vẫn) chấp nhận việc chỉ định giáo giới tỳ khuru ni, (vẫn) giáo giới tỳ khuru ni khi đã được chỉ định. Nay Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

13. Nay Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa. Với năm (yếu tố) gì? Là vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự, hoặc tội khác tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, là vị chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Nay Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

14. Nay Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa. Với năm (yếu tố) gì? Là vị chê bai đức Phật, là vị chê bai Giáo Pháp, là vị chê bai Hội Chúng, có tà kiến, và bị hư hỏng về nuôi mạng. Nay Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

Phẩm Không Nương Nhờ là thứ nhất.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Lễ Uposatha, lễ Pavāraṇā, tội vi phạm, và người bệnh, phân phân sự căn bản, và vị vô liên sỉ, tăng thượng giới, và với sự chơi giỡn.

2. Sở hành sai trái, gây tổn hại, tà kiến, và luôn cả tội vi phạm, với tội vi phạm nào, (chê bai) đối với đức Phật, phân tổng hợp về phẩm thứ nhất.

--ooOoo--

2. PHẨM KHÔNG THẬU HỒI

1. – Bạch ngài, hành sự không nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có bao nhiêu yếu tố?

– Nay Upāli, hành sự không nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố. Với năm (yếu tố) gì? Là vị phạm tội đã được thực hiện hành sự (vẫn) ban phép tu lên bậc trên, (vẫn) ban cho phép nương nhờ, (vẫn) để cho sa di phục vụ, (vẫn) chấp nhận việc chỉ định giáo giới tỳ khuru ni, (vẫn) giáo giới tỳ khuru ni khi đã được chỉ định. Nay Upāli, hành sự không nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

2. Nay Upāli, hành sự không nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa. Với năm (yếu tố) gì? Là vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự, hoặc tội khác tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, là vị chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Nay Upāli, hành sự không nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

3. Nay Upāli, hành sự không nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa. Với năm (yếu tố) gì? Là vị chê bai đức Phật, là vị chê bai Giáo Pháp, là vị chê bai Hội Chúng, có tà kiến, và bị hư hỏng về nuôi mạng. Nay Upāli, hành sự không nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

4. Nay Upāli, hành sự không nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa. Với năm (yếu tố) gì? Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, không trong sạch, là vị gây ra các sự xích mích, và không làm đầy đủ việc học tập trong các phạm sự. Nay Upāli, hành sự không nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

5. – Bạch ngài, vị tỳ khuru theo đuổi sự xung đột, trong khi đi đến hội chúng, nên thiết lập ở nội tâm bao nhiêu pháp rồi đi đến hội chúng?

– Nay Upāli, vị tỳ khuru theo đuổi sự xung đột, trong khi đi đến hội chúng, nên thiết lập ở nội tâm năm pháp rồi đi đến hội chúng. Năm (pháp) gì? Nay Upāli, vị tỳ khuru theo đuổi sự xung đột, trong khi đi đến hội chúng, nên đi đến hội chúng với tâm nhún nhường, với tâm như là không bị cấu uế, nên khéo léo về chỗ ngồi và khéo léo khi ngồi xuống, nên ngồi xuống ở chỗ ngồi thích hợp không chiếm chỗ của các tỳ khuru trưởng lão, không buộc các tỳ khuru mới tu phải nhường chỗ ngồi, không nên là người nói linh tinh, không nên là người nói chuyện nhằm nhí, hoặc là nên tự mình nói Pháp hoặc là nên thỉnh cầu vị khác (nói Pháp), hoặc là không nên xem thường trạng thái im lặng thánh thiện. Nay Upāli, nếu hội chúng thực hiện các hành sự cần được thực hiện với sự hợp nhất, nay Upāli, trong trường hợp ấy nếu vị tỳ khuru không đồng ý (điều gì) thì nên bày tỏ quan điểm và nên đạt đến sự hợp nhất. Điều ấy có nguyên nhân thế nào? (Vị ấy nên nghĩ rằng): ‘Ta chớ nên khác biệt với hội chúng.’ Nay Upāli, vị tỳ khuru theo đuổi sự xung đột,

trong khi đi đến hội chúng, nên thiết lập ở nội tâm năm pháp này rồi đi đến hội chúng.

6. – Bạch ngài, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị tỳ khưu có bao nhiêu yếu tố không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng?

– Nay Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị tỳ khưu có năm yếu tố không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị nói khoa trương, là vị nói theo lời nói của người khác, không khéo léo trong sự mạch lạc của lời phát biểu, là vị cáo tội không theo Pháp không theo Luật không đúng tội, là vị hành xử không theo Pháp không theo Luật không đúng tội. Nay Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị tỳ khưu có năm yếu tố này không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng.

Nay Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị tỳ khưu có năm yếu tố được nhiều người thích, được nhiều người mến, được nhiều người hài lòng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị nói không khoa trương, là vị không nói theo lời nói của người khác, khéo léo trong sự mạch lạc của lời phát biểu, là vị cáo tội theo Pháp theo Luật đúng tội, là vị hành xử theo Pháp theo Luật đúng tội. Nay Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị tỳ khưu có năm yếu tố này được nhiều người thích, được nhiều người mến, được nhiều người hài lòng.

7. Nay Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị nói tăng bốc, là vị làm mất niềm tin, là vị nắm giữ phi Pháp, là vị chối từ Pháp, và nói nhiều chuyện vớ vẩn. Nay Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị tỳ khuru có năm yếu tố này không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng.

Nay Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị tỳ khuru có năm yếu tố được nhiều người thích, được nhiều người mến, được nhiều người hài lòng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không nói tăng bốc, là vị không làm mất niềm tin, là vị nắm giữ Pháp, là vị chối từ phi Pháp, và không nói nhiều chuyện vớ vẩn. Nay Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị tỳ khuru có năm yếu tố này được nhiều người thích, được nhiều người mến, được nhiều người hài lòng.

8. Nay Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị nói một cách thô lỗ, là vị nói khi chưa thỉnh ý, là vị cáo tội không theo Pháp không theo Luật không đúng tội, là vị hành xử không theo Pháp không theo Luật không đúng tội, là vị không trình bày theo kiến thức. Nay Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị tỳ khuru có năm yếu tố này

không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng.

Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị tỳ khưu có năm yếu tố được nhiều người thích, được nhiều người mến, được nhiều người hài lòng. Với năm (yếu tố) gì? Không là vị nói một cách thô lỗ, là vị nói sau khi đã thỉnh ý, là vị cáo tội theo Pháp theo Luật đúng tội, là vị hành xử theo Pháp theo Luật đúng tội, là vị trình bày theo kiến thức. Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị tỳ khưu có năm yếu tố này được nhiều người thích, được nhiều người mến, được nhiều người hài lòng.

9. – Bạch ngài, có bao nhiêu lợi ích trong sự tinh thông về Luật?

– Này Upāli, có năm lợi ích trong sự tinh thông về Luật. Thế nào là năm? Giới uẩn của bản thân khéo được gìn giữ khéo được hộ trì, là nơi nương tựa của các vị thường hay có sự ăn năn, là vị phát biểu ở giữa hội chúng với sự tự tin, là vị khuất phục những kẻ đối nghịch một cách khéo léo đúng theo Pháp, là vị thực hành vì sự tồn tại của Chánh Pháp. Này Upāli, đây là năm lợi ích trong sự tinh thông về Luật.

Phẩm Không Thu Hồi là thứ nhì.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

Đã bị phạm tội, với điều nào, và sự khen ngợi, vị vô liêm sỉ, và với sự xung đột, vị khoe khoang, và tăng bốc, thô lỗ, với sự tinh thông.

Sự quy định từng đôi thứ nhất.

--ooOoo--

3. PHẨM PHÁT BIỂU

1. – Bạch ngài, vị tỳ khuru có bao nhiêu yếu tố không nên phát biểu ở hội chúng?

– Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không biết về tội, không biết về nguồn sanh tội, không biết về sự tiến hành của tội,¹ không biết về cách giải quyết tội, không khéo léo trong việc phán quyết tội. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị biết về tội, biết về nguồn sanh tội, biết về sự tiến hành của tội, biết về cách giải quyết tội, khéo léo trong việc phán quyết tội. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng.

2. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không biết về sự tranh tụng, không biết về nguồn sanh khởi của tranh tụng, không biết về cách tiến hành tranh tụng, không biết về cách giải quyết tranh tụng, không khéo léo trong việc phán quyết về tranh tụng. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng.

¹ Là không biết tội có sự tiến hành bằng thân hay bằng khẩu (VinA. vii, 1372).

Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị biết về sự tranh tụng, biết về nguồn sanh khởi của tranh tụng, biết về cách tiến hành tranh tụng, biết về cách giải quyết tranh tụng, khéo léo trong việc phán quyết về tranh tụng. Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng.

3. Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị nói một cách thô lỗ, là vị nói khi chưa thỉnh ý, là vị cáo tội không theo Pháp không theo Luật không đúng tội, là vị hành xử không theo Pháp không theo Luật không đúng tội, là vị trình bày không theo quan điểm. Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không nói một cách thô lỗ, là vị nói sau khi đã thỉnh ý, là vị cáo tội theo Pháp theo Luật đúng tội, là vị hành xử theo Pháp theo Luật đúng tội, là vị trình bày theo kiến thức. Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng.

4. Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, không biết tội nhẹ hay nặng, không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, không biết tội xấu xa hay không

xấu xa, không biết tội có sự sửa chữa hay không có sự sửa chữa. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, biết tội nhẹ hay nặng, biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, biết tội xấu xa hay không xấu xa, biết về tội có sự sửa chữa hay không có sự sửa chữa. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng.

5. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không biết về hành sự, không biết về sự thực hiện của hành sự, không biết về sự việc của hành sự, không biết về phận sự của hành sự, không biết về cách giải quyết hành sự. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị biết về hành sự, biết về sự thực hiện của hành sự, biết về sự việc của hành sự, biết về phận sự của hành sự, biết về cách giải quyết hành sự. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng.

6. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không biết về sự việc, không biết về duyên khởi,

không biết về điều quy định, không biết về thứ tự của chữ (trong câu), không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị biết về sự việc, biết về duyên khởi, biết về điều quy định, biết về thứ tự của chữ (trong câu), biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng.

7. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi, và là vị vô liêm sỉ. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi, và là vị có liêm sỉ. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng.

8. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì

si mê, thiên vị vì sợ hãi, là vị không khéo léo về Luật. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng.

Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi, là vị khéo léo về Luật. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng.

9. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không biết về lời đề nghị, không biết về việc thực hiện lời đề nghị, không biết về lời tuyên bố của lời đề nghị, vị không biết cách dàn xếp của lời đề nghị, vị không biết cách giải quyết của lời đề nghị. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng.

Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị biết về lời đề nghị, biết về việc thực hiện lời đề nghị, biết về lời tuyên bố của lời đề nghị, vị biết cách dàn xếp của lời đề nghị, vị biết cách giải quyết của lời đề nghị. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng.

10. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không biết về giới bốn, không biết về điều phù hợp

với giới bốn, không biết về Luật, không biết về điều phù hợp với Luật, vị không khéo léo về việc thành lập (tội) hay không thành lập (tội). Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị biết về giới bốn, biết về điều phù hợp với giới bốn, biết về Luật, biết về điều phù hợp với Luật, vị khéo léo về việc thành lập (tội) hay không thành lập (tội). Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng.

11. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không biết về Pháp, không biết về điều phù hợp với Pháp, không biết về Luật, không biết về điều phù hợp với Luật, vị không khéo léo về việc trước và việc sau. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng.

Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị biết về Pháp, biết về điều phù hợp với Pháp, biết về Luật, biết về điều phù hợp với Luật, vị khéo léo về việc trước và việc sau. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng.

Phẩm Phát Biểu là thứ ba.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

Tội vi phạm, sự tranh tụng, thô lỗ, vị biết về tội vi phạm, hành sự, sự việc, và vị vô liêm sỉ, vị không khéo léo, và với lời đề nghị, vị không biết về điều học, Giáo Pháp, phân tổng hợp về phẩm thứ ba.

--ooOoo--

4. PHẨM TRÌNH BÀY QUAN ĐIỂM

1. – Bạch ngài, có bao nhiêu sự trình bày quan điểm sai pháp?

– Nay Upāli, đây là năm sự trình bày quan điểm sai pháp. Thế nào là năm? Vị trình bày quan điểm rằng không có sự vi phạm tội, vị trình bày quan điểm rằng sự phạm tội không đưa đến sám hối, vị trình bày quan điểm rằng tội đã được sám hối, vị trình bày quan điểm rằng (sám hối chung) bởi bốn năm vị,¹ vị trình bày quan điểm rằng (sám hối) bằng tác ý của tâm. Nay Upāli, đây là năm sự trình bày quan điểm sai pháp.

Nay Upāli, có năm sự trình bày quan điểm đúng pháp. Thế nào là năm? Vị trình bày quan điểm rằng có sự vi phạm tội, vị trình bày quan điểm rằng sự phạm tội đưa đến sám hối, vị trình bày quan điểm rằng tội chưa được sám hối, vị trình bày quan điểm rằng không (sám hối chung) bởi bốn năm vị, vị trình bày quan điểm rằng không (sám hối) bằng tác ý của tâm. Nay Upāli, đây là năm sự trình bày quan điểm đúng pháp.

¹ - Trình bày quan điểm bởi bốn năm vị: *catūhi pañcahi diṭṭhi* ti yathā *catūhi pañcahi diṭṭhi āvikatā hoti, evaṃ āvikaroti. cattāro pañca janā ekato āpattiṃdesentī ti attho* (VinA. vii, 1375) = ‘quan điểm bởi bốn năm vị’: quan điểm đã được trình bày bởi bốn năm vị như thế nào thì vị ấy trình bày như vậy; nghĩa là bốn năm vị sám hối tội chung một lượt.

2. Nay Upāli, có năm sự trình bày quan điểm sai pháp khác nữa. Thế nào là năm? Vị trình bày quan điểm rằng (sám hối) trong sự hiện diện của vị không đồng cộng trú, vị trình bày quan điểm rằng (sám hối) trong sự hiện diện của vị đứng không cùng ranh giới, vị trình bày quan điểm rằng (sám hối) trong sự hiện diện của vị không trong sạch, vị trình bày quan điểm rằng (sám hối chung) bởi bốn năm vị, vị trình bày quan điểm rằng (sám hối) bằng tác ý của tâm. Nay Upāli, đây là năm sự trình bày quan điểm sai pháp.

Nay Upāli, đây là năm sự trình bày quan điểm đúng pháp. Thế nào là năm? Vị trình bày quan điểm rằng (sám hối) trong sự hiện diện của vị đồng cộng trú, vị trình bày quan điểm rằng (sám hối) trong sự hiện diện của vị đứng chung ranh giới, vị trình bày quan điểm rằng (sám hối) trong sự hiện diện của vị trong sạch, vị trình bày quan điểm rằng không (sám hối chung) bởi bốn năm vị, vị trình bày quan điểm rằng không (sám hối) bằng tác ý của tâm. Nay Upāli, đây là năm sự trình bày quan điểm đúng pháp.

3. – Bạch ngài, có bao nhiêu sự thọ lãnh sai pháp?

– Nay Upāli, đây là năm sự thọ lãnh sai pháp. Thế nào là năm? Vật được cho bằng thân không được thọ lãnh bằng thân; vật được cho bằng thân không được thọ lãnh bằng vật gắn liền với thân; vật được cho bằng vật gắn liền với thân không được thọ lãnh bằng thân; vật được cho bằng vật gắn liền với thân không được thọ

lãnh bằng vật gắn liền với thân; vật được cho bằng sự buông ra không được thọ lãnh bằng thân hoặc bằng vật gắn liền với thân. Nay Upāli, đây là năm sự thọ lãnh sai pháp.

Này Upāli, đây là năm sự thọ lãnh đúng pháp. Thế nào là năm? Vật được cho bằng thân được thọ lãnh bằng thân; vật được cho bằng thân được thọ lãnh bằng vật gắn liền với thân; vật được cho bằng vật gắn liền với thân được thọ lãnh bằng thân; vật được cho bằng vật gắn liền với thân được thọ lãnh bằng vật gắn liền với thân; vật được cho bằng sự buông ra được thọ lãnh bằng thân hoặc bằng vật gắn liền với thân. Nay Upāli, đây là năm sự thọ lãnh đúng pháp.

4. – Bạch ngài, có bao nhiêu vật không phải là đồ thừa?

– Nay Upāli, đây là năm vật không phải là đồ thừa. Thế nào là năm? Là vật chưa làm thành được phép, việc thọ lãnh chưa được thực hiện, việc nâng lên chưa được thực hiện, đã được thực hiện ngoài tầm tay, chưa được nói rằng: ‘Tất cả đây là đủ rồi.’ Nay Upāli, đây là năm vật không phải là đồ thừa.

Này Upāli, đây là năm vật là đồ thừa. Thế nào là năm? Là vật đã làm thành được phép, việc thọ lãnh đã được thực hiện, việc nâng lên đã được thực hiện, đã được thực hiện ở trong tầm tay, đã được nói rằng: ‘Tất cả đây là đủ rồi.’ Nay Upāli, đây là năm vật là đồ thừa.

5. – Bạch ngài, việc ngăn được nhận biết với bao nhiêu biểu hiện?

– Này Upāli, việc ngăn được nhận biết với năm biểu hiện. Với năm (biểu hiện) gì? Việc ăn được nhận biết, vật thực được nhận biết, đã đứng ở trong tầm tay, (thí chủ) dâng lên, việc từ chối được nhận biết. Này Upāli, việc ngăn (vật thực) được nhận biết với năm biểu hiện này.

6. – Bạch ngài, có bao nhiêu việc phán xử theo tội đã được thừa nhận sai pháp?

– Này Upāli, đây là năm việc phán xử theo tội đã được thừa nhận sai pháp. Thế nào là năm? Vị tỳ khưu đã vi phạm tội *pārājika*, trong khi bị buộc tội với tội *pārājika* vị (ấy) thú nhận đã phạm tội *saṅ ghādisesa*; hội chúng tiến hành cho vị ấy với tội *saṅ ghādisesa* là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận sai pháp. Vị tỳ khưu đã vi phạm tội *pārājika*, trong khi bị buộc tội với tội *pārājika* vị (ấy) thú nhận đã phạm tội *pācittiya*, —nt— tội *pāṭ idesanīya*, —nt— tội *dukkat a*; hội chúng tiến hành cho vị ấy với tội *dukkat a* là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận sai pháp.

Vị tỳ khưu đã vi phạm tội *saṅ ghādisesa*, —nt— tội *pācittiya*, —nt— tội *pāṭ idesanīya*, —nt— tội *dukkat a*, trong khi bị buộc tội với tội *dukkat a* vị (ấy) thú nhận đã phạm tội *pārājika*; hội chúng tiến hành cho vị ấy với tội *pārājika* là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận sai pháp. Vị tỳ khưu đã vi phạm tội *dukkat a*, trong khi bị

buộc tội với tội *dukkat a* vị (ấy) thú nhận đã phạm tội *sañ ghādisesa*, —nt— tội *pācittiya*, —nt— tội *pāṭ idesanīya*; hội chúng tiến hành cho vị ấy với tội *pāṭ idesanīya* là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận sai pháp. Nay Upāli, đây là năm việc phán xử theo tội đã được thừa nhận sai pháp.

Này Upāli, đây là năm việc phán xử theo tội đã được thừa nhận đúng pháp. Thế nào là năm? Vị tỳ khuru đã vi phạm tội *pārājika*, trong khi bị buộc tội với tội *pārājika* vị (ấy) thú nhận đã phạm tội *pārājika*; hội chúng tiến hành cho vị ấy với tội *pārājika* là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận đúng pháp. Vị tỳ khuru đã vi phạm tội *sañ ghādisesa*, —nt— tội *pācittiya*, —nt— tội *pāṭ idesanīya*, —nt— tội *dukkat a*, trong khi bị buộc tội với tội *dukkat a* vị (ấy) thú nhận đã phạm tội *dukkat a*; hội chúng tiến hành cho vị ấy với tội *dukkat a* là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận đúng pháp. Nay Upāli, đây là năm việc phán xử theo tội đã được thừa nhận đúng pháp.

7. – Bạch ngài, việc thỉnh ý là không cần thiết trong khi thỉnh ý (để buộc tội) vị tỳ khuru có bao nhiêu yếu tố?

– Nay Upāli, việc thỉnh ý là không cần thiết trong khi thỉnh ý (để buộc tội) vị tỳ khuru có năm yếu tố. Với năm (yếu tố) gì? Là vị vô liêm sỉ, là vị ngu dốt, là vị không trong sạch, là vị nói với ý định loại trừ, không với ý định giúp cho thoát tội. Nay Upāli, việc thỉnh ý là không cần

thiết trong khi thỉnh ý (để buộc tội) vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

Này Upāli, việc thỉnh ý là cần thiết trong khi thỉnh ý (để buộc tội) vị tỳ khuru có năm yếu tố? Với năm (yếu tố) gì? Là vị có liêm sỉ, là vị thông thái, là vị trong sạch, là vị nói với ý định giúp cho thoát tội, là vị không có ý định loại trừ. Này Upāli, việc thỉnh ý là cần thiết trong khi thỉnh ý (để buộc tội) vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

8. – Bạch ngài, không nên thảo luận về Luật với vị tỳ khuru có bao nhiêu yếu tố?

– Này Upāli, không nên thảo luận về Luật với vị tỳ khuru có năm yếu tố. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không biết về sự việc, không biết về duyên khởi, không biết về điều quy định, không biết về thứ tự của chữ (trong câu), không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Upāli, không nên thảo luận về Luật với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

Này Upāli, nên thảo luận về Luật với vị tỳ khuru có năm yếu tố. Với năm (yếu tố) gì? Là vị biết về sự việc, biết về duyên khởi, biết về điều quy định, biết về thứ tự của chữ (trong câu), biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Upāli, nên thảo luận về Luật với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

9. – Bạch ngài, có bao nhiêu lối hỏi câu hỏi?

– Này Upāli, đây là năm lối hỏi câu hỏi. Thế nào là năm? Vị có bản tánh ngu khờ có bản tánh si mê hỏi câu hỏi; vị có ước muốn xấu xa bị thúc giục bởi ước muốn rồi hỏi câu hỏi; vị hỏi câu hỏi do sự khinh khi; vị hỏi câu hỏi với ý muốn hiểu biết; vị hỏi câu hỏi (nghĩ rằng): ‘Nếu được ta hỏi câu hỏi vị (ấy) sẽ trả lời đúng đắn, như thế việc này là tốt đẹp, nếu được hỏi câu hỏi mà vị (ấy) không trả lời đúng đắn, ta sẽ trả lời đúng đắn cho vị ấy.’ Này Upāli, đây là năm lối hỏi câu hỏi.

10. – Bạch ngài, có bao nhiêu lối bày tỏ kiến thức?

– Này Upāli, đây là năm lối bày tỏ kiến thức. Thế nào là năm? Vị có bản tánh ngu khờ có bản tánh si mê bày tỏ kiến thức, vị có ước muốn xấu xa bị thúc giục bởi ước muốn rồi bày tỏ kiến thức, vị bày tỏ kiến thức do bị điên do bị mất trí, vị bày tỏ kiến thức với sự tự hào quá đáng, vị bày tỏ kiến thức thật có. Này Upāli, đây là năm lối bày tỏ kiến thức.

11. – Bạch ngài, có bao nhiêu cách làm cho trong sạch?

– Này Upāli, đây là năm cách làm cho trong sạch. Thế nào là năm? Sau khi đọc tụng phần mở đầu, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ nhất. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *pārājika*, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ nhì. Sau khi đọc tụng phần mở

đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *pārājika*, sau khi đọc tụng mười ba điều *saṅghādisesa*, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ ba. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *pārājika*, sau khi đọc tụng mười ba điều *saṅghādisesa*, sau khi đọc tụng hai điều *aniyata*, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ tư. (Đọc tụng) một cách đầy đủ là cách thứ năm. Đây Upāli, đây là năm cách làm cho trong sạch.

12. – Bạch ngài, có bao nhiêu loại vật thực mềm?

– Đây Upāli, đây là năm loại vật thực mềm. Thế nào là năm? Com, súp, bánh, cá, thịt. Đây Upāli, đây là năm loại vật thực mềm.

Phẩm Trình Bày Quan Điểm là thứ tư.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

Việc trình bày quan điểm, những điều khác nữa, việc thọ lãnh, vật không phải là đồ thừa, việc ngăn, đã được thừa nhận, việc thỉnh ý, và với sự thảo luận, câu hỏi, bày tỏ kiến thức, sự trong sạch, và cả vật thực nữa.

--ooOoo--

5. PHẨM ĐÍCH THÂN KHỞI TỐ

1. – Bạch ngài, vị tỳ khuru nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên quán xét nội tâm bao nhiêu pháp rồi mới nên cáo tội vị khác?

– Nay Upāli, vị tỳ khuru nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên quán xét nội tâm năm pháp rồi mới nên cáo tội vị khác. Thế nào là năm? Nay Upāli, vị tỳ khuru nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên quán xét như vậy: ‘Ta có sở hành về thân trong sạch không? Ta có sở hành về thân trong sạch không sai sót không lỗi lầm không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không (được tìm thấy)?’ Nay Upāli, nếu vị tỳ khuru không có sở hành về thân trong sạch, không có sở hành về thân trong sạch không sai sót không lỗi lầm, có những người nói với vị ấy rằng: ‘Này, đến lúc đại đức nên rèn luyện điều liên quan đến thân;’ có những người nói với vị này như thế.

Nay Upāli, còn có điều khác nữa, vị tỳ khuru nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên quán xét như vậy: ‘Ta có sở hành về khẩu trong sạch không? Ta có sở hành về khẩu trong sạch không sai sót không lỗi lầm không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không (được tìm thấy)?’ Nay Upāli, nếu vị tỳ khuru không có sở hành về khẩu trong sạch, không có sở hành về khẩu trong sạch không sai sót không lỗi lầm, có những người nói với vị ấy rằng: ‘Này, đến lúc đại đức nên rèn luyện điều liên quan đến khẩu;’ có những người nói với vị này như thế.

Này Upāli, còn có điều khác nữa, vị tỳ khuru nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên quán xét như vậy: ‘Tâm từ của ta tức là tâm không ác cảm đối với các vị đồng phạm hạnh có hiện khởi không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không (được tìm thấy)?’ Này Upāli, nếu tâm từ của vị tỳ khuru là tâm không ác cảm đối với các vị đồng phạm hạnh không có hiện khởi, có những người nói với vị ấy rằng: ‘Này, đến lúc đại đức nên thể hiện tâm từ đến các vị đồng phạm hạnh,’ có những người nói với vị này như thế.

Này Upāli, còn có điều khác nữa, vị tỳ khuru nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên quán xét như vậy: ‘Ta có phải là vị nghe nhiều, ghi nhớ điều đã được nghe, tích lũy điều đã được nghe không? Những Pháp nào có sự tốt đẹp phần đầu, tốt đẹp phần giữa, tốt đẹp phần cuối, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, tuyên thuyết về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, các Pháp có hình thức tương tự như thế có được ta nghe nhiều, ghi nhớ, ôn đọc ra lời, quán xét bằng ý, thâm nhập bằng kiến thức không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không (được tìm thấy)?’ Này Upāli, nếu vị tỳ khuru không phải là vị nghe nhiều, ghi nhớ được điều đã nghe, tích lũy điều đã nghe. Những Pháp nào có sự tốt đẹp phần đầu, tốt đẹp phần giữa, tốt đẹp phần cuối, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, tuyên thuyết về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, các Pháp có hình thức tương tự như thế không được vị ấy nghe nhiều, ghi nhớ, ôn đọc ra lời, quán xét bằng ý, thâm nhập bằng kiến thức, có những người nói với vị ấy

rằng: ‘Này, đến lúc đại đức nên học tập kinh điển,’ có những người nói với vị này như thế.

Này Upāli, còn có điều khác nữa, vị tỳ khuru nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên quán xét như vậy: ‘Đối với ta, hai bộ giới bốn *Pātimokkha* có được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được áp dụng, khéo được xác định theo từng điều học hoặc theo từng từ ngữ không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không (được tìm thấy)?’ Này Upāli, nếu đối với vị tỳ khuru hai bộ giới bốn *Pātimokkha* không được truyền thừa với chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo được áp dụng, không khéo được xác định theo từng điều học hoặc theo từng từ ngữ, khi (vị ấy) được hỏi như vậy: ‘Này đại đức, điều này đã được đức Thế Tôn nói ở đâu?’ mà không đáp được, không hiểu được, có những người nói với vị ấy rằng: ‘Này, đến lúc đại đức nên học tập về Luật,’ có những người nói với vị này như thế. Này Upāli, vị tỳ khuru nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên quán xét bản thân năm pháp này rồi mới nên cáo tội vị khác.

2. – Bạch ngài, vị tỳ khuru nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên thiết lập ở nội tâm bao nhiêu pháp rồi mới nên cáo tội vị khác?

– Này Upāli, vị tỳ khuru nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên thiết lập ở nội tâm năm pháp rồi mới nên cáo tội vị khác. Thế nào là năm? ‘Ta sẽ nói hợp thời, không phải sai thời; ta sẽ nói với sự thật, không phải với sự sai trái; ta sẽ nói với sự mềm mỏng, không phải bằng

cách thô lỗ; ta sẽ nói có liên hệ đến lợi ích, không phải không liên hệ đến lợi ích; ta sẽ nói với tâm từ, không phải với nội tâm có sân hận.’ Nay Upāli, vị tỳ khuru nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên thiết lập ở nội tâm năm pháp này rồi mới nên cáo tội vị khác.

3. – Bạch ngài, vị tỳ khuru nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên tác ý nội tâm bao nhiêu pháp rồi mới nên cáo tội vị khác?

– Nay Upāli, vị tỳ khuru nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên tác ý nội tâm năm pháp rồi mới nên cáo tội vị khác. Thế nào là năm? Lòng bi mẫn, sự tầm cầu lợi ích, lòng thương xót, sự thoát khỏi tội, sự tôn trọng Luật. Nay Upāli, vị tỳ khuru nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên tác ý nội tâm năm pháp ấy rồi mới nên cáo tội vị khác.

4. – Bạch ngài, việc thỉnh ý là không cần thiết trong khi thỉnh ý (để buộc tội) vị tỳ khuru có bao nhiêu yếu tố?

– Nay Upāli, việc thỉnh ý là không cần thiết trong khi thỉnh ý (để buộc tội) vị tỳ khuru có năm yếu tố. Với năm (yếu tố) gì? Là vị có sở hành về thân không được trong sạch, có sở hành về khẩu không được trong sạch, có sự nuôi mạng không được trong sạch, (là vị) ngu dốt không kinh nghiệm, không có khả năng đối đáp lại trong khi bị thẩm vấn. Nay Upāli, việc thỉnh ý là không cần thiết trong khi thỉnh ý (để buộc tội) vị tỳ khuru có năm yếu tố.

Nay Upāli, việc thỉnh ý là cần thiết trong khi thỉnh ý (để buộc tội) vị tỳ khuru có năm yếu tố. Với năm (yếu tố)

gì? Là vị có sở hành về thân được trong sạch, có sở hành về khẩu được trong sạch, có sự nuôi mạng được trong sạch, (là vị) thông thái có kinh nghiệm, có khả năng đối đáp lại trong khi bị thẩm vấn. Nay Upāli, việc thỉnh ý là cần thiết trong khi thỉnh ý (để buộc tội) vị tỳ khuru có năm yếu tố.'

5. – Bạch ngài, vị tỳ khuru có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố nên áp dụng việc đích thân khởi tố khi có được bao nhiêu yếu tố?

– Nay Upāli, vị tỳ khuru có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố nên áp dụng việc đích thân khởi tố khi có năm yếu tố. Thế nào là năm? Nay Upāli, vị tỳ khuru có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố nên quán xét như sau: 'Việc ta có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố này là đúng thời điểm để áp dụng việc đích thân khởi tố này hay không đúng (thời điểm)?' Nay Upāli, nếu vị tỳ khuru trong lúc quán xét nhận biết như vậy: 'Sái thời điểm để áp dụng việc đích thân khởi tố này, không phải đúng thời điểm,' này Upāli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy.

Này Upāli, nếu vị tỳ khuru trong lúc quán xét nhận biết như vậy: 'Đúng thời điểm để áp dụng việc đích thân khởi tố này, không phải là sái thời điểm,' này Upāli, vị tỳ khuru ấy nên quán xét thêm rằng: 'Việc ta có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố này, nhưng việc đích thân khởi tố này là đúng đắn hay không (đúng đắn)?' Nay Upāli, nếu vị tỳ khuru trong lúc quán xét nhận biết như

vây: ‘Việc đích thân khởi tố này là sai trái, không đúng đắn;’ này Upāli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy.

Này Upāli, nếu vị tỳ khuru trong lúc quán xét nhận biết như vậy: ‘Việc đích thân khởi tố này là đúng đắn, không phải sai trái;’ này Upāli, vị tỳ khuru ấy nên quán xét thêm rằng: ‘Việc ta có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố này, nhưng việc đích thân khởi tố này là đem sự lợi ích hay không (đem lại sự lợi ích)?’ Này Upāli, nếu vị tỳ khuru trong lúc quán xét nhận biết như vậy: ‘Việc đích thân khởi tố này là đem lại sự vô ích, không đem lại sự lợi ích;’ này Upāli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy.

Này Upāli, nếu vị tỳ khuru trong lúc quán xét nhận biết như vậy: ‘Việc đích thân khởi tố này là đem lại sự lợi ích, không phải đem lại sự vô ích;’ này Upāli, vị tỳ khuru ấy nên quán xét thêm rằng: ‘Trong khi áp dụng việc đích thân khởi tố này, ta sẽ đạt được các tỳ khuru đồng quan điểm thân thiết ở trong nhóm theo đúng Pháp theo đúng Luật hay sẽ không (đạt được)?’ Này Upāli, nếu vị tỳ khuru trong lúc quán xét nhận biết như vậy: ‘Trong khi áp dụng việc đích thân khởi tố này, ta sẽ không đạt được các tỳ khuru đồng quan điểm thân thiết ở trong nhóm theo đúng Pháp theo đúng Luật;’ này Upāli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy.

Này Upāli, nếu vị tỳ khuru trong lúc quán xét nhận biết như vậy: ‘Trong khi áp dụng việc đích thân khởi tố

này, ta sẽ đạt được các tỳ khuru đồng quan điểm thân thiết ở trong nhóm theo đúng Pháp, theo đúng Luật;’ này Upāli, vị tỳ khuru ấy nên quán xét thêm rằng: ‘Khi việc đích thân khởi tố này của ta được áp dụng, do nguyên nhân ấy đối với hội chúng sẽ xảy ra sự tranh cãi, sự cãi cò, sự xung đột, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân loại trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng hay sẽ không (xảy ra)?’ Này Upāli, nếu vị tỳ khuru trong lúc quán xét nhận biết như vậy: ‘Khi việc đích thân khởi tố này của ta được áp dụng, do nguyên nhân ấy đối với hội chúng sẽ xảy ra sự tranh cãi, sự cãi cò, sự xung đột, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân loại trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng;’ này Upāli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy.

Này Upāli nếu vị tỳ khuru trong lúc quán xét nhận biết như vậy: ‘Khi việc đích thân khởi tố này của ta được áp dụng, do nguyên nhân ấy đối với hội chúng sẽ không xảy ra sự tranh cãi, sự cãi cò, sự xung đột, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân loại trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng;’ này Upāli, nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy. Này Upāli, việc đích thân khởi tố đã được áp dụng có năm yếu tố như thế sẽ không đem lại sự ân hận ngay cả về sau này.

6. – Bạch ngài, vị tỳ khuru có bao nhiêu yếu tố là có nhiều ích lợi cho các tỳ khuru gây nên sự tranh tụng?

– Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố là có nhiều ích lợi cho các tỳ khuru gây nên sự tranh tụng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị có giới hạnh, sống thu thúc theo sự hạn chế của giới bốn *Pātimokkha*, thành tựu về hạnh kiểm và hành xử, thấy được sự nguy hiểm trong những tội lỗi nhỏ nhất, thọ trì và thực hành theo các điều học; là vị nghe nhiều, ghi nhớ điều đã nghe, tích lũy điều đã nghe, các Pháp nào là tốt đẹp phần đầu, tốt đẹp phần giữa, tốt đẹp phần cuối, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, tuyên thuyết về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, các Pháp có hình thức như thế được (vị ấy) nghe nhiều, ghi nhớ, ôn đọc ra lời, quán xét bằng ý, thâm nhập bằng kiến thức; đối với vị ấy hai bộ giới bốn *Pātimokkha* đã khéo được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được phán xét theo từng điều học, theo từng từ ngữ; vị ấy vững vàng về Luật không có bối rối; là vị có khả năng để làm cho cả hai phe đối địch của sự kiện phải tin tưởng, biết rõ, suy nghĩ lại, thấy được, (và) hoan hỷ. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là có nhiều ích lợi cho các tỳ khuru gây nên sự tranh tụng.

Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa là có nhiều ích lợi cho các tỳ khuru gây nên sự tranh tụng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị có sở hành về thân được trong sạch, có sở hành về khẩu được trong sạch, có sự nuôi mạng được trong sạch, (là vị) thông thái có kinh nghiệm, có khả năng đối đáp lại trong khi bị thẩm vấn. Nay

Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là có nhiều ích lợi cho các tỳ khuru gây nên sự tranh tụng.

Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa là có nhiều ích lợi cho các tỳ khuru gây nên sự tranh tụng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị biết về sự việc, biết về duyên khởi, biết về điều quy định, biết về thứ tự của chữ (trong câu), biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là có nhiều ích lợi cho các tỳ khuru gây nên sự tranh tụng.

7. – Bạch ngài, vị tỳ khuru có bao nhiêu yếu tố là không nên thẩm vấn?

– Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố là không nên thẩm vấn. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không biết về giới bốn, không biết về điều phù hợp với giới bốn, không biết về Luật, không biết về điều phù hợp với Luật, vị không khéo léo về việc thành lập (tội) hay không thành lập (tội). Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là không nên thẩm vấn.

Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố là có thể thẩm vấn. Với năm (yếu tố) gì? Là vị biết về giới bốn, biết về điều phù hợp với giới bốn, biết về Luật, biết về điều phù hợp với Luật, vị khéo léo về việc thành lập (tội) hay không thành lập (tội). Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là có thể thẩm vấn.

8. Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa là không nên thẩm vấn. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không

biết về Pháp, không biết về điều phù hợp với Pháp, không biết về Luật, không biết về điều phù hợp với Luật, vị không khéo léo về việc trước và việc sau. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là không nên thẩm vấn.

Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa là có thể thẩm vấn. Với năm (yếu tố) gì? Là vị biết về Pháp, biết về điều phù hợp với Pháp, biết về Luật, biết về điều phù hợp với Luật, vị khéo léo về việc trước và việc sau. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là có thể thẩm vấn.

9. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa là không nên thẩm vấn. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không biết về sự việc, không biết về duyên khởi, không biết về điều quy định, không biết về thứ tự của chữ (trong câu), không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là không nên thẩm vấn.

Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa là có thể thẩm vấn. Với năm (yếu tố) gì? Là vị biết về sự việc, biết về duyên khởi, biết về điều quy định, biết về thứ tự của chữ (trong câu), biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là có thể thẩm vấn.

10. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa là không nên thẩm vấn. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không biết về tội, không biết về nguồn sanh tội, không biết về

sự tiến hành của tội, không biết về cách giải quyết tội, không khéo léo trong việc phán quyết tội. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là không nên thẩm vấn.

Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa là có thể thẩm vấn. Với năm (yếu tố) gì? Là vị biết về tội, biết về nguồn sanh tội, biết về sự tiến hành của tội, biết về cách giải quyết tội, khéo léo trong việc phán quyết tội. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là có thể thẩm vấn.

11. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa là không nên thẩm vấn. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không biết về sự tranh tụng, không biết về nguồn sanh khởi của tranh tụng, không biết về cách tiến hành tranh tụng, không biết về cách giải quyết tranh tụng, không khéo léo trong việc phán quyết về tranh tụng. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là không nên thẩm vấn.

Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa là có thể thẩm vấn. Với năm (yếu tố) gì? Là vị biết về sự tranh tụng, biết về nguồn sanh khởi của tranh tụng, biết về cách tiến hành tranh tụng, biết về cách giải quyết tranh tụng, khéo léo trong việc phán quyết về tranh tụng. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là có thể thẩm vấn.

Phẩm Đích Thân Khởi Tố là thứ năm.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

Sự trong sạch, hợp thời, với lòng bi mẫn, và bằng sự thỉnh ý, sự đích thân khởi tố, sự tranh tụng, và với các điều khác nữa, và sự việc, giới bốn, Giáo Pháp, và sự việc nữa, tội vi phạm, và với sự tranh tụng.

--ooOoo--

6. PHẨM VỀ PHÁP TỪ KHƯỞC

1. – Bạch ngài, có bao nhiêu hạng (hành pháp) ngụ ở rừng?

– Nay Upāli, đây là năm hạng (hành pháp) ngụ ở rừng. Thế nào là năm? Hạng ngụ ở rừng có bản tánh ngu khờ, có bản tánh si mê; hạng ngụ ở rừng có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn; hạng ngụ ở rừng do điên khùng, do mất trí; hạng ngụ ở rừng (nghĩ rằng): ‘Được chư Phật và chư Thánh Văn của đức Phật khen ngợi;’ và cũng có hạng ngụ ở rừng chính vì ham muốn ít, chính vì tự biết đủ, chính vì sự từ khước, chính vì sự tách ly, chính vì lợi ích của điều này. Nay Upāli, đây là năm hạng (hành pháp) ngụ ở rừng.

2 - 12. – Bạch ngài, có bao nhiêu hạng (hành pháp) đi khát thực? —nt— Bạch ngài, có bao nhiêu hạng (hành pháp) mặc y *paṃsukūla*? —nt— Bạch ngài, có bao nhiêu hạng (hành pháp) ngụ ở gốc cây? —nt— Bạch ngài, có bao nhiêu hạng (hành pháp) ngụ ở mộ địa? —nt— Bạch ngài, có bao nhiêu hạng (hành pháp) ngụ ở ngoài trời? —nt— Bạch ngài, có bao nhiêu hạng (hành pháp) mặc ba y? —nt— Bạch ngài, có bao nhiêu hạng (hành pháp) đi khát thực theo từng nhà? —nt— Bạch ngài, có bao nhiêu hạng (hành pháp) oai nghi ngồi? —nt— Bạch ngài, có bao nhiêu hạng (hành pháp) ngụ chỗ ở theo chỉ định? —nt— Bạch ngài, có bao nhiêu hạng (hành pháp) một

chỗ ngồi (khi thọ thực)? —nt— Bạch ngài, có bao nhiêu hạng (hành pháp) không ăn vật thực dâng sau? —nt—

13. – Bạch ngài, có bao nhiêu hạng (hành pháp) thọ thực trong bình bát?

– Nay Upāli, đây là năm hạng (hành pháp) thọ thực trong bình bát. Thế nào là năm? Hạng thọ thực trong bình bát do bản tánh ngu khờ, do bản tánh si mê; hạng thọ thực trong bình bát có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn; hạng thọ thực trong bình bát do điên khùng, do mất trí; hạng thọ thực trong bình bát (nghĩ rằng): ‘Được chư Phật và chư Thánh Văn của đức Phật ngợi khen,’ và cũng có hạng thọ thực trong bình bát chính vì ham muốn ít, chính vì tự biết đủ, chính vì sự từ khước, chính vì sự tách ly, chính vì lợi ích của điều này. Nay Upāli, đây là năm hạng (hành pháp) thọ thực trong bình bát.

Phẩm về Pháp Từ Khước là thứ sáu.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

Vị ngụ ở rừng, khất thực, y paṃsukūla, cội cây, mộ địa là thứ năm, ngoài trời, chỉ ba y, theo tuần tự, oai nghi ngồi, theo

chỉ định, (thọ thực) một chỗ ngồi, không vật thực dâng sau,
thọ thực trong bình bát.

--ooOoo--

7. PHẨM NÓI DỐI

1. – Bạch ngài, có bao nhiêu loại nói dối?

– Nay Upāli, đây là năm loại nói dối. Thế nào là năm? Có loại nói dối đưa đến tội *pārājika*, có loại nói dối đưa đến tội *saṅghādisesa*, có loại nói dối đưa đến tội *thullaccaya*, có loại nói dối đưa đến tội *pācittiya*, có loại nói dối đưa đến tội *dukkatā*. Nay Upāli, đây là năm loại nói dối.

2. – Bạch ngài, đối với vị tỳ khuru có bao nhiêu yếu tố đang đình chỉ lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā* ở giữa hội chúng thì hội chúng nên áp chế rằng: ‘Này tỳ khuru, thôi đi. Chớ có (gây nên) sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cãi’ rồi nên tiến hành lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā*?

– Nay Upāli, đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố đang đình chỉ lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā* ở giữa hội chúng thì hội chúng nên áp chế rằng: ‘Này tỳ khuru, thôi đi. Chớ có (gây nên) sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cãi’ rồi nên tiến hành lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā*. Với năm (yếu tố) gì? Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, không trong sạch, là vị nói với ý định loại trừ, không với ý định giúp cho thoát tội. Nay Upāli, đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này đang đình chỉ lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā* ở giữa hội chúng thì hội chúng nên áp chế rằng: ‘Này tỳ khuru, thôi đi. Chớ có (gây nên) sự xung

đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cãi' rồi nên tiến hành lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā*.

Này Upāli, đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa đang đình chỉ lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā* ở giữa hội chúng thì hội chúng nên áp chế rằng: 'Này tỳ khuru, thôi đi. Chớ có (gây nên) sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cãi' rồi nên tiến hành lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā*. Với năm (yếu tố) gì? Là vị có sở hành về thân không được trong sạch, có sở hành về khẩu không được trong sạch, có sự nuôi mạng không được trong sạch, ngu dốt không kinh nghiệm, là vị gây nên các sự xung đột (và) gây nên các sự cãi cọ. Này Upāli, đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này đang đình chỉ lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā* ở giữa hội chúng thì hội chúng nên áp chế rằng: 'Này tỳ khuru, thôi đi. Chớ có (gây nên) sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cãi' rồi nên tiến hành lễ *Uposatha* hoặc lễ *Pavāraṇā*.

3. – Bạch ngài, việc thẩm vấn không nên giao cho vị tỳ khuru có bao nhiêu yếu tố?

– Này Upāli, việc thẩm vấn không nên giao cho vị tỳ khuru có năm yếu tố. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị không biết tội nhẹ hay nặng, vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa, vị không biết tội có sự sửa chữa hay không có sự sửa chữa. Này Upāli, việc thẩm vấn không nên giao cho vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

Này Upāli, việc thẩm vấn nên được giao cho vị tỳ khuru có năm yếu tố. Với năm (yếu tố) gì? Là vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị biết tội nhẹ hay nặng, vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị biết tội xấu xa hay không xấu xa, vị biết về tội có sự sửa chữa hay không có sự sửa chữa. Này Upāli, việc thẩm vấn nên được giao cho vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

4. – Bạch ngài, vị tỳ khuru vi phạm tội với bao nhiêu biểu hiện?

– Này Upāli, vị tỳ khuru vi phạm tội với năm biểu hiện. Với năm (biểu hiện) gì? Do sự vô liêm sỉ, do sự không biết, do sự thường xuyên sai phạm, tưởng rằng được phép trong việc không được phép, tưởng rằng không được phép trong việc được phép. Này Upāli, vị tỳ khuru vi phạm tội với năm biểu hiện này.

Này Upāli, vị tỳ khuru vi phạm tội với năm biểu hiện khác nữa. Với năm (biểu hiện) gì? Do sự không thấy, do sự không nghe, do sự bị ràng buộc, (lâm) tưởng là như vậy, có sự lẫn lộn về niệm. Này Upāli, vị tỳ khuru vi phạm tội với năm biểu hiện này.

5. – Bạch ngài, có bao nhiêu điều tội lỗi?

– Này Upāli, đây là năm điều tội lỗi. Thế nào là năm? Giết hại mạng sống, việc lấy vật không được cho, việc làm sai trái trong các dục, nói dối, trường hợp dễ duôi

đối với chất say chất lên men và rượu mạnh. Này Upāli, đây là năm điều tội lỗi.

6. – Bạch ngài, có bao nhiêu sự kiêng cử?

– Này Upāli, đây là năm sự kiêng cử. Thế nào là năm? Sự kiêng cử việc giết hại mạng sống, sự kiêng cử việc lấy vật không được cho, sự kiêng cử việc làm sai trái trong các dục, sự kiêng cử việc nói dối, sự kiêng cử trường hợp dễ duôi đối với chất say chất lên men và rượu mạnh. Này Upāli, đây là năm sự kiêng cử.

7. – Bạch ngài, có bao nhiêu sự suy sụp?

– Này Upāli, đây là năm sự suy sụp. Thế nào là năm? Sự suy sụp về thân quyến, sự suy sụp về của cải, sự suy sụp vì bệnh hoạn, sự suy sụp về giới, sự suy sụp về kiến thức. Này Upāli, đây là năm sự suy sụp.

8. – Bạch ngài, có bao nhiêu sự thành tựu?

– Này Upāli, đây là năm sự thành tựu. Thế nào là năm? Sự thành tựu về thân quyến, sự thành tựu về của cải, sự thành tựu về không bệnh, sự thành tựu về giới, sự thành tựu về kiến thức. Này Upāli, đây là năm sự thành tựu.

Phẩm Nói Dối là thứ bảy.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

Nói dối, và sự áp chế, các điều khác, sự thẩm vấn, và tội vi phạm, các điều khác, tội lỗi, sự kiêng cữ, sự suy sụp, và luôn cả sự thành tựu, phần tổng hợp về phẩm thứ bảy.

--ooOoo--

8. PHẨM GIÁO GIỚI TỖ KHURU NI

1. – Bạch ngài, đích thân hội chúng tỳ khuru ni nên thực hiện hành sự đối với vị tỳ khuru có bao nhiêu yếu tố?

– Nay Upāli, đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố, đích thân hội chúng tỳ khuru ni nên thực hiện hành sự là hội chúng tỳ khuru ni không nên đánh lễ vị tỳ khuru ấy. Với năm (yếu tố) gì? Vị cời ra rồi cho các tỳ khuru ni thấy thân thể, cho thấy đùi, cho thấy chỗ kín, cho thấy cả hai vai, nói chuyện và cấu kết với người tại gia. Nay Upāli, đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này, đích thân hội chúng tỳ khuru ni nên thực hiện hành sự là hội chúng tỳ khuru ni không nên đánh lễ vị tỳ khuru ấy.

Này Upāli, đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa, đích thân hội chúng tỳ khuru ni nên thực hiện hành sự là hội chúng tỳ khuru ni không nên đánh lễ vị tỳ khuru ấy. Với năm (yếu tố) gì? Là vị ra sức làm cho các tỳ khuru ni không được lợi lộc, là vị ra sức làm cho các tỳ khuru ni không được lợi ích, là vị ra sức làm cho các tỳ khuru ni không được chỗ ở, là vị mắng nhiếc gièm pha các tỳ khuru ni, là vị chia rẽ các tỳ khuru với các tỳ khuru ni. Nay Upāli, đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này, đích thân hội chúng tỳ khuru ni nên thực hiện hành sự là hội chúng tỳ khuru ni không nên đánh lễ vị tỳ khuru ấy.

Này Upāli, đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa, đích thân hội chúng tỳ khuru ni nên thực hiện hành

sự là hội chúng tỳ khuru ni không nên đánh lễ vị tỳ khuru ấy. Với năm (yếu tố) gì? Là vị ra sức làm cho các tỳ khuru ni không được lợi lộc, là vị ra sức làm cho các tỳ khuru ni không được lợi ích, là vị ra sức làm cho các tỳ khuru ni không được chỗ ở, là vị mắng nhiếc gièm pha các tỳ khuru ni, là vị cấu kết các tỳ khuru với các tỳ khuru ni. Nay Upāli, đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này, đích thân hội chúng tỳ khuru ni nên thực hiện hành sự là hội chúng tỳ khuru ni không nên đánh lễ vị tỳ khuru ấy.

2. – Bạch ngài, hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khuru ni có bao nhiêu yếu tố?

– Nay Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khuru ni có năm yếu tố. Với năm (yếu tố) gì? – Vị ni cời ra rồi cho các tỳ khuru thấy thân thể, cho thấy đùi, cho thấy chỗ kín, cho thấy hai vai, nói chuyện và cấu kết với người tại gia. Nay Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khuru ni có năm yếu tố này.

Nay Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khuru ni có năm yếu tố khác nữa. Với năm (yếu tố) gì? Là vị ni ra sức làm cho các tỳ khuru không được lợi lộc, là vị ni ra sức làm cho các tỳ khuru không được lợi ích, là vị ni ra sức làm cho các tỳ khuru không được chỗ ở, là vị ni mắng nhiếc gièm pha các tỳ khuru, là vị ni chia rẽ các tỳ khuru ni với các tỳ khuru. Nay Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khuru ni có năm yếu tố này.

Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khuru ni có năm yếu tố khác nữa. Với năm (yếu tố) gì? Là vị ni ra sức làm cho các tỳ khuru không được lợi lộc, là vị ni ra sức làm cho các tỳ khuru không được lợi ích, là vị ni ra sức làm cho các tỳ khuru không được chỗ ở, là vị ni mắng nhiếc gièm pha các tỳ khuru, là vị ni cấu kết các tỳ khuru ni với các tỳ khuru. Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị tỳ khuru ni có năm yếu tố này.

3. – Bạch ngài, vị tỳ khuru có bao nhiêu yếu tố không nên đình chỉ sự giáo giới của các tỳ khuru ni?

– Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố không nên đình chỉ sự giáo giới của các tỳ khuru ni. Với năm (yếu tố) gì? Là vị vô liêm sỉ, là vị ngu dốt, và không trong sạch, là vị nói với ý định loại trừ, không với ý định giúp cho thoát tội. Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này không nên đình chỉ sự giáo giới của các tỳ khuru ni.

Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa không nên đình chỉ sự giáo giới của các tỳ khuru ni. Với năm (yếu tố) gì? Là vị có sở hành về thân không được trong sạch, có sở hành về khẩu không được trong sạch, có sự nuôi mạng không được trong sạch, là vị ngu dốt không kinh nghiệm, không có khả năng đối đáp lại trong khi bị thẩm vấn. Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này không nên đình chỉ sự giáo giới của các tỳ khuru ni.

Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa không nên đình chỉ sự giáo giới của các tỳ khuru ni. Với năm

(yếu tố) gì? Là vị có sở hành sai trái về thân, là vị có sở hành sai trái về khẩu, là vị có sở hành sai trái về thân và khẩu, là vị mắng nhiếc gièm pha các tỳ khuru ni, là vị sống thân cận với các tỳ khuru ni với sự chung đụng không thích hợp. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này không nên đình chỉ sự giáo giới của các tỳ khuru ni.

Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa không nên đình chỉ sự giáo giới của các tỳ khuru ni. Với năm (yếu tố) gì? Là vị vô liêm sỉ, là vị ngu dốt, không trong sạch, là vị thường gây ra các sự xung đột và gây ra các sự cãi vã, là vị không làm đầy đủ việc học tập. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này không nên đình chỉ sự giáo giới của các tỳ khuru ni.

4. – Bạch ngài, vị tỳ khuru có bao nhiêu yếu tố không nên nhận lãnh việc giáo giới các tỳ khuru ni?

– Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này không nên nhận lãnh việc giáo giới các tỳ khuru ni. Với năm (yếu tố) gì? Là vị có sở hành sai trái về thân, là vị có sở hành sai trái về khẩu, là vị có sở hành sai trái về thân và khẩu, là vị mắng nhiếc gièm pha các tỳ khuru ni, là vị sống thân cận với các tỳ khuru ni với sự chung đụng không thích hợp. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này không nên nhận lãnh việc giáo giới các tỳ khuru ni.

Này Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa không nên nhận lãnh việc giáo giới các tỳ khuru ni. Với năm (yếu tố) gì? Là vị vô liêm sỉ, là vị ngu dốt, không trong

sạch, là vị ra đi, hoặc là vị bị bệnh. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này không nên nhận lãnh việc giáo giới các tỳ khuru ni.

5. – Bạch ngài, không nên thảo luận với vị tỳ khuru có bao nhiêu yếu tố?

– Nay Upāli, không nên thảo luận với vị tỳ khuru có năm yếu tố. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không thành tựu vô học giới uẩn, là vị không thành tựu vô học định uẩn, là vị không thành tựu vô học tuệ uẩn, là vị không thành tựu vô học giải thoát uẩn, là vị không thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn. Nay Upāli, không nên thảo luận với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

Nay Upāli, nên thảo luận với vị tỳ khuru có năm yếu tố. Với năm (yếu tố) gì? Là vị thành tựu vô học giới uẩn, —nt— vô học định uẩn, —nt— tuệ uẩn, —nt— giải thoát uẩn, là vị thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn. Nay Upāli, nên thảo luận với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

Nay Upāli, không nên thảo luận với vị tỳ khuru có năm yếu tố. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không thành đạt sự phân tích về ý nghĩa, là vị không thành đạt sự phân tích về Pháp, là vị không thành đạt sự phân tích về ngôn từ, là vị không thành đạt sự phân tích về diễn giải, là vị không quán xét tâm theo sự giải thoát. Nay Upāli, không nên thảo luận với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

Này Upāli, nên thảo luận với vị tỳ khuru có năm yếu tố. Với năm (yếu tố) gì? Là vị thành đạt sự phân tích về ý nghĩa, là vị thành đạt sự phân tích về Pháp, là vị thành đạt sự phân tích về ngôn từ, là vị thành đạt sự phân tích về diễn giải, là vị quán xét tâm theo sự giải thoát. Này Upāli, nên thảo luận với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

Phẩm Giáo Giới Tỳ Khuru Ni là thứ tám.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

(Hành sự) nên được thực hiện bởi chính các tỳ khuru ni, với các phân khác, tương tự như thế có hai, ba hành sự của các tỳ khuru ni, không nên đình chỉ, có hai nhóm hai, không nên nhận lãnh, hai điều đã được đề cập đến, và có hai nhóm hai trong các việc thảo luận.

--ooOoo--

9. PHẨM ĐẠI BIỂU

1. – Bạch ngài, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khuru có bao nhiêu yếu tố?

– Nay Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khuru có năm yếu tố. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không khéo léo về ý nghĩa, là vị không khéo léo về Pháp, là vị không khéo léo về ngôn từ, là vị không khéo léo về từ vựng, là vị không khéo léo về việc trước và việc sau. Nay Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

Nay Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khuru có năm yếu tố. Với năm (yếu tố) gì? Là vị khéo léo về ý nghĩa, là vị khéo léo về Pháp, là vị khéo léo về ngôn từ, là vị khéo léo về từ vựng, là vị khéo léo về việc trước và việc sau. Nay Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

2. Nay Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa. Với năm (yếu tố) gì? Là vị cẩu kính (và) bị chế ngự bởi cẩu kính; là vị đạo đức giả (và) bị chế ngự bởi đạo đức giả; là vị dối trá (và) bị chế ngự bởi dối trá; là vị đố kỵ (và) bị chế ngự bởi đố kỵ; là vị chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó buông bỏ. Nay Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khuru có năm yếu tố. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không cấu kinh (và) không bị chế ngự bởi cấu kinh; là vị không đạo đức giả (và) không bị chế ngự bởi đạo đức giả; là vị không dối trá (và) không bị chế ngự bởi dối trá; là vị không đồ kỵ (và) không bị chế ngự bởi đồ kỵ; là vị không chấp thủ một cách lộ liễu, không ương ngạnh, dễ buông bỏ. Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

3. Này Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa. Với năm (yếu tố) gì? Là vị nóng nảy, hiểm độc, chống đối, tạo nên sự nóng giận, là vị không nhẫn nại không nghiêm chỉnh tiếp nhận sự giáo huấn. Này Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khuru có năm yếu tố. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không nóng nảy, không hiểm độc, không chống đối, không tạo nên sự nóng giận, là vị nhẫn nại nghiêm chỉnh tiếp nhận sự giáo huấn. Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

4. Này Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa. Với năm (yếu tố) gì? Là vị vọng động không ghi nhớ, là vị phát ngôn khi chưa thỉnh ý, là vị cáo tội không theo Pháp không theo Luật không đúng tội, là vị hành xử không theo Pháp không

theo Luật không đúng tội, là vị không trình bày theo kiến thức. Nay Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

Nay Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa. Với năm (yếu tố) gì? Là vị ránh ghi nhớ không vọng động, là vị phát ngôn khi đã thỉnh ý, là vị cáo tội theo Pháp theo Luật đúng tội, là vị hành xử theo Pháp theo Luật đúng tội, là vị trình bày theo kiến thức. Nay Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

5. Nay Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa. Với năm (yếu tố) gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi, và là vị vô liêm sỉ. Nay Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

Nay Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi, và là vị có liêm sỉ. Nay Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

6. Nay Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa. Với năm (yếu tố) gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si

mê, thiên vị vì sợ hãi, và là vị không khéo léo về Luật. Ngày Upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

Ngày Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi, và là vị khéo léo về Luật. Ngày Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

7. – Bạch ngài, vị tỳ khuru bị xem là ‘ngu dốt’ có bao nhiêu yếu tố?

– Ngày Upāli, vị tỳ khuru bị xem là ‘ngu dốt’ có năm yếu tố. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không biết về giới bốn, không biết về điều phù hợp với giới bốn, không biết về Luật, không biết về điều phù hợp với Luật, vị không khéo léo về việc thành lập (tội) hay không thành lập (tội). Ngày Upāli, vị tỳ khuru bị xem là ‘ngu dốt’ có năm yếu tố này.

Ngày Upāli, vị tỳ khuru được xem là ‘thông thái’ có năm yếu tố. Với năm (yếu tố) gì? Là vị biết về giới bốn, biết về điều phù hợp với giới bốn, biết về Luật, biết về điều phù hợp với Luật, vị khéo léo về việc thành lập (tội) hay không thành lập (tội). Ngày Upāli, vị tỳ khuru được xem là ‘thông thái’ có năm yếu tố này.

8. Nay Upāli, vị tỳ khuru bị xem là ‘ngu dốt’ có năm yếu tố khác nữa. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không biết về giới bốn, không biết về điều phù hợp với giới bốn, không biết về Luật, không biết về điều phù hợp với Luật, là vị không khéo léo về việc trước và việc sau. Nay Upāli, vị tỳ khuru bị xem là ‘ngu dốt’ có năm yếu tố này.

Nay Upāli, vị tỳ khuru được xem là ‘thông thái’ có năm yếu tố. Với năm (yếu tố) gì? Là vị biết về giới bốn, biết về điều phù hợp với giới bốn, biết về Luật, biết về điều phù hợp với Luật, là vị khéo léo về việc trước và việc sau. Nay Upāli, vị tỳ khuru được xem là ‘thông thái’ có năm yếu tố này.

9. Nay Upāli, vị tỳ khuru bị xem là ‘ngu dốt’ có năm yếu tố khác nữa. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không biết về sự việc, không biết về duyên khởi, không biết về điều quy định, không biết về thứ tự của chữ (trong câu), không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Nay Upāli, vị tỳ khuru bị xem là ‘ngu dốt’ có năm yếu tố này.

Nay Upāli, vị tỳ khuru được xem là ‘thông thái’ có năm yếu tố. Với năm (yếu tố) gì? Là vị biết về sự việc, biết về duyên khởi, biết về điều quy định, biết về thứ tự của chữ (trong câu), biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Nay Upāli, vị tỳ khuru được xem là ‘thông thái’ có năm yếu tố này.

10. Nay Upāli, vị tỳ khuru bị xem là ‘ngu dốt’ có năm yếu tố khác nữa. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không biết về tội, không biết về nguồn sanh tội, không biết về sự tiến hành của tội, không biết về cách giải quyết tội, không khéo léo trong việc phán quyết tội. Nay Upāli, vị tỳ khuru bị xem là ‘ngu dốt’ có năm yếu tố này.

Nay Upāli, vị tỳ khuru được xem là ‘thông thái’ có năm yếu tố. Với năm (yếu tố) gì? Là vị biết về tội, biết về nguồn sanh tội, biết về sự tiến hành của tội, biết về cách giải quyết tội, khéo léo trong việc phán quyết tội. Nay Upāli, vị tỳ khuru được xem là ‘thông thái’ có năm yếu tố này.

11. Nay Upāli, vị tỳ khuru bị xem là ‘ngu dốt’ có năm yếu tố khác nữa. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không biết về sự tranh tụng, không biết về nguồn sanh khởi của tranh tụng, không biết về cách tiến hành tranh tụng, không biết về cách giải quyết tranh tụng, không khéo léo trong việc phán quyết về tranh tụng. Nay Upāli, vị tỳ khuru bị xem là ‘ngu dốt’ có năm yếu tố này.

Nay Upāli, vị tỳ khuru được xem là ‘thông thái’ có năm yếu tố. Với năm (yếu tố) gì? Là vị biết về sự tranh tụng, biết về nguồn sanh khởi của tranh tụng, biết về cách tiến hành tranh tụng, biết về cách giải quyết tranh tụng, khéo léo trong việc phán quyết về tranh tụng. Nay Upāli, vị tỳ khuru được xem là ‘thông thái’ có năm yếu tố này.

Phẩm Đại Biểu là thứ chín.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

Và luôn cả vị không thiện xảo về ý nghĩa, là vị (thường) cáu kỉnh, có sự giận dữ, là vị vọng động, bị chi phối bởi ưa thích, và vị không thiện xảo là tương tự y như thế.

Về giới bốn, và về Pháp, về sự việc, về tội vi phạm, và về sự tranh tụng, hai phần cho mỗi cặp, tất cả đã được giảng giải, hãy hiểu rõ phần tối và phần sáng.

--ooOoo--

10. PHẨM GIẢI QUYẾT TRANH TỤNG

1. – Bạch ngài, vị tỳ khuru có bao nhiêu yếu tố là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng?

– Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không biết về tội, không biết về nguồn sanh tội, không biết về sự tiến hành của tội, không biết về cách giải quyết tội, không khéo léo trong việc phán quyết tội. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị biết về tội, biết về nguồn sanh tội, biết về sự tiến hành của tội, biết về cách giải quyết tội, khéo léo trong việc phán quyết tội. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

2. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không biết về sự tranh tụng, không biết về nguồn sanh khởi của tranh tụng, không biết về cách tiến hành tranh tụng, không biết về cách giải quyết tranh tụng, không khéo léo trong việc phán quyết về tranh tụng. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị biết về

sự tranh tụng, biết về nguồn sanh khởi của tranh tụng, biết về cách tiến hành tranh tụng, biết về cách giải quyết tranh tụng, khéo léo trong việc phán quyết về tranh tụng. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

3. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi, và là vị vô liêm sỉ. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi, và là vị có liêm sỉ. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

4. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi, và là vị nghe ít. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không

thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi, và là vị nghe nhiều. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

5. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không biết về sự việc, không biết về duyên khởi, không biết về điều quy định, không biết về thứ tự của chữ (trong câu), không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị biết về sự việc, biết về duyên khởi, biết về điều quy định, biết về thứ tự của chữ (trong câu), biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

6. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi, và là vị không khéo léo về Luật. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi, và là vị khéo

léo về Luật. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

7. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi, là vị tôn trọng cá nhân không tôn trọng hội chúng. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi, là vị tôn trọng hội chúng không tôn trọng cá nhân. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

8. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi, là vị tôn trọng tài vật không tôn trọng Chánh Pháp. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi, là vị tôn trọng

Chánh Pháp không tôn trọng tài vật. Nay Upāli, vị tỳ khuru có năm yếu tố này là xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

9. – Bạch ngài, hội chúng bị chia rẽ với bao nhiêu biểu hiện?

– Nay Upāli, hội chúng bị chia rẽ với năm biểu hiện. Với năm (biểu hiện) gì? Do hành sự, do sự đọc tụng (giới bốn), trong khi phát biểu, do lời tuyên bố, do cách phân phát thẻ biểu quyết. Nay Upāli, hội chúng bị chia rẽ với năm biểu hiện này.

10. – Bạch ngài, có điều nói rằng: ‘Sự bất đồng trong hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng.’ Bạch ngài, cho đến như thế nào được gọi là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng? Cho đến như thế nào được gọi là sự bất đồng trong hội chúng và là sự chia rẽ hội chúng?

– Nay Upāli, điều đã được ta quy định cho các tỳ khuru vắng lai là phạm sự của vị vắng lai. Nay Upāli, khi điều học đã khéo được quy định bởi ta như thế, các tỳ khuru vắng lai không thực hành các phạm sự của vị vắng lai; nay Upāli, như thế cũng là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Nay Upāli, điều đã được ta quy định cho các tỳ khuru thường trú là phạm sự của vị thường trú. Nay Upāli, khi điều học đã khéo được quy định bởi ta như thế, các tỳ khuru thường trú không thực hành các phạm sự của vị thường trú; nay

Upāli, như thế cũng là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, điều đã được ta quy định cho các tỳ khuru ở trong nhà ăn là phạm sự ở nhà ăn: chỗ ngồi hạng nhất, nước uống hạng nhất, thức ăn hạng nhất tùy theo thâm niên, tùy theo (số lượng) đêm, tùy theo sự chính đáng. Này Upāli, khi điều học đã khéo được quy định bởi ta như thế, các tỳ khuru mới tu chiếm chỗ ngồi của các tỳ khuru trưởng lão ở trong nhà ăn; này Upāli, như thế cũng là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Này Upāli, điều đã được ta quy định cho các tỳ khuru ở trong chỗ trú ngụ là phạm sự đối với chỗ trú ngụ: tùy theo thâm niên, tùy theo (số lượng) đêm, tùy theo sự chính đáng. Này Upāli, khi điều học đã khéo được quy định bởi ta như thế, các tỳ khuru mới tu chiếm chỗ trú ngụ của các tỳ khuru trưởng lão; này Upāli, như thế cũng là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Này Upāli, điều đã được ta quy định cho các tỳ khuru ở trong ranh giới là chung lễ *Uposatha*, chung lễ *Pavāraṇā*, chung hành sự của hội chúng, chung hành sự có tính tiếp diễn. Này Upāli, khi điều học đã khéo được quy định bởi ta như thế, ngay tại nơi ấy ở trong ranh giới, sau khi tách riêng rẽ, sau khi kết thành nhóm, rồi thực hiện lễ *Uposatha* riêng rẽ, thực hiện lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ, thực hiện hành sự của hội chúng riêng rẽ, thực hiện hành sự có tính tiếp diễn riêng rẽ; này Upāli, như thế cũng là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng.

Phẩm Giải Quyết Tranh Tụng là thứ mười.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

Tội vi phạm, sự tranh tụng, vì ưa thích, và với vị nghe ít, sự việc, và vị không khéo léo, cá nhân, và bằng tài vật, bị chia rẽ, sự bất đồng hội chúng, và sự chia rẽ hội chúng là tương tự y như thế.

--ooOoo--

11. PHẨM KÊ CHIA RẼ HỘI CHÚNG

1. – Bạch ngài, kẻ chia rẽ hội chúng có bao nhiêu yếu tố là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được?

– Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm (yếu tố) gì? Này Upāli, ở đây vị tỳ khuru tuyên bố phi Pháp là ‘*Pháp*,’ tuyên bố Pháp là: ‘*Phi Pháp*,’ tuyên bố phi Luật là: ‘*Luật*,’ tuyên bố Luật là: ‘*Phi Luật*,’ đã che giấu quan điểm bằng hành sự. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

2. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm (yếu tố) gì? Này Upāli, ở đây vị tỳ khuru tuyên bố phi Pháp là ‘*Pháp*,’ tuyên bố Pháp là: ‘*Phi Pháp*,’ tuyên bố phi Luật là: ‘*Luật*,’ tuyên bố Luật là: ‘*Phi Luật*,’ đã che giấu quan điểm bằng sự độc tụng (giới bốn). Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

3. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm (yếu tố)

gì? Nay Upāli, ở đây vị tỳ khuru tuyên bố phi Pháp là ‘*Pháp*,’ tuyên bố Pháp là: ‘*Phi Pháp*,’ tuyên bố phi Luật là: ‘*Luật*,’ tuyên bố Luật là: ‘*Phi Luật*,’ đã che giấu quan điểm trong khi phát biểu. Nay Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

4. Nay Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm (yếu tố) gì? Nay Upāli, ở đây vị tỳ khuru tuyên bố phi Pháp là ‘*Pháp*,’ tuyên bố Pháp là: ‘*Phi Pháp*,’ tuyên bố phi Luật là: ‘*Luật*,’ tuyên bố Luật là: ‘*Phi Luật*,’ đã che giấu quan điểm bằng lời tuyên bố. Nay Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

5. Nay Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm (yếu tố) gì? Nay Upāli, ở đây vị tỳ khuru tuyên bố phi Pháp là ‘*Pháp*,’ tuyên bố Pháp là: ‘*Phi Pháp*,’ tuyên bố phi Luật là: ‘*Luật*,’ tuyên bố Luật là: ‘*Phi Luật*,’ đã che giấu quan điểm bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Nay Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

6. Nay Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm (yếu tố) gì? Nay Upāli, ở đây vị tỳ khuru tuyên bố phi Pháp là ‘*Pháp*,’ tuyên bố Pháp là: ‘*Phi Pháp*,’ tuyên bố phi Luật là: ‘*Luật*,’ tuyên bố Luật là: ‘*Phi Luật*,’ đã che giấu điều chấp nhận bằng hành sự. —nt— đã che giấu điều chấp nhận bằng sự đọc tụng (giới bốn). —nt— đã che giấu điều chấp nhận trong khi phát biểu. —nt— đã che giấu điều chấp nhận bằng lời tuyên bố. —nt— đã che giấu điều chấp nhận bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Nay Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

7. Nay Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm (yếu tố) gì? Nay Upāli, ở đây vị tỳ khuru tuyên bố phi Pháp là ‘*Pháp*,’ tuyên bố Pháp là: ‘*Phi Pháp*,’ tuyên bố phi Luật là: ‘*Luật*,’ tuyên bố Luật là: ‘*Phi Luật*,’ đã che giấu điều ưa thích bằng hành sự. —nt— đã che giấu điều ưa thích bằng sự đọc tụng (giới bốn). —nt— đã che giấu điều ưa thích trong khi phát biểu. —nt— đã che giấu điều ưa thích bằng lời tuyên bố. —nt— đã che giấu điều ưa thích bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Nay Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

8. Nay Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm (yếu tố) gì? Nay Upāli, ở đây vị tỳ khuru tuyên bố phi Pháp là ‘*Pháp*,’ tuyên bố Pháp là: ‘*Phi Pháp*,’ tuyên bố phi Luật là: ‘*Luật*,’ tuyên bố Luật là: ‘*Phi Luật*,’ đã che giấu ý tưởng bằng hành sự. —nt— đã che giấu ý tưởng bằng sự đọc tụng (giới bốn). —nt— đã che giấu ý tưởng trong khi phát biểu. —nt— đã che giấu ý tưởng bằng lời tuyên bố. —nt— đã che giấu ý tưởng bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Nay Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

Phẩm Kẻ Chia Rẽ Hội Chúng là thứ mười một.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

Sau khi che giấu quan điểm bằng hành sự, với sự đọc tụng, và bằng lời phát biểu, với lời tuyên bố, bằng thẻ, năm cách này phụ thuộc vào quan điểm, điều chấp nhận, sự khao khát, và ý tưởng, ba phương hướng ấy là có năm phần.

--ooOoo--

12. PHẨM THỨ NHÌ VỀ KẺ CHIA RẼ HỘI CHÚNG

1. – Bạch ngài, kẻ chia rẽ hội chúng có bao nhiêu yếu tố là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được?

– Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm (yếu tố) gì? Này Upāli, ở đây vị tỳ khuru tuyên bố phi Pháp là ‘*Pháp*,’ tuyên bố Pháp là: ‘*Phi Pháp*,’ tuyên bố phi Luật là: ‘*Luật*,’ tuyên bố Luật là: ‘*Phi Luật*,’ đã không che giấu quan điểm bằng hành sự. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

2. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm (yếu tố) gì? Này Upāli, ở đây vị tỳ khuru tuyên bố phi Pháp là ‘*Pháp*,’ tuyên bố Pháp là: ‘*Phi Pháp*,’ tuyên bố phi Luật là: ‘*Luật*,’ tuyên bố Luật là: ‘*Phi Luật*,’ đã không che giấu quan điểm bằng sự đọc tụng (giới bốn). Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này

là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

3. Nay Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm (yếu tố) gì? Nay Upāli, ở đây vị tỳ khuru tuyên bố phi Pháp là ‘*Pháp*,’ tuyên bố Pháp là: ‘*Phi Pháp*,’ tuyên bố phi Luật là: ‘*Luật*,’ tuyên bố Luật là: ‘*Phi Luật*,’ đã không che giấu quan điểm trong khi phát biểu. Nay Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

4. Nay Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm (yếu tố) gì? Nay Upāli, ở đây vị tỳ khuru tuyên bố phi Pháp là ‘*Pháp*,’ tuyên bố Pháp là: ‘*Phi Pháp*,’ tuyên bố phi Luật là: ‘*Luật*,’ tuyên bố Luật là: ‘*Phi Luật*,’ đã không che giấu quan điểm bằng lời tuyên bố. Nay Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

5. Nay Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác

được. Với năm (yếu tố) gì? Này Upāli, ở đây vị tỳ khuru tuyên bố phi Pháp là ‘*Pháp*,’ tuyên bố Pháp là: ‘*Phi Pháp*,’ tuyên bố phi Luật là: ‘*Luật*,’ tuyên bố Luật là: ‘*Phi Luật*,’ đã không che giấu quan điểm bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

6. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm (yếu tố) gì? Này Upāli, ở đây vị tỳ khuru tuyên bố phi Pháp là ‘*Pháp*,’ tuyên bố Pháp là: ‘*Phi Pháp*,’ tuyên bố phi Luật là: ‘*Luật*,’ tuyên bố Luật là: ‘*Phi Luật*,’ đã không che giấu điều chấp nhận bằng hành sự. —nt— đã không che giấu điều chấp nhận bằng sự đọc tụng (giới bốn). —nt— đã không che giấu điều chấp nhận trong khi phát biểu. —nt— đã không che giấu điều chấp nhận bằng lời tuyên bố. —nt— đã không che giấu điều chấp nhận bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

7. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác

được. Với năm (yếu tố) gì? Này Upāli, ở đây vị tỳ khuru tuyên bố phi Pháp là ‘*Pháp*,’ tuyên bố Pháp là: ‘*Phi Pháp*,’ tuyên bố phi Luật là: ‘*Luật*,’ tuyên bố Luật là: ‘*Phi Luật*,’ đã không che giấu điều ưa thích bằng hành sự. —nt— đã không che giấu điều ưa thích bằng sự đọc tụng (giới bốn). —nt— đã không che giấu điều ưa thích trong khi phát biểu. —nt— đã không che giấu điều ưa thích bằng lời tuyên bố. —nt— đã không che giấu điều ưa thích bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

8. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm (yếu tố) gì?

Này Upāli, ở đây vị tỳ khuru tuyên bố phi Pháp là ‘*Pháp*,’ tuyên bố Pháp là: ‘*Phi Pháp*,’ tuyên bố phi Luật là: ‘*Luật*,’ tuyên bố Luật là: ‘*Phi Luật*,’ đã không che giấu ý tưởng bằng hành sự. —nt— đã không che giấu ý tưởng bằng sự đọc tụng (giới bốn). —nt— đã không che giấu ý tưởng trong khi phát biểu. —nt— đã không che giấu ý tưởng bằng lời tuyên bố. —nt— đã không che giấu ý tưởng bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ không phải

chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

Phẩm thứ nhì về Kẻ Chia Rẽ Hội Chúng là thứ mười hai.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

Sau khi che giấu quan điểm bằng hành sự, với sự độc tụng, và bằng lời phát biểu, với lời tuyên bố, bằng thế, năm cách này phụ thuộc vào quan điểm.

Còn điều chấp nhận, sự khao khát, và ý tưởng, ba đường hướng ấy là có năm phần. Giống như hai mươi phương thức tương đương này ở phần tối bên dưới, tương tự như thế ấy hãy hiểu rõ về hai mươi sự tương đương ở phần sáng.

--ooOoo--

13. PHẨM VỊ THƯỜNG TRÚ

1. – Bạch ngài, vị tỳ khuru thường trú có bao nhiêu yếu tố bị đọa vào địa ngục như thế tương ứng với việc đã làm?

– Nay Upāli, vị tỳ khuru thường trú có năm yếu tố bị đọa vào địa ngục như thế tương ứng với việc đã làm. Với năm (yếu tố) gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi, vị sử dụng vật thuộc về hội chúng như là vật dụng thuộc về cá nhân. Nay Upāli, vị tỳ khuru thường trú có năm yếu tố này bị đọa vào địa ngục như thế tương ứng với việc đã làm.

2. Nay Upāli, vị tỳ khuru thường trú có năm yếu tố được sanh vào cõi trời như thế tương ứng với việc đã làm. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi, vị không sử dụng vật thuộc về hội chúng như là vật dụng thuộc về cá nhân. Nay Upāli, vị tỳ khuru thường trú có năm yếu tố này được sanh vào cõi trời như thế tương ứng với việc đã làm.

3. – Bạch ngài, có bao nhiêu cách giải thích Luật sai Pháp? – Nay Upāli, đây là năm cách giải thích Luật sai Pháp. Thế nào là năm? Nay Upāli, ở đây vị tỳ khuru thuyết phục rằng phi Pháp là ‘*Pháp*,’ thuyết phục rằng Pháp là: ‘*Phi Pháp*,’ thuyết phục rằng phi Luật là: ‘*Luật*,’ thuyết phục rằng Luật là: ‘*Phi Luật*,’ vị quy định điều

chưa được quy định và hủy bỏ điều đã được quy định. Nay Upāli, đây là năm cách giải thích Luật sai Pháp.

4. Nay Upāli, đây là năm cách giải thích Luật đúng Pháp. Thế nào là năm? Nay Upāli, ở đây vị tỳ khuru thuyết phục rằng phi Pháp là ‘*Phi Pháp*,’ thuyết phục rằng Pháp là: ‘*Pháp*,’ thuyết phục rằng phi Luật là: ‘*Phi Luật*,’ thuyết phục rằng Luật là: ‘*Luật*,’ vị không quy định điều chưa được quy định và không hủy bỏ điều đã được quy định. Nay Upāli, đây là năm cách giải thích Luật đúng Pháp.

5. – Bạch ngài, vị sắp xếp bữa ăn có bao nhiêu yếu tố bị đọa vào địa ngục như thế tương ứng với việc đã làm?

– Nay Upāli, vị sắp xếp bữa ăn có năm yếu tố bị đọa vào địa ngục như thế tương ứng với việc đã làm. Với năm (yếu tố) gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi, là vị không biết (bữa ăn) đã được sắp xếp hay chưa được sắp xếp. Nay Upāli, vị sắp xếp bữa ăn có năm yếu tố này bị đọa vào địa ngục như thế tương ứng với việc đã làm.

6. Nay Upāli, vị sắp xếp bữa ăn có năm yếu tố được sanh vào cõi trời như thế tương ứng với việc đã làm. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi, là vị biết (bữa ăn) đã được sắp xếp hay chưa được sắp xếp. Nay Upāli, vị sắp xếp bữa ăn có năm yếu

tố này được sanh vào cõi trời như thế tương ứng với việc đã làm.

7. Nay Upāli, vị phân bố chỗ trú ngụ —nt— vị giữ kho đồ đạc—nt— vị tiếp nhận y —nt— vị phân chia y —nt— vị phân chia cháo —nt— vị phân chia trái cây —nt— vị phân chia thức ăn khô —nt— vị phân chia vật linh tinh —nt— vị tiếp nhận y khoác ngoài, —nt— vị tiếp nhận bình bát, —nt— vị quản trị các người phụ việc chùa, —nt— vị quản trị các sa di có bao nhiêu yếu tố bị đọa vào địa ngục tương ứng với việc đã làm như thế?

Này Upāli, vị quản trị các sa di có năm yếu tố bị đọa vào địa ngục như thế tương ứng với việc đã làm. Với năm (yếu tố) gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi, là vị không biết điều cần quản trị và điều không cần quản trị. Nay Upāli, vị quản trị các sa di có năm yếu tố này bị đọa vào địa ngục như thế tương ứng với việc đã làm.

8. Nay Upāli, vị quản trị các sa di có năm yếu tố được sanh vào cõi trời như thế tương ứng với việc đã làm. Với năm (yếu tố) gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi, là vị biết điều cần quản trị và điều không cần quản trị. Nay Upāli, vị quản trị các sa di có năm yếu tố này được sanh vào cõi trời như thế tương ứng với việc đã làm.

Phẩm Vị Thường Trú là thứ mười ba.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

Vị (tỳ khưu) thường trú, các điều giải thích, sắp xếp bữa ăn, và chỗ ngủ, đồ đạc, việc tiếp nhận y, và vị phân chia y.

Cháo, trái cây, vật thực khô, và vật linh tinh, vị tiếp nhận tấm choàng, bình bát, và luôn cả người phụ việc chùa, với sa di, và vị quản trị.

--ooOoo--

14. PHẨM THÀNH TỰU KATTHINA

1. – Bạch ngài, có bao nhiêu điều thuận lợi trong việc thành tựu *Katthina*?

– Nay Upāli, đây là năm điều thuận lợi trong việc thành tựu *Katthina*. Thế nào là năm? Việc ra đi không phải báo, việc ra đi không mang theo (đủ cả ba y), sự thọ thực thành nhóm, (sử dụng được nhiều) y theo như nhu cầu, sự phát sanh về y tại nơi ấy sẽ là của các vị ấy. Nay Upāli, đây là năm điều thuận lợi trong việc thành tựu *Katthina*.

2. – Bạch ngài, có bao nhiêu điều bất lợi của vị có niệm bị xao lãng, không có sự giác tỉnh, và rơi vào giấc ngủ?

– Nay Upāli, đây là năm điều bất lợi của vị có niệm bị xao lãng, không có sự giác tỉnh, và rơi vào giấc ngủ. Thế nào là năm? Vị (ấy) ngủ khổ sở, thức dậy khổ sở, thấy mộng điều ác xấu, chư thiên không hộ trì, tinh dịch bị xuất ra. Nay Upāli, đây là năm điều bất lợi của vị có niệm bị xao lãng, không có sự giác tỉnh, và rơi vào giấc ngủ.

Nay Upāli, đây là năm điều lợi ích của vị có niệm đã được thiết lập, có sự giác tỉnh, và rơi vào giấc ngủ. Thế nào là năm? Vị (ấy) ngủ an lạc, thức dậy an lạc, không thấy mộng điều ác xấu, chư thiên hộ trì, tinh dịch không bị xuất ra. Nay Upāli, đây là năm điều lợi ích của vị có

niệm đã được thiết lập, có sự giác tỉnh, và rơi vào giấc ngủ.

3. – Bạch ngài, có bao nhiêu hạng người không nên được đánh lễ?

– Nay Upāli, đây là năm hạng người không nên được đánh lễ. Thế nào là năm? Vị đã đi vào trong xóm nhà không nên được đánh lễ, vị đi ở đường lộ không nên được đánh lễ, vị ở trong bóng tối không nên được đánh lễ, vị không chú ý đến (sự đánh lễ) không nên được đánh lễ, vị đã ngủ không nên được đánh lễ. Nay Upāli, năm hạng người này không nên được đánh lễ.

4. Nay Upāli, đây là năm hạng người khác nữa không nên được đánh lễ. Thế nào là năm? Khi húp cháo không nên được đánh lễ, ở trong nhà ăn không nên được đánh lễ, vị tách riêng một mình (do oán giận) không nên được đánh lễ, vị chú ý vào việc khác không nên được đánh lễ, vị lỏa thể không nên được đánh lễ. Nay Upāli, năm hạng người này không nên được đánh lễ.

5. Nay Upāli, đây là năm hạng người khác nữa không nên được đánh lễ. Thế nào là năm? Vị đang nhai (vật thực cứng) không nên được đánh lễ, vị đang ăn (vật thực mềm) không nên được đánh lễ, vị đang đại tiện không nên được đánh lễ, vị đang tiểu tiện không nên được đánh lễ, vị bị án treo không nên được đánh lễ. Nay Upāli, năm hạng người này không nên được đánh lễ.

6. Nay Upāli, đây là năm hạng người khác nữa không nên được đánh lễ. Thế nào là năm? Vị tu lên bậc trên sau không nên được đánh lễ bởi vị tu lên bậc trên trước, vị chưa tu lên bậc trên không nên được đánh lễ, vị không đồng cộng trú thâm niên hơn nói sai Pháp không nên được đánh lễ, người nữ không nên được đánh lễ, người vô căn không nên được đánh lễ. Nay Upāli, năm hạng người này không nên được đánh lễ.

7. Nay Upāli, đây là năm hạng người khác nữa không nên được đánh lễ. Thế nào là năm? Vị thực hành hình phạt *parivāsa* không nên được đánh lễ, vị xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu không nên được đánh lễ, vị xứng đáng hình phạt *mānatta* không nên được đánh lễ, vị thực hành hình phạt *mānatta* không nên được đánh lễ, vị xứng đáng sự giải tội không nên được đánh lễ. Nay Upāli, năm hạng người này không nên được đánh lễ.

8. – Bạch ngài, có bao nhiêu hạng người nên được đánh lễ?

– Nay Upāli, đây là năm hạng người nên được đánh lễ. Thế nào là năm? Vị tu lên bậc trên trước nên được đánh lễ bởi vị tu lên bậc trên sau, vị không đồng cộng trú thâm niên hơn nói đúng Pháp nên được đánh lễ, thầy dạy học nên được đánh lễ, thầy tế độ nên được đánh lễ, trong thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma Vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên, và loài người, đức Như Lai bậc A-la-hán Chánh

Đẳng Giác nên được đánh lễ. Nay Upāli, năm hạng người này nên được đánh lễ.

9. – Bạch ngài, vị tỳ khuru mới tu sau trong khi đánh lễ ở chân của vị tỳ khuru thâm niên hơn nên thiết lập ở nội tâm bao nhiêu pháp rồi mới nên đánh lễ ở hai chân?

– Nay Upāli, vị tỳ khuru mới tu sau trong khi đánh lễ ở chân của vị tỳ khuru thâm niên hơn nên thiết lập ở nội tâm năm pháp rồi mới nên đánh lễ ở hai chân. Thế nào là năm? Nay Upāli, vị tỳ khuru mới tu sau trong khi đánh lễ ở chân của vị tỳ khuru thâm niên hơn nên đắp thượng y một bên vai, chấp tay lên, chà sát khắp hai chân với hai lòng bàn tay, sau khi an trú với sự quý mến và kính trọng, rồi mới nên đánh lễ ở hai chân. Nay Upāli, vị tỳ khuru mới tu sau trong khi đánh lễ ở chân của vị tỳ khuru thâm niên hơn nên thiết lập ở nội tâm năm pháp này rồi mới nên đánh lễ ở hai chân.

Phẩm Thành Tựu *Kaṭṭhina* là thứ mười bốn.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

Sự thành tựu Kaṭṭhina, và giấc ngủ, khoảng giữa (đường), (húp) cháo, khi (đang) nhai, vị tu trước, vị thực hành parivāsa, vị đáng được đánh lễ, liên quan đến việc nên đánh lễ.

Dứt Nhóm Năm về Upāli.

TÓM LƯỢC CÁC PHẨM NÀY:

Không nương nhờ, và hành sự, lời phát biểu, và với sự trình bày, sự cáo tội, và các pháp từ khước, dối trá, và luôn cả tỳ khuru ni.

Đại biểu, sự tranh tụng, kẻ chia rẽ (hội chúng), điều thứ năm ở trước, vị thường trú, và lễ Kaṭ hīna, mười bốn phần đã khéo được giải thích.

--ooOoo--

NGUỒN SANH KHỞI

Có loại tội vị vi phạm không có ý thức, thoát tội có ý thức.¹ Có loại tội vị vi phạm có ý thức, thoát tội không có ý thức.² Có loại tội vị vi phạm không có ý thức, thoát tội không có ý thức. Có loại tội vị vi phạm có ý thức, thoát tội có ý thức. Có loại tội vị vi phạm với tâm thiện, thoát tội với tâm thiện.³ Có loại tội vị vi phạm với tâm thiện, thoát tội với tâm bất thiện.⁴ Có loại tội vị vi phạm với tâm thiện, thoát tội với tâm vô ký.⁵ Có loại tội vị vi phạm với tâm bất thiện, thoát tội với tâm thiện. Có loại tội vị vi phạm với tâm bất thiện, thoát tội với tâm bất thiện. Có loại tội vị vi phạm với tâm bất thiện, thoát tội với tâm vô

¹ Vi phạm không có ý thức, thoát tội có ý thức: Vi phạm không có sự cố ý gọi là vi phạm không có ý thức, còn trong khi sám hối là thoát tội có ý thức (*VinA. vii*, 1380).

² Vi phạm có ý thức, thoát tội không có ý thức: Vi phạm có ý thức là có sự cố ý trong khi vi phạm, còn thoát tội không có ý thức là thoát tội do cách dùng cớ che lấp (*Sdd.*).

³ Vi phạm với tâm thiện, thoát tội với tâm thiện: Vị nghĩ rằng: ‘Ta sẽ bố thí Pháp’ rồi dạy người chưa tu lên bậc trên đạo Pháp theo từng câu là vi phạm tội với tâm thiện. Rồi trong lúc sám hối có tâm hướng thượng nghĩ rằng: ‘Ta đang hành theo lời đức Phật dạy’ là thoát tội với tâm thiện (*Sdd.*).

⁴ Thoát tội với tâm bất thiện: là có trạng thái bức bội khi sám hối (*Sdd.*).

⁵ Thoát tội với tâm vô ký: Trường hợp sám hối trong khi bị ngái ngủ là thoát tội với tâm vô ký (*Sdd.*).

ký. Có loại tội vị vi phạm với tâm vô ký,¹ thoát tội với tâm thiện. Có loại tội vị vi phạm với tâm vô ký, thoát tội với tâm bất thiện. Có loại tội vị vi phạm với tâm vô ký, thoát tội với tâm vô ký.

Tội *pārājika* thứ nhất sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? – Tội *pārājika* thứ nhất sanh lên với một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

Tội *pārājika* thứ nhì sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? – Tội *pārājika* thứ nhì sanh lên với ba nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

Tội *pārājika* thứ ba sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? – Tội *pārājika* thứ ba sanh lên với ba nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

Tội *pārājika* thứ tư sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? – Tội *pārājika* thứ tư sanh lên với ba nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

¹ Vi phạm với tâm vô ký: ví dụ như trường hợp bị gái ngủ rồi vi phạm việc nằm chung chỗ ngủ với người nữ (*Sāḍḍ.*).

Dứt bốn tội *pārājika*.

1. Tội *saṅ ghādisesa* đến vị gắng sức và làm xuất ra tinh dịch sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? – Tội *saṅ ghādisesa* đến vị gắng sức và làm xuất ra tinh dịch sanh lên với một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

2. Tội *saṅ ghādisesa* đến vị thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? – Tội *saṅ ghādisesa* đến vị thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ sanh lên với một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

3. Tội *saṅ ghādisesa* đến vị nói với người nữ bằng những lời dâm dật sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? – Tội *saṅ ghādisesa* đến vị nói với người nữ bằng những lời dâm dật sanh lên với ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

4. Tội *saṅ ghādisesa* đến vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? – Tội *saṅ ghādisesa* đến vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người người nữ sanh lên với ba nguồn sanh tội: —nt—

5. Tội *saṅ ghādisesa* đến vị tiến hành việc mai mối sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? – Tội

saṅ ghādisesa đến vị tiến hành việc mai mối sanh lên với sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

6. Tội *saṅ ghādisesa* đến vị bảo xây dựng cốc liêu do tự mình xin (vật liệu) sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? – Tội *saṅ ghādisesa* đến vị bảo xây dựng cốc liêu do tự mình xin (vật liệu) sanh lên với sáu nguồn sanh tội: —nt—

7. Tội *saṅ ghādisesa* đến vị bảo xây dựng trú xá lớn sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? – Tội *saṅ ghādisesa* đến vị bảo xây dựng trú xá lớn sanh lên với sáu nguồn sanh tội: —nt—

8. Tội *saṅ ghādisesa* đến vị bôi nhọ vị tỳ khuru về tội *pārājika* không có nguyên cớ sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? – Tội *saṅ ghādisesa* đến vị bôi nhọ vị tỳ khuru về tội *pārājika* không có nguyên cớ sanh lên với ba nguồn sanh tội: —nt—

9. Tội *saṅ ghādisesa* đến vị nắm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhất thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi bôi nhọ vị tỳ khuru về tội *pārājika* sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? – Tội *saṅ ghādisesa* đến vị nắm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhất thuộc về cuộc tranh tụng

có quan hệ khác biệt rồi bôi nhọ vị tỳ khuru về tội *pārājika* sanh lên với ba nguồn sanh tội: —nt—

10. Tội *saṇ ghādisesa* đến vị tỳ khuru là người chia rẽ hội chúng không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? – Tội *saṇ ghādisesa* đến vị tỳ khuru là người chia rẽ hội chúng không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

11. Tội *saṇ ghādisesa* đến các vị tỳ khuru là những kẻ xu hướng theo việc chia rẽ (hội chúng) không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? – Tội *saṇ ghādisesa* đến các vị tỳ khuru là những kẻ xu hướng theo việc chia rẽ (hội chúng) không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

12. Tội *saṇ ghādisesa* đến vị tỳ khuru khó dạy không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? – Tội *saṇ ghādisesa* đến vị tỳ khuru khó dạy không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

13. Tội *saṇ ghādisesa* đến vị tỳ khuru là người làm hư hỏng các gia đình không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? –

Tội *saṇ ghādisesa* đến vị tỳ khưu là người làm hư hỏng các gia đình không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

Dứt mười ba tội *saṇ ghādisesa*.

—nt—

Tội *dukkat* a đến vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? – Tội *dukkat* a đến vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng sanh lên với một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

Dứt các tội *sekhiya*.

1. Bốn tội *pārājika* sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? – Bốn tội *pārājika* sanh lên với ba nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

2. Mười ba tội *saṅghādisesa* sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? – Mười ba tội *saṅghādisesa* sanh lên với sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

3. Hai tội *aniyata* sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? – Hai tội *aniyata* sanh lên với ba nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

4. Ba mươi tội *nissaggiya pācittiya* sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? – Ba mươi tội *nissaggiya pācittiya* sanh lên với sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

5. Chín mươi hai tội *pācittiya* sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? – Chín mươi hai tội *pācittiya* sanh lên với sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

6. Bốn tội *pāṭ idesanīya* sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? – Bốn tội *pāṭ idesanīya* sanh lên với bốn nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

7. Bảy mươi lăm tội *sekhiya* sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? – Bảy mươi lăm tội *sekhiya* sanh lên với ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

Dứt Chương Nguồn Sanh Khởi.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

Vô ý thức, và luôn cả (tâm) thiện, và nguồn sanh khởi trong mọi trường hợp, hãy biết rõ về nguồn sanh khởi theo đúng Pháp có phương thức.

--ooOoo--

SUU TẬP VỀ CÁC BÀI KỆ - PHẦN HAI¹

1. Bao nhiêu tội đã được làm do thân? Bao nhiêu đã được làm do khẩu? Bao nhiêu tội của vị đang che giấu? Bao nhiêu là do duyên xúc chạm?

2. – Sáu loại tội do thân. Sáu đã được làm do khẩu.² Ba tội của vị đang che giấu.³ Năm là do duyên xúc chạm.⁴

¹ Các câu trả lời ở Chánh Tạng chỉ được ghi ngắn gọn nên cần phải xem lời giải thích của ngài Buddhaghosa. Nguồn trích dẫn cho các lời giải thích của Ngài được cung cấp một phần do I. B. Horner, dịch giả bản Anh ngữ, còn một phần là sự đóng góp của người dịch.

² Tội vi phạm do thân: là tội sanh lên với nguồn sanh tội thứ tư là do thân và do ý, không do khẩu. Tội vi phạm do khẩu: là tội sanh lên với nguồn sanh tội thứ năm là sanh lên do khẩu và do ý, không do thân (*Sđd.*). Xem chi tiết ở *Parivāra* - Tập Yếu tập 1, TTPV tập 08, trang 331; TTVN tập 08, trang 294.

³ Ba loại tội của vị đang che giấu: là tội *pārājika* thứ nhì đến vị tỳ khuru ni che giấu tội lỗi (của tỳ khuru ni khác), tội *pācittiya* 64 đến vị tỳ khuru che giấu tội xấu xa (của tỳ khuru khác), và tội *dukkaṭa* đến vị che giấu tội xấu xa của bản thân (*VinA. vii*, 1380).

⁴ Năm tội do duyên xúc chạm: là tội *pārājika* thứ nhất của tỳ khuru ni, về phần của tỳ khuru là tội *saṅghādisesa* thứ nhì do việc xúc chạm thân thể, tội *thullaccaya* do việc thân chạm vào vật được gắn liền với thân, tội *dukkaṭa* do vật được ném ra chạm vào vật được gắn liền với thân, và tội *pācittiya* 52 do việc thọc lét bằng ngón tay (*VinA. vii*, 1380-1382).

3. Vào lúc rạng đông bao nhiêu tội? Bao nhiêu là đến lần thứ ba? Ở đây bao nhiêu tội liên quan đến tám việc? Sự tổng hợp về tất cả là với bao nhiêu?

4. – Vào lúc rạng đông ba loại tội.¹ Hai tội đến lần thứ ba.² Ở đây có một loại liên quan đến tám việc.³ Sự tổng hợp về tất cả là với một điều.⁴

5. Đối với Luật, có bao nhiêu căn nguyên đã được quy định bởi đức Phật? Tội nghiêm trọng ở Luật đã được nói đến là bao nhiêu? Sự che giấu về tội phạm xấu xa có bao nhiêu?

6. – Đối với Luật, có hai căn nguyên¹ đã được quy định bởi đức Phật. Luật. Hai loại tội nghiêm trọng ở Luật đã được nói đến.² Hai sự che giấu về tội phạm xấu xa.³

¹ Rạng đông ba loại tội: là các tội *nissaggiya pācittiya* do cất giữ các loại vật dụng vượt quá 1 đêm, 6 đêm, 7 ngày, 10 ngày, 1 tháng, tội *saṅghādisesa* 3 cho tỳ khuru ni cư ngụ riêng rẽ qua đêm, và tội *dukkaṭa* do che giấu tội (*VinA. vii*, 1381).

² Hai tội đến lần thứ ba: là loại tội vi phạm do việc không dứt bỏ khi được nhắc nhở đến lần thứ ba áp dụng cho hai hạng tỳ khuru và tỳ khuru ni nên được tính là hai (*Sđđ.*).

³ Một loại liên quan đến tám việc: là tội *pārājika* thứ tư đến vị tỳ khuru ni làm đầy đủ tám sự việc (*Sđđ.*).

⁴ Sự tổng hợp về tất cả là với một điều: Phần mở đầu của việc đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* có đoạn: ‘*yassa siyā āpatti, so āvikareyya*’ nghĩa là ‘nếu vị nào có phạm tội, vị ấy nên bày tỏ’ (TTPV tập 04, chương II, trang 251; TTVN tập 04, trang 198). Với một lời đọc tụng này là sự tổng hợp về tất cả các điều học và toàn bộ giới bốn *Pātimokkha* (*VinA. vii*, 1381).

7. Bao nhiêu tội ở trong làng? Bao nhiêu do duyên vượt sông? Bao nhiêu tội *thullaccaya* về các loại thịt? Bao nhiêu tội *dukkaṭ a* về các loại thịt?

8. – Bốn loại tội trong làng.⁴ Bốn loại do duyên vượt sông.⁵ Tội *thullaccaya* về một loại thịt. Tội *dukkaṭ a* về chín loại thịt.⁶

9. Ban đêm, bao nhiêu tội có liên quan đến khẩu? Ban ngày bao nhiêu tội có liên quan đến khẩu? Trong khi cho có bao nhiêu loại tội? Bao nhiêu trong khi thọ nhận?

¹ Đối với Luật, có hai căn nguyên: là thân và khẩu (Sđd.).

² Hai loại tội nghiêm trọng: là tội *pārājika* và tội *saṅghādisesa* (Sđd.).

³ Tội phạm xấu xa có hai sự che giấu: Vị tỳ khuru ni che giấu tội *pārājika* của vị tỳ khuru ni khác thì phạm tội *pārājika* thứ nhì, vị tỳ khuru che giấu tội *saṅghādisesa* của vị tỳ khuru khác thì phạm tội *pācittiya* 64 (Sđd.).

⁴ Bốn loại tội trong làng: Tỳ khuru hẹn với tỳ khuru ni hoặc với người nữ đi đường xa phạm *dukkaṭ a*, khi bước vào vùng phụ cận của ngôi làng khác thì phạm tội *pācittiya* (xem điều học *pācittiya* 27, 67), vị tỳ khuru ni đi vào làng một mình có liên quan đến hai tội là tội *thullaccaya* và tội *saṅghādisesa* (xem điều học *saṅghādisesa* 3 của tỳ khuru ni).

⁵ Bốn loại tội do duyên vượt sông: Tỳ khuru hẹn với tỳ khuru ni đi chung thuyền phạm *dukkaṭ a* (điều *pācittiya* 28), rồi lên chung thuyền thì phạm tội *pācittiya*, vị tỳ khuru ni vượt sang sông một mình có liên quan đến hai tội là *thullaccaya* và tội *saṅghādisesa* (điều *saṅghādisesa* 3 của tỳ khuru ni).

⁶ Tội liên quan đến mười loại thịt: Tội *thullaccaya* đến vị thọ dụng thịt người, tội *dukkaṭ a* đối với vị thọ dụng chín loại thịt không được phép còn lại (*Mahāvagga* – Đại Phẩm tập 2, TTPV tập 05, chương VI, các trang 39-43; TTVN tập 05, từ trang 33).

10. – Ban đêm, có hai tội liên quan đến khẩu.¹ Ban ngày có hai tội liên quan đến khẩu.² Trong khi cho có ba tội.³ Và bốn tội về việc thọ nhận.⁴

11. Có bao nhiêu tội đưa đến việc sám hối? Bao nhiêu tội đã làm có sự sửa chữa được? Ở đây, bao nhiêu tội không có sự sửa chữa đã được nói lên bởi đức Phật, vị thân quyến mặt trời?

12. – Có năm loại tội đưa đến việc sám hối.¹ Sáu loại tội đã làm có sự sửa chữa được.² Ở đây, một loại tội không có sự

¹ Ban đêm, có hai tội liên quan đến khẩu: Vị tỳ khuru ni đứng chuyện trò với người nam trong bóng tối không đèn trong khoảng cách của tầm tay thì phạm tội *pācittiya* 11, trường hợp ở ngoài tầm tay thì phạm tội *dukkaṭa* a (VinA. vii, 1381-1382).

² Ban ngày có hai tội liên quan đến khẩu: Vào ban ngày vị tỳ khuru ni đứng chuyện trò với người nam ở chỗ được che khuất trong khoảng cách của tầm tay thì phạm tội *pācittiya* 12, ngoài tầm tay phạm tội *dukkaṭa* a (Sđđ. 1382).

³ Trong khi cho có ba tội: Vị tỳ khuru cho thuốc độc và đã hại chết người thì phạm tội *pārājika*, hại chết dạ-xoa và phi nhân thì phạm tội *thullaccaya*, hại chết thú vật thì phạm tội *pācittiya* (xem điều học *pārājika* thứ ba của tỳ khuru), hoặc cho y đến tỳ khuru ni thì phạm tội *pācittiya* 25 (Sđđ.).

⁴ Bốn tội về việc thọ nhận: Vị tỳ khuru chạm vào tay và tóc của người người nữ phạm tội *saṅghādisesa* thứ nhì, đưa dương vật vào miệng có sự đụng chạm phạm tội *pārājika* thứ nhất, thọ lãnh y từ tay của vị tỳ khuru ni không phải là thân quyến phạm tội *nissaggiya pācittiya* 5, vị tỳ khuru ni nhiễm dục vọng thọ nhận vật thực từ tay của người nam nhiễm dục vọng (nhưng chưa thọ dụng) phạm tội *thullaccaya* (xem tội *saṅghādisesa* 5 của tỳ khuru ni).

sửa chữa đã được nói lên bởi đức Phật, vị thân quyến của mặt trời.

13. Bao nhiêu loại tội nặng của Luật đã được nói đến có liên quan đến thân và khẩu? Bao nhiêu tội lúc sái thời có vị của lúa gạo? Bao nhiêu sự thỏa thuận với sự thông báo đến lần thứ tư?

14. – Có hai loại tội nặng của Luật đã được nói đến có liên quan đến thân và khẩu. Một tội lúc sái thời có vị của lúa gạo.³ Một sự thỏa thuận với (hành sự) có lời đề nghị đến lần thứ tư.⁴

15. Tội *pārājika* liên quan đến thân là bao nhiêu? Có bao nhiêu nền tảng của việc đồng cộng trú? Sự dứt đêm là của bao nhiêu hạng? Về việc hai lóng tay, đã được quy định là bao nhiêu?

¹ Năm loại tội đưa đến việc sám hối: là các loại tội nhẹ (*Sđd.*).

² Sáu loại tội có sự sửa chữa: là các tội còn lại sau khi trừ ra tội *pārājika* là loại tội không có sự sửa chữa (*Sđd.*).

³ Một tội lúc sái thời có vị của lúa gạo: Là cháo chua có bỏ muối vào lúc sái thời (*Mahāvagga – Đại Phẩm* tập 2, TTPV tập 05, chương VI, trang 25; TTVN tập 05, trang 22).

⁴ Một sự thỏa thuận với hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư: là hành sự chỉ định vị tỳ khuru làm vị giáo giới tỳ khuru ni (xem điều học *pācittiya* 21 của tỳ khuru).

16. – Tội *pārājika* liên quan đến thân có hai điều.¹ Và có hai nền tảng của việc đồng cộng trú.² Và sự dứt đêm là của hai hạng.³ Về việc hai lóng tay, có hai điều đã được quy định.⁴

17. Sau khi đánh chính mình bao nhiêu tội? Hội chúng bị chia rẽ bởi bao nhiêu cách? Ở đây có bao nhiêu tội vi phạm ngay tức thời? Bao nhiêu do nguyên nhân của lời đề nghị?

18. – Sau khi đánh chính mình hai tội.⁵ Hội chúng bị chia rẽ bởi hai cách.⁶ Ở đây có hai loại tội vi phạm ngay tức thời.⁷ Hai loại do nguyên nhân của lời đề nghị.

¹ Tội *pārājika* liên quan đến thân có hai: là tội *pārājika* về việc đôi lưá của tỳ khưu và tội *pārājika* về việc xúc chạm thân thể của tỳ khưu ni (VinA. vii, 1382).

² Hai nền tảng của việc đồng cộng trú: Tự bản thân thực hiện việc không đồng cộng trú cho bản thân, hoặc là hội chúng hợp nhất phạt án treo vị ấy (*Mahāvagga* – Đại Phẩm tập 2, TTPV tập 05, chương X, trang 335; TTVN tập 05, trang 304).

³ Sự dứt đêm là của hai hạng: là vị thực hành hình phạt *parivāsa* và vị thực hành hình phạt *mānatta* (VinA. vii, 1382).

⁴ Về việc hai lóng tay có hai điều: là tội *pācittiya* 5 về việc tỳ khưu ni làm sạch sẽ bằng nước sâu quá hai lóng tay và tội *dukkaṭa* 1 về việc tỳ khưu để tóc dài (*Sđđ.*).

⁵ Sau khi đánh chính mình hai tội: Vị tỳ khưu ni tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc phạm tội *pācittiya* 20, tự đánh đấm chính mình mà không khóc phạm tội *dukkaṭa* 1 (*Sđđ.*).

⁶ Hội chúng bị chia rẽ bởi hai cách: là chia rẽ bằng cách thực hiện hành sự hoặc là bằng cách phân phát thẻ biểu quyết (*Sđđ.*).

⁷ Hai loại tội vi phạm ngay tức thời: là được phân theo tỳ khưu và tỳ khưu ni (*Sđđ.* 1383).

19. Trong việc giết hại mạng sống bao nhiêu tội? Vì lời nói có bao nhiêu tội *pārājika*? Do việc nói lời (thô tục) bao nhiêu tội được nói đến? Hoặc do việc mai mối là bao nhiêu?

20. – Trong việc giết hại mạng sống ba tội. Vì lời nói vi phạm ba tội *pārājika*.¹ Do việc nói lời (thô tục) ba tội được đề cập đến. Hoặc do việc mai mối là ba tội.²

21. Có bao nhiêu hạng người không được tu bậc trên? Các hành sự có bao nhiêu phần tổng hợp lại? Bao nhiêu kẻ bị trục xuất được nói đến? Một tuyên ngôn cho bao nhiêu người?

22. – Có ba hạng người không được tu bậc trên. Các hành sự có ba phần tổng hợp lại.³ Ba kẻ bị trục xuất được nói đến.⁴ Một tuyên ngôn cho ba người.¹

¹ Vì lời nói vi phạm ba tội *pārājika*: nói đến tội *pārājika* 2, 3, 4 của tỳ khuru ni là: che giấu tội, xu hướng theo vị bị phạt án treo, và liên quan tám sự việc. Tuy nhiên, Chú Giải Kurundī nói đến việc trộm cắp có sự bàn bạc, giết người, và khoe pháp thượng nhân (*Sdd.*).

² Do lời nói ba tội được đề cập: Do việc nói lời thô tục, vị tỳ khuru có thể vi phạm ba tội là tội *saṅ ghādisesa*, *thullaccaya*, và tội *dukkaṭ a*; xem điều học *saṅ ghādisesa* 3 của tỳ khuru. Cũng với ba tội trên ở điều học *saṅ ghādisesa* 5 của tỳ khuru về việc làm mai mối (*Sdd.*).

³ Các hành sự có ba phần gộp chung lại: là việc tiến hành tuyên ngôn hành sự gồm ba phần: phần đầu với lời đề nghị, phần giữa với phần thông báo, và phần cuối là câu kết luận (*Sdd.*).

⁴ Ba kẻ bị trục xuất được nói đến: là tỳ khuru ni Mettiyā (xem phần duyên khởi ở điều học *saṅ ghādisesa* 8 của tỳ khuru), kẻ vô căn được xuất gia ở nơi các tỳ khuru rồi đã làm điều nhơ nhớp (TTPV tập 04, chương I, trang 213; TTVN tập 04, trang 165), và sa di Kantaka được nói đến ở điều học *pācittiya* 70 của tỳ khuru (*VinA. vii*, 1384).

23. Về việc lấy vật không được cho có bao nhiêu tội? Bao nhiêu do duyên việc đôi lúa? Bao nhiêu tội trong khi chặt đứt? Bao nhiêu do duyên đã quăng bỏ?

24. Về việc lấy vật không được cho có ba tội. Bốn do duyên việc đôi lúa. Ba tội trong khi chặt đứt. Năm do duyên đã quăng bỏ.²

25. Ở phần giáo giới tỳ khuru ni có các tội dukkaṭ a và pācittiya? Nơi đây có bao nhiêu nhóm chín được nói đến? Và với ý của bao nhiêu hạng?

26. Ở phần giáo giới tỳ khuru ni có các tội dukkaṭ a và pācittiya. Nơi đây có bốn nhóm chín được nói đến.³ Và với ý của hai hạng.

27. Và đối với các tỳ khuru ni bao nhiêu tội pāṭ idesanīya được nói đến? Có bao nhiêu tội dukkaṭ a với tội pācittiya vì thóc lúa chưa xay trong lúc đang thợ thực?

¹ Một tuyên ngôn cho ba người: là có thể tiến hành tuyên ngôn tu lên bậc trên cho hai hoặc ba vị một lượt (Sđd.).

² Năm do duyên đã quăng bỏ: Do việc đổ bỏ thuốc độc và đã hại chết người, hoặc dạ-xoa, hoặc loài thú phạm tội *pārājika*, hoặc tội *thullaccaya*, hoặc tội *pācittiya* (xem điều *pārājika* thứ ba của tỳ khuru), làm xuất ra tinh dịch liên quan tội *saṅghādisesa* thứ nhất, và việc đổ bỏ chất thải do tiêu tiểu lên cỏ xanh phạm tội *dukkat a* ở phần *sekhiya* (Sđd.).

³ Bốn nhóm chín được nói đến: là hai nhóm chín về hành sự sai pháp và đúng pháp ở điều học *pācittiya* 21 của tỳ khuru (Sđd.).

28. Và đôi với các tỳ khuru ni có tám tội *pāṭidesanīya* đã bị vi phạm được nói đến. Tội *dukkaṭa* a với tội *pācittiya* đã bị vi phạm vì thóc lúa chưa xay trong lúc đang thọ thực.¹

29. Đôi với vị đang đi có bao nhiêu tội? Hoặc ngay cả đôi với vị đang đứng có bao nhiêu? Đôi với vị đã ngồi xuống có bao nhiêu tội? Ngay cả đôi với vị đã nằm xuống có bao nhiêu?

30. Đôi với vị đang đi có bốn loại tội. Hoặc ngay cả đôi với vị đang đứng cũng có bấy nhiêu. Đôi với vị đã ngồi xuống có bốn loại tội. Ngay cả đôi với vị đã nằm xuống cũng có bấy nhiêu.

31. Tất cả các sự việc đều khác nhau, có thể vi phạm bao nhiêu tội *pācittiya* đồng một lượt không trước không sau?

32. Tất cả các sự việc đều khác nhau, có thể vi phạm năm tội *pācittiya* đồng một lượt không trước không sau.²

33. Tất cả các sự việc đều khác nhau, có thể vi phạm bao nhiêu tội *pācittiya* đồng một lượt không trước không sau?

¹ Các vị thọ thực thóc lúa chưa xay đã vi phạm hai loại tội *dukkaṭa* a và *pācittiya* được đề cập đến ở điều học *pācittiya* 7 của tỳ khuru ni (*Sđd.*).

² Vi phạm năm tội *pācittiya* đồng một lượt: Vị tỳ khuru sau khi thọ lãnh năm loại dược phẩm rồi trộn chung vào trong vật chứa khác nhau hoặc trong cùng một vật chứa rồi để quá bảy ngày. Vị ấy phạm năm tội *nissaggiya pācittiya* khác sự vật đồng một lúc, không thể phân biệt tội nào trước tội nào sau (*Sđd.* 1385).

34. Tất cả các sự việc đều khác nhau, có thể vi phạm chín tội *pācittiya* đồng một lượt không trước không sau.¹

35. Tất cả các sự việc đều khác nhau, có bao nhiêu tội *pācittiya*? Có thể sám hối tội với bao nhiêu lời nói, đã được đề cập đến bởi vị thân quyến của mặt trời?

36. Tất cả các sự việc đều khác nhau, có năm tội *pācittiya*. Có thể sám hối tội chỉ với một lời nói, đã được đề cập đến bởi vị thân quyến của mặt trời.

37. Tất cả các sự việc đều khác nhau, có bao nhiêu tội *pācittiya*? Có thể sám hối tội với bao nhiêu lời nói, đã được đề cập đến bởi vị thân quyến của mặt trời?

38. Tất cả các sự việc đều khác nhau, có chín tội *pācittiya*. Có thể sám hối tội chỉ với một lời nói, đã được đề cập đến bởi vị thân quyến của mặt trời.

39. Tất cả các sự việc đều khác nhau, có bao nhiêu tội *pācittiya*? Và sau khi báo điều gì thì có thể sám hối tội, đã được đề cập đến bởi vị thân quyến của mặt trời?

40. Tất cả các sự việc đều khác nhau, có năm tội *pācittiya*. Sau khi báo sự việc thì có thể sám hối tội, đã được đề cập đến bởi vị thân quyến của mặt trời.

¹ Vi phạm chín tội *pācittiya* đồng một lượt: Vì tỳ khuru không bị bệnh sau khi yêu cầu chín loại vật thực hảo hạng trộn chung lại với nhau rồi thọ thực phạm chín tội *pācittiya* 39 (Sđd.).

41. Tất cả các sự việc đều khác nhau, có bao nhiêu tội *pācittiya*? Và sau khi báo điều gì thì có thể sám hối tội, đã được đề cập đến bởi vị thân quyến của mặt trời?

42. Tất cả các sự việc đều khác nhau, có chín tội *pācittiya*. Sau khi báo sự việc thì có thể sám hối tội, đã được đề cập đến bởi vị thân quyến của mặt trời.

43. Bao nhiêu loại tội vi phạm cho đến lần thứ ba? Bao nhiêu do duyên phát biểu? Bao nhiêu loại tội trong khi nhai? Bao nhiêu do duyên vật thực?

44. Ba loại tội vi phạm cho đến lần thứ ba.¹ Sáu loại do duyên phát biểu.² Ba loại tội trong khi nhai.¹ Năm tội do duyên vật thực.²

¹ Ba loại tội vi phạm cho đến lần thứ ba: là ba loại tội được thành lập khi đã được hội chúng nhắc nhở đến lần thứ ba gồm có: tội *pārājika* 3 cho vị tỳ khuru ni xu hướng theo tỳ khuru tà kiến, tội *saṅghādisesa* 11 đến vị tỳ khuru ủng hộ việc chia rẽ hội chúng, tội *pācittiya* 68 đến vị tỳ khuru không dứt bỏ tà kiến (*Sđd.*).

² Sáu loại tội vi phạm do duyên phát biểu: nói về sáu trường hợp hư hỏng vì nguyên nhân nuôi mạng đã được đề cập trước đây ở trang 97: Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn, rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có không thực chứng, tội *pārājika*. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị thực hành việc mai mối, tội *saṅghādisesa*. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị nói rằng: ‘Vị (tỳ khuru) nào sống trong trú xá của đạo hữu, vị tỳ khuru ấy là bậc A-la-hán,’ tội *thullaccaya*. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị tỳ khuru yêu cầu vật thực hảo hạng vì lợi ích của bản thân rồi thọ thực, tội *pācittiya*. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân

45. Tất cả các điều học cho đến lần thứ ba đưa đến bao nhiêu trường hợp tội? Và là tội của chính bao nhiêu hạng người? Và do sự tranh tụng của bao nhiêu hạng người?

46. Tất cả các điều học cho đến lần thứ ba đưa đến năm trường hợp tội.³ Và là tội của chính năm hạng người.⁴ Và do sự tranh tụng của năm hạng.

47. Công việc xét xử (tội) là của bao nhiêu hạng người? Và việc giải quyết là của bao nhiêu hạng người? Sự không vi phạm tội của chính bao nhiêu hạng người? Vị chói sáng với bao nhiêu trường hợp?

nuôi mạng, vị tỳ khuru ni yêu cầu vật thực hảo hạng vì lợi ích của bản thân rồi thọ thực, tội *pāṭ idesanīya*. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị không bị bệnh yêu cầu xúp hoặc com vì lợi ích của bản thân rồi thọ thực, tội *dukkaṭ a* (Sđd. 1385-1386).

¹ Ba loại tội trong khi nhai: trong trường hợp nhai thịt người thì phạm tội *thullaccaya*, nhai chín loại thịt không được phép còn lại phạm tội *dukkaṭ a*, tỳ khuru ni nhai tỏi phạm tội *pācittiya* (Sđd. 1386).

² Năm tội do duyên vật thực: ba loại tội trên thêm vào tội *saṅ ghādisesa* đến vị tỳ khuru ni nhiễm dục vọng tự tay thọ nhận vật thực từ tay của người nam nhiễm dục vọng rồi thọ thực, và tội *pāṭ idesanīya* đến vị tỳ khuru ni yêu cầu vật thực hảo hạng rồi thọ dụng; tổng cộng là năm loại tội (Sđd.).

³ Các điều học cho đến lần thứ ba đưa đến năm trường hợp tội: là tội *dukkaṭ a*, tội *thullaccaya*, tội *pārājika* được nói đến ở điều *pārājika* 3 của tỳ khuru ni về việc xu hướng theo vị tỳ khuru bị án treo, thêm vào tội *saṅ ghādisesa* 10 về chia rẽ hội chúng và tội *pācittiya* 68 về việc không chịu dứt bỏ tà kiến ác của tỳ khuru (Sđd.).

⁴ Tội của chính năm hạng người: tức là năm hạng người đồng đạo gồm có tỳ khuru, tỳ khuru ni, cô ni tu tập sự, sa di, và sa di ni (Sđd.).

48. Công việc xét xử (tội) là của năm hạng người. Và việc giải quyết là của năm hạng. Sự không vi phạm tội của chính năm hạng. Vị chói sáng với ba trường hợp.¹

49. Bao nhiêu về ban đêm có liên quan đến thân? Bao nhiêu về ban ngày có liên quan đến thân? Đối với vị đang nhìn chăm chú có bao nhiêu tội? Bao nhiêu do duyên đồ ăn khất thực?

50. Hai loại về ban đêm có liên quan đến thân. Hai loại về ban ngày có liên quan đến thân.² Đối với vị đang nhìn chăm chú có một tội.³ Một tội do duyên đồ ăn khất thực.⁴

51. Trong khi thấy được bao nhiêu điều lợi ích rồi sám hối vì niềm tin kẻ khác? Các vị bị phạt án treo đã được nói đến bao nhiêu loại? Bao nhiêu sự thực hành đúng đắn?

¹ Vị chói sáng với ba trường hợp: là nói đến ba nơi là ở giữa hội chúng, ở nhóm, và trong sự hiện diện của cá nhân (Sđd. 1387).

² Hai loại tội về ban đêm có liên quan đến thân và hai loại về ban ngày có liên quan đến thân: xem cước chú 4 của trang 293 và 1 của trang 294.

³ Đối với vị đang nhìn chăm chú có một tội: vị tỳ khuru ni nhìn chăm chú vào vật biểu tượng nam tánh phạm tội *dukkat a* (Cullavagga – Tiểu Phẩm tập 2, TTPV tập 07, chương X, trang 509; TTVN tập 07, các trang 368-369).

⁴ Một tội do duyên đồ ăn khất thực: là nhìn vào mặt nữ thí chủ trong khi thọ lãnh vật thực phạm tội *dukkat a* (Sđd., chương VIII, trang 357; trang 255).

52. Trong khi thấy được tám điều lợi ích rồi sám hối vì niềm tin kẻ khác.¹ Các vị bị phạt án treo đã được nói đến ba loại.² Bốn mươi ba việc ấy là các sự thực hành đúng đắn.³

53. Nói dối trong bao nhiêu trường hợp? Bao nhiêu được gọi là 'tội đa'? Bao nhiêu tội *pāṭidesanīya*? Và do sự thú tội là của bao nhiêu?

54. Nói dối trong năm trường hợp.⁴ Mười bốn được gọi là 'tội đa'.⁵ Mười hai tội *pāṭidesanīya*.¹ Và do sự thú tội là của bốn hạng.²

¹ Trong khi thấy được tám điều lợi ích rồi sám hối vì niềm tin kẻ khác: Về điều này, ngài Buddhaghosa giải thích là ở *Kosambakakhandhakam* (VinA. vii, 1387). Tuy nhiên, ở chương Kosambī có đề cập đến tám điều nhưng không xác định rõ là tám điều lợi ích (*Mahāvagga* – Đại Phẩm tập 2, TTPV tập 05, chương X, các trang 331-333; TTVN tập 05, các trang 301-302).

² Các vị bị phạt án treo đã được nói đến ba loại: là ba loại hình phạt án treo trong việc không nhìn nhận tội, trong việc không sửa chữa lỗi, và trong việc không chịu từ bỏ tà kiến ác (*Cullavagga* – Tiểu Phẩm tập 1, TTPV tập 06, chương I, các trang 87, 109, 129; TTVN tập 06, các trang 71, 89, 105).

³ Bốn mươi ba sự thực hành đúng đắn: là bốn mươi ba phận sự của vị tỳ khuru thực thi hành sự án treo (*Sđd.*, chương I, trang 99; trang 97).

⁴ Nói dối trong năm trường hợp: là nói dối có thể đưa đến việc vi phạm năm tội là *pārājika*, *saṅghādisesa*, *thullaccaya*, *pācittiya* và *dukkaṭa* (VinA. vii, 1387).

⁵ Mười bốn được gọi là 'tội đa': là các điều học có từ '*paramaṃ*' như là *dasāhaparamaṃ*, *māsaparamaṃ*, *santaruttaraparamaṃ*, v.v... tổng cộng trong hai bộ giới bốn có tất cả là 14 điều học (*Sđd.*).

55. Nói đôi bao nhiêu chi phần? Bao nhiêu việc của lễ Uposatha? Bao nhiêu yếu tố của vị sứ giả? Bao nhiêu sở hành của ngoại đạo?

56. Nói đôi tám chi phần. Tám việc của lễ Uposatha. Tám yếu tố của vị sứ giả.³ Tám lỗi hành xử của ngoại đạo.⁴

57. Việc tu lên bậc trên có bao nhiêu lời đọc? Nên đứng dậy đôi với bao nhiêu hạng người? Nên nhường chỗ ngồi cho bao nhiêu hạng người? Vị giáo giới tỳ khuru ni với bao nhiêu (yếu tố)?

58. Việc tu lên bậc trên có tám lời đọc.⁵ Nên đứng dậy đôi với tám hạng người. Nên nhường chỗ ngồi cho tám hạng người.¹ Vị giáo giới tỳ khuru ni với tám (yếu tố).²

¹ Mười hai tội *pāṭ idesaniya*: nghĩa là thuộc về tỳ khuru có bốn điều học *pāṭ idesaniya*, còn tỳ khuru ni có tám (*Sdd.*).

² Sự thú tội là của bốn hạng: là sự sám hối của những người do Devadatta sai đi đến giết đức Thế Tôn (*Cullavagga – Tiểu Phẩm* tập 2, TTPV tập 07, chương VII, trang 281; TTVN tập 07, trang 198), của người đàn bà đã quyến rũ ngài Anuruddha ở phần duyên khởi của điều *pācittiya* 7, của Vaddha Licchavi bị hình phạt úp ngược bình bát (*Sdd.*, chương V, trang 63; 45), và việc sám hối của các vị tỳ khuru đến đại đức Kassapagotta ở làng Vāsabha (*Mahāvagga – Đại Phẩm* tập 2, TTPV tập 05, chương IX, trang 245; TTVN tập 05, trang 218).

³ Tám yếu tố của vị sứ giả: xem chú thích 4 ở trang 86.

⁴ Tám lỗi hành xử của ngoại đạo: *Mahāvagga – Đại Phẩm* tập 1, TTPV tập 04, chương I, trang 175; TTVN tập 04, trang 137).

⁵ Việc tu lên bậc trên có tám lời đọc: là việc tu lên bậc trên của tỳ khuru ni ở hai hội chúng (*VinA. vii*, 1388).

59. Dự tính chia rẽ là của bao nhiêu vị? Tội *thullaccaya* dành cho bao nhiêu vị? Và không phạm tội đối với cả thấy bao nhiêu vị? Có phải tất cả có chung một sự việc?

60. Sự chia rẽ là của một vị. Tội *thullaccaya* dành cho bốn vị. Và không phạm tội đối với cả thấy bốn vị. Tất cả có chung một sự việc.³

61. Bao nhiêu sự việc gây nóng giận? Hội chúng bị chia rẽ bởi số lượng bao nhiêu? Ở đây bao nhiêu vị phạm tội tức thời? Bao nhiêu do tác động của lời đề nghị?

62. Chín sự việc gây nóng giận. Hội chúng bị chia rẽ bởi chín vị tỳ khuru. Ở đây có chín vị phạm tội tức thời. Chín việc do tác động của lời đề nghị.

63. Bao nhiêu hạng người không nên được đánh lễ, chấp tay và với hành động thích hợp? Tội *dukkat a* là của bao nhiêu người? Cất giữ y bao nhiêu ngày?

¹ Nên đứng dậy đối với tám hạng người, nên nhường chỗ ngồi cho tám hạng người: Hai điều này áp dụng cho tỳ khuru ni ở trong nhà ăn (*Sdd.*).

² Vị giáo giới tỳ khuru ni với tám yếu tố: là nên chỉ định vị tỳ khuru có tám chi phần làm vị giáo giới tỳ khuru ni (*Sdd.*). Xem chi tiết ở điều học *pācittiya* 21 của tỳ khuru.

³ Câu kệ này có liên quan đến việc chia rẽ hội chúng: là nói đến trường hợp chia rẽ hội chúng có liên quan đến chín vị: Một vị là vị phân phát thẻ như trường hợp của Devadatta, bốn vị phạm trọng tội là các vị xu hướng theo như là vị Kokālika, v.v..., bốn vị nói đúng Pháp thì vô tội, việc chia rẽ hội chúng là một sự việc có liên quan đến tất cả (*Sdd.*).

64. Mười hạng người không nên được đánh lễ, chấp tay và với hành động thích hợp.¹ Tội dukkaṭ a đối với mười hạng người.² Cất giữ y mười ngày.

65. Ở đây y nên dâng đến bao nhiêu vị đã trải qua mùa mưa? Nên dâng trong sự hiện diện của bao nhiêu vị? Không nên dâng đến bao nhiêu vị?

66. Ở đây y nên dâng đến năm vị đã trải qua mùa mưa.³ Nên dâng trong sự hiện diện đối với bảy vị.⁴ Không nên dâng đến mười sáu vị.⁵

67. Sau khi che giấu bao nhiêu trăm tội trong thời gian một trăm đêm, vị hành parivāsa có thể được tự do sau khi ngụ được bao nhiêu đêm?

¹ Mười hạng người không nên được đánh lễ: được đề cập ở Cullavagga – Tiểu Phẩm tập 2, TTPV tập 07, chương VI, trang 179; TTVN tập 07, trang 128.

² Tội dukkaṭ a đối với mười hạng người: là tội dukkaṭ a đối với vị thực hiện các hành động chấp tay, đánh lễ, v.v... đối với mười hạng người trên (VinA. vii, 1388).

³ Ở đây y nên dâng đến năm vị đã trải qua mùa mưa: là nên dâng trong sự hiện diện của năm vị đã trải qua mùa (an cư) mưa là tỳ khuru, tỳ khuru ni, cô ni tu tập sự, sa di, và sa di ni (Sđd.).

⁴ Nên dâng trong sự hiện diện đối với bảy vị: là nên dâng đến vị nhận giùm thích hợp đối với trường hợp bảy vị là vị đi xa, vị bị điên, vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ, và ba vị bị ba loại án treo (Sđd.).

⁵ Không nên dâng đến mười sáu vị: là mười sáu vị được đề cập ở Chương Y Phục (TTPV tập 05, chương VIII, trang 227; TTVN tập 05, trang 203) bắt đầu là kẻ vô căn, v.v... (VinA. vii, 1388).

68. Sau khi che giấu một ngàn tội trong thời gian một trăm đêm, vị hành *parivāsa* có thể được tự do sau khi ngu được mười đêm.¹

69. Bao nhiêu sự hư hỏng của hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyền của mặt trời? Trong sự việc về Luật ở *Campā*, tất cả các việc sai pháp là bao nhiêu?

70. Mười hai sự hư hỏng của hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyền của mặt trời.² Trong sự việc về Luật ở *Campā* toàn bộ tất cả các việc đã làm đều sai pháp.

71. Bao nhiêu sự thành tựu của hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyền của mặt trời? Trong sự việc về Luật ở *Campā* tất cả các việc đúng pháp là bao nhiêu?

72. Bốn sự thành tựu của hành sự đã được nói đến bởi đức Phật,¹ vị thân quyền của mặt trời. Trong sự việc về Luật ở *Campā* tất cả các việc đã làm đều đúng pháp.

¹ Sau khi che giấu một ngàn tội trong thời gian một trăm đêm, vị hành *parivāsa* có thể được tự do sau khi ngu được mười đêm: Trong trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *sarī ghādisesa* nhưng mỗi một tội chỉ che giấu mười ngày nên chỉ chịu hình phạt *parivāsa* là mười ngày đêm (*Sdd.* 1389).

² Mười hai sự hư hỏng của hành sự: Bốn loại hành sự (hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư) được thực hành sai trái theo ba cách (sai Pháp theo phe nhóm, sai Pháp có sự hợp nhất, đúng Pháp theo phe nhóm), tổng cộng lại là mười hai (*Sdd.*).

73. Có bao nhiêu loại hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyến của mặt trời? Trong sự việc về Luật ở Campā, các việc đúng pháp, sai pháp là bao nhiêu?

74. Có sáu loại hành sự² đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyến của mặt trời. Trong sự việc về Luật ở Campā, nơi ấy một việc đã làm đúng pháp, năm việc sai pháp đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyến của mặt trời.

75. Có bao nhiêu hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyến của mặt trời? Trong sự việc về Luật ở Campā các việc đúng pháp, sai pháp là bao nhiêu?

76. Bốn hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyến của mặt trời. Trong sự việc về Luật ở Campā, nơi ấy một việc đã làm đúng pháp, ba việc sai pháp đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyến của mặt trời.

77. Các nhóm tội vi phạm đã được giảng bởi đấng Chiến Thắng vô biên như thế ấy, bậc thấy được sự thoát ly, ở đây bao nhiêu tội được làm lắng dịu không với các sự dàn xếp? Hỡi vị rành rẽ về phân tích, tôi hỏi ngài điều ấy, xin hãy trả lời.

¹ Bốn sự thành tựu của hành sự: là bốn loại hành sự trên được thực hành đúng Pháp có sự hợp nhất (Sđd.).

² Sáu loại hành sự là: Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự hợp nhất đúng Pháp (Sđd.).

78. Các nhóm tội vi phạm đã được giảng bởi đấng Chiên Thắng vô biên như thế ấy, bậc thấy được sự thoát ly, ở đây một tội được lắng dịu không với các sự dàn xếp?¹ Hỡi vị rành rẽ về phân tích, tôi trả lời ngài điều này.

79. Bao nhiêu kẻ chịu khổ đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyền của mặt trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

80. Một trăm bốn mươi bốn kẻ chịu khổ địa ngục tồn tại tròn một kiếp, là các vị chia rẽ hội chúng, đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyền của mặt trời.² Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

81. Bao nhiêu vị không phải chịu khổ đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyền của mặt trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

82. Mười tám vị không phải chịu khổ, đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyền của mặt trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

¹ Ở đây một tội được lắng dịu không có các sự dàn xếp: là nhóm tội *pārājika* (Sđd. 1390).

² Một trăm bốn mươi bốn kẻ chịu khổ địa ngục: là những trường hợp của vị tỳ khưu với mười tám cách tuyên bố sai trái phân theo tám tình huống (Sđd. 1390). Xem tám tình huống ở *Cullavagga* – *Tiểu Phẩm* tập 2, TTPV tập 07, chương VII, các trang 325-331; TTVN tập 07, các trang 229-234.

83. Có bao nhiêu nhóm tám đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyến của mặt trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

84. Có mười tám nhóm tám đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyến của mặt trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

85. Có bao nhiêu hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyến của mặt trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

86. Có mười sáu hành sự¹ đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyến của mặt trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

87. Bao nhiêu sự hư hỏng của hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyến của mặt trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

88. Mười hai sự hư hỏng của hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyến của mặt trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

89. Bao nhiêu sự thành tựu của hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyến của mặt trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

¹ Xem phần ‘nên biết về mười sáu hành sự’ ở trang 174 (ND).

90. Bốn sự thành tựu của hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyến của mặt trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

91. Có bao nhiêu hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyến của mặt trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

92. Có sáu hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyến của mặt trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

93. Có bao nhiêu hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyến của mặt trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

94. Có bốn hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyến của mặt trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

95. Bao nhiêu tội pārajika đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyến của mặt trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

96. Tám tội pārajika đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyến của mặt trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

97. Bao nhiêu tội saṅghādisesa đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyền của mặt trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

98. Hai mươi ba tội saṅghādisesa đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyền của mặt trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

99. Bao nhiêu tội aniyata đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyền của mặt trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

100. Hai tội aniyata đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyền của mặt trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

101. Bao nhiêu tội nissaggiya đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyền của mặt trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

102. Bốn mươi hai tội nissaggiya đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyền của mặt trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

103. Bao nhiêu tội pācittiya đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyền của mặt trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

104. Một trăm tám mươi tám tội pācittiya đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyến của mặt trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

105. Bao nhiêu tội pāṭ idesanīya đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyến của mặt trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

106. Mười hai tội pāṭ idesanīya đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyến của mặt trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

107. Bao nhiêu điều sekhiya đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyến của mặt trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật.

108. Bảy mươi lăm điều sekhiya đã được nói đến bởi đức Phật, vị thân quyến của mặt trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật.

109. Khi nào còn được hỏi khéo léo bởi ngài thì sẽ còn được giải đáp rõ ràng bởi tôi. Do việc hỏi và đáp không có gì không rõ.

Dứt Sưu Tập về Các Bài Kệ (Phần Hai).

--ooOoo--

CÁC BÀI KỆ LÀM XUẤT MỒ HÔI¹

1. *Vị không đồng cộng trú với các tỳ khuru và các tỳ khuru ni, không đạt được một việc thọ hưởng chung nào đó ở nơi vị ấy, sao không bị phạm tội do việc không xa lìa?*² Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

2. *Không nên phân tán, không được phân chia, năm vật đã được nói đến bởi vị Đại Ấn Sĩ. Sao không phạm tội trong lúc phân chia và trong lúc thọ dụng?*³ Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

¹ Trong chương này, các câu trả lời được ghi lại theo lời giải thích ở *At ṭ hakathā* và *Tikā*. Các phần trích dẫn nhờ vào công lao của dịch giả I. B. Horner. Tuy nhiên, có một số câu hỏi vẫn còn chưa xác định được ý nghĩa (ND).

² Câu kệ 1: có liên quan đến đứa bé trai được người mẹ là tỳ khuru ni mang thai rồi sanh ra và nuôi dưỡng ở ni viện (*Sđđ.*, chương X, trang 533; các trang 386-387). ‘Không đồng cộng trú’ là không có sự cộng trú chung về các việc như là lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, v.v... ‘Không đạt được một việc thọ hưởng chung nào đó ở nơi vị ấy’ nghĩa là không đạt được sự thọ hưởng chung không được phép (với các tỳ khuru ni), tuy nhiên lại được phép làm với chính người mẹ ruột, và ‘không bị phạm tội do việc không xa rời’ nghĩa là không phạm tội trong việc ngụ chung nhà (*VinA. vii*, 1391).

³ Câu kệ 2: Năm trọng vật thuộc về hội chúng không được phân tán và không được phân chia (*Cullavagga – Tiểu Phẩm* tập 2, TTPV tập 07, chương VI, các trang 203-209; TTVN tập 07, các trang 144-149). Trường hợp không phạm tội đề cập đến vị tỳ khuru ni là người mẹ

3. Tôi không đề cập đến mười hạng cá nhân, hạng thứ mười một cũng cần phải tách ra?¹ Tại sao lại phạm tội khi đánh lễ vị lớn?² Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

4. Vị không bị án treo, và cũng không phải là vị hành *parivāsa*, không bị chia rẽ hội chúng, và cũng không thay đổi phe nhóm, là vị tồn tại trên nên tảng, cùng chung đồng cộng trú, vì sao lại có sự riêng biệt về việc học tập?³ Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

5. Vị đi đến Pháp tốt đẹp, có liên hệ mục đích, trong khi đang được hỏi, không sống, không phải đã chết, không phải đã

của đứa bé trai do việc cô ta phải nuôi dưỡng đứa bé trai cho đến khi đứa bé trai ấy đạt được sự hiểu biết (*VinA. vii*, 1391).

¹ Câu kệ 3: Đề cập đến mười hạng người không nên đánh lễ: vị tu lên bậc trên sau, vị chưa tu lên bậc trên, vị thâm niên hơn thuộc nhóm khác nói sai Pháp, phụ nữ, người vô căn, vị bị hình phạt *parivāsa*, vị xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu, vị xứng đáng hình phạt *mānatta*, vị thực hành hình phạt *mānatta*, vị chưa được giải tội (*Cullavagga – Tiểu Phẩm* tập 2, TTPV tập 07, chương VI, trang 179; TTVN tập 07, trang 128). Hạng thứ mười một là vị tỳ khuru lõa thể (*VinA. vii*, 1391).

² Tại sao lại phạm tội khi đánh lễ vị lớn?: Ngài Buddhaghosa không giải thích câu này. Có thể là nói đến vị thâm niên nói sai pháp ở mười hạng người không nên đánh lễ (ND).

³ Câu kệ 4: Nói đến vị tỳ khuru trước đây làm nghề thợ cạo (*Mahāvagga – Đại Phẩm* tập 2, TTPV tập 05, chương VI, trang 103; TTVN tập 05, trang 92). Do vị này không được phép thực hành việc cạo tóc, còn các vị khác vẫn được; vì thế có sự riêng biệt về việc học tập (*VinA. vii*, 1391).

Niết Bàn, chư Phật nói về nhân vật ấy thế nào?¹ Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

6. Tôi không đề cập đến phần trên của xương đòn, bỏ qua phần dưới rốn, do duyên việc đôi lứa vì sao lại phạm tội *pārājika*?² Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

7. Vị tỳ khuru tự yêu cầu rồi xây dựng cốc liêu, nên đất chưa được xác định, vượt quá kích thước, ở chỗ có sự nguy hiểm, không khoảng trống trái, không phạm tội?³ Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

8. Vị tỳ khuru tự yêu cầu rồi xây dựng cốc liêu, nên đất được xác định, theo kích thước, không có sự nguy hiểm, có khoảng trống trái, lại phạm tội?⁴ Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

9. Vị không làm hành động gì có liên quan đến thân và cũng không nói về những người khác bằng lời nói lại vi phạm

¹ Câu kệ 5: Câu hỏi này nói đến hình tượng đức Phật (*Sdd.*).

² Câu kệ 6: là thực hiện việc đôi lứa qua đường miệng với hạng phi nhân không có đầu, các con mắt và miệng thì ở trên ngực (*Sdd.*). Hạng này thấy được đề cập ở câu chuyện dẫn giải 51 của điều *pārājika* thứ tư.

³ Câu kệ 7: Vị tỳ khuru tự yêu cầu rồi thực hiện cốc liêu lợp bằng cỏ thì không phạm tội (*Sdd.*).

⁴ Câu kệ 8: Vị làm cốc liêu toàn bằng đất sét (*Sdd.*); việc này đức Phật không cho phép. Xem câu chuyện của đại đức Dhaniya con trai người thợ gốm ở phần duyên khởi của điều *pārājika* 2.

tội nặng có nên tảng bị cắt rời?¹ Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

10. Người tốt không làm điều gì ác có liên quan đến thân, khẩu, luôn cả ý, vì sao vị ấy lại bị trục xuất, còn bị trục xuất hoàn toàn?² Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

11. Không chuyện trò với bất cứ người nào bằng lời, và không nói câu nào với những người khác lại có thể phạm tội liên quan đến khẩu, không liên quan đến thân?³ Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

12. Các điều học được đức Phật vị cao quý ca ngợi, có bốn điều *saṅghādisesa*, có thể phạm tất cả chỉ do một hành động?⁴ Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

¹ Câu kệ 9: Vị tỳ khuru ni che giấu tội *pārājika* của vị tỳ khuru ni khác phạm tội *pārājika* (*Sđd.*).

² Câu kệ 10: Đề cập đến mười một hạng người không thể tu lên bậc trên như người vô căn, kẻ trộm tướng mạo (tỳ khuru), v.v... (*Sđd.*). Xem chi tiết ở *Mahāvagga – Đại Phẩm* tập 1, TTPV tập 04, chương I, các trang 213-221; TTVN tập 04, từ trang 163.

³ Câu kệ 11: Liên quan đến phần mở đầu của giới bốn *Pātimokkha* có đoạn: ‘... vị tỳ khuru nào nhớ ra mà không bày tỏ tội đã có thì vị ấy cố tình nói dối...’ (*VinA. vii*, 1391). Xem chi tiết ở TTPV tập 04, chương II, trang 251; TTVN tập 04, trang 198.

⁴ Câu kệ 12: Liên quan đến bốn việc làm của vị tỳ khuru ni ở điều *saṅghādisesa* 3: Vào rạng sáng, vị tỳ khuru ni rời khỏi nhóm sang sông đi vào làng, khi đã sang ngày mới vị ni ấy phạm bốn tội *saṅghādisesa* là đi vào làng một mình, đi sang bờ sông bên kia một mình, trong đêm trú ngụ riêng một mình, một mình tách rời ra khỏi nhóm (*VinA. vii*, 1392).

13. Cả hai (vị ni) đã được tu lên bậc trên từ một hội chúng, vị thọ nhận y từ tay của cả hai, các tội vi phạm có thể khác nhau?¹ Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

14. Bốn người sau khi hện hò trước đã lấy trộm trọng vật, ba vị phạm *pārājika*, còn một vị không phạm *pārājika*?² Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

15. Người nữ ở bên trong, và vị tỳ khuru là ở bên ngoài, không có lỗ hổng ở ngôi nhà, vì sao lại vi phạm tội *pārājika* do duyên việc đôi lứa?³ Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

16. Dầu ăn, mật ong, và cả đường, bơ lỏng, sau khi tự mình thọ lãnh rồi để riêng, khi bảy ngày chưa trải qua đôi với

¹ Câu kệ 13: Vị tỳ khuru ni thọ nhận y từ tay vị tỳ khuru ni chỉ được tu ở hội chúng tỳ khuru phạm *pācittiya* (các vị tỳ khuru ni này gồm có 500 vị tỳ khuru ni dòng Sakya được tu lên bậc trên sau bà Mahāpajāpati Gotamī), từ tay vị tỳ khuru ni chỉ được tu ở hội chúng tỳ khuru ni phạm *dukkaṭa* (Sđd.).

² Câu kệ 14: Vị thầy dạy học và ba học trò đã trộm vật giá trị sáu *māsaka*. Vị thầy tự tay lấy trộm 3 *māsaka*, còn 3 *māsaka* kia là do sự ra lệnh, nên tội vi phạm là *thullaccaya*; còn mỗi người học trò trộm một *māsaka*, nhưng liên quan đến việc ra lệnh là 5 *māsaka* nên đã phạm tội *pārājika*. Chi tiết được đề cập ở điều *pārājika* thứ nhì về trộm cắp (Sđd.).

³ Câu kệ 15: Đây là câu hỏi về vật bao bọc được làm bằng vải, được đề cập có liên quan đến việc đã được che phủ lại (Sđd.).

vị thọ dụng khi có duyên có lại có tội?¹ Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

17. Tội *nissaggiya*, tội *pācittiya* thuần túy là cùng một lần cho vị đang vi phạm?² Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

18. Hai mươi vị tỳ khưu tụ hội làm hành sự tưởng rằng có hợp nhất, có vị tỳ khưu đứng xa mười hai do-tuần làm hồng hành sự ấy vì lý do phe nhóm?³ Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

19. Và với vị đã nói lên bằng lời, dấu chỉ truyền đạt giữa khoảng cách của bước chân, có thể vi phạm cùng một lượt sáu mươi bốn tội, tất cả đều là tội nặng có sự sửa chữa được?⁴ Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

¹ Câu kệ 16: Câu kệ này được đề cập có liên quan đến việc biến đổi hiện tướng (*Sdd.*).

² Câu kệ 17: Đối với vật đã được khẳng định là dâng cho hội chúng, vị thuyết phục dâng cho bản thân mình và dâng cho vị khác nữa nên phạm luôn cả hai tội là tội *nissaggiya* và tội *pācittiya* thuần túy (*Sdd.*).

³ Câu kệ 18: Liên quan đến *gāmasīmā* ở các thành phố rộng 12 do-tuần như thành *Bārāṇasī*, v.v... (*Sdd.*).

⁴ Câu kệ 19: Liên quan đến việc làm mai mối. Bởi vì lời nói của vị ấy đem lại sự trả lời của sáu mươi bốn người nữ (*VinA. iii*, 558-559).

20. Vị đã quần vào với y nội, đã trùm lên y saṅ ghāṭ i hai lớp, tất cả các y ấy là phạm tội nissaggiya?¹ Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

21. Không có lời đề nghị, cũng không có tuyên ngôn hành sự, và đấng Chiến Thắng đã không nói: ‘Hãy đến, này tỳ khuru, ‘ vị ấy cũng chẳng có sự đi đến nương tựa (Tam Quy), mà đã được tu lên bậc trên, và sự tu lên bậc trên là bền vững cho vị ấy?² Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

22. Giết người nữ không phải là mẹ, và (giết) người nam không phải là cha, kẻ ngu giết người không phải là vị Thánh, và do điều ấy phạm vào nghiệp vô gián?³ Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

¹ Câu kệ 20: Liên quan đến việc bảo vị tỳ khuru ni không phải là thân quyến giết y cũ. Trường hợp vị tỳ khuru đang mặc ba y và bị phân chim quạ hoặc bị lấm bùn nên bảo vị tỳ khuru ni không phải là thân quyến dùng nước rửa sạch. Các y ấy bị phạm vào *nissaggiya* vì đã được mặc ở trên thân của vị tỳ khuru (VinA. vii, 1392).

² Câu kệ 21: Nói đến sự tu lên bậc trên của bà Mahāpajāpati Gotamī (Sđd. 1392-1393). Bà đã trở thành tỳ khuru ni do chấp nhận tám Kính Pháp (Cullavagga – Tiểu Phẩm tập 2, TTPV tập 07, chương X, trang 473; TTVN tập 07, trang 344).

³ Câu kệ 22: Có liên quan đến việc biến đổi hiện tượng: Người cha biến đổi thành đàn bà (giết người nữ không phải là mẹ) và người mẹ biến đổi thành đàn ông (giết người nam không phải là cha); giết người không phải là vị Thánh (người nữ hay người nam ấy không phải là bậc Thánh), nên giết chết một trong hai người thì phạm vào tội vô gián (VinA. vii, 1393).

23. Và giết người nữ là mẹ, và giết người nam là cha, sau khi giết cả cha lẫn mẹ, do điều ấy lại không phạm nghiệp vô gián?¹ Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

24. Sau khi không cáo tội, sau khi không nhắc nhở, rồi thực hiện hành sự đến vị không hiện diện. Hành sự đã được thực hiện, đã được thực hiện hoàn hảo mà vị tiến hành và hội chúng là không phạm tội?² Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

25. Sau khi đã cáo tội, sau khi đã nhắc nhở, rồi thực hiện hành sự đến vị đang hiện diện, và hành sự đã được thực hiện lại trở thành chưa được thực hiện, vị tiến hành và hội chúng là phạm tội?³ Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

26. Vị chặt đứt phạm tội, vị chặt đứt không phạm tội, vị che đậy phạm tội, vị che đậy không phạm tội?⁴ Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

¹ Câu kệ 23: Trùng hợp cha và mẹ là loài thú nên sau khi giết họ cũng không phạm vào tội vô gián (*Sđd.*).

² Câu kệ 24: Nói đến việc vị ni tu lên bậc trên thông qua người đại diện (*Sđd.*) Xem câu chuyện của kỹ nữ Aḍḍhakāsi ở *Cullavagga – Tiểu Phẩm* tập 2, TTPV tập 07, chương X, các trang 527-531; TTVN tập 07, các trang 383-386.

³ Câu kệ 25: Nói đến việc tu lên bậc trên của các hạng người: vô căn, v.v... (*VinA. vii*, 1393).

⁴ Câu kệ 26: Vị chặt đứt cây gỗ theo lối trộm cắp phạm tội *pārājika*, vị chặt đứt dây leo, cỏ phạm tội *pācittiya*, vị cắt đứt dương vật phạm tội *thullaccaya*. Vị cắt tóc và móng tay không phạm tội. Vị che đậy tội vị khác phạm tội, vị che đậy mái nhà không phạm tội (*Sđd.*).

27. Trong khi nói sự thật lại tội nặng, và dối với vị nói lời dối trá là tội nhẹ, trong khi nói lời dối trá là tội nặng, và dối với vị nói sự thật lại tội nhẹ?¹ Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

28. Vật đã được chú nguyện để dùng riêng, đã được nhuộm bằng thuốc nhuộm, là vật đã được làm thành đúng phép, dối với vị sử dụng lại có tội?² Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

29. Khi mặt trời đã lặn, vị tỳ khuru nhai các miếng thịt, không phải là vị bị điên, và cũng không có tâm bị rối loạn, vị ấy cũng không bị thọ khổ hành hạ, tuy nhiên vị ấy không có tội, và điều ấy đã được đức Thiện Thệ giảng giải.³ Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

30. Không có tâm nhiễm dục, hơn nữa không có ý trộm cắp, và vị ấy cũng đã không nghĩ đến việc giết hại người khác, dối với vị trao thẻ thì bị cắt đứt, dối với vị nhận lấy (thẻ) thì

¹ Câu kệ 27: Nói sự thật để cập đến các bộ phận kín của người nữ vi phạm tội nặng, nói dối cố tình vi phạm tội nhẹ. Nói dối về pháp thượng nhân không thực chứng vi phạm tội nặng, nói sự thật về pháp thượng nhân có thực chứng vi phạm tội nhẹ (Sđd.).

² Câu kệ 28: Liên quan đến việc sử dụng y đã bị phạm vào *nissaggiya* mà chưa được sám hối (Sđd.).

³ Câu kệ 29: Vị có tật nhai lại như trâu bò (Sđd.). Xem câu chuyện về vị tỳ khuru nọ có tật nhai lại thức ăn ở *Cullavagga* – *Tiểu Phẩm* tập 2, TTPV tập 07, chương V, trang 83; TTVN tập 07, trang 59).

tội *thullaccaya*?¹ Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

31. Và cũng không phải là chỗ ở rừng được xác định có nguy hiểm, cũng không có sự đồng ý đã được hội chúng ban cho, và *Kaṭṭhina* của vị ấy đã không được thành tựu ở ngay chỗ ấy, (vị ấy) sau khi xa lìa y rồi đi nửa do-tuần, khi rặng đông đã đến ở ngay tại nơi ấy, vẫn không phạm tội.² Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

32. Có liên quan đến thân, không liên quan đến khẩu, tất cả có sự việc khác biệt, có thể vi phạm chung một lượt không trước không sau?³ Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

33. Có liên quan đến khẩu, không liên quan đến thân, tất cả có sự việc khác biệt, có thể vi phạm chung một lượt không trước không sau?⁴ Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

¹ Câu kệ 30: Vị tỳ khưu xu hướng theo kẻ chia rẽ hội chúng và nhận lấy thẻ thì phạm vào tội *thullaccaya* (*VinA. vii*, 1393).

² Câu kệ 31: đề cập đến chỗ trú ngụ là cội cây của một gia đình tương tự như loại cây đa to lớn có thể đến một hoặc hai do tuần (*Sdd.*).

³ Câu kệ 32: Liên quan đến việc nắm ngón tay hoặc tóc của nhiều người nữ cùng một lúc (*Sdd.*).

⁴ Câu kệ 33: Liên quan đến việc nói lời thô tục đến nhiều người nữ, ví dụ: 'Tất cả các cô đều là người bị dị căn ...'

34. Không thực hiện việc đôi lứa ấy nơi ba hạng người nữ, nơi ba hạng người nam, và nơi ba hạng không phải Thánh hay là kẻ vô căn, và không hành việc đôi lứa ở người lưỡng căn, sao lại bị cắt đứt do duyên việc đôi lứa?¹ Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

35. Vị xin y cho mẹ, và không phải là y được dành riêng dâng đến hội chúng, do điều ấy vị ấy phạm tội, và không tội (nếu xin) ở thân quyến?² Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

36. Bị giận dữ lại hài lòng, bị giận dữ là đáng chê bai. Vậy điều ấy có tên là gì khiến nổi giận lại nên cười, ?³ Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

37. Được hoan hỷ rồi hài lòng, hoan hỷ là đáng chê bai. Vậy điều ấy có tên là gì khiến hoan hỷ lại đáng chê bai? Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

38. Vị phạm chung một lượt tội saṇ ghādisesa, tội thullaccaya, tội pācittiya, tội pāṭ idesanīya, và tội dukkaṭ a?¹ Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

¹ Câu kệ 34: Liên quan đến điều *pārājika* của tỳ khuru ni có liên quan đến tám sự việc (*Sdd.* 1394).

² Câu kệ 35: Liên quan đến vị xin y choàng tắm mưa ngoài thời hạn cho phép (*Sdd.*).

³ Câu kệ 36 & 37: Hai câu kệ này liên quan đến ba sự thực hành của du sĩ ngoại đạo (Xem thêm chi tiết ở *Sdd.*).

39. Cả hai đều tròn đủ hai mươi tuổi, cả hai có chung vị thầy tế độ, chung thầy giáo thọ, chung tuyên ngôn hành sự, một vị được tu lên bậc trên, một vị không được tu lên bậc trên?² Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

40. Chưa làm thành được phép, cũng chưa được nhuộm với thuốc nhuộm, được quấn vào với y ấy rồi có thể đi theo ý thích, không tội cho vị ấy,³ và điều ấy đã được đức Thiện Thế giảng giải. Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

41. Không cho, không thọ nhận, việc thọ nhận vì thế không được biết đến. Và do duyên thọ dụng vật ấy vi phạm tội nặng không phải nhẹ?⁴ Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

42. Không cho, không thọ nhận, việc thọ nhận vì thế không được biết đến. Và do duyên thọ dụng vật ấy vi phạm tội nhẹ

¹ Câu kệ 38: Vị tỳ khuru ni nhiễm dục vọng sau khi tự tay thọ lãnh vật thực từ tay người nam nhiễm dục vọng, trộn lẫn với thịt người, tỏi, thức ăn hảo hạng, và các loại thịt không được phép rồi nuốt vào thì phạm chung một lượt năm tội đã được đề cập (Sđd.).

² Câu kệ 39: Nói đến vị sa di không được thành tựu việc tu lên bậc trên là vị có thân thông ngỗng hồng lên khỏi mặt đất đầu chỉ là khoảng cách của sợi tóc (Sđd.).

³ Câu kệ 40: Liên quan đến vị tỳ khuru có y bị cướp đoạt (Sđd.).

⁴ Câu kệ 41: Liên quan đến điều *sañ ghādisesa* 6 về vị tỳ khuru ni xúi giục vị tỳ khuru ni khác thọ nhận vật thực từ tay người đàn ông nhiễm dục vọng. Bản thân vị ni xúi giục ‘không cho, không thọ nhận,’ và ‘việc thọ nhận vì thế không được biết đến’ vì vị thọ nhận là vị tỳ khuru ni khác. Khi vị này thọ dụng thì vị ni xúi giục phạm tội *sañ ghādisesa* (Sđd. 1394-1395).

không nặng?¹ Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

43. Vi phạm tội nặng còn dư sót rồi che giấu bởi vì không tôn trọng, tỳ khuru ni không phạm và không đưa đến tội?² Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

Dứt Các Bài Kệ Làm Xuất Mồ Hôi.

¹ Câu kệ 42: Liên quan đến việc phạm tội *dukkatā* của vị tỳ khuru ni trên trong việc xúi giục vị tỳ khuru ni khác thọ nhận nước và tắm xia răng từ tay người nam nhiễm dục vọng (*Sdd.* 1395).

² Câu kệ 43: Vị tỳ khuru ni vi phạm *sarī ghādisesa* dầu có che giấu hay không che giấu không phạm thêm tội mới và chỉ phải chịu hình phạt *mānatta* nửa tháng (*Sdd.*).

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Sự không đồng cộng trú, không được phân tán, mười (hạng), và vị không bị án treo, vị đi đến với Pháp, phân trên của xương đòn, sau đó hai điều tự mình yêu cầu.

2. Và không liên quan đến thân, tội nặng, liên quan đến thân, được khéo giảng, trong khi không nói, và điều học, cả hai, và bốn vị.

3. Người nữ, và dẫu ăn, tội nissaggiya, và các vị tỳ khuru, với khoảng cách bước dài, và đã quán y, và không điều quy định, không giết mẹ cha.

4. Sau khi không cáo tội, sau khi đã cáo tội, trong khi chặt đứt, và luôn cả sự thật, và đã được chú nguyện, khi mặt trời đã lặn, không có tâm nhiễm dục, và không phải chỗ ở rừng.

5. Liên quan đến thân và liên quan đến khẩu, ba người nữ, và luôn cả người mẹ, giận dữ, hài lòng, được hoan hỷ, tội saṅ ghādisesa, và cả hai.

6. Chưa làm thành được phép, vị không cho, không cho, vị phạm tội nặng, những bài kệ làm xuất mồ hôi, là những câu hỏi, đã được giải rõ nhờ các bậc trí.

--ooOoo--

NĂM PHẨM

1. PHẨM HÀNH SỰ

1. Bốn loại hành sự: hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư. Bốn loại hành sự này bị hư hỏng với bao nhiêu biểu hiện? – Bốn loại hành sự này bị hư hỏng vì năm biểu hiện: hoặc là vì sự việc, hoặc là vì lời đề nghị, hoặc là vì lời tuyên bố, hoặc là vì ranh giới, hoặc là vì tập thể.

2. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì sự việc? – Hành sự nên được thực hiện với sự có mặt mà thực hiện theo lối vắng mặt thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai pháp. Hành sự nên được thực hiện với sự thâm vấn mà thực hiện không có sự thâm vấn thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai pháp. Hành sự nên được thực hiện với sự thú nhận mà thực hiện không có sự thú nhận thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai pháp. Ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai pháp. Thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đối với vị xứng đáng cách hành xử Luật khi không điên cuồng thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai pháp. Thực hiện hành sự khiển trách đối với vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai pháp. Thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vị xứng đáng hành sự khiển trách thì bị hư hỏng vì sự việc,

là hành sự sai pháp. Thực hiện hành sự xua đuổi đối với vị xứng đáng hành sự chỉ dạy thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai pháp. Thực hiện hành sự hòa giải đối với vị xứng đáng hành sự xua đuổi thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai pháp. Thực hiện hành sự án treo đối với vị xứng đáng hành sự hòa giải thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai pháp. Ban cho hình phạt *parivāsa* đến vị xứng đáng hành sự án treo thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai pháp. Đưa về lại (hình phạt) ban đầu vị xứng đáng hình phạt *parivāsa* thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai pháp. Ban cho hình phạt *mānatta* đến vị xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai pháp. Giải tội vị xứng đáng hình phạt *mānatta* thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai pháp. Cho tu lên bậc trên vị xứng đáng sự giải tội thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai pháp. Thực hiện lễ *Upasatha* không vào ngày *Upasatha* thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai pháp. Thực hiện lễ *Pavāraṇā* không vào ngày *Pavāraṇā* thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai pháp. Như vậy là các hành sự bị hư hỏng vì sự việc.

3. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì lời đề nghị? – Các hành sự bị hư hỏng vì lời đề nghị với năm biểu hiện: Không đề cập đến sự việc, không đề cập đến hội chúng, không đề cập đến nhân sự, không đề cập đến lời đề nghị, xác định lời đề nghị sau. Các hành sự bị hư hỏng vì lời đề nghị với năm biểu hiện này.

4. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì lời tuyên bố? – Các hành sự bị hư hỏng vì lời tuyên bố với năm biểu hiện: Không đề cập đến sự việc, không đề cập đến hội chúng, không đề cập đến nhân sự, bỏ bớt phần tuyên bố, tuyên bố không đúng thời. Các hành sự bị hư hỏng vì lời tuyên bố với năm biểu hiện này.

5. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì ranh giới? – Các hành sự bị hư hỏng vì ranh giới với mười một biểu hiện: Thỏa thuận ranh giới quá nhỏ, thỏa thuận ranh giới quá lớn, thỏa thuận ranh giới có điểm mốc bị gián đoạn, thỏa thuận ranh giới có điểm mốc là bóng râm, thỏa thuận ranh giới không có điểm mốc, thỏa thuận ranh giới khi đứng ở ngoài ranh giới, thỏa thuận ranh giới ở sông, thỏa thuận ranh giới ở biển, thỏa thuận ranh giới ở hồ nước, gởi ranh giới (mới) lên ranh giới (cũ), trùm ranh giới (mới) lên ranh giới (cũ). Các hành sự bị hư hỏng vì ranh giới với mười một biểu hiện.

6. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì tập thể? – Các hành sự bị hư hỏng vì tập thể với mười hai biểu hiện: Ở hành sự là công việc của nhóm bốn vị, toàn bộ các tỳ khuru thiết yếu đối với hành sự các vị ấy không đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm bốn vị, toàn bộ các tỳ khuru thiết yếu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm bốn

vị, toàn bộ các tỳ khuru thiết yếu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm năm vị, —nt— ở hành sự là công việc của nhóm mười vị, —nt— ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, toàn bộ các tỳ khuru thiết yếu đối với hành sự các vị ấy không đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, toàn bộ các tỳ khuru thiết yếu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, toàn bộ các tỳ khuru thiết yếu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối. Các hành sự bị hư hỏng vì tập thể với mười hai biểu hiện này.

7. Ở hành sự là công việc của nhóm bốn vị, bốn vị tỳ khuru trong sạch là thiết yếu đối với hành sự, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào, vị ấy là không thiết yếu đối với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự. Ở hành sự là công việc của nhóm năm vị, năm vị tỳ khuru trong sạch là thiết yếu đối với hành sự, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào, vị ấy là không thiết yếu đối với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành

sự. Ở hành sự là công việc của nhóm mười vị, mười vị tỳ khưu trong sạch là thiết yếu đối với hành sự, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào, vị ấy là không thiết yếu đối với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự. Ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, hai mươi vị tỳ khưu trong sạch là thiết yếu đối với hành sự, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào, vị ấy là không thiết yếu đối với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự.

8. Bốn loại hành sự: hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư. Bốn loại hành sự này bị hư hỏng với bao nhiêu biểu hiện? – Bốn loại hành sự này bị hư hỏng với năm biểu hiện: hoặc là vì sự việc, hoặc là vì lời đề nghị, hoặc là vì lời tuyên bố, hoặc là vì ranh giới, hoặc là vì tập thể.

9. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì sự việc? – Cho tu lên bậc trên kẻ vô căn thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ trộm tướng mạo (tỳ khưu) thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ đã chuyển sang ngoại đạo thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai pháp. Cho tu lên bậc trên loài thú thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ giết mẹ thì bị hư hỏng vì sự

việc, là hành sự sai pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ giết cha thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ giết A-la-hán thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ làm nhơ nhớp tỳ khuru ni thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ chia rẽ hội chúng thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ làm (đức Phật) chảy máu thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ lường căn thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai pháp. Cho tu lên bậc trên người chưa đủ hai mươi tuổi thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai pháp. Như vậy là các hành sự bị hư hỏng vì sự việc.

10. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì lời đề nghị?

– Các hành sự bị hư hỏng vì lời đề nghị với năm biểu hiện: Không đề cập đến sự việc, không đề cập đến hội chúng, không đề cập đến nhân sự, không đề cập đến lời đề nghị, hoặc là xác định lời đề nghị sau. Các hành sự bị hư hỏng vì lời đề nghị với năm biểu hiện này.

11. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì lời tuyên bố?

– Các hành sự bị hư hỏng vì lời tuyên bố với năm biểu hiện: Không đề cập đến sự việc, không đề cập đến hội chúng, không đề cập đến nhân sự, bỏ bớt phần tuyên bố, hoặc là tuyên bố không đúng thời. Các hành sự bị hư hỏng vì lời tuyên bố với năm biểu hiện này.

12. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì ranh giới? –

Các hành sự bị hư hỏng vì ranh giới với mười một biểu

hiện: Thỏa thuận ranh giới quá nhỏ, thỏa thuận ranh giới quá lớn, thỏa thuận ranh giới có điểm mốc bị gián đoạn, thỏa thuận ranh giới có điểm mốc là bóng râm, thỏa thuận ranh giới không điểm mốc, thỏa thuận ranh giới trong khi đứng ở ngoài ranh giới, thỏa thuận ranh giới ở dòng sông, thỏa thuận ranh giới ở biển cả, thỏa thuận ranh giới ở hồ nước, gổì ranh giới (mới) lên ranh giới (cũ), trùm ranh giới (mới) lên ranh giới (cũ). Các hành sự bị hư hỏng vì ranh giới với mười một biểu hiện này.

13. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì tập thể? – Các hành sự bị hư hỏng vì tập thể với mười hai biểu hiện: Ở hành sự là công việc của nhóm bốn vị, toàn bộ các tỳ khuru thiết yếu đối với hành sự các vị ấy không đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm bốn vị, toàn bộ các tỳ khuru thiết yếu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm bốn vị, toàn bộ các tỳ khuru thiết yếu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm năm vị, —nt— ở hành sự là công việc của nhóm mười vị, —nt— ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, toàn bộ các tỳ khuru thiết yếu đối với hành sự các vị ấy không đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không

được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, toàn bộ các tỳ khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, toàn bộ các tỳ khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối. Các hành sự bị hư hỏng vì tập thể với mười hai biểu hiện này.

14. Hành sự với lời công bố hành xử bao nhiêu trường hợp? Hành sự với lời đề nghị hành xử bao nhiêu trường hợp? Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì hành xử bao nhiêu trường hợp? Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư hành xử bao nhiêu trường hợp? – Hành sự với lời công bố hành xử năm trường hợp. Hành sự với lời đề nghị hành xử chín trường hợp. Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì hành xử bảy trường hợp. Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư hành xử bảy trường hợp.

15. Hành sự với lời công bố hành xử năm trường hợp nào? – Sự nhận vào, sự đuổi đi,¹ hành sự cạo tóc, hình phạt Phạm Thiên (Phạm Đàn), và hành sự có sự khác

¹ Sự đuổi đi: Ngài Buddhaghosa đề cập đến trường hợp ‘đuổi đi’ sa di Kantaka trong phần câu chuyện ở điều *pācittiya* 70. Hiện nay, việc đuổi đi được áp dụng cho vị sa di chê bai đức Phật, chê bai Giáo Pháp, chê bai Hội Chúng, tuyên bố về điều không được phép là được phép, v.v... (*Sđđ.* 1402-1403)

biệt về tướng trạng là thứ năm.¹ Hành sự với lời công bố hành xử năm trường hợp này.

16. Hành sự với lời đề nghị hành xử chín trường hợp nào? – Sự nhận vào,² sự mời ra,³ lễ *Uposatha*,⁴ lễ *Pavāraṇā*, sự đồng ý,⁵ sự cho lại,⁶ sự ghi nhận (tội),¹ việc

¹ Hành sự có sự khác biệt về tướng trạng: Ngài Buddhaghosa giải thích rằng hành sự của các tỳ khưu ni đối với vị tỳ khưu có những hành động khiêm nhã như rảy nước, cởi ra cho thấy thân thể, cho thấy đùi, v.v... là loại hành sự này (*Sdd.* 1404-1409).

² Hành sự với lời đề nghị - sự nhận vào: là trường hợp vị tỳ khưu *ācāriya* sau khi giảng giải về các pháp chương ngại trong hành sự tu lên bậc trên cho giới tử rồi gọi người ấy đi vào trong hội chúng để cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên: ‘*Suṇātu me bhante saṅgho, itthannāmo itthannāmassa āyasmato upasampadāpekkho, anusitṭho so mayā. yadi saṅghassa pattakallaṃ, itthannāmo āgaccheyyāti, ‘āgacchāhīti’ vattabbo’* (*Sdd.* 1409). Xem chi tiết ở TTPV tập 04, chương I, trang 235; TTVN tập 04, trang 185.

³ Hành sự với lời đề nghị - sự mời ra: là trong khi đang phán xét sự tranh tụng bằng lối đại biểu, các vị tỳ khưu dùng lời thông báo để mời ra vị tỳ khưu là Pháp sư nhưng kiến thức của chính vị ấy không được truyền thừa, không biết sự phân tích về giới bốn, v.v... (*VinA.* vii, 1410). Xem chi tiết ở *Cullavagga – Tiểu Phẩm* tập 1, TTPV tập 06, chương IV, trang 407; TTVN tập 06, các trang 354-355.

⁴ Hành sự với lời đề nghị - lễ *Uposatha*: nói đến tuyên ngôn đọc ở lễ *Uposatha*: ‘*Suṇātu me bhante saṅgho, ajj’uposatho paṇṇaraso. Yadi saṅghassa pattakallaṃ, saṅgho uposathaṃ kareyyā ti.*’ Tương tự cho trường hợp lễ *Pavāraṇā* (*VinA.* vii, 1410).

⁵ Hành sự với lời đề nghị - sự đồng ý: là trường hợp thỉnh cầu sự đồng ý của hội chúng để hỏi và đáp về Luật trong ngày lễ *Uposatha*, v.v... (*Sdd.*)

⁶ Hành sự với lời đề nghị - sự ban cho: là hành sự với tuyên ngôn cho lại y trong trường hợp sám hối tội *nissaggiya pācittiya* (*Sdd.*).

dời lui (ngày lễ *Pavāraṇā*), và hành sự có sự khác biệt về tướng trạng là thứ chín.² Hành sự với lời đề nghị hành xử chín trường hợp này.

17. Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì hành xử bảy trường hợp nào? – Sự nhận vào, sự mời ra,³ sự đồng ý,⁴ sự ban cho,⁵ sự thâu hồi (*Kaṭhina*), sự xác định (nền đất),⁶ và hành sự có sự khác biệt về tướng trạng là thứ

¹ Hành sự với lời đề nghị - sự ghi nhận tội: là trường hợp vị tỳ khuru đại diện hội chúng để ghi nhận tội cho vị tỳ khuru đã phạm tội sám hối trước hội chúng (*Sđd.*).

² Hành sự với lời đề nghị - ở hành sự có sự khác biệt về tướng trạng: Ngài Buddhaghosa đề cập đến trường hợp sám hối tội bằng cách dùng cỏ che lấp, có tuyên ngôn của hành sự như sau: ‘... ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ’ (*Sđd.* 1411) Xem chi tiết ở *Cullavagga – Tiểu Phẩm* tập 1, TTPV tập 06, chương IV, trang 373; TTVN tập 06, trang 327.

³ Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì - sự nhận vào và sự mời ra: đề cập đến trường hợp úp ngược và mở ra bình bát đối với Vaḍḍha Licchavi (*VinA. vii*, 1411) Xem chi tiết ở *Cullavagga – Tiểu Phẩm* tập 2, TTPV tập 07, chương V, các trang 59-67; TTVN tập 07, các trang 41-47.

⁴ Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì - sự đồng ý: nói về các trường hợp như sau: sự đồng ý về ranh giới không phạm tội vì xa lìa ba y, sự đồng ý về ngoại cụ, sự đồng ý về vị phân phối chỗ trú ngụ, v.v... (*VinA. vii*, 1411).

⁵ Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì - sự ban cho: nói đến trường hợp hành sự giao y *Kaṭhina* hoặc trao quyền thừa kế y của vị đã chết (*Sđd.*).

⁶ Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì - sự xác định (nền đất): Liên quan đến điều *saṅghādisesa* 6 và 7 của tỳ khuru về việc xây dựng cốc liêu và trú xá lớn (*Sđd.*).

bảy.¹ Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì hành xử bảy trường hợp này.

18. Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư hành xử bảy trường hợp nào? – Sự nhận vào, sự mời ra, sự đồng ý, sự ban cho, sự kềm chế, sự nhắc nhở, và hành sự có sự khác biệt về tướng trạng là thứ bảy.² Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư hành xử bảy trường hợp này.

19. Ở hành sự là công việc của nhóm bốn vị, bốn vị tỳ khuru trong sạch là thiết yếu đối với hành sự, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào, vị ấy là không thiết yếu đối với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự. Ở hành sự là công việc của nhóm năm vị, —nt— Ở hành sự là công việc của

¹ Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì - ở hành sự có sự khác biệt về tướng trạng: Ngài Buddhaghosa nói về sự dàn xếp bằng cách dùng cỏ che lấp có tuyên ngôn hành sự chung cho hội chúng sau khi hai vị tỳ khuru đại diện cho hai phe đã sám hối tội của phe mình (Sdd. 1412). Xem chi tiết ở *Cullavagga – Tiểu Phẩm* tập 1, TTPV tập 06, chương IV, trang 373; TTVN tập 06, trang 326.

² Ngài Buddhaghosa đề cập đến bảy loại hành sự bắt đầu là *sự mời ra* ở các loại hành sự như là hành sự khiển trách, v.v..., *sự nhận vào* ở trường hợp thu hồi hành sự của các loại hành sự trên, *sự đồng ý* là sự đồng ý về việc giáo giới tỳ khuru ni, *sự ban cho* là ban cho hình phạt *parivāsa* và hình phạt *mānatta*, *sự kềm chế* là việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu, *sự nhắc nhở* là các trường hợp nhắc nhở đến lần thứ ba được đề cập trong một số điều học, và *hành sự có sự khác biệt về tướng trạng* là nói về hành sự tu lên bậc trên và hành sự giải tội (VinA. vii, 1412).

nhóm mười vị, mười vị tỳ khưu trong sạch là thiết yếu đối với hành sự, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào, vị ấy là không thiết yếu đối với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự. Ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, hai mươi vị tỳ khưu trong sạch là thiết yếu đối với hành sự, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào, vị ấy là không thiết yếu đối với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự.

Phẩm Hành Sự là thứ nhất.

2. PHẨM ĐIỀU LỢI ÍCH

1. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

2. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các tỳ khuru hiền thiện. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

3. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

4. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm ngăn ngừa các sự oán hận trong hiện tại, nhằm trừ diệt các sự oán hận trong tương lai. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

5. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm ngăn ngừa các lỗi lầm trong hiện tại, nhằm trừ diệt các lỗi lầm trong tương lai. Đấng Như

Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

6. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm ngăn ngừa các sự sợ hãi trong hiện tại, nhằm trừ diệt các sự sợ hãi trong tương lai. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

7. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm ngăn ngừa các pháp bất thiện trong hiện tại, nhằm trừ diệt các pháp bất thiện trong tương lai. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

8. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: vì lòng thương tưởng hàng tại gia, nhằm tách rời các nhóm của những kẻ ác xấu. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

9. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

10. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp, nhằm

sự hỗ trợ Luật. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

Phẩm Điều Lợi Ích là thứ nhì.

3. PHẨM ĐÃ ĐƯỢC QUY ĐỊNH

1. Giới bốn *Pātimokkha* được quy định cho các đệ tử bởi đức Như Lai vì hai điều lợi ích: —nt— Sự đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* được quy định —nt— Sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* được quy định —nt— Lễ *Pavāraṇā* được quy định —nt— Sự đình chỉ lễ *Pavāraṇā* được quy định —nt— Hành sự khiển trách được quy định —nt— Hành sự chỉ dạy được quy định —nt— Hành sự xua đuổi được quy định —nt— Hành sự hòa giải được quy định —nt— Hành sự án treo được quy định —nt— Sự ban cho hình phạt *parivāsa* được quy định —nt— Sự đưa về lại (hình phạt) ban đầu được quy định —nt— Sự ban cho hình phạt *mānatta* được quy định —nt— Sự giải tội được quy định —nt— Sự nhận vào được quy định —nt— Sự đuổi đi được quy định —nt— Sự tu lên bậc trên được quy định —nt— Hành sự với lời công bố được quy định —nt— Hành sự với lời đề nghị được quy định —nt— Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì được quy định —nt— Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư được quy định —nt—.

Phẩm Đã Được Quy Định là thứ ba.

4. PHẨM ĐÃ ĐƯỢC QUY ĐỊNH

VỀ ĐIỀU CHƯA ĐƯỢC QUY ĐỊNH

1. Điều đã được quy định về điều chưa được quy định —nt— Điều đã được quy định thêm ở điều đã được quy định —nt— Cách hành xử Luật với sự hiện diện đã được quy định —nt— Cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đã được quy định —nt— Cách hành xử Luật khi không điên cuồng đã được quy định —nt— Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận đã được quy định —nt— Thuận theo số đông đã được quy định —nt— Theo tội của vị ấy đã được quy định —nt— Cách dùng cỏ che lấp đã được quy định nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

2. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các tỳ khưu hiền thiện. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

3. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm trừ diệt các lậu hoặc

trong tương lai. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

4. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm ngăn ngừa các sự oán hận trong hiện tại, nhằm trừ diệt các sự oán hận trong tương lai. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

5. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm ngăn ngừa các lỗi lầm trong hiện tại, nhằm trừ diệt các lỗi lầm trong tương lai. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

6. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm ngăn ngừa các sự sợ hãi trong hiện tại, nhằm trừ diệt các sự sợ hãi trong tương lai. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

7. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm ngăn ngừa các pháp bất thiện trong hiện tại, nhằm trừ diệt các pháp bất thiện trong tương lai. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

8. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: vì lòng thương tưởng hàng tại gia, nhằm tách rời các nhóm của những kẻ ác xấu. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

9. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

10. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp, nhằm sự hỗ trợ Luật. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

Phẩm Đã Được Quy Định về Điều Chưa Được Quy Định là thứ tư.

5. PHẨM CHÍNH CÁCH TỔNG HỢP

1. Chính cách tổng hợp: tổng hợp theo sự việc, tổng hợp theo sự hư hỏng, tổng hợp theo tội, tổng hợp theo duyên khởi, tổng hợp theo nhân sự, tổng hợp theo nhóm, tổng hợp theo nguồn sanh tội, tổng hợp theo sự tranh tụng, tổng hợp theo sự dàn xếp.

2. Khi sự tranh tụng sanh khởi, nếu cả hai phe đối địch của sự kiện đều đi đến, sự việc nên được cho công bố đến cả hai bên; sau khi sự việc đã được cho công bố đến cả hai bên, sự thừa nhận của cả hai bên nên được lắng nghe; sau khi đã lắng nghe sự thừa nhận của cả hai bên, cả hai bên nên được nói rằng: ‘Khi sự tranh tụng này của chúng ta được giải quyết, cả hai bên sẽ được hoan hỷ.’ Nếu cả hai bên nói rằng: ‘Chúng tôi sẽ hoan hỷ,’ hội chúng nên gánh vác sự tranh tụng ấy. Nếu tập thể là có đông kẻ vô liêm sỉ, nên giải quyết bằng đại biểu. Nếu tập thể là có đông kẻ ngu dốt, nên tìm kiếm vị nắm vững về Luật. Sự tranh tụng ấy được giải quyết bằng Pháp nào bằng Luật nào bằng lời dạy nào của bậc Đạo Sư, thì sự tranh tụng ấy nên được giải quyết theo như thế ấy.

Cần hiểu biết về sự việc. Cần hiểu biết về thể loại. Cần hiểu biết về tên gọi. Cần hiểu biết về tội vi phạm.

3. ‘Việc đôi lứa’ vừa là sự việc vừa là thể loại.
‘*Pārājika*’ vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm.

4. ‘Lấy vật không được cho’ vừa là sự việc vừa là thể loại.
‘*Pārājika*’ vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm.

5. ‘Mạng sống con người’ vừa là sự việc vừa là thể loại.
‘*Pārājika*’ vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm.

6. ‘Pháp Thượng nhân’ vừa là sự việc vừa là thể loại.
‘*Pārājika*’ vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm.

7. ‘Sự xuất ra tinh dịch’ vừa là sự việc vừa là thể loại.
‘*Saṅ ghādisesa*’ vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm.

8. ‘Sự xúc chạm cơ thể’ vừa là sự việc vừa là thể loại.
‘*Saṅ ghādisesa*’ vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm.

9. ‘Lời nói thô tục’ vừa là sự việc vừa là thể loại.
‘*Saṅ ghādisesa*’ vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm.

10. ‘Tình dục cho bản thân’ vừa là sự việc vừa là thể loại.
‘*Saṅ ghādisesa*’ vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm.

11. ‘Sự mai mối’ vừa là sự việc vừa là thể loại.
‘*Saṅ ghādisesa*’ vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm.

12. ‘Việc cho xây dựng cốc liêu do tự mình yêu cầu (vật liệu)’ vừa là sự việc vừa là thể loại. ‘*Saṅ ghādisesa*’ vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm.

13. ‘Việc cho xây dựng trú xá lớn’ vừa là sự việc vừa là thể loại. ‘*Saṇ ghādisesa*’ vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm.

14. ‘Việc bôi nhọ tỳ khuru về tội *pārājika* không có nguyên cớ’ vừa là sự việc vừa là thể loại. ‘*Saṇ ghādisesa*’ vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm.

15. ‘Việc bôi nhọ tỳ khuru về tội *pārājika* sau khi nắm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhất thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt’ vừa là sự việc vừa là thể loại. ‘*Saṇ ghādisesa*’ vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm.

16. ‘Việc không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị tỳ khuru là người chia rẽ hội chúng’ vừa là sự việc vừa là thể loại. ‘*Saṇ ghādisesa*’ vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm.

17. ‘Việc không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của các vị tỳ khuru là những người ủng hộ kẻ chia rẽ (hội chúng)’ vừa là sự việc vừa là thể loại. ‘*Saṇ ghādisesa*’ vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm.

18. ‘Việc không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị tỳ khuru khó dạy’ vừa là sự việc vừa là thể loại. ‘*Saṇ ghādisesa*’ vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm.

19. ‘Việc không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị tỳ khuru là kẻ làm hư hỏng các gia đình’ vừa là

sự việc vừa là thể loại. ‘*Saṅ ghādisesa*’ vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm.

—nt—

20. ‘Việc đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng’ vừa là sự việc vừa là thể loại. ‘*Dukkaṭ a*’ vừa là tên gọi vừa là tội vi phạm.

Phẩm Chín Cách Tổng Hợp là thứ năm.

TÓM LƯỢC NHÓM NĂM PHẨM:

1. Lời công bố, và lời đề nghị, thứ nhì, và đến lần thứ tư, sự việc, lời đề nghị, lời tuyên bố, ranh giới, và luôn cả tập thể nữa.

2. Hiện diện, và sự thẩm vấn, sự thú nhận, vị xứng đáng về Luật, sự việc, hội chúng, và cá nhân, (thiếu) lời đề nghị, và lời đề nghị sau.

3. Sự việc, hội chúng, và nhân sự, sự tuyên bố, và sái thời, quá nhỏ, và lớn rộng, bị gián đoạn, bóng râm, các điểm mốc.

4. Ở bên ngoài, dòng sông, và ở biển, ở hồ nước, và gôi lên, trù lên ranh giới (cũ), các nhóm bốn và năm.

5. Mười, và nhóm hai mươi, không được đem lại, và đã được đem lại, các vị thiết yếu với hành sự, các vị xứng đáng gởi tùy thuận, và các vị xứng đáng hành sự.

6. Lời công bố có năm trường hợp, lời đề nghị có chín trường hợp, lời đề nghị đến lần thứ hai có bảy trường hợp, đến lần thứ tư có bảy trường hợp.

7. Sự tốt đẹp, sự an lạc, đối với các kẻ ác xấu, các vị hiền thiện, và luôn cả các lậu hoặc, sự oán hận, lỗi lầm, và luôn cả sự sợ hãi, điều bất thiện, và đối với hàng tại gia.

8. Có ước muốn ác xấu, đối với những người không niềm tin, đã tin tưởng, việc duy trì Chánh Pháp, và luôn cả sự hỗ trợ Luật, và với việc đọc tụng giới bốn Pātimokkha.

9. Và về sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha, sự đình chỉ lễ Pavāraṇā, (hành sự) khiển trách, và chỉ dạy, xua đuổi, và hòa giải.

10. Án treo, và hình phạt parivāsa, từ ban đầu, hình phạt mānatta, việc giải tội, việc nhận vào, việc đuổi đi, tương tự y như thế là việc tu lên bậc trên.

11. Sự công bố, và lời đề nghị, và lần thứ nhì, lần thứ tư, điều chưa được quy định, điều được quy định thêm, cách hành xử Luật với sự hiện diện, sự ghi nhớ.

12. Khi không điên cuồng, được thừa nhận, thuận theo số đông, theo tội, cách dùng cỏ che lấp. sự việc, điều hư hỏng, tội vi phạm, duyên khởi, và với nhân sự.

13. Và luôn cả các nhóm (tội), các nguồn sanh khởi, và luôn cả sự tranh tụng nữa, các sự dàn xếp, và luôn cả sự tổng hợp, tên và tội vi phạm là tương tự.

TẬP YẾU ĐƯỢC CHẤM DỨT.

1. Sau khi hỏi đường lối của các vị thầy tiền bối ở nơi này nơi khác, bậc có đại trí tuệ tên là Dīpa, vị ghi nhớ điều đã nghe, có tâm nhìn bao quát.

2. Sau khi suy nghĩ rồi đã cho ghi lại bộ sách này một cách chi tiết và tóm tắt, đem lại niềm an lạc cho các vị học trò với đường lối học tập về Trung Đạo.

3. Tập ấy được gọi là 'Tập Yếu,' với tất cả các sự việc, cùng với điểm đặc biệt, có ý nghĩa theo ý nghĩa ở Chánh Pháp, có giáo lý theo giáo lý ở điều quy định.

4. Vị ấy đã bao trùm lời giáo huấn, như là biển cả bao quanh xứ Jambu-dīpa, trong khi không hiểu được bộ Tập Yếu, làm sao xác định pháp?

5. Điều hư hỏng, sự việc, điều quy định, điều quy định thêm, nhân vật, một (hội chúng), và luôn cả hai phái, việc quy định vì thế gian, do lỗi lầm.

6. Đối với vị nào có hoài nghi sanh khởi, thì được dứt bỏ nhờ Tập Yếu, là vị Chuyển Luân Vương ở đoàn quân vĩ đại, ví như con sư tử giữa bầy thú rừng.

7. Là mặt trời tỏa ánh hào quang, giống như mặt trăng ở nơi chòm sao, là vị Phạm Thiên nơi tập thể Phạm Thiên, tựa như vị lãnh đạo ở giữa tập thể, cũng vậy Chánh Pháp và Luật chói sáng nhờ bộ Tập Yếu.

--ooOoo--
